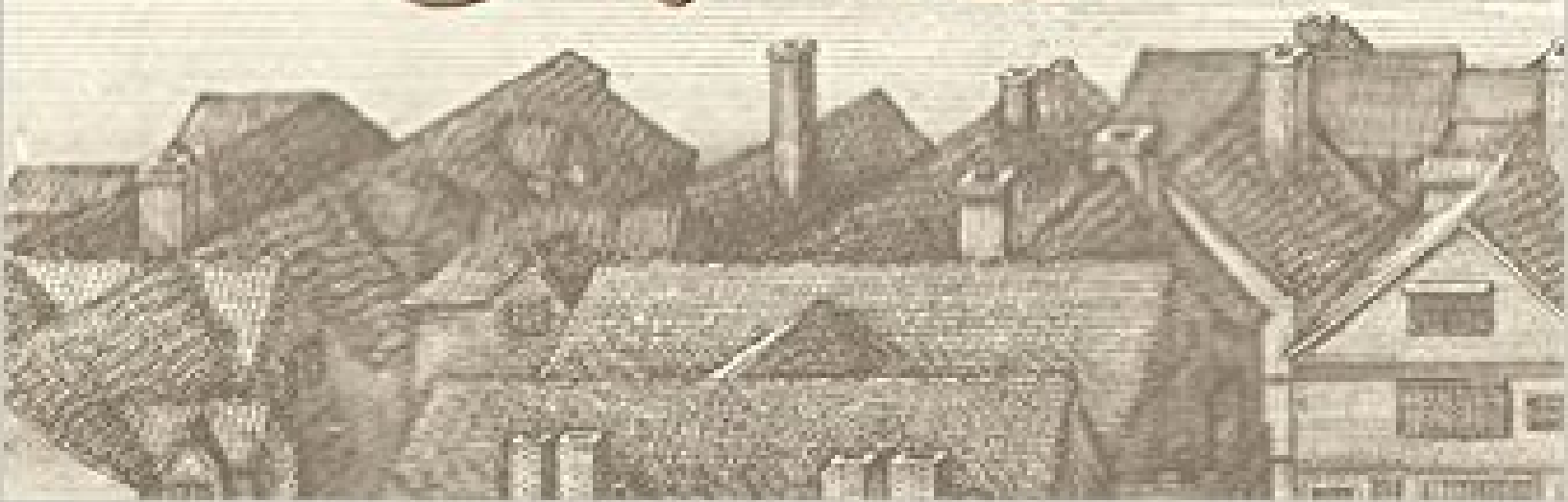




I, Coriander

sally gARDNER



Tôi là Coriander

Sally Gardner

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Phần I

- 1. Một câu chuyện để kể
- 2. Con cá sấu nhồi
- 3. Đôi hài bạc
- 4. Đôi cánh quạ
- 5. Cơn sốt
- 6. Chuỗi ngọc trai

Phần II

- 7. Chiếc bóng tiên
- 8. Điều sẽ đến
- 9. Giậu đồ bìm leo
- 10. Tin dữ
- 11. Những lời già biệt
- 12. Bàn tay thịnh nộ

Phần III

- 13. Medlar
- 14. Tia sáng xanh
- 15. Hoàng tử Cáo
- 16. Những con mắt thêu
- 17. Thế giới bị đánh mất

Phần IV

- 18. Tiếng thét kinh hoàng
- 19. Những nút thắt thời gian
- 20. Hester
- 21. Bà phu nhân lạ mặt
- 22. Ngọn lửa xanh

Phần V

- 23. Những lời thú nhận
- 24. Cơn bão
- 25. Bộ quần áo mới
- 26. Dấu răng
- 27. Sợi dây vô hình

Phần cuối

- 28. Đêm của cáo
- 29. Ánh sáng của chiếc bóng
- 30. Ngọt ngào và cay đắng
- 31. Trở về
- 32. Những ngón tay xinh xẻo nhất đời
- 33. Đức vua vạn tuế
- 34. Người vợ hoàn hảo
- 35. Tên hề và bộ tóc giả

Bối cảnh lịch sử

- [1]
- [2]
- [3]
- [4]
- [5]
- [6]
- [7]
- [8]

Giới thiệu về nội dung

Tác phẩm đoạt Giải thưởng *Nestle Children's Book 2005*. Một câu chuyện về sự trưởng thành sớm, một bi kịch về những nỗi đau và sự sợ hãi, về lòng trung thành và tình yêu đầu tiên.

Tất cả diễn ra trên nền tảng của một thời kỳ lịch sử đầy biến động của nước Anh thế kỷ XVII. Một sự hoà trộn khéo léo giữa tiểu thuyết lịch sử và cổ tích thần tiên chân chính kéo dài suốt 15 năm trong cuộc đời của *Coriander Hobie*, con gái của một thương gia London và người vợ là một nàng tiên dịu hiền. Tuổi thơ thanh bình của cô bé chấm dứt khi mẹ mất, bố bỏ đi, để lại *Coriander* với người mẹ kế - một bà goá móm ngoác với một giáo sĩ đạo Thanh giáo chính thống nhằm hãm hại cô bé.

"Tôi là *Coriander Hobie*.

Tôi sinh ra vào năm 1643, con gái duy nhất của *Thomas* và *Eleanor Hobie*, tại biệt thự của chúng tôi bên dòng sông Thames, London. Những năm đầu tiên tôi nhớ chỉ toàn những niềm vui và hạnh phúc, trước khi tôi biết thế giới này có nhiều điều xấu xa như thế, số phận của tôi lại có lúc bị nhốt trong hòm và bị bỏ mặc cho tới chết

Đây là câu chuyện của đời tôi".

Một ngày, *Coriander* nhận thấy, cô có thể đi đến xứ sở thần tiên, nơi *Coriander* phát hiện ra rằng, mẹ cô đến từ một xứ sở thần tiên chứ không phải từ thành London bụi bặm cổ xưa. Và rằng bản thân cô đã được thừa hưởng một số khả năng bí ẩn của mẹ...

"Tôi quay lại nhìn cái phòng ngủ. Nhìn từ một khoảng cách rất xa, sàn nhà đã trở thành biển và cái giường trở thành con tàu. Tôi nghe thấy những tiếng gọi tên tôi từ xa thẳm. Có thể tôi mơ, có thể không. Đó là một hình ảnh đã ám ảnh tôi, và tôi thường tự hỏi điều gì có thể xảy ra nếu tôi đã làm theo những điều tôi được bảo và bỏ đôi giày bạc ở lại một mình. Liệu có chuyện gì không ổn?".

Dịch chuyển từ nước Anh tới thế giới của mẹ cô bằng một đôi giày bằng bạc, *Coriander* đã chiến đấu để giành lại được những tài sản đã mất, giải thoát một hoàng tử đang bị bắt làm nô lệ, chiến thắng mụ phù thuỷ xấu xa, và phải làm một việc khó nhất trong tất cả các việc: quyết định thế giới mà cô sẽ gắn bó suốt đời...

Những bạn đọc yêu truyện thần tiên lãng mạn sẽ thích thú bởi sự thừa kế hai dòng máu trong *Coriander*, cho phép cô vừa kính trọng người cha thuộc thế giới loài người mà vẫn có được một hoàng tử thần tiên của riêng mình. Còn những người hâm mộ tiểu thuyết lịch sử sẽ thấy ngưỡng mộ những mô tả lộng lẫy về hình ảnh, âm thanh và mùi vị của London thế kỷ 17, qua giọng kể có phần trang trọng của *Coriander* và các nhân vật phụ...

Sally Gardner đã viết nên một câu chuyện ly kỳ và xúc động, pha trộn hiện thực lịch sử, những nhân vật rất thật và những chiều không gian mơ hồ kỳ ảo, đôi khi khắc nghiệt của thế giới.

Mục lục

Phần I

1. Một câu chuyện để kể
2. Con cá sấu nhồi
3. Đôi hài bạc
4. Đôi cánh quạ
5. Cơn sốt
6. Chuỗi ngọc trai

Phần II

7. Chiếc bóng tiên
8. Điều sẽ đến
9. Giậu đồ bìm leo
10. Tin dữ
11. Những lời già biệt
12. Bàn tay thịnh nộ

Phần III

13. Medlar
14. Tia sáng xanh
15. Hoàng tử Cáo
16. Những con mắt thêu
17. Thế giới bị đánh mất

Phần IV

18. Tiếng thét kinh hoàng
19. Những nút thắt thời gian
20. Hester
21. Bà phu nhân lạ mặt
22. Ngọn lửa xanh

Phần V

23. Những lời thú nhận

24. Con bão

25. Bộ quần áo mới

26. Dấu răng

27. Sợi dây vô hình

Phần cuối

28. Đêm của cáo

29. Ánh sáng của chiếc bóng

30. Ngọt ngào và cay đắng

31. Trở về

32. Những ngón tay xinh xẻo nhất đời

33. Đức vua vạn tuế

34. Người vợ hoàn hảo

35. Tên hề và bộ tóc giả

Bối cảnh lịch sử

Phần I

1. Một câu chuyện để kể

Đã về đêm. Ngôi nhà cũ bên bờ sông cuối cùng cũng trở nên yên tĩnh. Đứa bé thôi khóc. Nó đã được ru ngủ. Chỉ còn tiếng sóng sông Thames vỗ nhẹ ngoài cửa sổ phòng tôi. London bọc mình trong giấc ngủ say, đợi người gác đêm báo ngày mới đến.

Tôi thắp ngọn đèn đầu tiên trong bảy cây nến dành để viết lại câu chuyện của mình. Trên mặt bàn cạnh tôi, chiếc túi đựng chuỗi ngọc trai của mẹ nằm bên chiếc hộp bằng gỗ mun. Trong hộp cất giữ báu vật mà đến tận bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu được. Kế đó, đang tỏa sáng lấp lánh tựa mặt trăng, là một đôi hài bằng bạc.

Tôi có bao chuyện để kể: tại sao tôi lại có được đôi hài bạc và nhiều chuyện khác. Và bởi vì đây là câu chuyện của tôi, cũng là một câu chuyện cổ tích, nên tôi sẽ bắt đầu bằng: *Ngày xưa...*

Tên tôi là Coriander Hobbie [1], con duy nhất của Thomas và Eleanor Hobbie, chào đời trong chính ngôi nhà này vào năm Thiên Chúa 1643. Ngôi nhà nằm gần kề bên cầu London với dòng sông chảy ngang qua dưới khung cửa sổ sau nhà. Phía trước là khu vườn của mẹ, một khu vườn có tường bao quanh từng một thời xiết bao đẹp đẽ và xanh tốt. Cánh cổng vườn bằng gỗ mở ra thẳng với con phố ồn ào bên ngoài. Khu vườn giờ chỉ còn cỏ dại mọc đầy. Nó đã bị bỏ hoang quá lâu. Trước kia, nơi đây ngập tràn hoa và thảo mộc với mùi hương đủ làm thơm ngát cả dòng Thames. Nhưng giờ chỉ còn hương thảo, tầm ma, tầm xuân và mâm xôi thì nhau chiếm làm lãnh địa riêng.

Chính khu vườn lạ lùng này, loại vườn mà chưa có người hàng xóm nào từng thấy, đã dặt nên những lời đàm tiếu đầu tiên về mẹ. Khu vườn là món quà cha tặng mẹ. Ông còn xây cho bà một phòng chung cất xinh xắn dựa vào tường nhà chính. Mẹ tôi, với dáng vẻ trầm lặng thường thấy của bà, am tường về thảo mộc và công dụng của chúng hơn bất kỳ ai. Cùng chị hầu gái Mary Danes, bà thường dành nhiều giờ liền ở trong phòng chung cất, tạo ra đủ loại thuốc rồi đổ vào trong những chiếc lọ bé xíu. Khi còn nhỏ, tôi thường trốn trong váy mẹ, nghe lỏm những người bạn hay hàng xóm đến kể lể về bệnh tật như thể đem tới những bó hoa đau đớn, để rồi được chữa lành bằng một trong những phương thuốc của mẹ. Sau này, khi tôi quá lớn để trốn dưới váy mẹ thì họ đến hỏi mẹ tôi về những chuyện khác. Tiếng tăm là một người đàn bà kỳ quái biết ma thuật của mẹ đã lan xa như bông kể bị thổi bởi ngọn gió nóng hổi của những chuyện ngồi lê đôi mách.

Những ký ức đầu tiên của tôi là về khu vườn và về một thứ nữa: căn phòng cũ của tôi. Căn phòng với những bức tường mà mẹ đã vẽ lên bao khung cảnh thần tiên và những con thú chỉ có trong tưởng tượng. Bên dưới mỗi bức tranh là nét chữ hoa mỹ của mẹ, kể lại một câu chuyện mà lời kể cũng rực rỡ như màu sắc trong tranh. Khi còn nhỏ tôi thường di ngón tay theo từng nét chữ để cảm nhận những dòng chữ mỏng manh trên nền gỗ và thì thầm đọc những cái tên như thể chúng là lời bùa chú giữ không cho tai họa lại gần. Những bức vẽ ấy, cũng như hoa thơm ngoài vườn, giờ không còn nữa. Tất cả đã bị xóa sạch. Chỉ còn lại một chút dấu mờ của nhũ vàng. Chúng vẫn luôn tỏa sáng như ký ức.

Trước kia tôi thường tin rằng cuộc đời mẹ cũng bắt đầu cùng với sự ra đời của tôi. Trước khi tôi xuất hiện trên đời, chẳng có gì tồn tại cả. Chẳng còn gì, cho đến cái ngày hạ chí khi cha tôi, Thomas Hobbie, lần đầu gặp mẹ tôi đứng dưới một cây sồi bên con đường quê.

Đây là câu chuyện cha kể cho tôi, cũng là câu chuyện mà tôi thích nhất. Khi còn là một

thương nhân trẻ đầy mơ mộng, cha dồn hết số tiền khó nhọc kiếm được cùng tài sản ông nội để lại vào một con tàu tới Constatinople. Ông hy vọng nó sẽ quay về cùng hàng súc tơ lụa. Nhưng than ôi, cái ông nhận được là tin con tàu đã biến mất trong một cơn bão biển khủng khiếp, và giờ ông chẳng còn gì ngoài bộ đồ đang mặc trên người.

Tuyệt vọng, cha rời thành phố và đi bộ gần mười dặm về nông thôn xem may ra có thể vay mượn chút gì một người họ hàng xa, ngài Stoop. Tới nơi, cha mới biết ông Stoop đã từ bỏ những vật lộn không ngừng của cuộc đời, bước vào thế giới tĩnh mịch của người chết, để lại người vợ góa và bảy con nhỏ.

Cha không còn bụng dạ nào hỏi xin bất kỳ thứ gì. Sau khi chia buồn với bà quả phụ, ông rầu rĩ lên đường về London, phó mặc số phận.

Trời đã muộn khi ông gặp một người đàn ông lạ lùng với bộ râu dài thắt lại thành búi, tay xách một chiếc đèn lồng tròn như mặt trăng. Người lạ mặt nói với cha tôi rằng ông ta vừa bị một kẻ cướp đường lột sạch và chỉ còn lại có chiếc đèn. Cha tôi rất thông cảm với ông và đưa ông chiếc áo khoác để chống chọi cái rét thấu xương. Ông lão nhận chiếc áo về đầy biết ơn.

- Con trai, vàng bạc châu báu cũng không quý bằng đi trên đường đời với một trái tim luôn biết rộng mở và yêu thương. - Ông ta nói, - Ngày mai, lòng tốt của con sẽ được đền đáp xứng đáng.

Cha tôi chúc ông lão mạnh khỏe và không gặp phải điều bất trắc nào nữa. Rồi cha tiếp tục hành trình vô định, chỉ có ánh trăng soi đường. Một cơn sóng mỗi một đồ ập tới, cha nằm xuống và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, chưa đi được bao xa thì cha nhận ra mình bị lạc. Trong ánh bình minh, mọi vật đều có vẻ khác lạ.

Tôi đã nghe câu chuyện này nhiều lần đến nỗi có thể tự nhắc lại từng từ một. Và cứ tới đoạn này, bao giờ tôi cũng ngắt lời cha:

- Nhưng cha đang đi đúng đường mà!

Ông bèn cười và đáp:

- Con đường đó dẫn cha đến với mẹ con, làm sao là đường sai được?

Trong suy nghĩ trẻ con của tôi thì dường như cha đã gặp và cưới mẹ chỉ trong vòng có một ngày. Họ quay về thành phố sau lễ cưới để rồi được chào đón bởi cái tin đáng kinh ngạc: con tàu của cha đã cập bến an toàn với đầy tơ lụa hảo hạng.

Từ ngày ấy trở đi, cuộc đời của cha như được phù phép trong tình yêu và vận may. Không có tàu của nhà buôn nào thuận buồm xuôi gió đến thế. Không cướp biển, chiến tranh hay bão tố, tàu của cha căng buồm trên mặt biển yên bình mà không hề gặp cản trở, đem về những của nả xứng cho một vị vua. Không lâu sau, cha đã đủ giàu để xây cho chúng tôi ngôi nhà bên bờ sông này, nơi gia đình tôi sống trong xa hoa với một đầu bếp và nhiều người hầu, còn có cả Sam, người học việc trung thành của cha nữa.

Tôi không hề thấy ngạc nhiên là tất cả những chuyện ấy đã xảy ra quá nhanh. Chưa bao giờ tôi có ý nghĩ hỏi xem gia đình mẹ tôi nghĩ gì khi con gái họ lấy một anh chàng không xu dính

túi hay thậm chí liệu mẹ có một gia đình để nghỉ ngơi hay không. Tất cả những câu hỏi này cũng bao điều thắc mắc khác chỉ đến với tôi sau này, khi chẳng còn ai để hỏi nữa.

Cha tôi có hai bức chân dung nhỏ vẽ hình cha và mẹ ít ngày sau đám cưới. Chân dung mẹ vẽ bà vận y phục màu kem được thêu rất đẹp, đính vô số hạt ngọc trai nhỏ xíu lấp lánh. Tôi tưởng tượng mẹ trông cũng giống như khi cha tôi nhìn thấy bà lần đầu tiên vào cái ngày mùa hạ dưới bóng cây sồi ấy. Tóc mẹ cài những bông hoa dại và trên tay bà cầm một chiếc lá sồi.

Khung cảnh trong tranh luôn làm tôi mê mẩn. Nó giống như bạn là một con chim từ trên cao tít nhìn xuống mặt đất trải dài phía dưới. Kia, trong một rừng sồi, là một khoảng rừng trống với một tòa nhà lớn và khu vườn được trồng trọt, cắt tỉa theo đúng kiểu. Xa xa, một ngọn tháp cao vượt hẳn những ngọn sồi. Tôi có thể thấy một dáng người trên đỉnh tháp nhìn xuống cảnh vật bên dưới như đang tìm kiếm một vật hay một người nào đó. Bên bìa rừng là một đám người đi săn cùng đàn chó. So với ngôi nhà và ngọn tháp, trông họ to lớn một cách kỳ lạ. Một con chim ưng đậu trên cánh tay của một trong số các kỵ sĩ. Tôi ngắm bức tranh rất nhiều lần trước khi nhận thấy có một con ngựa trắng và một con cáo trốn trong bụi rậm. Bởi một nguyên nhân nào đó mà tôi không sao giải thích nổi, phát hiện này làm tôi lo lắng vô cùng. Nó khiến tôi thấy bất an, như thể không có gì là yên ổn vậy.

Trong bức chân dung, cha tôi trông trẻ và đẹp trai. Mặt cạo nhẵn nhụi, ông mặc quần ống bó và một chiếc áo sơ mi bằng vải lanh được thêu giống như váy của mẹ. Cảnh vật phía sau ông thì không mấy khác lạ. Đó là quang cảnh một thành phố với dòng sông chảy ngang qua như một dải băng màu xanh ngọc. Bạn có thể nghĩ đó là London cũng được, chỉ khác một điều là những ngôi nhà được sơn màu rất rực rỡ, dưới nước có những mỹ nhân ngư cùng thủy quái chen giữa một hạm đội tàu lớn với cánh buồm vàng rực căng gió.

Ngay từ ngày ấy, tôi đã thấy hai bức chân dung nhỏ cổ đến lạ lùng, như thể chúng được vẽ từ lâu, rất lâu trước kia, trong một thế giới hoàn toàn khác. Giờ thì tôi đã hiểu ý nghĩa của chúng. Tôi đã hiểu tại sao mẹ im lặng, và tại sao, trong thời khắc đen tối nhất của tôi, quá khứ của bà đã kêu gọi tôi, dẫn tôi trở về với một điều không thể chối bỏ lâu hơn.

2. Con cá sấu nhồi

Tôi không nhớ gì về phiên tòa xét xử vua Charles I. Tôi không biết nội chiến nghĩa là gì. Những sự kiện lớn như thế trong dòng lịch sử chỉ lướt qua tôi. Những gì tôi nhớ được là cảm giác an toàn và được yêu thương, mùi nước hoa của mẹ, được thức muộn cùng cha mẹ trong khi ông bà dùng bữa tối, rồi ngủ thiếp đi trong vòng tay mẹ. Tôi có thể kể cho các bạn nghe rất nhiều về những cái hôn của bà. Còn chuyện cha mẹ tôi nói với nhau thì tôi chẳng kể được mấy, ngoại trừ một điều là rõ ràng nó làm họ buồn.

Sự thật là tôi không hiểu những sự kiện trọng đại nào đang xảy ra, hay chúng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng tôi như thế nào. Thế giới của tôi xoay quanh những điều nhỏ bé hơn. Một con cá sấu nhồi, một anh thợ cạo bị chết đuối, một đôi hài bằng bạc đối với tôi cũng lạ lùng như một ông vua bị mất đầu.

Ngày tháng giêng đó có tuyết rơi và dòng sông đã bắt đầu đóng băng. Tôi hăm hở chạy đi tìm chị Danes để báo tin này và thấy chị đang khóc. Riêng điều này đã là bất thường rồi, vì chị Danes không hay khóc.

- Thật chẳng khác gì là giết người, chị vừa nói vừa lau nước mắt.

- Ai bị giết hở chị Danes? – Tôi hỏi, lòng đầy tò mò.

- Nhà vua. – Chị trả lời. – Rõ là một việc làm xấu xa, nó sẽ chẳng đem đến điều gì tốt đẹp hết.

- Ai đã làm việc gì cơ?

- Oliver Cromwell và đao phủ của hắn. – Chị Danes đáp. – Thật khủng khiếp! Ai mà ngờ nổi là chúng ta phải sống để chứng kiến cảnh nhà vua của mình bị chặt đầu cơ chứ?

- Chị nhìn thấy à? – Tôi hỏi.

- Không, không, nhưng ông thợ may Thankless thì có. Ông ấy bảo đó là cảnh đáng buồn nhất mà ông ấy xui xẻo phải chứng kiến. Chúng giờ cao đầu nhà vua lên cho tất cả thấy và đám đông kêu lên, một tiếng kêu London chưa từng nghe thấy. Chúng ta đang phải sống trong những ngày đen tối, chim sẻ nhỏ của chị.

Đang là mùa đông nên tôi nghĩ hẳn là chị nói đúng.

Chị Danes hỉ mũi.

- Đức vua đã chết. – Chị rầu rĩ nói. – Đức vua muôn tuổi.

- Làm sao một người lại có thể vừa đã chết lại vừa muôn tuổi được? – Tôi hỏi. Đó có vẻ là một điều rất khó thực hiện.

- Bởi vì, - chị Danes đáp, - con trai người, thái tử Charles vẫn còn sống, và ơn Chúa, thái tử nhất định sẽ kế tục ngai vàng.

Đó là một mùa đông giá buốt, và tuyết phủ kín London trong tấm chăn màu trắng dày đến nỗi một sự im lặng kỳ quái bao trùm cả thành phố. Những bánh xe nước vĩ đại ở hai đầu cầu thời không quay ầm ầm nữa và đã lủng lảng các nhũ băng khổng lồ, trong khi dòng sông bắt đầu đông cứng lại. Cha Già Thames trông như thể đang nuôi một bộ râu dài trắng toát.

Một khu chợ Sương Giá mau chóng được dựng trên mặt sông đóng băng, với những sạp hàng căng bạt bán đủ thứ tuyệt vời: gừng tây, mũ, đăngten, nồi chảo, kim khâu, bi ve, búp bê, con quay, bánh gừng, hạt dẻ rang. Các quán rượu ầm ĩ thì đầy thức ăn và rượu bia, đến tận đêm khuya tôi vẫn còn nghe thấy tiếng ca hát, hò hét ngoài cửa sổ và ngửi thấy mùi bánh nóng lôi kéo những khách bộ hành bước lên mặt băng.

Ông thợ cạo Mullins sống gần nhà tôi ở Cheapside là một trong những người đầu tiên dám đi lên băng. Ông dựng cái lều nhỏ sọc đỏ và trắng của mình lên và mời chào khách hàng, hứa hẹn họ sẽ có bộ mặt được cạo nhẵn nhụi nhất London. Từ bờ sông, mọi người sợ hãi nhìn ông thợ cạo, tự hỏi không biết lớp băng trên mặt sông đã đủ dày để đi lại chưa.

- Tới đây thôi! – Ông Mullins kêu lên. – Nó cứng như đá ấy, có thể đỡ cả Quỷ Satăng ấy chứ!

Để chứng minh cho lời mình, ông nhảy huỳnh huych trên mặt băng phẳng lì như gương.

- Ông Mullins khờ quá. – Mẹ tôi nói khi băng trên sông Thames bắt đầu nứt, và chúng tôi nhìn tất cả những người bán hàng khác nhào lên bờ. Ông Mullins không chịu đi. Khi không có người khách nào dám đi trên băng tới chỗ ông, ông gào lên với họ từ lều của mình:

- Các vị còn chờ gì nữa? Tôi có thứ thuốc tốt nhất thành phố dành cho những cái đầu hói đấy!

Ông Mullins trở thành đề tài bàn tán của cả phố, không phải vì thứ thuốc chữa hói đầu mà vì cái cách ông ta rơi thẳng qua lớp băng xuống nước, cùng với tất cả xô chậu và dao cạo.

Tôi hỏi chị Danes ông ta rồi sẽ ra sao.

- Lão già rồ dại. – Chị nói. – Chắc hẳn lão đã dựng lều dưới đáy sông, lại mở cửa để làm ăn và đưa chuyện rồi.

Từ đó về sau tôi cứ tưởng tượng ra ông Mullins đang cắt tóc cho các mỹ nhân ngư và rửa râu cho thủy quái. Với ý nghĩ đó định ninh trong đầu, tôi không băn khoăn gì thêm về ông thợ cạo nữa, mà chỉ lấy làm tiếc là ông ta đã không theo cả con cá sấu nhồi.

Con cá sấu của thuyền trưởng Bailey tặng cha tôi. Ông ta mua nó ở tận Trung Quốc. Nó nằm đó, đầy hăm dọa trên nóc chiếc tủ gỗ mun trong phòng làm việc. Chìa khóa đặt giữa bộ hàm trắng ớn với những chiếc răng sắc nhọn.

Tôi luôn bị mê hoặc bởi những vật báu chứa trong chiếc tủ, nào là vỏ ốc mà khi áp lên tai thì có thể nghe được tiếng đại dương, một chiếc mai rùa tí xíu, nào là những con bướm có đôi cánh màu xanh lơ huy hoàng. Nhưng khi nhìn thấy con cá sấu thì tôi òa khóc, tin chắc nó là con vật sống thực. Trông nó có vẻ rất tức tối và không thích thú chút nào vì đã bị nhồi.

- Nó chỉ là một con cá sấu con thôi. – Cha nói và cầm nó lên cho tôi xem. – Nó không cắn đâu.

Tôi không muốn lại gần nó. Tôi biết nó đang bí mật đợi và chỉ chờ chúng tôi ra khỏi phòng

là lập tức sống lại.

Ý nghĩ đó làm tôi kinh hoàng và khiến tôi mơ thấy những cơn ác mộng khủng khiếp đến nỗi chị Danes phải tắt tất cả nến trong phòng vào ban đêm để có thể chắc là con cá sấu không vào được. Nhưng chị không bao giờ gọi tôi là đứa nhát gan, và trong thâm tâm tôi cảm thấy chị cũng sợ con cá sấu như tôi vậy.

Cuối cùng mùa đông cũng qua đi và mùa xuân đến, khiến tất cả mọi người ngạc nhiên thích thú. Những cánh cửa sổ được mở tung, thảm được đem ra đập cho sạch bụi, như thể ngôi nhà của chúng tôi là một tấm chăn lớn đang được rũ cho hết chấy rận. Mọi thứ được cọ rửa và lay chùi, đánh bóng cho đến khi khắp nhà toàn mùi hoa oải hương và sáp ong. Những bó hoa tươi được đặt trong tất cả các phòng. Tất cả quần áo đều được đem hong, đồ vải lanh đem giặt và ông thợ may Thankless được mời đến. Những bộ đồ mới được may, còn đồ cũ thì được sửa lại.

Giữa tất cả những sự nhộn nhịp ấy, một điều rất lạ đã xảy ra. Một cái gói được đem bỏ ở ngoài cổng vườn. Trên cái gói không có tên và cũng không dấu hiệu nào cho biết nó từ đâu đến. Cái gói bí ẩn được đem vào nhà và đặt trên bàn trong tiền sảnh. Mỗi lần nhìn thấy nó nằm đó là tôi lại nôn nao hồi hộp.

Cuối cùng thì mẹ cũng mở nó ra, cẩn thận kiểm tra xem có dấu hiệu nào chứng tỏ nó được gửi cho ai không. Bên trong cái bọc là một đôi hài trẻ con bằng bạc tuyệt đẹp. Chúng có những mũi khâu nhỏ xíu bằng chỉ bạc và ở gót có thêu chữ C. Tôi biết đôi hài dành cho tôi.

- Cho con thử được không? – Tôi hỏi, nhảy cẫng lên vì vui sướng.

Mẹ không nói gì, chỉ đem đôi hài đến bên cửa sổ để xem cho kỹ. Chúng tỏa sáng lấp lánh như được làm bằng thủy tinh. Chúng thì thầm với tôi: “Hãy lồng chúng tôi vào đôi chân xinh xắn của cô đi.”

- Xin mẹ! – Tôi kéo váy mẹ nài. – Cho con thử đi mà!

- Mẹ nghĩ không được đâu. – Mẹ tôi lặng lẽ đáp. Bà đem đôi hài trở lại bàn và bọc chúng trở lại trước cặp mắt kinh ngạc của tôi.

Nhìn thấy đôi hài biến mất như thế quả thật quá sức chịu đựng của tôi. Như thể tim tôi chắc chắn sẽ vỡ tan nếu không được chúng.

- Chúng được dành cho con mà. – Tôi nói một cách tuyệt vọng. – Chúng có chữ C ở đế. C là chữ viết tắt của Coriander.

- Mẹ đã bảo là không được. – Mẹ tôi nói. Giọng bà có một vẻ gay gắt mà tôi chưa từng nghe thấy. Điều ấy khiến tôi hoảng hốt, bởi tôi không hiểu nổi tại sao một món quà tuyệt vời đến thế lại có thể làm mẹ gắt gỏng như vậy.

- Mẹ xin lỗi, Coriander. – Mẹ nói, giọng dịu dàng hơn. – Nhưng đôi hài này không phải để cho con đâu. Hãy kết thúc chuyện này ở đây.

Đó không phải là sự kết thúc. Nó mới là đoạn khởi đầu.

Tôi cảm thấy việc không có được đôi hài giống như bị giày vò bởi một cơn đói không bao

giờ điệu. Tôi biết chúng vẫn còn ở trong nhà. Tôi dám chắc có lúc nghe thấy chúng gọi, và mỗi lần tôi đi theo tiếng gọi thì nó luôn dẫn tôi đến cửa buồng làm việc của cha tôi.

Hóa ra, thứ tôi nên sợ không phải là con cái sấu mà lại chính là đôi hài bạc ấy. Chúng tới từ một vùng đất không con tàu nào tới được, một nơi không có trên bất kỳ tấm bản đồ nào của thế giới này. Chỉ có những người thuộc về nơi ấy mới tìm được nó.

3. Đôi hài bạc

Có gì đó thay đổi ở mẹ từ sau khi đôi hài bạc xuất hiện. Mẹ có vẻ lo lắng và không còn để tôi rời khỏi tầm mắt. Rồi một chuyện lạ khác xảy ra. Lúc đó tôi đang chơi ở trong vườn. Bọn Đầu Tròn [2] đang tìm bắt tôi, thế là tôi trốn dưới chiếc ghế dài trong vườn: tôi phải trốn, vì tôi là một chàng hoàng tử đóng giả làm một cô bé. Đó là một nơi trốn rất lý tưởng. Không ai biết tôi ở đó, kể cả bọn Đầu Tròn, và tôi có thể nghe được đủ loại chuyện của người lớn. Mẹ tôi có rất nhiều bạn và khách đến thăm để hỏi xin bà một lời khuyên hay một phương thuốc.

Thật thà mà nói thì tôi không biết trái tim lại có thể gây ra nhiều rắc rối và bất hòa đến thế. Nó có thể tan vỡ rồi được chữa lành. Nó có thể bị thương rồi lại khỏi. Nó có thể được đem cho rồi lại được trả lại, bị mất rồi lại được tìm thấy. Tất cả những điều đó có thể diễn ra mà bạn vẫn sống, dù chỉ là sống tạm, theo cách nói của một số người.

Trong số những người khách của mẹ có cô Patience Tofton. Tôi không chú ý lắm cho đến khi chợt nghe thấy cái tên Robert Bedwell. Lập tức tai tôi vểnh lên vì tôi vẫn thường chơi với hai đứa con trai của ông Bedwell. Họ sống cùng trên phố Thames, cách nhà chúng tôi một quãng. Tôi đoán hẳn ông Bedwell đã từng có vợ cũng như hai thằng bạn tôi có mẹ, nhưng tôi không nhớ gì về bà ta.

Patience Tofton vừa kể lễ vừa thút thít.

- Anh ấy sẽ muốn một người vợ có học thức. – Cô khóc cay đắng. – Một người vợ trẻ hơn tôi. Tôi đã là gái già quá lâu rồi.

Quả là điều ngốc nghếch nhất tôi từng nghe. Ông Bedwell đâu còn trai trẻ gì. Ông ấy hẳn sượng điên khi biết rằng cô Patience Tofton, một phụ nữ ưa nhìn, tóc sáng màu và hàm răng còn nguyên vẹn, lại thích mình.

Tôi ngó ra từ bên dưới cái ghế. Mẹ đang dịu dàng và từ tốn nói với cô Tofton. Tôi không nghe được mẹ nói gì, chỉ thấy sau đó mẹ hôn lên hai má cô ta.

- Rồi mọi chuyện sẽ ổn phải không chị? – Cô Tofton hỏi khi đứng lên để ra về.

Tôi nhảy ra khỏi chỗ trốn của mình và kêu lên:

- Đương nhiên là ông ấy sẽ lấy cô! Đừng ngại ngần nữa. Hai đứa con của cô đang rất mong được chào đời đấy.

Huyền thuyên xong tôi mới nhận ra có lẽ mình đã là một việc không nên chút nào. Cô Tofton quá kinh ngạc, tôi đoán chắc với các bạn như vậy. Mặt cô ta xanh mét đi, rồi cô ngất xỉu, ngã xuống như một thân cây bị đốn hạ vậy.

Tôi chạy vào trong nhà, tự nhủ tốt nhất là nên biến đi cho đến khi nghe thấy tiếng cổng vườn đóng lại. Sau đó tôi đứng ngó qua cửa sổ buồng ngủ và thấy ông Bedwell dìu cô Tofton về nhà.

Lát sau, mẹ bước vào phòng và ngồi lên giường tôi.

- Điều gì đã khiến con nói như thế với cô Tofton? – Bà hỏi.

- Con không biết. – Tôi đáp, quả thực tôi không biết. – Con chỉ chắc chắn là cô ấy sẽ lấy ông Bedwell vào ngày hạ chí và họ sẽ có một con trai và một con gái.

- Đó là tất cả sao?

- Vâng. – Tôi nói, ngẫm nghĩ thêm một lát. – Con dám chắc như thế.

- Coriander, - mẹ nói và nhìn thẳng vào mắt tôi, - con giống mẹ. Nhưng hãy nhớ, con phải giữ không cho ý nghĩ của mình tuôn ra đầu lưỡi.

- Từ giờ con sẽ không thốt ra một lời nào về những ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu nữa. – Tôi đáp về biết lỗi.

- Thế thì thật đáng tiếc. – Mẹ cười lớn. – Chúng ta thỏa thuận rằng con có thể nói với mẹ, cha con và chị Danes, nhưng không nói với ai khác nữa.

- Vậy con có được đi đôi hài bạc không?

- Không, Coriander. Hãy nghe mẹ, đôi hài ấy không hợp với con đâu. - Giọng mẹ bỗng buồn vô hạn. – Mẹ từng có một đôi hài như thế. Mẹ đã đi chúng suốt mười bảy năm. Mẹ muốn con có một đôi hài khác, một đôi hài do chính con chọn, chứ không phải đôi hài sẽ dẫn con đến nơi mà con không nên tới.

- Nhưng con chọn đôi hài ấy! – Tôi kêu lên. – Con muốn có chúng!

- Ôi Coriander, con chưa đủ lớn để hiểu đâu. – Mẹ dịu dàng. – Con phải tin mẹ. Mẹ biết điều gì là tốt cho con.

Nhưng còn có điều gì tốt hơn đôi hài bạc cơ chứ?

Trong nhà, sinh nhật tôi luôn được tổ chức long trọng và tôi được tặng rất nhiều quà để kỉ niệm ngày chào đời. Năm nay mẹ đã sắp xếp một chuyến du ngoạn bằng thuyền về phía thượng lưu sông. Tôi dậy sớm và nằm trên giường trong khi ánh mặt trời phản chiếu những gợn nước đập dềnh lên quanh phòng, lắng nghe tiếng những người rao hàng đi lên cầu. Ngay khi người canh đêm rung chuông báo ngày mới, tôi bật dậy, chạy xuôi hành lang, ào vào phòng cha mẹ. Tôi thấy mình như một con quay đang xoay tít vì phấn khích.

- Hôm nay là ngày của con! Dậy thôi! – Tôi kêu lên, kéo những tấm màn che quanh chiếc giường gỗ sồi và nhảy ùm vào giữa giường.

- Cha biết rồi. – Cha tôi cười lớn. – Cả phố này cũng biết nữa.

Rồi ông cúi xuống lôi ra một cái hộp từ dưới gầm giường.

Bằng những ngón tay run lên vì hồi hộp, tôi mở cái hộp. Tôi biết chắc trong đó có gì. Và chúng đây: một đôi hài da màu bạc xỉn xấu xí, nặng nề. Một sự bắt chước tồi tệ, một bản sao thảm hại. Không có gì giống như đôi hài bạc đã được bỏ bên ngoài cửa.

Tôi thấy nước mắt dâng đầy lên mắt, cổ họng nghẹn cứng.

- Cha xin lỗi, cưng. – Cha tôi nói. – Con không thể đi đôi hài kia được. Cha mẹ hy vọng con sẽ thích đôi này.

Tôi trèo xuống giường. Tất cả những náo nức của cả ngày hôm ấy đã biến mất. Tôi phải cố ngăn những giọt nước mắt thất vọng khỏi trào ra.

- Con thử đi xem nào. – Mẹ nói.

Tôi thử. Đôi hài nặng chịch, bóp chặt lấy chân tôi. Tôi quay đi và cảm thấy hết sức khổ sở.

- Coriander. – Mẹ gọi. Tôi quay lại và nhìn vào căn buồng. Sàn nhà đã biến thành biển cả và chiếc giường là một con tàu, cách tôi một khoảng rất xa. Tôi nghe thấy tiếng cha mẹ gọi tôi từ xa vắng lại. Tất cả xảy ra trong khoảng một phút hay thậm chí còn ít hơn thế. Có thể tôi đã mơ. Cũng có thể không phải là giấc mơ. Cảnh ấy luôn ám ảnh tôi, và tôi thường tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi biết vâng lời và quên đôi hài bạc đi. Liệu khi ấy mọi chuyện có trở nên tốt đẹp không?

Chậm chạp và buồn bã, tôi quay về phòng mình. Chị Danes đã đợi sẵn để mặc quần áo cho tôi.

- Ồ, sao mặt lại chảy dài xuống thế kia, chim sẻ nhỏ của chị? – Chị hỏi. – Em không thích đôi hài mới sao?

Tôi lặng thinh.

- Thế thì chắc em cũng chẳng muốn xem quà của chị rồi. – Chị Danes nói, lôi trong túi tạp dề ra một cái bọc cột bằng dải ruy-băng lụa.

Bên trong là một cái hộp khâu và hình con ếch được thêu rất đẹp, với kim, một cái tạp dề và một chiếc kéo bé xíu, lại có cả một quyển sách bằng vải với đủ loại mũi khâu khác nhau. Trong chốc lát, tôi ngạc nhiên quá đến mức quên khuấy luôn cả những đau khổ vì đôi giày bạc.

Tôi ngồi lại một mình với cái gói nhỏ của tôi trong khi chị Danes sang phòng mẹ. Tôi nghe thấy tiếng cha gọi đem nước nóng tới, và cả tiếng đôi hài bạc gọi tôi. Ban đầu tôi nghĩ mình chỉ tưởng tượng ra thế, nhưng rõ ràng tôi có thể thấy tiếng gọi đến từ chỗ nào, như thể nó là một làn khói thuốc bốc lên từ chiếc tàu của cha tôi. Tôi đứng lên, theo nó xuống tầng dưới và vào phòng làm việc.

“Coriander, Coriander, hãy đi chúng tôi vào đôi chân nhỏ xinh của cô.

Chúng tôi đang đợi. Êm ái và sáng lấp lánh, chúng tôi sẽ cùng cô tung tăng xuống phố.”

Tôi đứng lặng ở đó, nghe những lời mời mọc. Cuối cùng, thu hết can đảm vào đôi tay run rẩy, tôi mở cửa phòng.

Căn phòng tối om. Con cá sấu nằm im lìm như vị chúa tể của chiếc tủ gỗ mun, chiếc chìa khóa ở đầu dải băng treo lủng lẳng trên hàm răng nó đầy mời gọi.

Tôi khép cửa lại và đứng tựa lưng vào đó, tay vẫn giữ nắm đấm cửa, tim đập thình thịch. Không khí yên lặng bao trùm cả căn phòng. Tôi cứ đứng đó. Phải quyết định thôi. Tôi có dám làm chuyện này không? Tôi tự nhủ là có. Tôi chỉ muốn nhìn thấy đôi hài một lần nữa, chỉ vậy thôi.

Tôi cố đẩy một cái ghế lại gần tủ để trèo lên và với lấy chiếc chìa khóa. Cái ghế quá nặng, tôi phải kéo lê nó, cố gắng không phát ra tiếng ồn và đợi một lúc để chắc rằng không ai nghe thấy. Tôi trèo lên ghế. Nhón chân lên, tôi giáp mặt với con cá sấu. Nhìn gần trông nó còn đáng sợ hơn, tựa hồ như nó có thể sống lại bất cứ lúc nào.

Tôi có muốn thấy lại đôi hài đến mức ấy không? Ồ, có chứ, tôi còn muốn hơn thế là đăng khác. Tôi nhắm hờ mắt lại. Run bắn lên vì sợ, tôi thò tay vào miệng con cá sấu và chộp lấy chiếc chìa khóa. Nếu như con cá sấu có tát hai hàm răng của nó lại thì tôi cũng không cảm thấy hay nhìn thấy gì hết.

Tôi trèo xuống và mở tủ. Bên trong có nhiều ngăn kéo nhỏ bằng gỗ tuyết tùng chạm khắc rất đẹp. Tôi không biết nên mở ngăn nào.

Tôi đứng yên nín thở, và rồi lại nghe thấy tiếng gọi ấy, lần này chỉ như một tiếng thì thầm: “Coriander, Coriander.”

Tôi mở ngăn kéo cuối cùng và thấy chúng nằm đó, đôi hài kỳ diệu nhất trên thế gian. Chúng tựa như thủy tinh. Chúng tựa như kim cương. Chúng tựa như những vì sao.

Ồ, tôi thầm nghĩ, mình chỉ đi thử thôi thì có sao?

Đôi hài vừa vặn như thể chúng được làm riêng cho tôi. Tôi đứng đó mê mẩn trước vẻ đẹp của chúng. Tôi đứng như thế bao lâu không biết, nhưng hẳn phải khá lâu bởi tôi giật mình nghe tiếng gọi, lần này không phải là tiếng thì thầm.

- Coriander, Coriander! Con bé đi đâu rồi?

Tôi vội kéo đôi hài ra, nhưng chúng không chịu rời khỏi chân tôi. Như thể chúng đã dính chặt vào tôi vậy. Trong lúc sợ bị phát hiện, tôi cũng xoay sở để đóng được ngăn tủ, đặt cái chìa khóa trả lại miệng con cá sấu vừa vặn trước khi chị Danes mở cửa.

- Coriander, em đang làm gì trong này vậy, cô bé ngốc? – Chị hỏi. – Cả nhà tìm em khắp nơi. Đi nào, thuyền sắp rời bến rồi.

Một điều thuận tiện của việc sống ngay sát bờ sông là chúng tôi có cửa cống và cọc buộc thuyền của riêng mình, vì thế có những bậc thang hắt hoi dẫn xuống chỗ con thuyền đang đợi. Như thế có nghĩa là không phải vén vấy lên cao cho khỏi ướt và đôi hài của tôi không bị phát hiện. Tôi tự nhủ là đến tối sẽ tháo chúng ra và để lại chỗ cũ, nhưng hôm nay thì chúng là của tôi.

Chúng tôi đi thuyền ngược về phía thượng lưu, qua Whitehall, nơi thành phố bắt đầu nhường chỗ cho những cánh đồng và bãi cỏ rộng, nước sông mất dần vẻ đục lờ và trở nên trong sạch hơn cũng như không khí. Đến một đồng cỏ đầy hoa, những người chèo thuyền kéo con thuyền lên bờ. Sau đó thì mọi người bắt đầu biến một ngày thành thói rồi việc trở nên hết sức dễ chịu và thoải mái. Những giỏ đồ ăn được bày dưới tán cây, những chai rượu được ngâm

xuống nước cho lạnh, và dây câu được buộc lên cho những ai cần một chút thể thao.

Nhân lúc mọi người đang tất bật chuẩn bị, tôi lên ra ngòi bên bờ sông ngút ngàn cỏ, hy vọng lần này sẽ cởi được hài. Tôi kéo đôi hài và chúng tuột ra không chút khó khăn. Tôi liền nghĩ chắc hẳn chuyện kỳ quái trong phòng làm việc là do tôi tưởng tượng ra. Tôi vui đôi hài dưới lớp lá khô, nơi tôi biết sẽ không ai phát hiện ra.

Mẹ tôi cũng tháo giày tất ra rồi hai tay khẽ nâng vạt váy, bà vui vẻ đuổi tôi chạy quanh cánh đồng. Tóc mẹ buột ra, xõa tung, còn mũi của tôi thì bay mất tiêu trong lúc chúng tôi chạy vòng vòng cho đến khi ngã phịch xuống cười như nắc nẻ. Tôi kết những vòng hoa cúc dại và hái thêm bao nhiêu hoa để gài lên tóc mẹ. Tôi vầy nước dưới sông, ngắm những con cá nhỏ bơi qua ngón chân tôi rồi quay tròn như một chiếc cối xay gió trong cánh tay cha tôi.

Ngày hôm ấy trôi qua. Đã đến lúc lấy lại đôi hài bạc. Tôi cẩn thận giữ váy trùm kín chân khi chúng tôi nằm dưới bóng sồi, trên những tấm thảm và gối như những hoàng đế La Mã, thưởng thức bữa tiệc thịnh soạn trong ánh mặt trời cuối ngày xuyên qua kẽ lá lốm đốm thay cho ánh nến. Cha tôi còn thuê ba nhạc công chơi những bản nhạc du dương. Với điều vui thú ấy, tôi quên bằng mất mình đã làm gì, cho đến tận khi chúng tôi quay về nhà.

Màn đêm đã buông xuống dòng sông Thames, xua đi ánh sáng ban ngày. Những người lái đò đã tắt đèn trên thuyền, dòng sông lấp lánh ánh và đập dềnh như hòa vào điệu vũ cùng ánh sáng. Tôi buồn ngủ díp mắt sau một ngày tuyệt diệu tràn ngập không khí trong lành và thức ăn ngon.

Bỗng nhiên, mẹ tôi gắt hỏi:

- Coriander, con lấy đôi hài này ở đâu?

Tôi lập tức tỉnh ngủ và kinh hoàng nhận thấy đôi hài đang lộ ra.

- Con... - Tôi ấp úng. Tôi biết mình đang gặp rắc rối to. - Con xin lỗi, nhưng đôi hài kia đi làm chân con đau.

- Thế là hư lắm. - Mẹ nói về thất vọng.

- Con định nói là, - cha tôi lên tiếng, - ông đang ôm tôi, - con đã trèo lên ghế và thò tay vào miệng con cá sấu để lấy chìa khóa sao?

Tôi gật đầu.

- Chà, chà, ấn tượng đấy. Đúng là một hành động dũng cảm với một cô bé sợ con cá sấu như con.

Mẹ không nói gì và quay đi. Tôi biết mẹ không bằng lòng.

- Ôi, Eleanor, em yêu! - Cha nói. - Anh biết con không nên làm thế, nhưng hôm nay là ngày của Coriander kia mà. Sao không cho con đôi hài luôn đi? Nó đáng có được chúng đấy!

- Đây là đôi hài đẹp nhất mà con đã từng đi. - Tôi nói, hồi hộp đến nỗi không dám cả cử động, sợ cha sẽ đổi ý.

Mẹ tôi quay lại, nhìn chăm chăm đôi hài:

- Con cởi chúng ra có dễ không? – Bà hỏi tôi.

- Dễ lắm ạ. – Tôi đáp. Tôi đã không nói thật.

- Đấy. Có lẽ chúng ta đã làm to chuyện lên quá thôi. – Cha tôi nói. – Một đôi hài thì có thể đem đến tai họa gì chứ?

Mẹ tôi đáp:

- Chúng có thể đem đến rất nhiều tai họa, và anh cũng biết thế, Thomas ạ.

4. Đôi cánh quạ

Tôi vẫn còn ngây ngất với thắng lợi về đôi hài bạc. Mẹ không nhắc đến chúng nữa và tôi biết mình đã được tha lỗi. Đôi hài đã là của tôi và đó mới là điều đáng kể. Tôi quyết định ngày mai sẽ mang chúng đi khi cùng chị Danes ra phố làm mấy việc vặt như thường lệ.

- Chúng sẽ bị dính bùn và các thứ rác rưởi đấy. – Chị Danes nói, vén mái tóc tôi gọn vào trong mũ và vuốt phẳng lại chiếc váy của tôi. Tôi không muốn nói ra, nhưng tôi biết là chị đúng. Đôi hài của tôi không hợp với những con phố nhộp nhúa ở London.

- Không, chúng sẽ không bị bẩn đâu. Đây là đôi hài có phép mà. – Tôi bảo chị.

- Có phép à? – Chị Danes hỏi, lấy chiếc giỏ đan bằng cành liễu từ trên giá bếp xuống. Chúng tôi sẽ đem thuốc đến cho vợ của một người buôn vải sống ở trên cầu, gần đây bà ta bị khó ở.

Mẹ bước vào phòng với một nắm thảo mộc.

- Con không định đi đôi hài đấy chứ, con yêu? – Bà hỏi

- Có chứ. – Tôi bướng bỉnh đáp. – Con sẽ đi chúng.

- Chúng sẽ bị hỏng đấy.

- Chúng sẽ không bao giờ bị hỏng cả. – Tôi cả quyết. – Sáng nay con đã phù phép cho chúng.

- Thế con có nghĩ rằng, - mẹ mỉm cười cúi xuống và nói, - sẽ tốt hơn nếu con phù phép cho chúng luôn đưa con về nhà an toàn?

Cả hai chúng tôi cùng nhìn xuống và ngắm đôi hài một cách trang nghiêm hồi lâu.

- Đẹp thật! Cuối cùng mẹ tôi nói. – Trước kia mẹ đã... – Bà bắt đầu, nhưng rồi lại thôi không nói nữa mà quàng hôn tôi. – Thôi, con đi đi.

Tôi vẫn còn nhớ hôm đó là một sáng mùa xuân dễ chịu, hứa hẹn những nóng ấm áp sắp đến. Con phố hẹp trước cửa nhà tôi đầy ắp những người hối hả chen lấn nhau đi về phía cầu. Tôi nắm chặt tay chị Danes. Tôi còn rất thấp nên chỉ thấy toàn váy dài và những ống chân tiến lại rồi chen qua tôi. Những người bán hàng rong, thợ học việc và người đưa nước đang la hét. Rồi giữa đám người và âm thanh hỗn độn bỗng xuất hiện một bầy ngỗng kêu quàng quạc, nghe như tiếng cá trăm bà hàng cá đang mặc cả vậy. Tôi kéo tạp dề chị Danes, nài chị bế tôi lên. Tôi sợ bầy ngỗng.

- Ôi Coriander, em quá lớn để phải bế rồi. – Chị cần nhần, nhưng vẫn bồng tôi lên bên hông, và tôi có thể thấy được chúng tôi đang đi đâu.

Mỗi lần được bế, tôi thích giơ tay lên xem mình đã đủ cao để chạm vào những tấm biển treo bên ngoài các ngôi nhà và cửa hàng chưa. Trên biển vẽ những hình khác nhau và nhìn vào đó, bạn có thể biết ai sống trong nhà hay cửa hàng bán thứ gì. Tấm biển treo trước cửa nhà tôi có hình một cây dâu tằm. Các tấm biển này phải treo đủ cao để người cưỡi ngựa đi qua bên dưới không bị vướng vào. Tuy nhiên, trên con phố hẹp của chúng tôi, nhiều tấm biển treo thấp đến

nổi tôi e người kỵ sĩ có thể rơi mất mũ, nếu không phải là mất đầu.

Rốt cuộc thì chúng tôi cũng đến cầu.

- Từ đây thì em có thể tự đi bộ được rồi, con chim sẻ nhỏ. – Chị Danes nói, đặt tôi xuống và vươn thẳng người lên.

Đây là cây cầu duy nhất bắc qua sông Thames. Không còn cách nào khác để qua sông ngoại trừ đi bằng thuyền. Cây cầu cực kỳ tráng lệ. Tôi vừa thích vừa sợ nó. Tôi sợ những cái đầu kỳ quái cắm trên cọc ở Cổng Cửa Những Kẻ Phản Trắc, nom như những chiếc máng xôi [3] quái dị nhìn xuống người đi đường, cảnh báo cho họ biết cái gì sẽ xảy đến với những tên du đảng và bọn bảo hoàng ở thành phố ngoại đạo này. Tôi thích những cửa hàng đông đúc, những người bán hàng rong trên phố, những khu vườn treo, những vỉa hè. Cha tôi nói không cây cầu nào trên thế giới sánh được với cây cầu này.

Khi chúng tôi đến nơi thì tất cả các cửa hàng đã mở cửa. Xe ngựa và xe bò chạy ầm ầm trên đường cái làm người đi đường và gà què chạy tán loạn. Phố xá đình tai nhức óc với tiếng chuông nhà thờ, tiếng hò hét của các chú học việc, tiếng bánh xe nước quay. Người ta chạy lảng tránh chỗ này chỗ nọ mà không thèm nhìn xem mình đang đi đâu. Chen vào giữa đám người ồn ã là những con vật to lớn từ nông thôn đang trên đường tới chợ gia súc.

Tôi luôn chắc chắn là nếu buông tay chị Danes thì sẽ bị lạc, bị cuốn phăng vào biển người kia. Thường thì ý nghĩ này khiến tôi bám chặt vào chị như đĩa. Nhưng hôm nay thì khác. Hôm nay tôi đang đi đôi hài bạc mới. Sự thực là mặc dù đã phù phép cho chúng, tôi vẫn sợ đôi hài bị lấm bùn hơn là sợ bị lạc.

Phía trước chúng tôi, một người bán nến và một người đàn bà cúi mình xuống từ tầng ba tòa nhà gần đó đang cãi nhau ầm ĩ. Người bán nến rong ướn sừng và bốc lên thứ mùi không lấy gì làm dễ chịu. Ông ta đang kết tội người đàn bà nọ đã đổ một cái xô lên đầu ông.

- Sao bà lại làm thế? – Người bán nến rong hét lên. – Con sông ở ngay sau nhà bà. Cây cầu này là đường đi chung của những người tử tế biết kính Chúa, không phải là chỗ phóng uế công cộng!

Người đàn bà giờ nắm đấm về phía ông ta và đóng sập cửa sổ lại. Tôi hy vọng không còn ai khác có ý định đổ xô nữa, và nắm chặt tay chị Danes hơn.

- Bước cẩn thận đấy. – Chị nhắc.

Tôi nhìn xuống và thấy đôi hài tỏa sáng mờ mờ như một làn hơi nóng trong một ngày của mùa hạ. Tôi buông tay chị Danes ra để kéo váy lên nhìn cho rõ hơn.

- Chị Danes! – Tôi nói. – Đôi hài của em!

Không có tiếng trả lời. Một màn sương mù kỳ quái vừa buông xuống. Chị Danes cũng như tất cả những người khác trên cầu đều đã biến mất. Tất cả đều im lìm.

Tôi sợ đến nỗi không khóc nổi. Tôi cứ đứng yên như phỗng, nhắm nghiền mắt, hy vọng khi mở mắt ra thì mọi thứ sẽ trở lại như cũ. Tôi đợi một lúc, rồi đánh liều hé mắt ra nhìn. Màn sương đã tan và tôi thấy mình đứng đó, hoàn toàn đơn độc bên ngoài một cửa hàng rào treo tấm biển vẽ hình một cái gương. Tôi nghĩ có lẽ nên đi vào và hỏi xem có ai giúp được mình

không. Điều kỳ lạ là vừa nghĩ vậy tôi đã thấy mình ở trong cửa hàng rồi. Bên trong rất lạnh và u ám, phải mất một lúc mắt tôi mới quen được với bóng tối. Khi ấy tôi sợ hãi nhận thấy một con quạ lớn, đen như bóng đêm đang đậu trên quầy hàng.

Bản năng thôi thúc tôi phải chạy khỏi cửa hàng quái đản này, nhưng đôi hài như gắn chặt mặt đất. Con quạ nhìn tôi, đôi mắt màu ngọc trai đen của nó lóe lên trong bóng đêm.

- Đừng sợ. – Quạ nói. – Bà ấy đang đợi mi ở trên gác.

Tôi giật thót mình. Không biết nên làm gì, tôi quay ra nhìn về phía cửa. Con quạ, như thể đọc được ý nghĩ ấy, liền bay ngay tới đó, chặn đường thoát của tôi. Tôi có thể cảm thấy sức mạnh từ đôi cánh sải rộng của nó như một làn sóng đen lông lá đâm bổ xuống tôi. Tim tôi gần vỡ ra vì sợ. Tôi chạy bán sống bán chết lên cầu thang, sợ con quạ sẽ đuổi theo.

- Xin cho đó là chị Danes đang đợi con! – Tôi cầu nguyện. – Xin người!

Vừa bước vào phòng là tôi biết ngay mình đã bị lạc, bị lạc hoàn toàn, bởi chẳng có chị Danes ở đó, chỉ có một cụ già đang ngắm mình qua tấm gương mạ vàng. Tường của căn phòng được ốp gỗ; trong lò sưởi có lửa, nhưng ngọn lửa lại đứng im lìm như thể chúng được vẽ lên đó vậy. Cửa sổ bọc chì hơi hé mở sau lưng cụ già. Nhiều mảng ánh sáng đổ xuống nền nhà và tường, và tôi có thể thấy dòng sông ở bên ngoài. Ở đó cũng không có gì chuyển động: dòng sông, những con thuyền, con người, kể cả những con hải âu đang bay ở lưng chừng trời. Tất cả đều im lặng, không một tiếng gió thổi bay hay một hơi thở, như thể thời gian đã bị giữ lại bởi một bàn tay vô hình.

Tất cả những gì tôi nghe thấy chỉ còn là tiếng tim của chính mình đang đập thình thịch.

- Lại đây, bé con của ta. – Cụ già cất giọng âm âm như từ cõi chết vọng lại. – Đừng run bần thế. Lại đây để ta ngắm mi nào.

Tôi muốn chạy ngay ra khỏi phòng, nhưng đôi hài không chịu nhúc nhích. Cụ già bằng cách nào đó ngay lập tức đã tiến sát tôi hơn trước rất nhiều. Cụ có đôi mắt ti hí, cái mũi khoằm và một cái nốt ruồi trên cằm. Gương mặt cụ tựa như một tấm mặt nạ.

- Biết ta là ai không? – Cụ hỏi. Trong khoảnh khắc, tấm mặt nạ trở nên trong suốt và một khuôn mặt khác với vẻ đẹp tàn ác lộ ra. Khuôn mặt nào khiến tôi sợ hơn, tôi cũng không biết nữa.

- Không ạ. – Tôi đáp. Tôi cố gắng lùi xa cụ, nhưng vẫn là đôi hài không chịu nhúc nhích. Khi ấy tôi mới nhận ra con quạ đã vào phòng từ lúc nào và giờ đang đậu trên lưng ghế của cụ già.

- Mi bao nhiêu tuổi? – Cụ hỏi.

- Sáu ạ. – Tôi đáp.

- Còn nhỏ quá, nhỏ quá. – Cụ thì thầm.

Tôi nhìn đăm đăm xuống chân. Những thứ kỳ quái đang xảy ra khiến tôi nhớ tới chị Danes, và nước mắt bắt đầu lăn dài trên má. Cụ già không hề tỏ vẻ xúc động hay lo lắng khi thấy tôi sợ hãi như vậy.

- Đôi hài này quả thực rất hợp với mi. – Mụ nói. – Ta mừng là mi thích chúng. Mi có thích chúng không?

Tôi lặng thinh. Tất cả lời lẽ đã đông cứng lại trên lưỡi tôi.

- Cronus! – Mụ già gọi. – Cụm có nghĩ là con bé thích đôi hài không?

- Tất nhiên là có rồi. – Con quạ trả lời. – Chính nó đã chọn mang chúng mà.

Lúc này tôi nức nở to đến nỗi ngực thắt lại, vai rung lên. Tôi sợ cứ run rẩy thế này mình sẽ vỡ tan ra mất. Người tôi nóng bừng bừng và như lên cơn mê sảng. Cuối cùng tôi cũng cất tiếng lên được và hỗn hển qua làn nước mắt.

- Cháu muốn về nhà, làm ơn! Ngay bây giờ!

Mụ già mỉm cười và giơ tấm gương mạ vàng lên cho tôi thấy. Mặt gương được làm bằng một chất bạc lỏng đang xoáy tròn và xoáy tròn mãi. Nhìn vào đó giống như nhìn vào một cái giếng sâu hút: tôi có thể ngã vào đó và biến mất mãi mãi. Trong đầu tôi như có một trận bão sấm sét ầm vang.

Mụ già ngắm nghía tôi kỹ càng.

- Mi nhìn thấy gì?

- Không thấy gì cả ạ. – Tôi đáp một cách khổ sở. – Cháu muốn về nhà.

Mụ đặt úp mặt cái gương xuống.

- Nhà mi ở đâu?

Tôi bảo cho mụ biết.

- Mẹ mi có khỏe không?

Suốt từ lúc mụ già bắt đầu nói đến giờ, tôi luôn nghe thấy giọng êm ái của mẹ nhắc đi nhắc lại: “Cởi đôi hài ra, cởi đôi hài ra.” Tôi liền ngồi xuống sàn và bằng tất cả sức lực của mình rút đôi hài ra.

Cảm giác ấy giống như tôi bị lạc trong một khu rừng, bị săn đuổi như một con thú hoang. Căn phòng bắt đầu xoay tít. Một âm thanh chói tai tràn vào óc tôi. Sau đó tất cả biến thành màu bạc rồi tối đen đi.

- Cháu có sao không? – Có tiếng người hỏi cạnh tôi. Tôi ngược lên và thấy gương mặt thân thiện của ông thợ may Thankless.

Một đám người đang vây quanh chúng tôi trên cầu.

- May mà ông nhìn thấy con bé. – Một người qua đường nói.

- Có phải nó là con của một người đàn bà biết làm phép không? – Một người khác hỏi.

- Cháu thấy không khỏe. – Tôi thì thạo.

- Trông cháu đúng là không được tươi cho lắm. – Ông Thankless nói. Rồi ông nhẹ nhàng bế tôi lên và đưa tôi về nhà. Tôi muốn nói cho ông biết là mình đã bị lạc mất chị Danes, nhưng đầu tôi đang đập thành thịch và mắt tôi nẩy đom đóm, tôi sợ nếu mở miệng ra thì sẽ nôn mất.

Điều cuối cùng tôi nhớ ông ấy nói với tôi là:

- Đôi hài của cháu đâu rồi.

5. Cơn sốt

Tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy đôi cánh xòe rộng của con quạ đập vào khung kính cửa sổ buồng tôi, dám chắc đã nghe thấy tiếng kêu hung tợn của nó vang vọng trong đêm. Tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy mù già đang theo dõi tôi từ một ngọn tháp bên kia sông. Tôi biết rằng tôi thấy Thần Chết đang đứng cạnh cửa ra vào với lưỡi hái khủng khiếp, lão chờ đợi ai đó. Liệu có phải là tôi?

Cơn sốt kéo dài bao lâu tôi không rõ, vì tất cả mọi thứ trở nên hỗn độn, bóng tối và ánh sáng hòa lẫn với nhau.

Mẹ luôn ở bên tôi, tôi chắc chắn như vậy. Cả chị Danes nữa. Chị cứ nhắc đi nhắc lại:

- Đừng bay đi, chim sẻ nhỏ của chị!

Hơi nóng ngoài trời. Hơi nóng trong phòng. Hơi nóng của cơ thể tôi. Có quá nhiều hơi nóng tới mức tôi thấy ngạt thở. Tôi được đỡ ngồi dậy trên giường, được cho uống một giọt thuốc đắng ngắt. Làn da nóng bỏng rát và ngứa ngáy của tôi được thoa cho dịu bớt. Tôi được chuyển sang phòng cha mẹ, nằm trên giường của ông bà. Cửa sổ phòng luôn mở toang hy vọng hứng chút khí mát ngoài trời. Nhưng không khí vẫn nặng nề và ngọt ngào. Tôi có thể nghe thấy tiếng những người lái đò hỏi: “Hướng tây kìa! Hướng đông kìa!”, tiếng chuông của nhà thờ Thánh Magnus, nhà thờ Thánh George và nhà thờ Chúa Cứu Thế, tiếng rít của những con mòng biển. Tiếng rao hàng của những người bán rong biến thành âm thanh nền trong những cơn ác mộng giữa cơn sốt của tôi. Căn phòng dần tan ra và một lần nữa tôi lại thấy mình lạc trong rừng. Tôi nghe thấy tiếng tù và của những người đi săn, tôi nhìn thấy bóng đàn chó săn đang đuổi theo tôi. Tôi có thể thấy hơi nóng hổi của chúng phả vào cổ mình, và tôi bật dậy cùng tiếng thét, cảm thấy tất cả sức lực đang rời bỏ tôi như một dòng thủy triều uể oải.

Vào những thời khắc u ám nhất, khi mà mắt tôi mờ đi đến độ không còn nhìn rõ khuôn mặt mẹ nữa, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một nàng tiên. Nàng tiên tỏa sáng lấp lánh và nhảy múa trên những tia sáng mặt trời lọt được qua rèm cửa dày. Tôi không biết chắc đó có phải là một nàng tiên thực hay không, hay chỉ là ảo giác trong giấc mơ. Thế nhưng mỗi lần tỉnh dậy, tôi lại thấy nàng tiên lơ lửng bên trên đầu tôi. Nàng tiên trở thành bùa may mắn của tôi. Tôi cảm thấy chừng nào nàng còn ở đó thì tôi sẽ không sao.

Khi tôi đã đỡ hơn, các cánh cửa chớp được đóng lại và những tấm rèm được kéo ra, tôi mới nhận ra rằng cái mà tôi vẫn nghĩ là nàng tiên hòa ra là một con búp bê tuyệt đẹp mà chị Danes khâu cho tôi trong khi tôi phải nằm liệt giường. Nó được làm bằng vải, với những ngón tay ngón chân bé xíu được khâu rất khéo. Nó có mái tóc đỏ như Nữ hoàng Elizabeth và cái cổ áo đăngten trông như một đôi cánh. Tôi đặt tên cho nó là Beth và không hề thất vọng chút nào về việc nó không phải là nàng tiên thật. Tôi không kể cho ai khác ngoài Beth về con quạ và mù già có chiếc gương. Tôi nghĩ sẽ chẳng ai tin tôi.

Ông Thankless đến thăm, mang cho tôi quả anh đào chín và mấy hòn bi rất đẹp. Tôi vẫn còn yếu quá chưa đứng lên được, hai chân tôi khằng khiu như que củi, và ban ngày tôi phải nằm trên một cái giường đặt trong vườn, dưới bóng cây táo dại.

- Cháu thế nào rồi, tiểu thư? – Ông Thankless vui vẻ hỏi. – Cháu làm chúng tôi sợ quá đi mất.

- Bây giờ cháu đỡ hơn nhiều rồi ạ. – Tôi nói và giơ Beth ra cho ông xem.

- Đẹp quá! Cháu tự làm à?

- Không! – Tôi cười. – Chị Danes làm đấy.

- Ồ, chị Danes ư? – Ông Thankless nói. – Thế thì phải vời chị đến dạy cho cậu học việc của tôi vài đường mới được.

- Có gì đâu. – Chị Danes đỏ mặt.

- Chúng tôi phải cảm ơn ông rất nhiều đây, thưa ông. – Mẹ tôi nói.

- Buồn cười thật. – Tôi cười khúc khích. – Cảm ơn ông Thankless [4] rất nhiều!

- Tên tôi đã bị lôi ra làm trò cười còn nhiều hơn cả số lần tôi nói nó ra nữa kia. – Ông thợ may đôn hậu nói.

- Ôi! – Tôi nói về biết lỗi. – Cháu không cố ý...

- Tất nhiên là không rồi. – Ông mỉm cười nói. – Chúa phù hộ cháu, thật mừng khi thấy cháu đã khỏe lên nhiều thế này.

Lát sau, mẹ tôi xin cáo lỗi và đi vào nhà, để lại ông Thankless và chị Danes bàn bạc về những bộ quần áo mới cần may.

- Tôi sẽ rất vui lòng may cho cô tiểu thư một chiếc váy mới. – Ông thợ may nói, mỉm cười với tôi. Tôi tiếp tục chơi với Beth. Trong khi đó, nghĩ là tôi không nghe thấy gì, ông nghiêng người về phía trước và thì thầm với chị Danes:

- Thứ lỗi cho câu hỏi của tôi, nhưng thật tình tôi không hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra trên cầu nữa.

- Tôi cũng thế, ông Thankless ạ. – Chị Danes đáp. – Cây cầu đúng là một nơi nguy hiểm. Đây, chỉ vừa mới tuần trước thôi, mười hai con cừu chạy lồng lên và lao xuống sông, kéo theo các cậu học việc của ông thợ in.

- Phải, phải. – Ông thợ may nói. – Nhưng sao cô bé lại bị lạc mất chị chứ? Và sao nói lại bị mất đôi hài? Một phút trước tôi còn thấy hai người đứng trước cửa hàng kim chỉ, phút sau cô bé đã biến mất. Khi tôi tìm thấy nó, cô bé trông như vừa nhìn thấy ma hiện hình vậy. Và tình trạng của nó lúc ấy chứ! Mọi chuyện không thể xảy ra nhanh thế được.

- Tôi nghĩ là ông đang làm to chuyện lên đấy thôi. – Chị Danes nói. – Tôi thấy con bé bị lạc cũng khá lâu đấy chứ.

- Không đâu chị ạ, đấy mới là chuyện lạ lùng. Không lâu đến thế đâu. Tôi có thể đảm bảo với chị. Cậu học việc của tôi, Gabriel Appleby, đã nhìn thấy tất cả và cũng sẽ nói y như tôi cho mà xem. – Ông thợ may nói, về mặt ông thực sự hoang mang.

- Điều đáng kể nhất là ông đã tìm thấy con bé. – Chị Danes nói. – Và tất cả chúng tôi đều rất biết ơn ông. Còn lại thì không có gì quan trọng nữa.

- Xin thứ lỗi cho tôi vì đã nói thế này, - ông Thankless tiếp, - nhưng người ta bàn tán nhiều lắm, và không phải ai cũng nói điều hay đâu.

- Tôi cũng nghe thấy cả. - Chị Danes trả lời. - Hình như người ta không còn cách tiêu thời giờ nào tốt hơn là ngồi lê đôi mách hay sao ấy!

Đôi tai thánh của tôi nghe được từng lời họ nói, và mỗi lời đều làm tôi lo sợ. Tôi rất muốn hỏi chuyện gì đã xảy ra với đôi hài nhưng lại không dám vì tôi thầm linh cảm rằng theo một cách nào đó, chính tôi có lỗi trong những gì đã xảy ra với mình: nếu tôi biết nghe lời mẹ từ đầu, tôi đã không bao giờ bị lạc, không bị ốm và cũng không gặp những cơn ác mộng.

- Đúng vậy. - Ông thợ may nói tiếp, rồi tiếp tục trong tiếng thì thầm. - Nhưng họ bảo rằng...

- Thôi, ông Thankless. - Chị Danes ngắt lời. - Chỉ có Chúa mới biết được mọi câu trả lời thôi.

Tôi không chắc liệu mình có nghe đúng lời ông Thankless không. Chỉ khi chị Danes dừng bật dậy thì tôi mới nhận ra ông đã nói gì.

- Chúng tôi rồi cũng phải quen với nó thôi. - Chị Danes thở dài. - Nhưng nó vẫn làm tôi khó chịu lắm.

Cái từ ông Thankless đã dùng là ma thuật. Tôi không biết nó có nghĩa là gì, nhưng khi nhắc lại, tôi có cảm giác nó mang đến điềm gở.

Mùa hè đó bắt đầu niềm yêu thích dành cho viết lách và khâu vá của tôi. Dưới bóng cây táo dại, hết sức dịu dàng và kiên nhẫn, mẹ dạy tôi học chữ.

Điều khiển cây bút lông ngỗng là cả một nghệ thuật, và tôi đã tốn vô số giấy cũng như đánh đổ vô số mực trước khi biết viết cho đúng. Tôi rất ghét khi cây bút làm bắn mực khắp nơi, mà nó lại rất hay như thế, phá hỏng bao công sức tôi vừa bỏ ra. Nhưng khi tôi đưa được ngòi bút chạy đều thì chữ viết nở trên giấy như hoa nở trên đồng trong một ngày nắng ấm vậy.

Tôi dùng nhiều mực cho việc học đến nỗi người bán mực phải đến gõ cửa khu vườn ít nhất một tuần một lần. Ông ta có một khuôn mặt xám ngoét nghiêm nghị như được đeo bằng đá, lưng còng xuống tựa chữ C, như thế ông ta là Atlas [5] đang phải đỡ sức nặng của cả thế giới trong chiếc thùng gỗ chứa mực. mà có thể là đúng thế thật. Tôi đã học được rằng từ ngữ có một sức mạnh lớn lao, dù từ đó dài hay ngắn.

- Tất cả là cho cô hả, tiểu thư? - Một lần người bán mực hỏi khi ông ta cẩn thận đổ mực qua một cái phễu vào chiếc lọ bằng đá.

- Vâng, tất nhiên rồi. - Tôi tự hào đáp.

- Ồ, thật phí phạm, đầu tư học hành như thế cho một đứa con gái. - Người bán mực nói.

Cha tôi thì lại nghĩ việc dạy tôi biết đọc và viết là rất tốt. Ông còn nói rằng tôi rất nhanh trí và điều đó sẽ có ích cho tôi sau này. Cha dạy tôi về các nước trên thế giới bằng quả địa cầu của ông, và cho tôi xem những tấm bản đồ có hình vua Thủy tề Neptune [6] ngồi trên một tảng đá ngầm nhìn vương quốc mệnh mông toàn nhân ngư và thủy quái của mình.

Chị Danes thân yêu không biết đọc hay viết, và chị cũng không muốn học. Thay vào đó, chị lại có thể khâu những đầu ngón tay của các nàng tiên búp bê, mũi khâu nhỏ và tinh vi đến nỗi tưởng như chiếc kim của chị có thể thêu nên cả một câu chuyện. Tôi thường ngồi bên chị hàng giờ liền, cố khâu cho giống như vậy, nhưng không thành công cho lắm.

Cuối cùng tôi cũng khỏe hẳn, cha mẹ tôi định gửi tôi về Highgate với chị Danes để hưởng không khí trong lành ở nông thôn. Tôi sẽ đến ở với chị gái của ông Stoop, người họ hàng đã chết từ lâu của cha tôi. Bà này đã lấy một người giàu có tên là Gearing. Thật tình Beth và tôi không mong đợi chuyển đi này lắm. Tôi chưa bao giờ rời nhà cả, và Highgate dường như cách đây rất xa.

Buổi tối trước hôm tôi lên đường, bà Gearing xuất hiện.

Bà ta ăn mặc tồi tàn hơn bất kỳ người đàn bà nào tôi đã từng thấy và tôi tự hỏi không biết bà có nghèo lắm không. Quần áo của mẹ và tôi được thêu thùa và đính đặngten, nhưng bà Gearing thì chỉ mặc một cái váy len đơn giản màu đen với áo vét, tạp dề trắng hồ bột và một cái cổ áo trơn cũng màu trắng. Mái tóc bà ta vén về phía sau và giấu trong một chiếc mũ có vành rủ xuống làm bà ta trông như một con thỏ đang hoảng hốt. Bà ta ôm theo một bó hoa thơm to tướng, vui mặt vào đó, đứng dựa lưng vào cổng vườn và nhất quyết không chịu vào nhà.

- Chắc chị đến bằng xe ngựa? – Mẹ tôi hỏi.

- Không. – Bà Gearing đáp. – Tôi đi bộ cùng với Chúa và sẽ quay về bằng cách đó với sự phù hộ của Người.

- Tôi không để thế đâu. – Mẹ tôi nói. – Chân chị chắc bị đau rồi. Mời chị ở lại đây với chúng tôi đêm nay. Anh Thomas đã thu xếp xe ngựa để mai đưa Coriander và Danes đến Highgate.

- Đi đi. – Chị Danes thì thầm với tôi. – Đến chào bà ấy đi. Chắc bà ấy ngượng vì không quen với cung cách thành thị.

- Không, không! – “Con thỏ” hét lên khi tôi đến gần bà ta. – Không, tránh xa ra, xin các người!

- Chị Gearing, - mẹ tôi thân mật nói, - chắc có sự hiểu nhầm. Tôi sẽ không dám nghĩ đến chuyện gửi Coriander đến chỗ chị nếu nó hãy còn ốm đau.

- Tôi nghe nói con bé mắc một dịch bệnh chết người. – Bà Gearing nói, hít mạnh vào bó hoa đến nỗi hắt hơi liên tục. Rồi bà ta tuôn ra một tràng, lời nọ vấp lời kia. – Tôi ước là có thể nói con bé đã được cứu thoát bởi ý Chúa, nhưng những lời đồn đại kỳ lạ về nhà chị đã đến tai chúng tôi, và ông chồng tôi đã bảo tôi đến để nói rằng ông ấy tin là phép tiên và ma thuật đã chữa khỏi bệnh cho nó. Chúng tôi là những người biết kính Chúa và không muốn dính dáng gì đến việc làm quỷ dữ!

- Kia chị, thế là thế nào? – Mẹ tôi hỏi.

Bà Gearing giơ tay ra chặn mẹ lại. Mẹ không nhìn nổi nữa và cười phá lên khi bà ta chạy khỏi cổng vườn và lao ra phố.

Nhưng cha tôi không cho rằng chuyện đó buồn cười.

- Thomas! – Mẹ tôi nói. – Bà ta quá ngốc nghếch.

- Bà ấy không muốn con đến ở cùng vì nghĩ con được các bà tiên chữa khỏi. – Tôi xen vào.

- Rõ vớ vẩn. – Mẹ nói.

Gương mặt cha trở nên nghiêm nghị.

- Đây không phải là chuyện đùa đâu. Eleanor thân yêu.

- Thomas, đừng giữ vẻ nghiêm trọng như vậy. Anh không nghĩ bà chị đó là kẻ ngốc sao?

- Anh nghĩ em nên cẩn thận hơn, Elenor. Xin em, hãy vì anh và vì Coriander.

Giọng của cha khiến tôi thấy bất an.

- Thế giới cũ đã bị phá bỏ và giờ đây chúng ta đang phải sống với trật tự mới của những kẻ ngốc. Hãy cẩn thận, em yêu. Họ mang theo mình một vị Chúa không biết dung thứ đâu.

6. Chuỗi ngọc trai

Tôi mới được chín tuổi khi cái thế giới hạnh phúc, vô tư của tôi bị phá hủy và đảo lộn.

Chuyện xảy ra vào một buổi sáng tháng Giêng u ám và lạnh lẽo. Tôi ngồi trong buồng mẹ nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm bầu trời âm u. Bây giờ chỉ cần có tuyết thôi là tôi có thể đi chơi bằng xe trượt tuyết với Edmund Bedwell. Bây giờ cậu ta đã mười hai tuổi còn anh trai cậu mười ba. Ba năm trước, người cha đã lấy cô Tofton và hai cậu đã có một thằng em trai tròn trịa, bụ bẫm như một chiếc bánh put dinh mận. Cả hai đều đang học ở trường Thánh Paul và tôi rất ghen tị với chúng. Tôi cũng đọc thông viết thạo, và luôn khao khát được học hỏi thêm.

Edmund vênh váo bảo tôi rằng việc học tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp là quá sức với trí óc kém cỏi của một đứa con gái.

- Thế còn nữ hoàng Elizabeth thì sao? – Tôi hỏi, chống tay vào hông và cố tỏ vẻ người lớn. – Nữ hoàng đã được dạy tất cả những môn đó và nhiều môn khác nữa.

- Đó là chuyện khác. – Edmund nói. – Người đã từng là một công chúa, không phải là một đứa con gái thường dân như cậu.

- Cái đó chẳng có nghĩa gì cả. Nó chứng tỏ là con gái cũng có thể làm được như con trai. – Tôi quả quyết.

- Cậu sẽ trở thành vợ một thương gia và phải chăm lo cho cả một ngôi nhà lớn. – Edmund

nói. – Tốt hơn là nên học nội trợ. Như thế thì ít nhất cậu cũng có thể có ích cho chồng mình, như cô Patience có ích cho cha tớ. Hãy để đàn ông lo chuyện tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp.

Đôi khi Edmund làm tôi rất bực mình.

- Mẹ có nghĩ là con gái có trí óc kém cỏi không? – Tôi hỏi mẹ trong lúc viết tên mình lên ô cửa kính đóng băng.

- Có phải Edmund Bedwell nói với con như vậy không? – Bà cười hỏi.

Tôi gật đầu.

- Con có một cái đầu thông minh và sắc sảo, mẹ hy vọng sẽ luôn như thế. Edmund Bedwell là một cậu ngốc. Giờ thì con yêu, hôm nay mẹ nên đeo chuỗi hạt nào đây?

- Dễ ợt. – Tôi đáp. – Chuỗi ngọc trai màu hoa hồng.

Mẹ mỉm cười.

- Con chọn khéo lắm. – Bà giờ chuỗi hạt lên trong ánh sáng và ngắm chúng. – Đây là món quà đầu tiên cha con tặng mẹ. Lại đây đeo cho mẹ nào!

Bà trao chuỗi ngọc cho tôi.

- Tại sao những hạt ngọc trai lại mờ đục khi không ở trên cổ mẹ và khi mẹ đeo chúng vào thì chúng lại sáng lên? – Tôi hỏi.

- Hơi ẩm từ da của mẹ làm chúng ẩm lên và sáng ra. – Mẹ tôi đáp, vén những lọn tóc ra khỏi mặt tôi. – Con đúng là có những búp tóc đỏ quăn nhất mà mẹ từng thấy.

- Con ước gì tóc con giống mẹ. – Tôi nói.

- Hãy giữ những điều ước của con. Rồi một ngày con sẽ trở thành một cô gái xinh đẹp. Coriander dễ thương của mẹ.

Chị Danes bước vào phòng trong tiếng lách cách của một khay đầy sôcôla nóng và bánh ngọt.

- Xin bà thứ lỗi. – Chị Danes vừa nói vừa đặt những cái bình và tách bằng sứ lên bàn. – Nhưng bà Mullins đang ở dưới nhà và muốn nói với bà một chuyện riêng, còn bà Potter thì vẫn đến vì chuyện cũ. Lạy Chúa, liệu bà ta có bao giờ biết hài lòng không?

- Kìa, - mẹ tôi mỉm cười đáp, - chúng ta phải tử tế với họ chứ. Chị nói với hai bà ấy là tôi xuống ngay.

Tôi ngồi xuống rót sôcôla cho mẹ và cho mình. Chị Danes cầm chiếc khay và đi ra.

Mẹ tôi khẽ rùng mình khi bà đóng cửa lại.

- Trong buồng lạnh quá. Cửa sổ đang mở đấy à?

Tôi đứng dậy và đúng lúc đó, một cái gì tối sầm và lông lá lao mạnh vào cửa kính khiến nó vỡ tan. Mẹ vẫn đứng bên chiếc gương. Đột nhiên bà nấc lên một tiếng. Tôi quay lại thì thấy bà giờ một tay ra để đứng cho vững. Những gì diễn ra sau đó giống như một giấc mơ. Chuối hạt trai quanh cổ mẹ đứt tung, những hạt ngọc lộp độp rơi xuống như những hạt mưa, nảy tung tung trên ván sàn gỗ. Rồi mi mắt mẹ chớp chớp và nhắm nghiền lại khi mẹ bắt đầu khụy xuống, váy phồng lên tựa như những cánh bướm. Những chiếc trâm cài giữ tóc của mẹ tuột ra trong khi bà ngã. Với một tiếng “bịch” đáng sợ, mẹ ngã, đầu đập xuống cái sàn nhà cứng lạnh tàn nhẫn, cánh tay duỗi ra, mái tóc xõa tung như một biển vàng gợn sóng lấp lánh. Tôi vươn người cố đỡ mẹ và làm văng chỗ sôcôla nóng ra khỏi bàn, những chiếc tách sứ vỡ vụn, chất kem lỏng màu nâu tràn ra sàn, thấm vào áo mẹ như máu.

Một tiếng kêu, một tiếng kêu khủng khiếp phá vỡ sự yên lặng. Dường như nó phát ra từ bên trong tôi. Tôi thấy cánh cửa bật tung và kinh hoàng nhìn chị Danes cũng hai người hầu lộn nhào trong không khí, trượt ngã trên những hạt ngọc trai, nhảy nhót để giữ thăng bằng như người đang đi trên dây.

Cha tôi lao vào phòng. Ông cũng bị trượt ngã nhưng rồi đứng vững lại. Mặt ông trắng bệch. Ông bế mẹ tôi lên giường và nói lỏng áo của bà. Trong khi tôi đứng đó trần trối nhìn, những hạt ngọc trai rào rào lăn qua sàn nhà và biến mất bên dưới các thứ đồ đạc. Tôi quỳ xuống và cố nhặt lấy càng nhiều càng tốt. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ lúc đó là chừng nào chúng không bị mờ hẳn thì mọi chuyện sẽ ổn.

Suốt bốn ngày liên, mẹ nằm im lìm, chìm trong một giấc ngủ sâu. Không phương thuốc nào của bà khiến bà khá hơn. Cuối cùng, mặc cho chị Danes phản đối kịch liệt, cha tôi cho mời bác sĩ.

Bác sĩ Turnbull đã quanh quẩn đợi trước nhà chúng tôi như một con chuột cống, biết rằng thế nào rồi cha tôi cũng phải nhượng bộ. Tôi chưa bao giờ ưa ông ta. Đó là một người rất bần thủ với mái tóc dài nhờn mỡ, người bốc đầy mùi bệnh tật. Ông ta đem hai gã học việc mặt mũi sưng sứa, mang nặng những bình đựng đĩa và các công cụ tra tấn khác. Ông ta tặc lưỡi khi thấy các phương thuốc chị Danes dùng, và bắt phải đốt lửa trong phòng ngủ hòng đẩy lui cơn sốt. Sau đó ông ta đặt những con đĩa đen sì lên làn da trắng mịn của mẹ tôi cho chúng hút máu, và không cho phép mẹ tôi uống bất kỳ thuốc gì ngoài những thứ ông ta đã kê đơn.

Chị Danes bị cấm vào phòng, và bác sĩ Turnbull đặc ý thì thầm với cha tôi rằng chị đã làm người bệnh của ông ta ốm nặng hơn.

Cha tôi mắt đỏ ngầu và mặt tái xanh vì lo lắng, chỉ yên lặng.

- Xin ông hãy đuổi lão ta đi! – Chị Danes cầu xin. – Xin ông, vì tình yêu với bà Eleanor, hãy đuổi lão ta đi!

- Không, tôi không thể, nếu còn có một cơ hội nhỏ nhất để cô ấy qua khỏi.

- Xin ông! – Chị Danes van nài.

Chuyện đó không xảy ra. Lão bác sĩ ở lại.

Cô Patience đèn ngồi trông mẹ tôi, cả ông Bedwell nữa. Điều đặn mỗi ngày, bạn bè và hàng xóm láng giềng đều đến thăm bà.

Mẹ tôi ốm nặng hơn. Bà tái nhợt đi gần bằng những tấm trải giường, và lão bác sĩ vẫn khẳng định ông ta có thể chữa khỏi bệnh cho bà. Phương kế cuối cùng của ông ta là cắt hết tóc của mẹ và đặt hai con bồ câu chết dưới chân bà.

- Ông làm cái trò quái gở gì thế này? – Cha tôi kinh hoàng kêu lên khi nhìn thấy mẹ.

- Tôi đã từng giúp một phu nhân hạ sốt bằng cách này – Bác sĩ Turnbull đáp khi thấy vẻ mặt dữ tợn của cha tôi.

- Ông là một thằng ngốc, và trò này, - cha chỉ vào hai con bồ câu chết, - không hơn gì trò phù thủy. Không, thậm chí còn tồi tệ hơn, vì nó được nguy trang dưới cái vỏ y học.

- Cả đời tôi chưa bao giờ bị lăng mạ đến thế! – Lão bác sĩ kêu lên.

- Thế thì ông lại càng đáng khinh bỉ! – Cha tôi nói và đuổi lão bác sĩ cùng mấy gã học việc ra khỏi nhà.

Thế nhưng, khi lão bác sĩ rời đi, cái chết lại rón rén mò tới. Những con bồ câu được bỏ đi và chị Danes đặt mẹ tôi nằm thật thoải mái. Đêm đó căn phòng chỉ được chiếu sáng bởi một ngọn đèn duy nhất, và hẳn tôi đã được bế về giường mình lúc nào đó trong đêm vì tôi bị đánh thức lúc tờ mờ sáng bởi tiếng kêu của một con dã thú. Tim tôi thót lại vì sợ, tôi không biết tiếng kêu ấy từ đâu đến, chỉ biết hình như nó ở bên trong căn nhà. Tôi nhảy phắt ra khỏi giường và chạy đến phòng mẹ. Cha tôi đang gào lên như thể linh hồn ông đang vỡ tan ra từng mảnh. Chị Danes bồng tôi lên tay.

- Chim sẻ nhỏ của chị, mẹ em chết rồi. – Chị nói.

Vậy là đoạn đời đầu tiên của tôi đã được kể lại, và cùng với nó, một ngọn nến vụt tắt.

Phần II

7. Chiếc bóng tiên

Sáu quả chuông rung lên để báo cho xứ đạo biết một người phụ nữ đã qua đời, nối theo là một quả chuông khác rung đúng số tuổi của người đã khuất. Ba mươi ba tiếng chuông vang lên cho mẹ tôi.

Cha tôi ra lệnh mở tất cả cửa sổ trong nhà để linh hồn mẹ có thể tìm được đường về nhà. Một ngọn gió thê lương thổi tới, khóc than trong những căn phòng, thổi tắt mọi ngọn nến và đem theo một màn sương mờ bao phủ căn nhà rất lâu sau khi các cánh cửa sổ đã được khép lại.

Chị Danes lau rửa và xúc nước hoa cho mẹ tôi một cách dịu dàng như thể bà đang chỉ bị phù phép chìm vào giấc ngủ, mặc cho bà một chiếc áo dài trắng giản dị và che đi mái đầu bị cắt tọc tóc của bà. Mẹ trông thật đẹp và yên bình, làn da trắng như sáp, đôi bàn tay chấp lại cầm một cành hồng nở hoa vào mùa đông lấy từ khu vườn của bà. Những tấm nhiễu đen rủ xuống quanh giường và từ các cánh cửa sổ. Tất cả các bức tranh và gương đều được xoay ngược lại, mặt úp vào tường. Quần áo tang và áo choàng được đặt may ở chỗ ông Thankless và nhẫn tang được mua. Mẹ nằm trên chiếc giường lớn bằng gỗ sồi suốt ba ngày, cha tôi ngồi bên bà, nức nở khôn nguôi và nhắc đi nhắc lại rằng mẹ tôi phải được để nằm đó, rằng bà chỉ đang ngủ thôi, rằng và vẫn có thể thức dậy.

Giống như thể cả thế giới của tôi đã sụp đổ, giống như thể ngôi nhà đã bị mất đi những bức tường. Tôi thức dậy vào buổi sáng, tôi lên giường vào buổi tối như một ai đó khác, một người không có suy nghĩ hay tình cảm gì hết.

Khi ngày tổ chức lễ tang đến, cha tôi gần như phát điên vì đau khổ. Người học việc của ông, Sam phải quần áo cho ông và giúp ông xuống thuyền như thể ông là một ông già chân đi không vững. Không có quan tài, cha tôi không chịu đặt mẹ tôi vào bất kỳ một chiếc quan tài nào hết. Ông muốn thi thể mẹ được đặt thẳng vào lòng đất, nuôi dưỡng đất đai. Bà hẳn cũng muốn như thế.

Những lời thì thầm và đồn thổi càng được thể lan rộng như điều gập gió bởi cái tin gây sốc rằng cha không chôn mẹ trong khu nghĩa địa của nhà thờ. Nó chứng thực những lo sợ tồi tệ nhất của đám hàng xóm, rằng mẹ là một người xa lạ, với dáng điệu thanh thoát diệu kỳ không thuộc về thế giới này.

Trời đã chạng vạng tối khi chúng tôi khởi hành. Mặt nước im lìm. Bầu trời nhả màu xanh đen xám xịt và những bông tuyết rơi lất phất. Không có ai đi cùng chúng tôi. Không có linh mục, không người đi đưa đám, chỉ có tôi, cha, chị Danes, bốn người lái thuyền và hai người hầu. Thi thể mẹ được đặt trên thuyền, bọc trong tấm vải liệm màu trắng. Chúng tôi lặng lẽ đi về phía thượng nguồn, chỉ có tiếng sóng vỗ và nhịp mái chèo khua thay cho khúc cầu hồn. Chúng tôi qua Whitehall, ra khỏi thành phố và đi về phía nông thôn, quay lại vùng đồng cỏ mà mẹ hằng yêu thích.

Trong bóng chiều tà ảm đạm, đồng cỏ không còn chút gì giống với cái nơi chúng tôi đã đến thăm trước kia. Chính ở chỗ này, tôi đã cùng mẹ nhảy múa dưới những vòm lá, trên thảm cỏ đầy hoa dại. Còn kia, nơi mẹ tôi sẽ được chôn trong cái huyệt tựa như một vết thương sâu hoắm trên nền đất, chính là nơi chúng tôi đặt các giỏ thức ăn trong bóng mát, tránh ánh nắng

mặt trời chính ngọ chói chang.

Mỗi người chúng tôi cầm một cây đuốc, ánh sáng của chúng chống chọi lại màn đêm đang kéo đến. Màu trắng của tấm vải liệm quấn quanh người mẹ là thứ duy nhất còn thấy rõ được.

- Chúng ta không là gì hơn ngoài những chiếc bóng được tận hưởng chút thời gian ngắn ngủi để nhảy múa dưới ánh sáng. – Cha tôi nói, nước mắt lăn dài trên mặt. – Trên đời này chưa từng có ai tuyệt vời như em. Hãy tự do bay đi, tình yêu của anh, rồi một ngày kia chúng ta sẽ lại bên nhau. Amen!

Ông ném một cành hoa hồng xuống huyết.

- Chúng ta sống để chết, chúng ta chết để sống trong cõi vĩnh hằng.

Khi cha nói những lời này, tôi nghe thấy một tiếng quạ kêu rất to, và tôi ngẩng lên thì thấy một con quạ đậu trên cây sồi cao trên đầu chúng tôi. Hình thù tối sẫm của nó nổi bật trên nền trời đêm, tiếng kêu của nó phá vỡ sự im lặng như tấm kính bị đập vỡ. Cha tôi nắm chặt tay tôi và kéo tôi lại gần ông hơn để tôi có thể giấu mình trong chiếc áo choàng tang của ông.

Đến lúc này thì tuyết đã bắt đầu xuống rất dày. Hai người đào huyết lấp ngôi mộ cho đến khi mặt đất trở nên phẳng lì. Chúng tôi đứng đó trong giá buốt. Chỉ đến khi cả cánh đồng trở nên trắng xóa và ngôi mộ biến mất dưới lớp tuyết, chúng tôi mới quay về thuyền. Tôi run rẩy khi nghe tiếng kêu ám ảnh của con quạ chào tạm biệt chúng tôi.

Con thuyền quay về, xuôi theo dòng sông cùng thủy triều đang rút xuống. Dòng nước đen. Con thuyền đen. Mẹ đã đem theo tất cả sắc cầu vồng.

Đường như ngày hôm ấy, chúng tôi không chỉ chôn mẹ tôi mà chôn luôn cả một phần của cha tôi, bởi người đàn ông ngồi lì trong phòng, không chịu ăn uống gì kia không có chút gì giống người cha mạnh mẽ mà tôi biết. Khuôn mặt ông hốc hác, mái tóc dài bị chính tay ông cắt đi đâm ra thành từng túm. Ông không buồn cạo râu và dường như không còn nhận ra sự có mặt của bất kỳ ai.

Ngôi nhà thênh thang giờ cho tôi tha hồ chạy nhảy. Tôi có thể làm bất cứ thứ gì mình muốn. Nhưng điều duy nhất tôi mong mỏi là mẹ còn sống. Chị bếp Joan chẳng phải nấu nướng gì, ngồi lặng lẽ bên bàn bếp. Những người hầu thì không thấy đâu. Cả ngôi nhà như bị phù phép. Còn chị Danes cũng bàng hoàng vì cái chết của mẹ không kém gì cha tôi.

Hai tháng lạnh lẽo và chết chóc trôi qua. Những tấm nhiễu đen vẫn rủ xuống trong các phòng. Tấm ga trải giường trên chiếc giường lớn bằng gỗ sồi của cha mẹ vẫn không được phép thay. Ngày nào cha tôi cũng đặt một bông hồng mùa đông lên gối mẹ. Ông không cho phép bất kỳ ai đụng vào váy áo hay đồ nữ trang của bà.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng tình trạng u uất này sẽ kéo dài mãi mãi thì một tối, ông Bedwell đến thăm cha tôi.

Tôi đang ngồi cùng với cha trong phòng khách, cả hai cha con lặng thinh, nhìn đăm đăm vào lò sưởi. Tôi thầm tự kể trong đầu cho mình nghe một câu chuyện về một nàng công chúa và một con rồng. Còn cha tôi đang chìm đắm trong suy nghĩ giạt mình trở về với thực tại khi người hầu vào báo có ông Bedwell đến chơi.

- Nói tôi không có nhà. – Cha đáp. – Tôi không tiếp ai hết.

- Tôi phải nói chuyện với anh, Thomas. – Ông Bedwell nói, đẩy người hầu sang một bên. – Không thể cứ tiếp tục mãi thế này.

- Chẳng có gì để nói cả. – Cha đáp và quay lại với cái lò sưởi.

- Có rất nhiều đấy. Tôi muốn nói chuyện riêng với anh. – Ông Bedwell khẳng khái.

Tôi đứng lên định đi ra nhưng cha tôi nắm tay tôi lại và buộc ngồi xuống cạnh ông.

- Chuyện gì? – Ông hỏi.

- Tôi đến vì một việc rất quan trọng. – Ông Bedwell nói, ngập ngừng nhìn tôi.

- Anh cứ nói tự nhiên. – Cha đáp.

Ông Bedwell bắt đầu đi đi lại lại trước lò sưởi và rồi cũng quay về phía ngọn lửa, nơi chứa đựng phần lớn những suy nghĩ của hai cha con tôi buổi tối đó.

- Anh đang có nhiều kẻ thù địch, và nhiều lời đồn đại.

- Lúc nào mà chẳng có lời đồn đại! – Cha tức giận đáp. – Tôi biết người ta nói Eleanor là một mụ đàn bà kỳ quặc, thậm chí là một mụ phù thủy. Như những thủy thủ sắp chết đuối, bọn họ bám lấy cái hy vọng về một cuộc sống bất diệt và một vị Chúa độ lượng. Và rồi nếu cái đó không làm họ sung sướng được, thì luôn có pháp sư, phù thủy và các bà tiên để đổ lỗi cho những bất hạnh của họ. Đổ lỗi cho tất cả mọi người và tất cả mọi thứ, trừ bản thân mình! Con người mới ngu ngốc làm sao! – Cha cất tiếng cười trống rỗng.

- Thomas, tôi xin anh. Anh không thấy là chúng ta đang sống trong một thời đại đầy rẫy hiểm nguy sao? – Ông Bedwell nói, hai tay dang rộng. – Tin đồn thì lan xa. Anh có thể bị cướp hết tất cả những thứ này ngay ngày mai, không còn gì cả.

- Giờ người ta còn có thể cướp đi cái gì của tôi nữa? – Cha kêu lên, đầu gục xuống. – Chỉ còn địa ngục luôn kè kè bên tôi thôi.

- Tôi biết, và tôi rất thông cảm với anh, nhưng tôi đang nói đến chuyện của cái vật chất kia. Một lời nói bay vào cái tai không thiện ý cũng có thể đem lại tai họa cho anh. Oliver Cromwell đang tịch thu tài sản của những người Bảo hoàng, mà anh thì chẳng bao giờ giấu giếm cái ý nghĩ là đáng lẽ không nên lấy đầu nhà vua. Giờ lại còn chuyện ở Worcester nữa!

Tôi đã biết về sự kiện Worcester qua chị Danes. Chị kể rằng Oliver Cromwell đã đánh bại vị vua mới lên ngôi của Scotland, Charles đệ nhị, ở đó. Nhà vua đã chạy trốn sang Pháp với một giải thưởng treo trên đầu.

- Thế anh nghĩ tôi nên làm gì? – Cha hỏi.

- Hãy tái hôn. Lấy một phụ nữ Thanh giáo.

- Cái gì? Khi Eleanor còn chưa ấm chỗ trong mồ ư? – Cha nói.

- Không ai có thể thay thế Eleanor được. Tôi biết điều đó. Nhưng anh có thể tìm một phụ nữ mà anh chung sống hòa thuận được và sự mộ đạo của cô ta sẽ dập tắt những lời đồn thổi. Nó giúp anh giữ được tài sản và nhà cửa. Tôi có chỗ quen biết ở Bristol có khả năng giúp anh.

- Thật là điên rồ! – Cha tôi kêu lên, nhảy ra khỏi ghế và sải bước đến gần cửa sổ. – Tôi không phải là người Thanh giáo! Tôi không thể đồng tình với họ! – Ông thọc tay vào mái tóc một cách giận dữ và quay lại giáp mặt với ông Bedwell – Anh có thật sự tin rằng chúng sẽ cướp hết tất cả những thứ này không?

- Chắc chắn rồi, anh bạn ạ. Anh biết chuyện gì xảy ra với Needham rồi đấy. Ông ta đã bị làm cho phá sản. Ông ta cũng là một người tự lập, không có người quen trong Nghị viện, không có họ hàng để xin giúp đỡ, không liên quan gì đến Thanh giáo. Chúng ta đang ở giữa một cơn bão khủng khiếp, và tôi sợ rằng nó sẽ càng ngày tồi tệ hơn. Xin anh hãy nghĩ lại, trước khi mất tất cả.

Tối hôm đó, tôi đi ngủ với cảm giác bất an. Tôi thức giấc khi cửa sổ phòng ngủ bị bật tung và mưa táp vào phòng. Tôi phải vật lộn mãi mới đóng nó lại được, mà cánh cửa vẫn lạch cạch như một bộ xương đang rung những khúc xương của nó. Một tia chớp lóe lên, và tôi dám chắc rằng mình nhìn thấy rõ mồn một những con quỷ rồi cái sấu bò lổm ngổm trên tường. Tim đập thình thịch, tôi kéo chăn lên trùm kín đầu, chỉ ước có mẹ ở đây để mọi thứ lại yên ổn như xưa.

Nhưng tôi không ngủ tiếp được nữa nên bước xuống giường và đi ra đầu cầu thang. Cửa phòng làm việc của cha tôi hé mở và một ánh sáng ấm áp hắt ra, soi sáng hành lang lạnh lẽo ảm đạm. Tôi nín thở, rón rén nhón chân xuống cầu thang, hy vọng cùng mỗi tiếng kêu cọt két của bậc thang rằng cha sẽ đến và cứu tôi.

Tôi đứng bên cửa phòng làm việc và ngó vào. Cha đang ngồi bên bàn. Trước mặt ông là một chiếc hộp gỗ mun có khảm những ngôi sao nhỏ lấp lánh dưới ánh nến. Trước kia, tôi chưa từng thấy cái hộp và thật sự tò mò không biết nó đựng gì bên trong. Tôi tiến lại gần hơn, đợi cha ngước mắt lên và hỏi xem tôi đang làm gì. Nhưng khi cha ngẩng đầu, ông nhìn xuyên qua tôi tựa hồ tôi chỉ là cái bóng vô hình.

Tôi đến bên cha và nhìn vào trong hộp. Ở đáy hộp là một cái gì đó óng ánh bạc, mỏng mảnh như một tấm tơ. Tôi thận trọng đưa tay vào hộp và khẽ chạm vào nó.

Tôi giật nảy mình khi đột nhiên cha tôi nắm bắt:

- Lẽ ra mình phải trả nó lại cho nàng.

- Cha phải trả cái gì lại cho mẹ cơ? – Tôi thăm thì. Mắt cha tôi vẫn giữ vẻ mơ màng xa xăm.

- Cái bóng của nàng. Nàng đã đưa nó cho mình vào cái đêm làm đám cưới và nói mình phải giữ nó thật cẩn thận. Nàng nói nếu mình trả nó lại, nàng sẽ không có sự lựa chọn nào khác là phải ra đi, và hai ta sẽ bị chia lìa vĩnh viễn.

Tôi đứng đó và ngắm chiếc bóng lung linh nơi đáy hộp. Nó phát ra một ánh sáng mờ. Nó làm sống lại trong tôi ký ức xa xăm về một chiếc gương mà tôi đã từng nhìn vào.

- Giờ mình không biết liệu mình đã làm đúng hay không. – Cha tôi nói tiếp. Rồi ông kêu lên: -

Lạy Chúa, điều con đã làm có đúng không?

Tôi hỏi thật khế:

- Cha ơi, mẹ con có phải là một nàng tiên không?

Cha ngẩng lên, có vẻ như giờ mới thấy tôi, ông hỏi:

- Con đang làm gì ở đây vậy, Coriander?

- Gió làm con tỉnh giấc, con sợ. – Tôi đáp.

Ông nhìn xuống chiếc hộp và vội đóng nó lại.

- Con đứng đây đã bao lâu rồi? – Ông hỏi.

- Chưa lâu lắm. Đó có đúng là một chiếc bóng của tiên không cha?

- Trong đó không có gì cả. Cái hộp này rỗng không. – Cha tôi xẵng giọng đáp.

- Nhưng con đã nhìn thấy...

- Chẳng có gì hết! – Cha tôi ngắt lời. – Con không nhìn thấy gì hết, không nghe thấy gì hết!

Rồi ông tiếp lời, giọng nhẹ nhàng hơn:

- Chẳng có gì ngoài một câu chuyện thần tiên.

8. Điều sẽ đến

Tôi ước sao mình có thể gỡ hết những nút thời gian đang quăn rối tung vào với nhau. Nếu tôi làm được thế, mẹ tôi sẽ vẫn còn ở đây và mọi chuyện đều tốt đẹp. Nhưng mọi chuyện chẳng tốt đẹp chút nào, và tôi tự hỏi liệu có bao giờ chúng trở lại như xưa.

Vài tháng sau cái chết của mẹ, cha tôi trở về từ Bristol nói rằng ông đã gặp một bà quả phụ mộ đạo tên là Maud Leggs, và mọi việc đã được sắp xếp. Họ sẽ làm đám cưới vào thứ tư tới.

Tôi muốn kêu lên “Xin cha hãy đợi đã!”, nhưng vẻ mặt cha nói với tôi rằng làm thế không khôn ngoan chút nào. Từ khi mất mẹ, cha đã trở thành một con người ủ rũ, tính khí thay đổi thất thường: một con tàu chao đảo trên biển cả mịt mù bão tố, bị những cơn bão vô hình cuốn phăng đi, bản đồ và ngôi sao dẫn đường biến mất. Chị Danes gọi cha là một người bị nguyên rủa.

Ngày làm lễ cưới đã đến. Cha trở nên khó chịu không kém gì tiết trời ẩm thấp, ông tìm ra sai sót ở những chi tiết vụn vặt nhất. Nào là nước không đủ nóng, áo sơ mi làm ngứa da, giày thì quá chật, người hầu thì chậm chạp, cà phê quá nguội.

Mọi việc cứ thế tiếp diễn cho đến khi ông bà Bedwell tới để cùng cha đến nhà thờ. Tôi rất muốn đi cùng, nhưng cha cho là không cần thiết, vì buổi lễ sẽ rất đơn giản. Ông không chịu tổ chức linh đình, nói rằng như vậy không thích hợp. Điều này khiến mọi người bàn tán rất nhiều, nó chứng tỏ cha tôi có điều muốn giấu giếm. “Xong sớm chừng nào hay chừng ấy!” cha nói với tôi như vậy trước khi đi.

Cùng với Beth, con búp bê yêu quý của mình, tôi đứng nhìn qua cửa sổ, đợi họ quay về.

Trời mưa khá nặng hạt khi cánh cổng vườn cuối cùng cũng mở ra. Cha tôi bước vào cùng một người đàn bà to lớn không ra hình thù gì, bước đi lạch bạch như ngỗng, theo sau là một cô bé dài ngoẵng như quả đậu, trông có vẻ vụng về và ngượng nghịu. Cha mau chóng đưa họ vào trong nhà. Những người đến dự đám cưới đứng cả trong tiền sảnh để rũ nước mưa ra khỏi mũ áo. Những người hầu lằng xằng chạy tới, đón lấy những tấm áo choàng ướt sũng và ráng tiếp chuyện khách khứa trong khi họ bị bỏ đứng đó, nom như một đám hỗn tạp trong một bức vẽ.

Bà mẹ kế của tôi chẳng lấy gì làm xinh đẹp. Bà ta người mập lùn, dáng người bè bè với khuôn mặt giống một củ khoai tây vừa gọt vỏ. Mặt bà có những vết rỗ sâu, cái miệng mỏng dính, hai con mắt bé tí sáng quắc và một cái mũi hếch lên như mõm lợn, sinh ra để đánh hơi và khụt khịt. Người bà ta bốc ra mùi sữa đã bị chua. Còn giọng nói thì cho tôi biết bà ta không phải sinh trưởng ở thành phố.

- A, - cha tôi kêu lên, vẻ mặt căng thẳng của ông giãn ra vì cuối cùng cũng có cái để nói. – Đây là con gái tôi, Coriander. Coriander, đây là bà Maud Leggs, còn đây là con gái bà ấy, Hester.

- Không phải ông định nói là bà Hobie đấy chứ, thưa ông? Bây giờ tôi đã là vợ ông rồi cơ mà! – Maud nói, cười với cha tôi và phô ra những chiếc răng cái mả.

Nghe những lời của bà ta, cha tôi có sựng sốt như chột tỉnh ngộ, như thể lời thần chú đã bị phá bỏ và đến bây giờ ông mới nhận ra sự thật của điều mình đã làm.

Mẹ kế nhìn xuống tôi và nói:

- Coriander à, đúng là một cái tên buồn cười.

- Coriander là một cái tên rất thân thiết với tôi. – Cha nói. – Mẹ con bé đã đặt cho nó cái tên ấy.

Maud nhăn mũi vẻ không tán thành và khụt khịt:

- Đó không phải là một cái tên Cơ đốc.

Cha tôi lờ mụ đi và nói tiếp:

- Đây là chị Mary Danes, quản gia.

Tôi có thể thấy rõ qua cái cách mụ nhìn chị Danes là chuyện này không làm mụ hài lòng chút

nào. Tiếp đó là một khoảng lặng khó chịu.

- Đi nào. – Ông Bedwell nói, vội vã nắm lấy cánh tay Maud. – Chắc chị đói lắm rồi. Tôi nghe nói chị đã phải đi một quãng đường rất xa.

- Chúng tôi đi với phúc lành của Chúa và ơn huệ của Người. – Maud nói.

- Đúng vậy. – Ông Bedwell đáp và dẫn mụ vào phòng ăn.

Hester ở lại ngoài tiền sảnh.

- Em bao nhiêu tuổi? – Cô khẽ hỏi.

- Chín tuổi. Thế còn chị? – Tôi hỏi.

- Mười hai. – Hester trả lời.

- Hester! – Bà mẹ hét lên, to đến nỗi cả hai chúng tôi giật thót mình.

- Tôi đã làm gì thế này? – Cha lẩm bẩm khi Hester đã đi ra. Ông đứng nhìn lên cầu thang với vẻ khao khát như chờ đợi ai sẽ xuất hiện ở đó.

- Sẽ ổn cả thôi mà cha. – Tôi nói, cố kéo ông vào phòng ăn cùng với khách khứa.

Ông Bedwell lại bước ra tiền sảnh.

- Ông bạn hàng xóm thân mến, chúng tôi đang đợi anh đấy!

- Cái gì đã khiến anh nghĩ rằng bà ta là một người vợ thích hợp với tôi? – Cha tôi hỏi.

- Bà ấy được giới thiệu với tôi khi tôi ở Bristol, bởi một phu nhân rất đáng kính và hiểu rõ tình cảnh của anh. – Ông Bedwell đáp, vỗ lên lưng cha. – Phu nhân kia nghĩ rằng và Leggs đáp ứng được những gì anh cần. Anh phải cho cô ấy một cơ hội chứ! Tâm hồn mới là cái quan trọng, chứ không phải hình thức bên ngoài. Cromwell đã từng nói gì nhỉ? “Hãy vẽ cả mụ cóc cho ta cũng được.”

- Tại sao tôi phải quan tâm xem người khác nói gì? Lẽ ra tôi không nên làm điều này. – Cha đáp.

- Biết đâu đây lại là điều tốt? Ít ra Coriander cũng có bạn chơi cùng, mà trông bà ấy không phải loại đàn bà hiểm mụ đâu. Rồi một ngày kia, Thomas ạ, anh có thể có một đứa con trai.

- Với mụ ta ư? – Cha tôi nói.

- Đi nào! – Ông Bedwell nói, cương quyết nắm lấy tay cha tôi kéo đi. – Ra với mọi người thôi!

Bữa tiệc cưới diễn ra trong im lặng, những câu chuyện phiếm lẻ tẻ đã cạn từ lâu. Maud nhìn quanh phòng và tuyên bố mụ không thích *chúng*. *Chúng* ở đây là những bức tranh treo trên

tường. Theo ý mẹ, thà tường không trang trí gì còn hơn là treo những bức vẽ có thể gọi ra những suy nghĩ không đúng đắn và không kính Chúa.

- Ô, một bà chủ nhà mới, một cây chổi mới để quét sạch cả ngôi nhà. – Ông Bedwell tiếp lời, cố giữ cho câu chuyện kéo dài. – Tôi dám chắc là sẽ có nhiều thay đổi. Như khi tôi cưới Patience yêu quý của tôi...

- Nhiều gương quá. – Maud ngắt lời. – Chúa không bao giờ dùng gương cả.

Tôi thắc mắc không hiểu làm sao mà bà ta biết được điều đó, và tôi đang định hỏi thì bà Patience, hy vọng có thể đổi đề tài, lên tiếng:

- Coriander đang học tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp.

Maud trông đầy vẻ bị xúc phạm, như thể cả một cái bô đầy đồ dơ vừa đổ ngay vào chân mẹ.

- Tôi là một người đàn bà chất phác, Chúa cho tôi trí óc như thế nào thì tôi chấp nhận như thế. Một đứa con gái biết đọc thì có ích lợi gì cơ chứ?

- Tất nhiên là có chứ. – Ông Bedwell tốt bụng trả lời. – Đó là một việc rất tốt...

Maud lại ngắt lời ông ta:

- Tôi không biết đọc hay viết, và cũng không cho phép bất kỳ đứa con gái nào của tôi dính vào chữ nghĩa cả. Tôi tin rằng trí óc đàn bà con gái quá yếu kém cho những thứ như vậy, có chữ nghĩa vào chỉ tổ làm loạn thêm thôi. Không, tôi sẽ để việc đọc Kinh thánh và những việc kiểu đó cho cái đầu thông thái hơn của đàn ông.

Cha tôi giờ đang nốc rượu như nước lã.

Maud nheo mắt nhìn tôi:

- Sách vở và những cái tên buồn cười chẳng đem lại cho bọn con gái điều gì tốt đẹp hết, chỉ khiến chúng nảy sinh những ý nghĩ tội lỗi mà thôi.

Sau đó thì không ai còn gì để nói nữa.

Chúng tôi chờ đợi được giải thoát như các giáo dân tại một buổi nghe giảng kinh Chủ nhật dài lê thê. Rốt cuộc, ông Bedwell hăng giọng và nói ông rất tiếc phải rời một cuộc họp mặt vui vẻ thế này, nhưng bà Patience đang có mang nên cần được nghỉ ngơi. Cha tôi, lúc này bước chân đã hơi loạng choạng, khẳng khăng đòi tiễn họ ra tận cửa và kéo tôi theo.

- Lẽ ra tôi không bao giờ nên làm việc này. Tôi thấy như mình vừa bị bịp vậy. – Cha nói với ông Bedwell khi chúng tôi ở ngoài vườn.

- Rồi sẽ ổn cả thôi. – Ông Bedwell an ủi.

- Chúng tôi chẳng có gì giống nhau cả. Chúng tôi sẽ nói gì với nhau đây? – Cha hỏi, bám chặt vào cánh tay ông Bedwell.

- Anh hãy cứ thử xem sao đã. – Ông Bedwell nói. – Tất cả chỉ để cho mọi việc tốt đẹp hơn mà thôi.

Cha nhìn theo ông bà Bedwell khi họ lên xe và đi về nhà. Một cách chậm chạp, ông đóng cổng vườn lại và cầm tay tôi. Rồi ông nói, gần như thì thầm:

- Cha xin lỗi.

Và trong một lát, chỉ một lát thôi, tôi lại nhìn thấy người cha trước kia của tôi, người cha tốt bụng và hiền từ thường xoay tôi trên tay như một chiếc cối xay gió, người cha thường mỉm cười và biết yêu thương. Một giọt nước mắt lăn dài xuống má ông. Ông khịt mũi, lau nó đi, và tay trong tay, chúng tôi từ từ quay trở lại phòng ăn, thấy Maud đang ngồi với con gái, chiếc đĩa của mụ chất đồ ăn cao ngất.

- Đồ đạc ở đây, ông chồng thân mến của tôi, - mụ nói, miệng đầy thức ăn, - quá diêm dúa. Như thế là không trong sạch. Chân bàn chạm khắc và vẽnh ra ngoài như thế kia chỉ mời gọi Quỷ dữ đến mà thôi.

Cha tôi nhìn mụ chăm chăm, vẻ hoang mang.

- Ngôi nhà này phải được chuẩn bị để đón Chúa Jesus Christ quay về, bởi vì khi Người quay lại thành phố của chúng ta và lên ngôi vị chính đáng của Người, Người sẽ cần một bữa ăn tốt lành trong một ngôi nhà biết kính trọng Người. Ông có nghĩ như vậy không?

Cha tôi lặng thinh. Maud không hề bối rối trước sự im lặng của ông, nói tiếp:

- Người hân sẽ rất đói. Bữa Tối Cuối Cùng cách đây đã lâu lắm rồi.

Một âm thanh ghen ngào phát ra từ họng cha. Ông đi đến bàn, lại rót đầy cốc và uống cạn chỉ bằng một hớp.

- Vậy đó. – Maud khoanh tay trước bộ ngực đồ sộ và lắc lư người như một con gà mái trước khi đẻ trứng. – Sẽ có thay đổi trong cái nhà này.

Mới đầu, tôi nghĩ Maud khá ngốc nghếch và ngoại trừ con gái mụ ra thì không ai có thể sợ một người đàn bà tin vào những điều ngu ngốc đến thế, như nói rằng Chúa Jesus không bao giờ cười hay rằng con gái có đầu óc kém cỏi. Nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra là mặc cho vô số câu ngớ ngẩn mụ tuôn hằng ngày, có một điều gì đó ám muội ở bà mẹ kế mới của tôi.

Trong mấy tuần đầu, mụ bận rộn như một con chồn béo mập, đánh hơi chỗ này, rình mò chỗ kia, đôi mắt tí hí nhòm ngó vào mọi góc ngách. Phòng ngủ của tôi bị mụ chê bai nhiều nhất bởi nó có những bức tranh không liên quan gì đến Kinh thánh với quá nhiều chỗ thếp vàng và quá nhiều chữ viết.

- Chị nghĩ là nó rất đẹp. – Hester thì thầm với tôi.

Maud với đôi tai thính không bao giờ bỏ sót một âm thanh nào quay phắt lại phía cô con gái.

- Chúa có bảo mày lên tiếng không?

- Không ạ. – Hester trả lời, người co rúm.

- Thế thì ngậm miệng lại. – Maud nói và tát mạnh lên má Hester. – Mày đúng là cái gai trong mắt tao.

Rồi mẹ bỏ đi xem một món đồ bạc trong tủ buýp phê.

- Chị không sao chứ? – Tôi hỏi.

Hester gật đầu.

- Chị luôn làm điều gì đó sai, nói điều gì không phải hoặc đứng không đúng chỗ.

Maud quay lại.

- Câm đi! – Bà ta nói, kéo Hester ra cách xa tôi. – Nếu không thì nhân danh Chúa, tao sẽ xem xem có phải nện cho mày một trận nữa không.

Chỉ có hai phòng mà bà mẹ kế mới của tôi không được bước chân vào. Thứ nhất là phòng làm việc của cha tôi. Điều này khiến mẹ hết sức bức tức. Căn phòng còn lại là phòng chung cất. Maud không để ý tới nó cho đến khi thời tiết đã tốt hơn và mẹ có thể xoi mói khu vườn của mẹ tôi.

- Tất cả các loại hoa kỳ dị không biết kính Chúa này sẽ bị nhổ đi hết. – Mẹ gầm gừ, lạch bạch bước ra vườn vào một sáng cuối xuân. – Ta sẽ trồng thay vào đó các loại cây Cơ đốc, với những cái tên tiếng Anh giản dị.

- Tôi nghĩ bà nên hỏi ông chủ trước khi nhổ bất kỳ cái gì. – Chị Dames nói.

Maud không thèm để ý tới chị. Mẹ bước đến phòng chung cất và dí sát mặt vào kính cho đến khi hơi thở của mẹ làm tấm kính cửa sổ mờ đi.

- Cái gì đây?

- Đó là phòng chung cất của bà chủ đã mất. – Chị Danes đáp.

- Đúng như ta nghĩ, một nơi của quỷ dữ để chế ra bùa mê thuốc lú. Chìa khóa đâu?

- Chìa khóa ở chỗ ông Hobie. – Chị Danes đáp.

- Đừng có lừa ta. – Maud nói. – Mi có chìa khóa.

Chị Danes nhắc lại những gì chị vừa nói. Vậy là Maud bắt đầu lấy hết sức mình xô và đập vào cánh cửa.

- Có cần tôi đi gọi ông chủ không? – Chị Danes hỏi.

Maud thôi không đẩy cửa nữa, mẹ đã hết cả hơi.

- Không cần phải làm phiền ông chồng tử tế của ta làm gì. Đây là chuyện tự ta thu xếp được.

- Tôi nghĩ rằng ông chủ sẽ có đôi điều cần nói về việc bà xô đổ cánh cửa phòng chung cất đấy. – Chị Danes bình tĩnh nói.

Lúc này Maud đã giận dữ như một con ong bắp cày. Hester bước lui lại trong khi Maud dậm chân và dấm nắm tay béo múp của mẹ lên cánh cửa lần nữa. Cuối cùng thì mẹ đành bỏ cuộc và kéo Hester vào trong nhà.

- Sao, Hester, mà nghĩ thế nào? – Mẹ thét hỏi.

Hester dán mắt vào sàn nhà như thể tất cả lời lẽ đã rơi đi đâu hết.

- Xin Chúa hãy ban cho con sức mạnh để chịu đựng đứa con ngu dần này. – Maud nói. – Mà không nghĩ là có chuyện gì kỳ lạ hay sao? – Mẹ lại hét lên.

Hester vẫn khiếp sợ lặng thinh.

- Quả là quái lạ. – Maud nói, giọng dấm nắm lên. – Quái lạ là vợ lại không được phép vào phòng làm việc của chồng. Quái lạ là cái phòng chung cất lại bị đóng kín, không cho tao vào. Tao nghĩ điều này còn hơn là quái lạ nữa.

Hester lùi lại.

- Tao bảo cho mà biết, chắc chắn Quỷ sứ đang đợi ở trong cái vườn ấy dưới lốt một con mãng xà! – Maud tiếp tục phun.

- Xin đừng nói như thế, mẹ, con xin mẹ! – Hester nói, run rẩy vì sợ hãi.

Maud buông Hester ra và quay sang chị Danes.

- Ta dám chắc đã có chuyện yêu thuật trong cái nhà này. – Mẹ khịt khịt mũi.

Hester buột ra một tiếng thút thít.

Tôi đứng đó, bàng hoàng trước những lời nói của mẹ. Trong vườn không có con mãng xà nào hết, chỉ có các loại thảo mộc và hoa có thể chữa lành bệnh mà thôi.

- Mẹ đang trố mắt nhìn cái gì vậy? – Maud quay sang tôi quát.

- Không có gì cả! – Tôi đáp.

- Mẹ có biết cái chìa khóa ở đâu không?

- Không!

- Lại đây, con lỗi con này...

Chị Danes đến đứng chắn trước tôi, vươn thẳng người lên để Maud không tóm được tôi.

- Có lẽ bà nên đi nghỉ, bà chủ ạ. Bà đang khó ở đấy. Tôi sẽ bảo ông chủ gọi bác sĩ.

Mụ mẹ kế của tôi ngồi phịch xuống một chiếc ghế, chân dạn ra. Thân hình mụ bè ra như một bó vải chưa cuộn khổng lồ.

- Ta không cần mi xía vào. – Mụ gầm gừ. – Đi ra ngay, hai con phù thủy kia. Ta biết bọn mi định làm chuyện yêu ma gì rồi. Bọn mi định đem cơn đau răng của ta đến chứ gì!

Chúng tôi rời nhà trước khi mụ có cơ hội thay đổi ý kiến. Ra ngoài phố rồi mà hai chị em vẫn còn nghe thấy tiếng chửi mắng the thé của mụ.

Chị Danes sải bước dài và quả quyết đến nỗi tôi phải lật đật chạy theo mới kịp. Tôi hy vọng chúng tôi đang đến gặp cha và cho ông biết sự thật về Maud vì tôi dám chắc rằng nếu không có chị Danes thì cả tôi cũng phải chịu đựng cơn thịnh nộ của mụ.

Tôi ngạc nhiên thấy chị Danes lại đi tới cửa hiệu thợ may ở trên cầu London.

Khi chúng tôi tới nơi thì Gabriel Appleby, cậu học việc của ông Thankless, đang đỡ một phụ nhân với một gói hàng cồng kềnh lên một chiếc kiệu.

- Kia chị Danes tôi có thể giúp gì chị? – Gabriel vui vẻ hỏi.

- Tôi cần nói chuyện riêng với ông chủ của cậu. – Chị Danes đáp.

- Được thôi. – Gabriel nói và dẫn chúng tôi qua gian hàng, bước lên cầu thang gỗ nhỏ dẫn tới chỗ ở của ông Thankless.

- Chị Danes, thật mừng được gặp chị. – Ông Thankless nói.

Nhưng thấy vẻ mặt của chị Danes, ông hỏi:

- Chị có sao không? Trông chị xanh quá.

- Tôi đến xin ông giúp cho một chuyện. – Chị Danes nói. Trước kia ông đã rất tốt với chúng tôi, giờ tôi lại phải trông cậy và lòng tốt của ông và nhờ ông giúp đỡ.

Ông Thankless mời chúng tôi ngồi và đi lấy một ít rượu vang cùng bánh ngọt.

- Tôi có thể giúp gì được?

- Như ông đã biết đấy, chúng tôi đã có bà chủ mới. Bà ta chẳng có gì tốt đẹp hết. Giờ bà ta lại tin rằng khu vườn là công trình của Quỷ sứ.

- Làm sao có thể như vậy được! – Ông Thankless kêu lên.

- Còn về phòng chung cất thì bà ta nói rằng đó là nơi chế ra bùa mê thuốc lú. Bà ta đã đòi có chìa khóa rồi, và tôi tin rằng bà ta sẽ chẳng ngại gì mà không phá hoại hết các thứ thuốc của bà chủ tôi một khi vào được phòng, bà ta tin rằng đó là yêu thuật.

- Trời đất quỷ thần ơi, thế giới này đang đi đến đâu vậy? – Ông Thankless nói. – Tôi rất sẵn

lòng giữ các thứ thuốc ấy giúp chị. Tôi có một căn hầm khô ráo, có thể cất chúng trong đó được. Thật khủng khiếp nếu những phương thuốc ấy bị mất đi. Trước kia, chính tôi đã từng bao lần được chữa khỏi nhờ một trong những cái lọ tí xíu ấy, cả bạn bè và hàng xóm của tôi nữa.

- Bà chủ mới là một người Thanh giáo rất cuồng tín. – Chị Danes kéo ghế lại gần và thì thầm với ông thợ may. – Tất cả những chuyện này có gì đó không ổn. Một điều gì ám muội mà tôi không hiểu được.

Tôi đứng dậy đến bên cửa sổ nhìn xuống con phố đông đúc bên dưới. Chính lúc đó, lần đầu tiên tôi nhìn thấy lão gù. Lão ta mặc toàn đồ đen và đang đứng ở ngưỡng cửa của cửa hàng bên kia đường. Chiếc mũ cao của lão được kéo thấp xuống, một cặp kính xanh che kín mắt lão, nhưng tôi cảm thấy lão đang nhìn thẳng vào tôi và thấy rợn sống lưng.

- Hẹn chị ngày mai. – Ông Thankless nói.

- Chúa phù hộ ông. – Chị Danes nói, đứng dậy ra về. - Đi nào, mình phải về nhà thôi, chim sẻ nhỏ của chị.

Tôi nhìn xuống một lần nữa.

Lão gù đã biến mất.

9. Giậu đồ bìm leo

Bà mẹ kế của tôi tựa như giống cây bìm bìm. Chúng mọc ở những nơi không ai muốn có, chậm chạp vươn dài những tua cuốn dính nháp bám lên mọi thứ. Mụ đã ở trong ngôi nhà được chín tháng và tôi đếm từng phút, từng giờ, từng ngày. Từng chút, từng chút một, mụ bóp nghẹt mọi niềm vui hằng ngày của tôi, chỉ để lại sự rầu rĩ và đôi đầu gối đau nhức. Bởi vì có rất nhiều lời cầu nguyện phải đọc, nhiều ghế dài trong nhà thờ phải ngồi, nhiều bài thuyết giáo phải nghe, và nhiều điều phải cảm ơn Chúa Lòng Lạnh. Cảm ơn Chúa về bà mẹ kế của tôi là một điều rất khó khăn, vậy là thay vào đó, tôi cảm ơn Người về chị Danes.

Căn phòng duy nhất trong nhà vẫn còn gợi nhớ đến những ngày xa xưa là buồng ngủ của tôi với những bức tường đầy tranh vẽ vẫn ngời sáng lung linh như một phép màu.

- Những bức tranh này kể chuyện gì vậy? – Một hôm Hester hỏi khi chỉ có hai chị em ngồi trong phòng.

- Đó là những chuyện cổ tích mẹ vẫn thường kể cho em nghe. – Tôi đáp. – Chị có muốn nghe không?

Hester gật đầu. Thế là tôi kể cho cô nghe câu chuyện về một nàng công chúa bị nhốt trong

tòa tháp bởi mù phù thủy độc ác và được cứu bởi một chàng thợ may nghèo đã lừa cho mù biến thành nhỏ xíu đến mức chui lọt qua lỗ kim. Hester bật cười khi nghe đến đoạn ấy.

Khi tôi kể xong, cô lo lắng hỏi:

- Thế Chúa ở đâu?

- Chúa không có trong câu chuyện này. Chúng là chuyện cổ tích mà.

Hester suy nghĩ một lát.

- Em có nghĩ là Chúa không thích chuyện cổ tích không?

- Em không biết. Có lẽ là không. – Tôi nói. – Cũng có thể là có, nếu mẹ chị nói đúng về Người. Theo như mẹ chị nói thì có vẻ Người không thích rất nhiều thứ.

Hester ngắm những bức tranh trên tường một lần nữa.

- Chị ước gì không phải như thế. – Cô buồn bã nói.

Hester luôn bị mẹ lôi ra làm bịch bông để quật roi lên cho hả cơn tam bành của mẹ. Maud đâm đá và đánh cô bất kể khi nào mẹ muốn, mà khốn thay, mẹ muốn thế khá thường xuyên. Một hai lần gì đó, mẹ quyết định quật cả tôi, nhưng chị Danes không bao giờ để chuyện ấy xảy ra.

Tuy nhiên, khi có mặt cha, mẹ trở thành hiện thân của sự tử tế, luôn bám chặt lấy quyển Kinh thánh và hỏi cha xem liệu ông có vui lòng đọc to lên cho mẹ nghe không. Những đoạn Kinh mẹ ưa thích nhất đều dính dáng đến nạn Hồng Thủy, đại dịch châu chấu và những dòng sông máu. Hễ có chuyện giết chóc là mẹ liền tỏ ra rất vui sướng, thích thú với những giây phút đau khổ mà những con chiên của Chúa phải chịu đựng.

- Đây chính là lịch sử nước Anh. – Một hôm mẹ nói, ôm chặt quyển Kinh thánh vào ngực. – Nó nói về quá khứ của chúng ta và báo trước cả tương lai nữa.

Tôi thì không dám chắc như thế, nhưng tôi biết tốt hơn là không nên nói ra.

Cha tôi có vẻ đã có kinh nghiệm trong cách lảng tránh câu chuyện và thường chỉ lặng lẽ ngồi ăn, đầu hơi nghiêng sang một bên như thể đang nghe những gì bà mẹ kể của tôi nói. Nhưng tôi biết sự thực là lúc đó ông đang ở cách xa hàng ngàn dặm với những ý nghĩ lang thang ra tận biển khơi.

Chỉ khi nào mẹ bắt đầu gây sự với chị Danes thì cha tôi mới lên tiếng.

- Bà hãy để cho các thứ trong nhà được yên. Tôi thích chúng để nguyên như vậy.

Bà mẹ kế của tôi có vẻ bề mặt. Rõ ràng mẹ đã tưởng mình vớ được một ông chồng không có lỗi, một người sẽ đồng ý mọi việc. Một người im lặng có thể khiến người ta tưởng lầm là bất kỳ cái gì cho đến khi ông ta mở miệng.

- Tôi chỉ muốn cất đi một vài thứ, những món đồ mà tôi biết Chúa Jesus sẽ coi là không

thích hợp. – Mụ nói.

- Nhưng hiện giờ, tôi sẽ hài lòng hơn nếu ngôi nhà này thích hợp với tôi. – Cha tôi lạnh lùng đáp. – Khi Jesus đến, nếu ông ta có đến thật, thì hãy để chính ông ta tháo bỏ các bức tranh và di chuyển các thứ đồ đạc.

- Tất cả những gì tôi làm chỉ là để cho tâm hồn ông được thanh thản, ông chồng chất phác của tôi ạ! – Maud nói nhỏ với giọng của người bị xúc phạm. – Tôi làm việc ngày đêm để cho ông trở thành người ngoan đạo và ngôi nhà này sẵn sàng để đón Chúa.

Cha tôi thở dài cầm lấy mẫu thuốc và tờ báo rồi rút lui về phòng làm việc.

Bà mẹ kế bức bối nhìn theo cha.

- Ta sẽ làm chủ cái nhà này. – Mụ hỗn hển lẩm bẩm. – Và không có con đầy tớ của phù thủy nào ngăn được ta.

Mụ gọi chị Danes như vậy bởi theo như tất cả những gì mụ biết thì chị Danes chính là gốc rễ của mọi sự xấu xa.

Mọi chuyện trở nên căng thẳng vào một ngày giặt đồ. Mỗi tháng hai lần, chị Danes lại đi thuyền qua sông Thames đem tất cả đồ cần giặt của chúng tôi đến tiệm giặt là ở Southwark. Chị ở lại đó cả ngày để đảm bảo rằng chúng được giặt sạch cho đến khi chị hài lòng mới thôi. Các món đồ vải lanh sẽ trở về nhà khi đã được ủi và gấp cẩn thận, thoang thoang mùi oải hương.

Bà mẹ kế của tôi quyết định không cần đem đồ giặt đi đâu hết, mà phải giặt ngay tại nhà. Mụ không chịu nghe bất cứ lời khuyên nào của chị Danes. Vậy là vào buổi sáng thứ hai ẩm thấp nhất trong tháng, sau khi trời đã mưa không dứt suốt ba ngày liền, công việc giặt giũ bắt đầu. Vì không có chỗ để phơi khô, những tấm vải phủ giường sũng nước được đem vắt lên các lan can và xà nhà. Cả ngôi nhà trông như một sạp hàng phủ đầy vải lanh ướt.

- Tại sao nó lại không chịu khô nhỉ? – Maud nói, đôi chân ngắn ngủn dậm xuống sàn, trong khi những tấm vải ướt nhỏ nước xuống xung quanh mụ như thể những đám mây trĩu nặng nước mưa ngoài trời đã chui cả vào trong nhà cho ẩm vậy.

- Thưa bà, - Chị Danes lễ độ nói, - chúng tôi vẫn thường đem đồ đến hiệu giặt là rồi lấy chúng về khi chúng đã được giặt ủi sạch sẽ và khô ráo. Chúng tôi chưa bao giờ giặt giũ ở nhà như thế này. Ông chủ sẽ không thích vậy đâu.

- Sao mi dám nói với ta ông chủ sẽ thích hay không thích cái gì! Ta đã bảo rằng làm như thế thật phí tiền, trong khi ở nhà có vô số kẻ hầu người hạ ăn không ngồi rồi. – Maud quát lên.

Tối đó cha về nhà và không hài lòng chút nào khi thấy la liệt vải ướt rỏ nước từ cầu thang xuống sàn nhà bên dưới. Ông còn bức bối hơn khi phát hiện không có bữa tối vì chị Joan bận đun hàng nồi nước sôi phục vụ việc giặt giũ đến nỗi không kịp chuẩn bị đồ ăn.

- Thế này là sao? – Ông hỏi. – Chúng ta đã sa sút đến mức phải mở hiệu giặt là hay sao?

- Không, ông chồng tốt bụng của tôi. – Bà mẹ kế tôi trả lời. – Tôi nghĩ không nên tiêu tốn tiền bạc của ông và đã quyết định sẽ giặt đồ ngay ở nhà.

- Thừa bà, - cha tôi nói, - xin bà hãy để ý tới những lời khuyên của chị Danes về việc nội trợ. Chị ấy đã làm quản gia ở nhà này từ những ngày đầu. Chắc hẳn bà đã có quá nhiều việc phải làm rồi, không cần phải bận tâm đến chuyện giặt giũ làm gì.

- Nếu tôi đã xúc phạm đến ông thì xin Chúa hãy trừng phạt tôi. – Maud kêu lên.

Và tôi rất lấy làm sung sướng khi Chúa trừng phạt cụ thật, bằng một cơn đau răng. Cơn đau tồi tệ đến nỗi cụ phải nằm bẹp trong buồng.

- Liệu bà ta có chết không? – Tôi hỏi, khắp khởi hy vọng.

- Không, chị không nghĩ thế đâu. – Chị Danes đáp.

Sau hai ngày rên rỉ than vãn, Maud đòi mời bác sĩ Turnbull đến. Lần này thì cha tôi mời ngay ông ta mà không hề lưỡng lự. Tôi thích thú được gặp lại con chuột cống già ấy và chỉ mong ông ta đem theo người bạn và người giúp việc là Thần Chết.

- Ông có cần chim bồ câu không? – Tôi hỏi.

Lão bác sĩ khịt mũi vẻ khinh khỉnh và gạt tôi sang một bên.

- Thế còn đĩa đen thì sao? – Tôi vui vẻ gọi với theo khi ông ta đi lên tầng trên.

Bác sĩ Turnbull không thèm để ý đến tôi và đi vào phòng của bà mẹ kế tôi.

- Chị có nghĩ là mình cần gọi ông thợ cạo đến không? – Tôi hỏi chị Danes lúc này đang ở dưới bếp làm bánh ngọt với chị Joan.

- Sao lại thế hở chim sẻ nhỏ của chị?

- Để ông ta cắt tóc cho bà Maud, rồi mình sẽ đặt hai con bồ câu chết dưới chân bà ta.

Chị Danes bật cười:

- Bà chủ có bị làm sao đâu.

- Sao chị biết? – Tôi thất vọng hỏi.

- Vì chỗ thức ăn bà ta đã tống vào đủ cho một đội quân, đau răng hay không thì cũng vậy thôi.

- Sẽ tốt hơn nếu bà ta nạp nhiều hơn một chút cho đôi mắt và ít hơn cho cái dạ dày. – Chị Joan nói.

Đến cuối tuần thì bà mẹ kế của tôi vẫn chưa đủ sức rời buồng ngủ và đòi mời một ông giáo sĩ.

- Đó là dấu hiệu tốt. – Tôi nói với chị Danes. – Có lẽ bây giờ chúng ta nên gọi ông thợ cạo đến.

Chị Danes vòng tay ôm lấy tôi.

- Chim sẻ nhỏ của chị. – Chị âu yếm nói. – Không có sự công bằng trong việc ai sống và ai chết. Cái chết là một trong những điều bí ẩn lớn lao mà không ai có thể hiểu được. Không có cái gì, kể cả hỏa hoạn hay dịch bệnh, có thể lôi Maud Leggs đi được. Nếu có chim bồ câu, bà ta sẽ bắt Joan bỏ chúng và làm bánh.

Nhưng cũng có vài điều tốt đẹp xảy ra khi bà mẹ kế của tôi phải nằm liệt giường. Chúng tôi không phải ngồi hàng giờ cầu kinh mỗi tối, và lần đầu tiên kể từ khi cha tái hôn, tôi được ngồi một mình với ông. Hester phải ngồi trông mẹ nên hai cha con tôi lại được ngồi ăn với nhau như những ngày xưa cũ. Rồi sau đó tôi ngồi bên cha trong phòng làm việc trong khi ông ngồi đọc sách.

Tôi rất thích phòng làm việc của cha. Giờ đây nó là căn phòng duy nhất không bị bàn tay của Maud đụng vào bởi cha tôi luôn khóa kín cửa. Ông đã chuyển nhiều thứ từ các phòng khác trong nhà vào đó, những thứ ông không muốn Maud mò tới như chiếc rương gỗ sồi của mẹ tôi trước vẫn để trong phòng ngủ của cha mẹ. Nó rất lớn với một cái nắp nặng chịch và được chạm khắc những cảnh săn bắn và lâu đài rất đẹp.

- Trong đó có gì hả cha? – Tôi hỏi.

- Ngắm nhìn nhTất cả váy áo của mẹ con. – Cha tôi nói, mở chiếc rương ra. Kia, ngay phía trên, là hai tấm chân dung nhỏ được vẽ khi cha mẹ cưới, và bên cạnh đó là chiếc hộp mà tôi biết là bên trong đựng cái bóng tiên của mẹ tôi.

ững thứ ấy giống như thể chiêm ngưỡng những báu vật của một thế giới đã biến mất từ lâu. Đây, giữa những chiếc váy lụa, là những kỷ niệm đối với tôi còn quý hơn vàng. Một lần nữa, tôi lại bị ám ảnh bởi hình ảnh một con tàu trôi dạt trên đại dương mênh mông, và lần này tôi còn nghe được cả tiếng mẹ êm ái gọi.

10. Tin dữ

Ba ngày sau, Maud rời giường bệnh với một vết danh thép trong mắt.

- Ông chồng tốt bụng của tôi. – Mẹ nói vào tối hôm đó, khi chúng tôi ngồi ăn tối.

Cha tôi lặng lẽ hơn bao giờ hết còn Hester thì trông tái xanh và lo lắng.

- Tôi lấy lại sức được nhờ cầu nguyện dưới sự chỉ dẫn ân cần và uyên bác của nhà truyền giáo Arise Fell, và tôi nghĩ rằng Coriander cũng như đứa con gái tầm thường của tôi cũng có thể trông cậy được vào sự hiểu biết của ông ấy về tất cả những gì liên quan đến Kinh thánh. Nếu...

Mụ bị ngắt lời khi người quản lý của cha tôi bước vào và trao cho ông một phong thư. Cha đọc thư và mặt ông dần biến sắc.

Maud nói tiếp:

- Có thể sẽ có lợi hơn cho chúng ta nếu chúng ta cho ông Arise Fell đến ở cùng.

- Không thể như vậy được! – Cha tôi nói, không để ý đến lời mụ. – Hẳn có gì nhầm lẫn! – Ông quay sang người quản lý. – Người đưa thư còn đây không?

- Ông ta đang ở ngoài tiền sảnh đợi ông trả lời, thưa ông chủ.

- Chúa ơi! – Cha tôi kêu lên. – Người còn định đổ lên đầu con điều gì nữa?

- Ông chồng tốt bụng của tôi. – Maud chen vào. – Kêu tên Chúa vô cớ là tội lỗi. Nói lời báng bổ sẽ bị kết tội treo cổ đấy.

Cha kinh ngạc nhìn mụ chăm chăm như thể mụ là kẻ điên độn vậy.

- Chúng ta phải ca ngợi Chúa Lòng Lành và cảm ơn Người vì đã ban cho chúng ta thức ăn. – Maud nói và tổng một miếng thịt tươg vào cái miệng mỏng dính của mụ.

- Không, mụ kia! – Cha xẵng giọng, gay gắt đến nỗi Maud cũng trợn mắt ngạc nhiên. – Chính tôi là người cung cấp các thức ăn này, và tôi khuyên bà hãy cầu cho ngày mai cái bàn này vẫn còn thức ăn trên đó.

- Ông định nói gì? – Maud hỏi, suýt bị nghẹn. – Mọi chuyện vẫn ổn cả chứ?

- Không, tôi nhắc lại là không. – Cha rời khỏi bàn. – Mọi chuyện không ổn tí nào.

- Thế thì tôi chỉ có thể nói rằng đáng ca ngợi thay Chúa Lòng Lành đã gửi đến một nhà truyền giáo để đưa chúng ta qua thời kỳ khó khăn này.

- Bà đang lảm nhảm cái gì vậy? – Cha tôi hỏi.

- Ông Arise Fell. – Maud đáp. – Ông không nghe tôi nói sao, ông chồng tốt bụng của tôi?

Cha tôi bước ra cửa. - Lạy Chúa, xin Người hãy ban sức mạnh cho con!

- Như vậy tức là ông không phản đối đấy nhé! – Maud nói.

Cánh cửa kéo kẹt đóng lại sau lưng cha. Ông nói có hay không tôi không rõ. Maud chỉ ngồi đó mỉm cười, trút thêm thịt bò quay lên đĩa và đổ thêm rượu vang đỏ vào cốc.

Sau đó tôi tìm thấy cha tôi đang ngồi bên bàn trong phòng làm việc. Tôi quàng tay ôm cổ ông và tựa đầu lên lưng ông.

- Cha sắp bị bắt. – Ông nói.

- Vì sao ạ? – Tôi hỏi.

Cha ghì chặt tôi vào lòng.

- Vì đã giúp vua Charles trốn thoát, và vì đã dùng thuyền buôn của cha để đưa các tín đồ Công giáo sang Pháp. Không liên quan gì đến con cả, cung ạ. Mọi chuyện sẽ được thu xếp ổn thỏa nhanh thôi.

- Khi nào thì họ đến bắt cha? – Tôi hỏi, cố kìm lại những giọt nước mắt và một tiếng thét tựa như một con chim gãy cánh trong họng tôi. Tôi muốn gào lên “Xin đừng bỏ con, xin cha đừng bỏ con!”

- Tạm thời thì chưa. – Cha đáp. – Nhưng chỉ là vấn đề thời gian thôi. Bức thư đó là của một người hảo tâm muốn báo cho cha biết.

Ngon nển trên bàn chập chờn, chúng tôi cùng ngẩng lên và thấy một lão già đứng ở ngưỡng cửa, cặp kính xanh của lão chiếu sáng lên chúng tôi từ trong bóng tối của tiền sảnh trước khi lão biến mất.

Ngày hôm sau tôi được người học việc của cha là Sam báo cho biết rằng cha bị gọi đi xa vì một chuyện khẩn cấp. Lúc đó tôi hiểu rằng hồng vận của chúng tôi đang dần dần ra đi, chẳng khác nào những hạt cát trong chiếc đồng hồ cát bị lộn ngược.

Sáng đó, khi ngồi với Hester, tôi đã lần đầu thấy được địa ngục. Maud bước vào buồng ngủ của tôi, theo sau là lão gù. Mụ không hề tỏ ra đau buồn vì những gì xảy ra với chồng mình. Trái lại là chẳng khác, trông mụ còn hài lòng hơn bất cứ ai tôi đã từng thấy.
- Đây là nhà truyền giáo. - Mụ giới thiệu đầy vẻ tự hào.

Tôi biết ngay, không nghi ngờ gì, đó chính là lão gù mà tôi nhìn thấy bên ngoài cửa hiệu của ông Thankless, lão gù đã đứng ngoài tiền sảnh nhìn tôi và cha tôi. Lão mặc toàn đồ đen. Chiếc áo choàng bó chặt lấy người, những miếng vá trên khuỷu tay và túi áo nhẵn bóng, cái cổ trắng cáu bẩn. Tóc lão mỏng và dài, xơ xõng như đuôi chuột. Lão bốc mùi nấm mốc và cặp kính xanh của lão phản chiếu ánh sáng. Trông lão giống một con gián hơn là một con người.

Trong khi lão tự giới thiệu, tôi nhận ra lão không phải là người xa lạ gì với Hester. Cô không nhìn lão ta mà cứ dán mắt xuống sàn và tôi có thể cảm thấy mọi cơ bắp trên người cô đều căng ra.

- Ta là Arise Fell. - Lão truyền giáo nói. – Cái tên đã nói lên mục đích của ta, đó là nâng đỡ các người ra khỏi mọi sự xấu xa, để các người không bao giờ rơi vào vòng tội lỗi nữa [7]. – Lão chấp tay tại để cầu nguyện. - Lay Chúa, xin Người hãy hồi sinh và cứu vớt họ, bởi vì Người là ánh sáng và là sự cứu rỗi linh hồn của chúng con.

Tôi lại rợn sống lưng, giống như khi tôi thấy lão lần đầu tiên trên cầu hôm ấy.

Thế rồi, nhìn thẳng vào tôi, lão nói:

- Ann, con gái của Eva, hãy lại đây.

Tôi tự hỏi không hiểu lão đang gọi ai và nhìn quanh phòng xem có ai khác đã bước vào trong khi lão đang thuyết giáo cho chúng tôi không. Hester khẽ thúc tôi một cái.

Chậm chạp và bần khoản, tôi bước tới trước.

- Ann, mi nhìn thấy gì? – Lão hỏi, giơ bàn tay gầy guộc trống trơn ra trước mặt tôi. Lão có những ngón tay bần thiu và một cái móng tay vàng khè quặp vào như móng chim.

- Không thấy gì ạ. – Tôi đáp.

Lão lật ngửa lòng bàn tay lên.

- Thế bây giờ mi thấy gì?

- Vẫn không thấy gì ạ. – Tôi đáp, cảm thấy hết sức bối rối.

- Trong bàn tay này. – Arise nói, từ từ đưa lòng bàn tay phải ra, - là sự phẫn nộ của Chúa. Trong bàn tay kia là sự cứu rỗi của Người. Giờ hãy cho ta biết, tên mi là gì?

- Coriander Hobie. – Tôi trả lời.

Một nụ cười độc ác làm khoe miệng lão già cong lên, rồi lão tát mạnh lên mặt tôi. Tôi bị bắt ngờ đến nỗi phải cố đứng vững, không dám chắc liệu có thật là điều đó vừa xảy ra hay không.

- Ta sẽ hỏi mi một lần nữa. Tên mi là gì?

- Cor-i-an-der. – Tôi nói thật chậm, và lần này lão đánh tôi mạnh đến nỗi tôi ngã lăn ra sàn.

- Để nó đấy. – Arise nói khi Hester cúi xuống để đỡ tôi dậy.

- Đứng lên! – Lão ra lệnh, cái bóng gù của lão phủ trùm lên tôi. - Đứng lên ngay!

Lão túm lấy áo tôi và cứ thế kéo lê tôi về phòng, móng tay dài của lão đâm vào gáy tôi. Lão đẩy tôi vào phòng và khóa cửa lại.

Tôi ngồi trên giường, hoang mang, giận dữ, đoán chắc rằng bất kỳ phút nào cha tôi và chị Danes sẽ đến giải thoát cho tôi và tổng lão gù ra khỏi nhà. Tôi chờ đợi, trong khi thời giờ rầu rĩ trôi qua.

Rốt cuộc thì chìa khóa cũng xoay trong ổ và chị Danes xuất hiện ở ngưỡng cửa. Tôi nhào vào lòng chị và quàng tay ôm lấy chị.

- Chị xin lỗi, chim sẻ nhỏ của chị. - Chị nói. - Chị mất cả buổi sáng mới tìm ra chìa khóa, lão ta giấu nó kỹ quá.

- Cha em đâu rồi?

- Giá mà chị biết được. - Chị Danes đáp. - Cha em nói với chị là có lệnh bắt giam ông vì đã giúp nhà vua trốn thoát. Ông đang gặp nhiều rắc rối, chị chỉ biết có thế mà thôi.

- Em chỉ muốn cha quay về và đuổi lão gù đi thôi. - Những giọt nước mắt vì giận dữ lăn dài

xuống má tôi. - Lão ta có quyền gì mà ở đây cơ chứ?

- Suyt, bé cưng, suyt! - Chị thì thầm, và đưa tôi xuống bếp. Ở đó tôi được uống một cốc nước quả và ăn một miếng bánh thịt gà tây.

Tôi ngồi bên lò bếp với chị Danes suốt cả chiều hôm đó. Rồi Arise bước vào, bám theo sau là Maud trông như một con lợn béo mập.

- Thế này là thế nào? - Lão hỏi. - Ta tưởng ta đã nói rõ rằng con bé này phải ở trong phòng cho đến khi cái tính kênh kiệu rời bỏ nó kia mà!

- Ông không có quyền ra lệnh trong cái nhà này, thưa ông. - Chị Danes nói, đứng thẳng dậy. - Khi ông Hobie quay về, tôi sẽ cho ông ấy biết ông đã dạy những bài học như thế nào.

- Các người sẽ không gặp lại ông Hobie nữa đâu. - Arise bình tĩnh đáp. - Ông ta sẽ bị bắt vì đã âm mưu chống lại ngài Hộ Quốc Công vĩ đại và hùng mạnh, thánh Moses [8] tái thế của chúng ta. Ông đã tiếp tay cho bọn Babylon tội lỗi, lén đưa chúng ra khỏi đất nước và giúp con trai của quỷ dữ trốn thoát.

- Ông không được nói về cha tôi như vậy! - Tôi hét lên. - Đây không phải là nhà ông!

- Im ngay, con bé kia, không thì bàn tay phần nộ sẽ tìm đến mi đấy. - Arise nói.

- Sao ông dám! - Chị Danes nói. - Chúa vẫn nói rằng hành hạ trẻ nhỏ là...

- Ồ, ta đã từng làm thế rồi. - Maud ngắt lời. - Ta đã từng hành hạ chúng nhiều là đằng khác.

- Mi có biết trong này viết gì không, Mary Danes? - Arise hỏi, giơ ra một cuộn giấy mà lão cầm trong tay.

- Không, làm sao tôi biết được, thưa ông? - Chị Danes nói. - Tôi đâu biết đọc.

- Đây là một bản cáo trạng buộc tội mi. - Lão gì nói. - Một bản cáo trạng của những con người trung thực biết kính Chúa đã chứng kiến mọi chuyện xảy ra trong cái nhà này, và sẽ đứng lên làm chứng trước tòa nếu cần thiết.

- Đúng vậy, ông Arise ạ. Ông nói cho con mù phù thủy này biết đi. - Maud hí hửng, xoa hai tay vào nhau.

Arise tuôn ra một tràng như một nhà thuyết giáo trên bục giảng kinh.

- Trên này là những dòng chữ ngay thẳng, rõ ràng, nói rằng có người đã thấy mi giấu giếm các bằng chứng liên quan đến các phương thuốc và bùa mê của bà chủ đã quá cố của mi. Rằng mi đã dùng Gabriel Appleby, người học việc của ông thợ may, để chuyển các loại thảo mộc và thuốc nước đã nhúng bàn tay xấu xa của Quỷ Satăng.

Giờ thì lão ta đang gần như gào lên. Cả ngôi nhà bắt đầu rung chuyển. Lão rướn người đứng thẳng hết mức mà một lão gù có thể, đôi kính của lão như lóe chớp.

- Phù thủy, tiên, pháp sư, và tất cả những kẻ muốn được chúng giúp đỡ đều phạm tội chống

lại điều răn của Chúa. Ta tin rằng, ôi xin Chúa hãy chứng giám, rằng mi, Mary Danes, - lão trở một ngón tay dài ngoẵng về phía chị Danes như thể nó là một con dao, mi là kẻ cùng hội cùng thuyền với Quỷ sứ và các đồng đảng của hắn!

- Ôi! - Maud thán phục. - Lời ông nói mới hay làm sao!

- Tôi không làm điều gì sai trái cả. - Chị Danes tuyên bố.

- Hãy để chuyện đó cho người khác xét đoán! - Arise quát. - Ta tin rằng các nhà chức trách sẽ rất muốn biết những điều được viết trong cuộn giấy này.

Chị Danes lặng ngắt, và tôi cảm thấy cả thế giới của mình đang sụp đổ khi Arise hăm dọa:

- Ta có đủ bằng chứng để tống mi vào nhà giam đấy. Còn về ông chủ quý báu của mi thì... một cái giá treo cổ đang đợi ông ta ở Tyburn. Đến lúc đó thì ai còn thêm quan tâm đến con bé khốn khổ này?

Hester bật ra một tiếng thốn thức. Tôi chạy tới bên chị Danes và bám chặt lấy chị. Chị là mỏ neo của tôi, là tất cả những gì còn lại của một con tàu đang dần chìm xuống.

- Mi đã hiểu lời ta nói rồi chứ? Nếu mi còn muốn ở lại đây thì hãy nghĩ cho kỹ trước khi chõ mũi vào việc dạy dỗ của ta.

Tôi càng bám chặt vào chị Danes hơn, nhưng Arise tóm lấy tôi và lại kéo lê tôi lên gác rồi nhốt tôi vào phòng.

Đêm đó tôi nằm trên giường trong căn phòng thếp vàng và khóc cho đến khi khuôn mặt của con búp bê Beth ướt đầm nước mắt. Tôi ngắm những gợn sóng trên sông phản chiếu lấp lánh trên giường và tự an ủi mình bằng những âm thanh bên ngoài. Thế giới của chúng tôi có thể đã biến mất, nhưng mọi thứ vẫn diễn ra như trước, lái đò vẫn tranh giành khách, kẻ say rượu vẫn hét gọi mặt trăng, những con mèo vẫn kêu gào giận dữ, và người gác đêm vẫn đều đặn điểm giờ.

Đến khoảng đầu sáng, cửa phòng tôi hé mở, cha rón rén bước vào và ngồi bên giường tôi.

- Suyt, con yêu, hãy nghe cha cho kỹ đây! - Ông nói. - Không ai biết cha ở đây cả. Cha quay về để chào tạm biệt con. Cha phải đi xa. Cha không biết cha sẽ phải đi bao lâu, nhưng nếu cha ở lại, tất cả sẽ mất hết.

- Thế thì cha hãy cho con đi cùng! - Tôi van xin. - Con xin cha đấy!

- Không thể được, công chúa của cha! Nguy hiểm lắm!

- Ở đây cũng nguy hiểm mà. - Tôi nói.

Cha tôi mỉm cười và lau nước mắt cho tôi.

- Nhưng ít ra cũng an toàn hơn là nơi cha sắp đến.

- Xin cha, con sẽ ngoan, con hứa. - Tôi nài nỉ và bám lấy ông như một thủy thủ sắp chết đuối.

- Coriander, rồi cha sẽ quay về đón con. Hãy can đảm chờ cha. Cha không thể khinh suất trong chuyện này được. Chị Danes sẽ chăm lo cho con. Giờ cha phải đi đây, thuyền đang đợi.

Ông hôn tôi và cuối cùng tôi đành buông ông ra.

Tôi đứng bên cửa sổ, mắt nhòe nước nhìn theo con thuyền của cha tôi đi xuôi dòng đến Deptford trong ánh sáng ảm đạm của buổi sớm mai.

Tôi không biết lúc ấy là mấy giờ khi Arise Fell bước vào phòng, lần này với một người hầu vác theo mấy xô nước cùng bàn chải.

Tôi cúi vào một góc phòng vì khiếp sợ cơn thịnh nộ của Chúa.

- Các bức tường này phải được cọ rửa cho đến khi những hình ảnh phù phiếm và những chữ viết của quỷ dữ này trôi đi hết. - Arise nói. - Mi có hiểu không?

Phải mất một tuần mới cọ hết các bức tranh. Tôi cọ bằng nước mắt hơn là bằng nước lã, cho đến khi chỉ còn lại những đường viền mờ mờ, và mỗi khi một bức tường bị rửa sạch, tôi lại cất giữ câu chuyện trên đó vào ký ức của mình.

Đến ngày thứ bảy, lão gù bước vào, Maud bám theo sau.

- Tên mi là gì? - Arise Fell hỏi.

- Ann. - Tôi trả lời.

- Amen! - Bà mẹ kế của tôi nói.

Khi ấy, tôi biết rằng cái tên của tôi đã bị lấy đi và cất giấu trong phòng làm việc của cha tôi. Tôi phải tìm lại nó, bởi vì không còn tên nữa thì tôi là ai?

11. Những lời già biệt

Tàu thuyền cần có mỏ neo tốt, không có neo chúng sẽ trôi dạt ra biển. Mọi sự trong ngôi nhà của chúng tôi cũng vậy. Lần lượt từng người một, những người hầu buồn bã lắc đầu và bỏ đi, chẳng mấy chốc chỉ còn lại chị Danes và Joan. Sự thực là chị Joan tội nghiệp quá sợ sệt để bảo vệ tôi. Maud và Arise đã nhồi vào đầu chị sự khiếp sợ đối với Chúa Trời, gọi chị là đồ ăn cắp, kết tội chị đã lấy trộm thịt cùng các thức ăn khác. Arise dọa sẽ tống chị vào nhà lao Newgate, mà vào đó thì khác gì bị tử hình vậy. Chỉ Joan tái nhợt đi như con gà mới bị vặt lông, chỉ cậm

cúi nầu nường mong được cứu rồi linh hồn. Giờ đây người bảo hộ duy nhất còn lại của tôi là chị Danes yêu quý, và tôi luôn luôn lo sợ sẽ mất chị.

Thời gian đầu sau khi cha ra đi, tôi dồn mọi hy vọng vào ông Bedwell, mong ông sẽ đến cứu chúng tôi. Nhưng chuyện đó không thành. Dưới con mắt theo dõi thận trọng của Arise, Maud Leggs (như tôi vẫn thường gọi bà ta) đã thuộc lòng những điều cần nói với những người khách như ông bà Bedwell khi họ đến hỏi xem chúng tôi xoay sở thế nào trong thời kỳ khó khăn này. Không chỉ có lệnh bắt giam cha tôi, mà còn có tin ba chiếc thuyền của ông đã bị đắm nữa. Ông Bedwell đến ngỏ ý muốn giúp đỡ chúng tôi.

Maud hỉ mũi vào một chiếc khăn sứt sứt:

- Ôi, cảm ơn ông đã quan tâm. Thật là một tai họa khủng khiếp. Tôi tin chắc rằng người chồng tốt bụng thân yêu của tôi đã bị vu oan và hiện giờ ông ấy đang làm tất cả những gì có thể để cứu lấy cơ nghiệp. Chính vì thế mà ông ấy mới phải ra đi. Ngày ngày tôi vẫn cầu mong tin tức của ông ấy.

Mụ nặn ra một giọt nước mắt, phe phẩy bàn tay như một chiếc quạt, và thì thầm:

- Xin hãy cho tôi biết, ông Bedwell, rằng những gì người ta nói về việc chồng tôi là một kẻ Bảo hoàng là không đúng.

Tất cả những điều này được thốt ra khi Hester và tôi đứng bên ghế mụ, đầu cúi gằm, mắt dán chặt vào sàn nhà.

Ông Bedwell tỏ ra hết sức bối rối và nói rằng theo những gì ông biết thì Thomas Hobie là một người tốt và trung thực.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. - Maud nói, chấm khăn tay lên mắt. - Và tất cả những lời đồn đại về chuyện giúp đỡ bọn Công giáo chỉ là dối trá.

Cô Patience tử tế quay sang hỏi về tôi.

- Như bà thấy đó, Ann vẫn khỏe. - Maud đáp.

- Bà định nói là Coriander? - Cô Patience nói.

- Không! - Maud Leggs đáp. - Chúng tôi gọi cháu nó là Ann để đưa nó về với con đường chính đạo của Chúa. Thật không hay ho gì cho một đứa trẻ lại có cái tên mời gọi sự phù phiếm. Ann là cái tên Cơ đốc rất hay.

Khuôn mặt cô Patience đầy vẻ lo ngại và cô không biết nói gì nữa.

Phải, Maud Leggs và Arise Fell rất biết cách dập tắt mọi lời bình phẩm. Khi những người khách đứng lên ra về, Maud nói:

- Tôi vô cùng biết ơn sự quan tâm của ông bà. Mời ông bà khi nào lại đến chơi. Cánh cửa nhà chúng tôi luôn rộng mở đón những con người trung thực mộ đạo.

Arise đưa họ ra tiền sảnh và lên giọng đạo đức:

- Ngày ngày tôi cầu nguyện cho ông Hobie được trở về an toàn, cũng như tôi vẫn cầu nguyện cho Chúa Jesus Christ sớm đến London và lên ngai vàng.

Robert và Patience Bedwell không bao giờ còn quay lại hỏi thăm chúng tôi nữa.

Còn với đám các bà tử tế là con chiên của Arise Fell, thường kéo đến cục tác như những con gà mái xía mỏ vào chuyện riêng của chúng tôi, thì Maud lại khóc mà kể lể:

- Nếu tôi mà biết ông chồng thuộc phe Bảo hoàng thì tôi đã chẳng bao giờ lấy ông ta.

- Đúng vậy! - Đám đàn bà lúc nào cũng ôm khư khư Kinh thánh đồng thanh kêu lên trong khi chén sạch bánh kẹo của chúng tôi và uống cạn những chai rượu vang hảo hạng nhất của cha.

- Và khi tôi nghĩ về mồ ma ông chồng trước (cầu Chúa cho linh hồn ông ấy được an nghỉ) vốn là một người anh hùng đã chiến đấu bên Cromwell ở trận Naseby và ngã xuống cho sự nghiệp cao cả. Hẳn giờ ông ấy đang trấn trở không yên trong mộ.

Cục tác cục tác, các bà tử tế lại đồng thanh.

- Đây là con gái tôi. - Maud nói, chỉ vào Hester. - Còn đây là con riêng của chồng tôi. Nếu không vì lo cho con bé thì tôi đã rời thành phố và về nhà từ lâu rồi.

Đến đây, các bà gà mái lạch bạch về nhà để truyền đi những lời ngòi lê đôi mách ấy, nhưng thể đó là những hạt thóc trong chuồng gà vậy.

Giờ thì không còn ai đến hỏi xem chúng tôi sống ra sao hay khi nào cha tôi sẽ trở về. Tình cảnh của tôi chẳng hơn gì một tù nhân trong ngôi nhà của chính mình. Tôi ngủ một mình trong bếp, dậy từ tờ mờ sáng và chỉ được ngả lưng khi đã về khuya. Tôi chẳng còn là gì ngoài một con hầu làm đủ thứ việc. Bất kỳ ai thấy tôi lúc này hẳn sẽ thật khó mà tin được rằng tôi từng là con gái cưng của một thương gia, ngủ trong căn phòng với các bức tường vẽ đầy những câu chuyện thần tiên và ăn diện lộng lẫy như một nàng công chúa.

Đến giữa mùa đông thì tôi, sau tất cả những công việc cực nhọc phải làm, không còn quan tâm xem giờ là tháng mấy, hay thậm chí là năm bao nhiêu nữa. Giáng Sinh đến rồi đi mà hầu như không ai để ý tới, bởi vì Cromwell đã ra lệnh cấm hết những lễ hội Giáng Sinh vui vẻ.

Biến mất, tất cả đã biến mất. Đã biến mất những tiếng cười, đã biến mất sự ấm áp. Giờ đây, trong khắp các xó xỉnh tối tăm của ngôi nhà này chỉ còn lại quỷ dữ và yêu tinh đang chực nuốt chửng lấy tôi.

Tất cả những gì còn sót lại từ thế giới cũ của tôi là Beth, con búp bê yêu quý.

12. Bàn tay thịnh nộ

Suốt đời mình, tôi chưa từng sợ ai như sợ lão truyền giáo gù. Chỉ cần nghe tiếng bước chân của lão cọt kẹt trên cầu thang là đã đủ để nỗi khiếp sợ vây trùm lấy người tôi. Khi lão đánh tôi, tôi không còn tự chủ được nữa mà để cho nước tiểu chảy xuống chân, và cảm thấy nhục nhã không lời nào tả nổi. Khi đó lão nhìn tôi một cách kinh tởm và nói rằng tôi không hơn gì một con súc vật.

Điều này làm lòng tôi tan nát. Hester không bao giờ làm ướt sàn nhà, ngay cả khi bị cả mẹ lẫn lão Arise hành hạ. Hester dịu dàng nói với tôi rằng cô đã quen với chuyện đó. Chúng chưa từng đối xử khác với cô.

Tôi ghét phải nghĩ đến việc tôi sẽ ra sao nếu không có Hester. Cô lấy trộm đồ ăn cho tôi và đem chân đến đắp lên người tôi mỗi đêm. Nếu bị bắt, cô sẽ phải hứng chịu một trận đòn khủng khiếp, nhưng cô vẫn mạo hiểm vì tôi. Chị Joan quá sợ hãi không dám cho đi một mẩu thức ăn nào, còn chị Danes tội nghiệp thì hoàn toàn bất lực, chẳng thể làm gì hơn ngoài mấy lời an ủi, dù tôi thấy rõ chị rất đau khổ vì điều ấy. Sự thật là tôi sợ chị sẽ bị đuổi đi đến nỗi tôi đã xin chị đừng nói gì cả bởi vì chị không có quyền gì chống lại ông chủ mới, Arise Fell.

Một buổi sáng khô và lạnh, sau khi đem than lên phòng khách, tôi đứng trên chiếu nghỉ cầu thang nhìn ra ngoài. Tuyết rơi lất phất và sông Thames lại giống như một cảnh tượng trong chuyện cổ tích với những ngôi nhà và thuyền bè tỏa sáng trắng lấp lánh dưới ánh nắng nhạt mùa đông. Tôi tự hỏi không biết nếu Chúa Jesus có đến thật thì liệu Người có bước trên dòng nước để đến Whitehall không và liệu thủy triều có đứng yên nhường đường cho Người không. Hay là Người sẽ cười một con lừa đi qua cầu London, và nếu vậy thì liệu Người có thể nhìn vào từng căn nhà và biết được từng đứa trẻ đang sống trong sợ hãi vì những gì người ta đã làm với chúng, nhân danh cha của Người hay không?

Đắm chìm trong suy tư, tôi không nghe thấy lão gù tiến đến sau lưng tôi.

- Kênh kiêu, chỉ toàn là tính kênh kiêu. - Arise nói, phả hơi thở xuống gáy tôi. - Lười biếng và kênh kiêu. Mi, Ann, đang ngắm bóng mình và tự cho mình là xinh đẹp, phải không?

- Không ạ. - Tôi đáp. - Cháu không làm thế, thưa ngài.

- Thế thì mi đang làm gì?

- Cháu đang tự hỏi không biết bao giờ Chúa Jesus sẽ tới.

- Sao mi dám đem tên Chúa ra làm cái cớ! - Arise thét lên. Bàn tay thịnh nộ lại tìm đến tôi, và lão đánh vào đầu tôi mạnh đến nỗi chiếc mũ của tôi tuột ra và rơi xuống.

- Đúng là tay sai của Quỷ sứ, không lẫn vào đâu được. - Lão nói, kéo mạnh tóc tôi. - Những món tóc đỏ này, đỏ như lửa của Satăng! Đây chính là sự phù phiếm, là tính kênh kiêu!

- Chuyện gì thế? - Maud hỏi, mụ bước ra khỏi phòng khách cùng với Hester và nhòm từ trên lan can xuống.

- Không có gì! - Arise nói, lôi xềnh xệch tôi xuống những bậc thang dốc đứng tới phòng bếp. Bịch. Cộp. Bịch.

- Cái kéo đầu rồi? - Lão thét hỏi chị Joan và chị Danes đang giặt náy mình.

- Tôi không biết, thưa ngài. - Chị Danes đáp.

Arise lắc cái tủ đựng bát đĩa cho đến khi bát đĩa cốc chén rơi hết, những chiếc ngăn kéo thì trượt ra từng chiếc một và rơi loảng xoảng xuống sàn nhà. Cuối cùng lão cũng thấy cái lão cần tìm. Suốt thời gian đó lão vẫn túm chặt tóc tôi.

- Hãy để con bé yên. - Chị Danes run rẩy nói. Chắc hẳn chị nghĩ lão sắp giết tôi.

- Im ngay, mụ kia! Ta không cần nghe một lời nào của mi cả.

Lão cắt hết mái tóc tôi, từng nắm một. Tôi không chống cự. Tất cả những chuyện này giờ có nghĩa gì nữa đâu?

- Sao ông dám! - Chị Danes kêu lên và chạy tới. Lão Arise đẩy chị ra làm chị loạng choạng ngã xuống, nhưng chị lại đứng ngay lên và nói:

- Làm sao ông có thể tự gọi mình là người của Chúa cơ chứ!

Arise gầm lên:

- Mi chỉ cần nói thêm một lời nữa thôi, con mụ kia, là sẽ bị tổng cổ khỏi cái nhà này ngay. Rõ chưa?

Chị Joan đang thút thít. Lần đầu tiên, tôi không khóc. Tôi kinh hoàng nhìn xuống sàn. Bởi vì nằm đó, giữa những mảnh vỡ của bát đĩa, cốc chén, xoong chảo, nển, là Beth yêu quý của tôi. Tôi đã giấu nó vào tủ đựng chén bát.

Nhìn thấy con búp bê, lão Arise liền thôi cắt mái tóc tôi. Lão buông tôi ra, đá một mảnh đĩa vỡ sang một bên và nhặt Beth lên.

- Của mi phải không? - Lão hỏi tôi.

- Vâng ạ. - Tôi trả lời. - Cho cháu xin lại được không?

- Con búp bê này được giữ kỹ lắm phải không? Nó được yêu quý lắm phải không? Thể hiện sự quan tâm đến một hình ảnh không phải của Chúa là tội lỗi. - Arise tiếp tục phun ra.

- Một đứa trẻ có con búp bê thì có hại gì cơ chứ, khi mà nó đã mất quá nhiều? - Chị Danes kêu lên.

- Con bé này. - Arise nói, lại túm lấy tôi và giật mạnh. - Con bé xấu xa này đã tự đem tội lỗi đến cho bản thân, và sẽ bị trừng phạt.

Bằng một cái phẩy tay, lão ném Beth vào lò lửa. Tôi lặng lẽ nhìn con búp bê yêu quý nhất của mình nằm trên đồng than đang rực cháy. Và rồi một chuyện kỳ lạ xảy ra. Beth đứng thẳng dậy trên lửa với đôi tay bằng vải của nó giơ ra phía trước, và ngọn lửa, thay vì bốc lên ồ ạt khói, lại vờn về phía lão gù, như chiếc lưỡi chẻ đôi của con rắn, Maud hét lên hoảng sợ khi chiếc áo khoác của Arise bắt lửa và lão buộc phải dùng cả bàn tay thịnh nộ lẫn bàn tay cứu rỗi để dập lửa, thay vì đập tôi.

Mùi len cháy bốc lên trong không khí, và Beth vẫn đứng đó như Joan Arc [9], không chịu để ngọn lửa đánh bại. Cuối cùng nó biến thành vô số những vệt màu lóng lánh kêu xèo xèo trên lửa và bắn ra khỏi lò bay về phía Maud và Arise, khiến cả hai phải lùi về tận phía cuối bếp.

Lão Arise lúc này trắng bệch vì phần nộ, những mạch máu trên trán gần như vỡ tung ra vì giận dữ, dấm mạnh tay xuống bàn.

- Xin Chúa chứng giám! - Lão hét lên, ngón tay dài ngoẵng chỉ về phía chị Danes. - Đây là bằng chứng của yêu thuật do chính mi gây ra. Ta ra lệnh cho mi rời ngay khỏi đây và không bao giờ được đến ám ngưỡng cửa này nữa.

Tôi chạy đến bên chị Danes và chị nắm lấy tay tôi.

- Chúng ta đi thôi, chim sẻ nhỏ của chị.

- Không được, con mụ phù thủy kia. - Arise nói, giật tôi ra khỏi tay chị.

- Tôi sẽ đi, thưa ngài, nhưng xin cho tôi đem con bé theo.

- Không. - Arise lạnh lùng đáp. - Ra ngay, trước khi ta nộp mi cho các nhà chức trách, và mong mi sẽ được khoan dung để đón nhận sự cứu rỗi của Chúa. Người nhân từ lắm.

Không còn làm gì được nữa. Chị Danes không có quyền gì. Tôi biết vậy. Tôi nhìn chị ra đi và cảm thấy tất cả đã mất.

- Mẹ... - Hester rụt rè nói.

- Im đi! - Arise rít lên. - Joan, việc gì mà mi đứng đó nhìn trừng trừng và run rẩy như thế? Nấu nốt bữa tối đi. Còn Hester, đi lấy chổi quét sạch chỗ này.

Tuyệt vọng, tôi cố gắng một lần cuối để thoát khỏi tay lão gù, quyết tâm chạy trốn và ra đi cùng chị Danes, nhưng lão tóm được tôi và lôi tôi vào phòng làm việc, theo sau là Maud. Bằng cách nào lão có được chìa khóa phòng làm việc cha tôi đã khóa kín, tôi không rõ.

Chiếc rương của mẹ tôi nằm giữa phòng, trống trơn, nắp bật tung. Váy áo của bà vương vãi trên sàn như những cánh bướm chết. Hai tấm chân dung không còn đó, chiếc hộp gỗ mun cũng không.

Lúc đó tôi chợt hiểu ra lão gù định làm gì. Nỗi sợ hãi khiến tôi chống cự hết sức mình. Cuối cùng tôi cắn vào tay lão. Lão rú lên một tiếng kêu đau đớn và đánh tôi mạnh đến nỗi tôi không còn biết mình đã bị bỏ vào cái rương như thế nào, chỉ nhớ thấy ánh sáng biến mất.

Tôi cố thúc vào nắp rương, nhưng nó đã bị khóa chặt. Tôi hét lên kêu cứu, nhưng tôi biết sẽ không có ai đến cả. Vậy là tôi nhắm mắt, bởi khi tôi nhắm mắt lại, bóng tối trong đầu tôi dờn đen quánh và dày đặc hơn.

Thế là hết. Tôi sẽ không còn là gì ngoài một chiếc váy nhàu nát và trống rỗng. Sẽ chỉ còn lại đồng xương tàn hát lên lên bài ca bi thảm cho sự thật về cái chết của tôi.

Vậy là phần truyện thứ hai của tôi đã được kể lại, và cùng với nó, một ngọn nến nữa tắt lịm.

Phần III

13. Medlar

Tôi từng luôn tin rằng trên đời chỉ có một thế giới duy nhất, thế giới nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Giờ tôi mới biết thế giới mà chúng ta đang sống chẳng là gì ngoài một tấm gương, phản chiếu một thế giới khác bên kia bề mặt trắng bạc của nó, một vùng đất nơi thời gian chỉ là thứ nhỏ nhất và tầm thường, mất mọi sức mạnh của nó. Nơi ấy đã giải thoát cho tôi, không có nó, tôi sẽ chỉ còn là một nắm xương tàn trong chiếc rương gỗ sồi ở một ngôi nhà lớn đã từng thuộc về một thương gia London.

Tôi chắc chắn rằng đời tôi thế là hết, rằng cái chết đang gần kề. Hoảng loạn, tôi cố gắng trong tuyệt vọng để đẩy nắp rương ra một lần cuối. Chẳng có tác dụng gì. Tôi cảm thấy bóng tối bắt đầu bóp nghẹt lấy mình.

Thế rồi tôi trông thấy một ánh sáng, một ánh sáng kỳ diệu, chói lòa, như khi tấm màn sân khấu được kéo ra ở rạp hát. Tôi e rằng mình đã chết rồi, bởi mùa đông đã tan biến và nơi đây đang giữa mùa hè, một mùa hè rực sáng như ở Hội chợ Bartholomew, với tiếng kèn đồng náo nức, tiếng trống vỗ sôi nổi, cùng một dàn hợp xướng của tiếng dế và tiếng chim đón chào tôi. Những đóa hoa đại ngả nghiêng ngào ngạt thơm, những làn mùi tây đẹp như đăng ten khẽ gập gù trong gió; những hàng rào cây mồi gọi tựa như những sạp hàng đầy mâm xôi tươi và dâu tây chín đang cười khúc khích trong những chiếc áo đỏ thắm. Bầu trời xanh thắm, không hề bị một gợn mây che phủ.

Tôi giật mình quay lại và nhìn thấy một người dáng vẻ rất lạ lùng đứng sau lưng tôi. Ông có bộ râu dài thắt nút, tay xách một cái đèn tròn như mặt trăng. Bất chấp cái vẻ ngoài kỳ lạ ấy, tôi vẫn thấy ông ta có vẻ gì đó rất quen thuộc. Điều này khiến tôi ngạc nhiên vì tôi biết mình chưa bao giờ gặp người này.

- Đẹp lạ lùng! – Ông nói và cúi chào thật thấp. - Ta đã bắt đầu nghĩ rằng cháu sẽ không đến. Cái gì đã khiến cháu mất nhiều thời gian đến vậy?

Ông ta đang nói với tôi ư? Thực ra tôi không dám chắc điều đó, dù ở quanh đây chẳng còn ai nữa.

- Cháu chết rồi phải không? - Tôi hỏi.

Có vẻ câu hỏi ấy đã khiến con người kỳ lạ kia bật cười. Ông ta nói, như thể đó là ý tưởng ngộ nghĩnh nhất mà ông từng nghe.

- Cái chết và thời gian không thuộc về nơi này, Coriander ạ.

- Sao ông lại biết tên cháu? Sao ông lại biết cháu sẽ đến đây? – Tôi kinh ngạc nhìn ông, và ông chìa tay ra.

- Tha lỗi cho ta, ta chưa tự giới thiệu. Mọi người gọi ta là Medlar. Ta biết mẹ cháu khi bà ấy bằng tuổi cháu bây giờ, và may mắn được gặp cha cháu vào một đêm hạ chí. Ông ấy quả là một người hào hiệp.

Tôi trở mắt nhìn ông lão, thậm chí không dám nói thầm với chính mình điều tôi đang nghĩ. Tôi thấy như mình đang bước đi trên mặt nước, không dám chắc về bất kỳ cái gì, và có thể chìm xuống bất kỳ lúc nào, vĩnh viễn biến mất dưới làn sóng lấp lánh ấy. Bởi nếu các mùa có thể thay đổi chỉ trong khoảng thời gian một cái rương được đóng lại, thì ông Medlar cũng có thể biến đi nếu tôi buột miệng hỏi một câu. Vậy là tôi im lặng, sung sướng chấp nhận rằng tôi vẫn còn sống và tự an ủi mình rằng ông có biết mẹ tôi và đã gặp cha tôi.

- A, đẹp lạ lùng! – Medlar lại nói, khi thấy một con ngựa kéo một chiếc xe lộc cộc trên đường đi tới. Tôi có thể nghe thấy tiếng chuông reo leng keng và tiếng ca hát vui vẻ của hành khách.

Người đánh xe dừng lại trước mặt chúng tôi. Medlar giúp tôi ngồi vào xe.

Những người khách trên xe hẳn đang trên đường đến dự một đám cưới. Tôi đoán vậy mặc dù tôi chưa từng thấy một đám cưới nào như thế. Họ mặc những bộ váy, áo chên và áo gilê thuộc loại mà ngay cả những người phái Bảo hoàng cũng không dám mặc. Tất cả đều đi những đôi giày tuyệt đẹp, và không ai trong số họ có vẻ bị nhức xương, đau răng hay buồn bã như những người ở London.

- Xin chào! - Mọi người nói và dịch ra để lấy chỗ cho chúng tôi.

Tôi ngồi đó, lấy làm mừng là không ai hỏi Medlar xem ông đang làm gì với một con bé rách rưới như xơ mướp thế này. Tôi thấy mình hoàn toàn lạc điệu ở đây, và nhẹ nhõm vì không ai để ý đến mình.

Chiếc xe lại lắc lư đi tiếp và các hành khách bắt đầu trò chuyện. Tôi chỉ nghe loáng thoáng được những chuyện họ nói với nhau. Tôi vẫn đang băn khoăn không hiểu làm sao mình lại có thể từ một nơi tối tăm lạnh lẽo đến với một ngày mùa hạ rực rỡ thế này. Thật đúng là phép thần, tôi vui sướng nghĩ thầm.

- ... đá cái ghế vắt sữa đi, và thế là bà ta ngã xuống, chân chống cả lên. - Một bà ngồi cạnh tôi cười nói. Bà ta có chiếc áo khoác nom được làm bằng bông kể [10].

- Chính họ tự chuốc lấy phiền nhiễu mà thôi. - Người bạn của bà ta nói.

- Đúng vậy. Lúc nào cũng ước hết cái này đến cái nọ mà chẳng bao giờ biết rõ bản thân muốn gì. Và khi điều ước trở thành sự thật mà họ không thay vì tỏ ra sung sướng lại ước thêm đủ thứ khác thì cứ nện cho tôi một trận! - Bà ngồi cạnh tôi tiếp lời.

- Chính thế. - Một người khác đồng tình. - Chẳng bao giờ biết thỏa mãn cả.

- Kể cũng thật đáng buồn. - Bà mặc chiếc áo khoác bằng bông kể nói thêm.

- Phải, nhưng nó cũng làm đời vui hơn đấy chứ. - Bạn của bà ta bình phẩm và bọn họ lại phá lên cười.

- Ông cũng đến dự lễ cưới chứ? - Một ông có bông hoa to cài khuyết áo hỏi.

- Tất nhiên rồi. - Medlar đáp. - Tôi còn có thể đi đâu khác được trong một ngày mùa hạ như thế này?

Người kia cúi mình về phía trước.

- Họ bảo cái đám cưới này là ý tưởng của hoàng hậu Rosmore.

- Tôi cũng nghe nói thế. - Medlar trả lời.

- Thật là sai lầm, tôi xin nói với ông như thế. - Người đàn ông nói. - Chẳng khác nào mong nước và lửa sống hòa thuận với nhau. Chúng ta đều biết chuyện gì đã xảy ra lần trước khi họ tìm cách bắt ép tổ chức một đám cưới như thế.

Tất cả hành khách đều gật gù vẻ thông hiểu mọi chuyện.

Tôi muốn hỏi xem chuyện gì đã xảy ra, nhưng lại ngượng nên đành làm thinh. Một ông đội chiếc mũ rất cao ngồi đối diện chúng tôi nhìn quanh rồi thấp giọng:

- Họ bảo là nếu hoàng tử Tycho không chịu lấy công chúa Unwin, hoàng hậu sẽ biến chàng thành một con cáo.

- Ôi không! Thế thì thật là khủng khiếp! – Bà mặc chiếc áo bằng bông kể kêu lên.

- Có tin đồn là hoàng hậu đã có được cái bóng rồi. - Người nọ nói tiếp với vẻ long trọng, ngực ưỡn ra như một con gà vào ngày Chủ nhật.

- Không phải thế chứ! - Bà kia nói.

- Tôi nghe nói hoàng hậu đang rất muốn cho cô con gái lấy chồng. - Một bà mập mạp, tay cầm một chiếc lồng chim bọc vải nói. - Thật đáng buồn là họ lại chọn một chàng hoàng tử đáng yêu đến thế. Tôi không biết chàng đã làm gì để phải chịu cái vinh dự kinh khủng ấy.

- Tôi nói cho các vị biết điều này. - Người đội chiếc mũ cao tuyên bố. - Chúng ta sẽ mất hết nếu hoàng hậu thu tóm được quyền lực.

Ông ta khoanh tay trước ngực và chiếc mũ rơi ra, lăn xuống đường như một diễn viên nhào lộn đang say rượu. Người đánh xe phải dừng lại cho ông ta chạy xuống nhặt mũ.

- Thôi, không nói chuyện tin đồn nữa. - Người đàn bà mập mạp nói khi ông ta trở lại. - Hôm nay là đám cưới cơ mà. Hãy chúc đôi uyên ương hạnh phúc và bàn đến những điều vui vẻ hơn.

Tôi hỏi bà ta có gì trong chiếc lồng, nhưng bà chỉ mỉm cười hiền hậu mà không trả lời. Tôi tự nhủ không hiểu có phải tại bà bị điếc không.

- Bà có gì trong lồng vậy? - Medlar nhắc lại câu hỏi.

- Sao kia? - Bà vội đáp. - Tất nhiên là quà cưới rồi.

Bà ta gỡ tấm vải phủ ra và tôi kinh ngạc nhìn thấy trong lồng là một con chim vàng đang cất tiếng hót. Các nan lồng vặn xoắn như kẹo mạch, và trong khi tôi ngắm con chim, chúng phản chiếu lại một tia sáng xanh lấp lánh và nhảy nhót trong ánh nắng.

- Ôi, tuyệt quá! - Tôi kêu lên.

Người đàn bà nhìn nó vẻ lưỡng lự:

- Đây là quà cho cô dâu đấy. Ông có nghĩ là cô ta sẽ thích không?

- Chắc chắn là có rồi. – Medlar từ tốn đáp.

Cỗ xe lộc cộc trên đường cho đến khi chúng tôi tới một ngã ba. Trước mặt vẫn là con đường đầy cỏ chúng tôi đang đi. Bên trái là một con đường mọc đầy cây mâm xôi và tầm xuân. Vậy mà người đánh xe lại rẽ vào chính con đường này, nơi những chiếc gai lóc lên như những răng thép. Tôi gần như không dám nhìn, sợ rằng chúng tôi sẽ bị xé ra thành từng mảnh. Thế nhưng những bụi mâm xôi và tầm xuân lại rẽ ra cho chúng tôi đi, như thể chúng đã đợi chúng tôi đến vậy. Sau khi chúng tôi đã đi qua an toàn rồi, chúng lại khép lại, như những tên trộm đang xúm lại cãi cộ.

Medlar mỉm cười với tôi.

- Giờ thì không còn xa lắm nữa đâu. - Ông nói.

Chúng tôi đi lên một con đường tới một cánh cổng bằng sắt uốn tự mở ra cho chúng tôi qua và đóng lại mà không cần bàn tay con người. Tôi nhìn những người khách cùng đi, chờ đợi họ nói một câu gì, nhưng họ chẳng để ý đến, như thể đi qua các bụi mâm xôi và các cánh cổng sắt tự đóng mở là một việc thường xuyên xảy ra vậy.

Chúng tôi lại đi tiếp, bánh xe kêu lộc cộc trên sỏi lát đường, cho đến khi tới một khúc quanh. Trước mặt chúng tôi là một ngôi nhà trắng lộng lẫy mà tôi đã từng thấy, với các cánh cửa sổ thấp xuống sát đất và hàng cột đá hoa cương chiếu sáng tựa ngọc trai. Liệu một ngôi nhà có thể có nhiều kính đến thế không, và liệu chúng có thể tỏa sáng lung linh đẹp đến thế không, đẹp như thể chính mặt trời là chủ lễ cưới? Nhưng, chao ôi, tôi chỉ được nhìn lướt qua. Chiếc xe đi tiếp, và ngôi nhà biến mất sau một rừng cây bạch dương. Tôi nóng lòng được thấy thêm, tôi nóng lòng được vào trong, tôi nóng lòng mong cho chiếc xe dừng lại.

14. Tia sáng xanh

Chúng tôi dừng lại ở sân trước của một khu chuồng ngựa. Ở đây còn huyền ảo hơn cả cầu London vào ngày chợ phiên, bởi vì mỗi inch chỗ trống đều có xe đỗ, có những chiếc, giống như xe của chúng tôi, chỉ là những chiếc xe ngựa kéo bình thường, lại có những chiếc lộng lẫy đến nỗi tôi dám chắc chúng phải là xe của vua chúa.

Chúng tôi xuống xe, sung sướng được duỗi thẳng chân. Những người bạn đồng hành của chúng tôi sửa lại mũ, rũ váy áo cho sạch bụi và cùng lên tiếng một lúc. Họ tạm biệt Medlar và hứa sẽ tìm ông trong đám đông.

- Ai sống ở đây thế ạ? - Tôi hỏi, sau khi họ đã đi hết.

- Đây là cung điện mùa hè của vua Nablus và hoàng hậu Rosmore. Ngày mai, con gái của hoàng hậu là Unwin sẽ làm lễ cưới.

- Đó có phải là tin vui không? - Tôi hỏi.

Medlar cười.

- Vui với hoàng hậu và con gái của bà ta, không vui đối với hoàng tử. Chàng đã bị buộc phải thành hôn.

- Lẽ ra chàng ta phải tỏ ra kiên định hơn.

Medlar mỉm cười.

- Có những lúc thì nhượng bộ lại khôn ngoan hơn là liều mạng với cơn thịnh nộ của hoàng hậu đấy.

Tôi muốn biết thêm và có đến cả ngàn câu hỏi muốn hỏi ông, nhưng chúng tôi bị cắt ngang bởi một anh hề có bộ mặt trắng lốp. Anh ta đội một chiếc mũ có quai thắt nơ dưới cằm và mang một cái cổ đăngten diêm dúa không kém gì ngài Walter Raleigh [11].

- Tìm thấy ông tôi mừng quá. - Anh ta nói. - Ông đã ở đâu vậy hử ông bạn già? Tôi có một điều rất hay muốn nói với ông. Đi theo tôi và tôi sẽ cho ông thấy.

Medlar quay sang tôi.

- Ta xin lỗi. - Ông nói. - Nhưng ta phải đi đây. Đừng lo lắng gì cả, rồi cháu sẽ ổn thôi. Ta sẽ quay lại tìm cháu sau.

- Xin hãy đợi đã! - Tôi kêu lên. - Cho cháu cùng đi với!

Nhưng Medlar và anh hề đã biến mất trong đám đông. Sợ hãi vì bị bỏ lại, tôi chạy theo những người khách đến dự đám cưới. Dưới ánh nắng chói chang, họ trông như những cánh bướm rực rỡ đang chấp chới bay lượn về phía tòa lâu đài. Tôi đứng đó và tự hỏi liệu tôi có dám đi theo họ hay không.

Tiền sảnh mát lạnh khi tôi bước từ ngoài nắng ấm vào, và phải mất một lúc mắt tôi mới quen được với ánh sáng. Tiền sảnh thật đẹp và rộng rãi, với một cầu thang lớn bằng đá hoa cương dẫn lên một hành lang nơi các khách dự đám cưới đứng nhìn xuống những người mới đến. Tôi thấy khiếp hãi và dám chắc rằng trông mình nổi bật như một cái cây bị sét đánh cháy sau cơn bão vậy.

Những người hầu đang đi qua đi lại với những chiếc khay bằng bạc, mời khách rượu vang đựng trong những chiếc ly cao thành. Hồi hộp vì không bị đuổi ra, tôi liền đi kiểm một chỗ trốn. Có mấy phòng cho tôi lựa chọn. Một phòng có một chiếc bàn bày tiệc cưới, phòng khác có những bức tường lát gỗ và một lò sưởi lớn. Phần lớn các phòng đều đầy người.

Cuối cùng, tôi tìm thấy một căn phòng dài, sang trọng, treo rất nhiều gương thếp vàng và sàn gỗ óng lên như mặt ong. Cả đời tôi chưa bao giờ thấy nhiều gương đến thế. Tôi đi dọc căn

phòng và nhìn vào các tấm gương. Tôi không hiểu ra sao cả, vì tôi không thấy bóng mình trong bất kỳ tấm gương nào. Những tấm gương phản chiếu rất rõ ràng một căn phòng kéo dài mãi, với vô số ghế tựa thếp vàng đang chờ đợi vô số các quý ông quý bà tới ngồi lên. Nhưng tôi, Coriander, thì không có trong đó. Chỉ có một tia sáng xanh chuyển động khi tôi bước đi và đứng im khi tôi dừng lại. Tôi nghĩ hẳn các tấm gương này được làm bằng một loại kính thần kỳ không coi trọng tính phù phiếm của con người.

Đúng lúc đó, một đám trẻ con ồn ào bước vào, cởi giày ra để trượt trên mặt sàn bóng lộn. Tôi nhìn vào gương và càng thấy khó hiểu khi thấy bóng chúng trong đó. Giống như căn phòng, giống như những chiếc ghế, chúng có hình trong gương. Thế thì tại sao tôi lại không có trong đó?

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi chúng bắt đầu chạy về phía tôi. Tôi nhảy thật nhanh ra tránh đường, nhưng chúng vẫn lao tới. Tôi tránh bên này bên kia, nhưng không xong. Tôi bèn trốn đằng sau một chiếc ghế và nhìn đám trẻ con một lát, chúng đã ngừng đuổi vì bối rối. Tôi bèn chui ra khỏi chỗ trốn và thế là trò chơi lại bắt đầu. Tôi phát hiện ra rằng nếu tôi quay mặt về phía đám trẻ thì chúng sẽ chạy về phía tôi, nếu tôi quay đi thì chúng sẽ dừng lại.

Tôi đưa tay lên đầu.

- Nó biến mất rồi. - Một chú bé nói, vẻ thất vọng.

- Không đâu, nó vẫn còn kia kìa. - Một đứa khác kêu lên khi tôi bỏ tay xuống. Tôi làm đi làm lại như thế. Tia sáng xanh nhỏ xíu xuất hiện. Tia sáng xanh nhỏ xíu biến mất. Tôi thấy hết sức phấn khích, bởi vì nếu người ta chỉ thấy tôi là một tia sáng xanh nhỏ xíu, thì tôi có thể liêu lĩnh được rồi.

Tôi bỏ đám trẻ con đứng đó và đi ra tiền sảnh, cảm thấy can đảm hơn nhiều. Tôi đi lên cầu thang, chen giữa đám đông và ra ngồi trên hành lang, như tôi vẫn thường làm khi còn ở nhà ở London, để ngắm những người khách đi tới.

Ở nơi này, các phu nhân và các tôn ông không quan tâm đến việc họ phục sức diêm dúa đến mức nào, cũng không e ngại tiếng cười của người khác. Họ lộng lẫy trong những bộ quần áo rực rỡ tựa chim công và chim anh vũ, mỏng nhẹ tựa cánh bướm và cánh chuồn chuồn. Có những chiếc váy làm từ cánh hoa hồng, những chuỗi ngọc kết bằng giọt sương, những tấm áo lụa mịn như được dệt từ tơ nhện. Nếu có thể, cha tôi sẽ bỏ ra tất cả để mua được những loại vải như thế!

Từ khi mẹ tôi mất, thế giới của tôi đã dần sụp đổ và vỡ tan, mọi niềm vui và sắc màu đã bị tẩy sạch. Lão Arise đã gần như đánh gục tôi bằng bàn tay thịnh nộ của lão. Tia sáng xanh bé nhỏ đã gần bị thối tắt. Vậy mà ở đây, giữa nơi xa lạ này, giữa những con người kỳ lạ này, tôi lại thấy mình như đã trở về nhà và tia sáng xanh lại có thể nhảy múa vui vẻ giữa đám khách dự lễ cưới, bởi vì nơi đây mới là sự cứu rỗi của linh hồn tôi.

Những ý nghĩ sung sướng của tôi bị cắt ngang bởi những giọng nói lớn tiếng phát ra từ một hành lang ở bên. Tôi bước về phía đó, nhưng rồi sợ bị lạc, tôi lại quay trở lại.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy một tiếng quạ kêu chói tai, và ngược lên, tôi nhìn thấy một con chim khổng lồ đen sì đang bay về phía tôi. Tôi khiếp sợ chúi xuống khi nó bay qua. Đó là một con quạ to lớn góm guốc, đôi cánh dang rộng của nó quét cả vào hai bên hành lang. Nó bay đến cánh cửa đôi ở cuối hành lang và cánh cửa mở ra tức khắc như thể đã đợi sẵn.

Tôi liền đi theo nó mà không suy nghĩ xem mình đang làm gì hay có thể gặp nguy hiểm gì, và thấy mình ở trong một buồng ngủ lát gỗ, tường và trần có vẽ những câu chuyện thần tiên, giống hệt như căn buồng của tôi ở nhà. Giữa phòng có đặt một chiếc giường bốn cọc. Các cánh cửa sổ cao từ trần nhà đến sàn nhìn ra những khu vườn cân đối bên ngoài. Một cô gái béo tròn ngồi bên bàn trang điểm ở phía bên kia của căn phòng. Tôi có thể nhìn thấy cô ta trong gương. Cô ta có cái cằm đôi chảy xệ xuống ngực và chiếc áo nịt cô ta đang mặc làm người cô ta phè ra như chiếc bánh thịt bị nhồi quá nhiều nhân.

Con quạ không để ý đến cô ta. Nó đậu lên tay một chiếc ghế bành có lưng tựa nhô cao làm tôi không nhìn được người ngồi trên ghế.

- Con chim xinh đẹp của ta. - Một người đàn bà nói, giọng khàn khàn. - Mi vừa ở đâu về vậy?

Tôi chậm chậm lui lại, sợ hãi khi nghe tiếng ván sàn kêu cọt két, và giữ một bàn tay trên trán để che đi tia sáng xanh. Ước gì tôi đã không vội vàng đi theo con quạ như thế. Xin đừng để nó nói, tôi thầm nghĩ. Nó không thể nói được. Tôi không muốn nỗi sợ của mình trở thành sự thật.

- Hoàng tử đã đến chưa? - Cô gái quát hỏi.

- Chàng đang trên đường, thưa công chúa. - Con quạ đáp.

- Nhanh lên, Unwin, trang điểm cho xong đi. - Người ngồi trên ghế nói.

- Cái váy này không hợp với con. - Unwin mè nheo, trong khi một người hầu gái hối hả vào phòng với một đám mây đăngten và satanh trắng. Cô ả cố ních vào chiếc váy, làm nó rách toạc. Người đàn bà trên ghế rung chuông và một chị hầu phòng chạy vội vào.

- Ta không mặc cái này đâu! - Cô dâu hét lên, giậm chân thành thành. Cô ả cầm chiếc nùi bông thoa phấn mà cô ta đang nghịch và ném nó xuống bàn mạnh đến nỗi một đám phấn bụi mù lên, làm chị hầu tội nghiệp suýt nghẹt thở. - Ra ngay, đồ đàn độn! Hãy xem mi đã gây ra chuyện gì thế này!

Hai người hầu gái nhìn về phía chiếc ghế lưng cao và tôi thấy một bàn tay như chân chim xua họ đi. Họ liền nhún chân chào và nhanh chóng đi ra.

Người có bàn tay nọ đứng lên và bước về phía cô dâu. Tôi nhớ lại câu chuyện trên xe ngựa. Vậy chắc hẳn đây là hoàng hậu Rosmore.

- Hãy bình tĩnh, con gái yêu của ta. Con không cần phải bận lòng. Lần này sẽ không có gì trục trặc đâu. Tin ta đi. Cronus và ta đã thu xếp hết mọi việc rồi.

Tôi chợt nhận ra, với một cảm giác chắc chắn kinh khủng, rằng trước kia tôi đã từng thấy con quạ rồi, và gương mặt đẹp đẽ kia của hoàng hậu chỉ là một tấm mặt nạ. Bên dưới nó chính là mặt phù thủy già mà tôi đã gặp trên cầu London.

Hoàng hậu Rosmore quay đi khỏi cô con gái. Mặt nhìn thẳng vào tôi và khế bảo con quạ:

- Hãy bảo đảm rằng lần này lão Medlar không có mặt.

15. Hoàng tử Cáo

Tôi lao xuống những bậc thang cẩm thạch và chạy ra khoảng sân rải sỏi, nhẹ người vì đã thoát khỏi hoàng hậu và con quạ của mẹ. Tôi đứng đó, không biết đi đâu, nhìn khách dự đám cưới vẫn lục tục kéo đến.

Ôi, chuyện gì đang xảy ra thế này? Tôi đang ở trong thế giới mà tôi cảm nhận rõ ràng mình thuộc về nó, nhưng tôi lại không có hình hài gì cả. Tôi được đem đến đây bởi một người kỳ lạ nói rằng có quen mẹ tôi. Tôi phải tìm ông ấy, tìm Medlar ít ra cũng để hỏi một câu: có phải trên xe họ nói về cái bóng của mẹ? Tôi có một cảm giác nôn nao rằng mình đã biết trước câu trả lời.

Tôi thấy bức bối với chính mình. Lẽ ra tôi phải can đảm hơn. Phải liều lĩnh hơn. Tôi không được tỏ ra sợ hãi. Nhưng tôi không thể. Những gì tôi vừa mắt thấy tai nghe khiến tôi quá hoang mang.

Tôi rời khỏi đường xe cộ qua lại, nấp sau mấy bụi cây được xén tỉa gọn gàng. Từ chỗ nấp tôi có thể thấy một đường mòn xuyên qua rừng lung linh ánh nắng dát vàng. Tôi men theo con đường cho đến khi nghe thấy một âm thanh mà tôi vẫn biết rõ và yêu thích. Nó róc rách, nó bập bênh, nó rút xuống và chảy đi. Kia, dưới bờ dốc bị các bụi cây che kín, là một dòng sông xanh như ngọc.

Nước có điều gì, tôi tự hỏi, mà luôn khiến lòng tôi dịu lại? Có lẽ bởi tôi lớn lên cạnh sông Thames. Nhìn thấy dòng sông cũng giống như gặp một người bạn đã xa lâu ngày, và tôi bỗng thấy nhói đau khi nghĩ tới ngôi nhà cùng tất cả những thứ tôi đã mất.

Tôi chạy xuống và trượt ngã qua một bụi mao địa hoàng tím. Đến ngay sát bờ sông, tôi trụ lại được, đúng lúc một tia sáng trắng lóa vụt qua. Tôi đứng sững đó, không tin nổi vào mắt mình. Đó, đứng bên mép nước, là một con tuần mã trắng.

Con ngựa ngược nhìn như thể nó thấy tôi, khẽ gật gật cái đầu xinh đẹp và cúi xuống làn nước trong vắt.

Tôi rón rén lại gần. Khi còn cách một quãng ngắn, tôi trông thấy một chàng trai. Chàng bước đến bên tuần mã và gục đầu vào cổ nó. Tôi bước lại gần hơn. Một cành cây gãy rắc dưới bước chân của tôi và con ngựa giật thót mình. Toàn thân nó trắng muốt, lấp lánh.

Tôi hoảng hốt thấy chàng trai rút gươm ra.

- Ai ở đó?

Tôi chưa bao giờ để mắt tới bọn con trai và cũng không bao giờ có ý nghĩ rằng tôi sẽ để mắt tới họ, bởi tôi thấy rằng yêu và được yêu là một mớ rắc rối khiến ta đánh mất cả sự sáng suốt lẫn trái tim. Vậy mà khi đứng đó trong ánh chiều, ngắm nhìn chàng trai xa lạ, tôi chợt nhận ra những nút thắt trong cuộc đời đã được tạo nên như thế nào.

- Ai ở đó? - Chàng hỏi lại. - Ta biết người đang ở đó. Hãy ra mặt đi. Ta không sợ người đâu!

Tôi cố đứng yên hết mức có thể. Lúc này, tôi biết chàng chính là chú rể mà người ta đang chờ đợi. Chàng không thể kết hôn với Unwin, điều đó thì tôi chắc chắn. Người đàn ông trên xe ngựa đã đúng khi ông ta nói họ giống như nước với lửa.

Chàng ngồi phịch xuống đất, hai tay ôm đầu. Con ngựa đến bên, khẽ giục vào cổ chàng và chàng dựa mái tóc đen nhánh vào cái bờm trắng muốt của nó.

Trong chốc lát quên rằng mình chỉ là một tia sáng xanh bé nhỏ, tôi lên tiếng:

- Xin đừng sợ, em không định làm hại chàng đâu!

- Nhà người là ai? Hãy hiện ra đi!

- Em không thể.

- Vậy người không phải là hoàng hậu đang tìm cách lừa ta chứ?

- Không. Tên em là Coriander.

Tôi bước đến bên chàng. Tôi có thể thấy ánh sáng xanh được phản chiếu lại trong đôi mắt chàng, đôi mắt màu nâu thẫm. Một cảm giác choáng váng xuyên qua người tôi khi bàn tay chàng quá dịu dàng chạm vào khuôn mặt tôi, sờ lên mắt, mũi, miệng, tai tôi, như một người mù đang nhìn bằng những ngón tay.

Tôi không muốn kể điều này, nhớ lại nó khiến tôi xấu hổ. Nhưng những âu yếm dịu dàng như thế đã biến ra khỏi cuộc đời tôi quá lâu rồi, đến nỗi nước mắt lăn dài trên má tôi.

Chàng đưa tôi đến bên con bạch mã.

- Đừng sợ. Nó đã biết có em ở đây trước ta rất lâu.

Con ngựa ngẩng đầu, khẽ rung người. Tôi vuốt ve cổ bờm của nó.

- Em từ đâu đến? - Hoàng tử hỏi.

- Em cũng không biết nữa. - Tôi đáp. - Em bị nhốt trong một chiếc rương và em đã nghĩ rằng mình sẽ chết.

- Medlar đoán chắc rằng một ngày kia em sẽ đến, khi thời khắc đến. - Hoàng tử mỉm cười. - Thật mừng là cuối cùng cũng được gặp em.

- Tên chàng là gì?

- Tycho. Tên ta là Tycho.

“Rắc!” Sau lưng chúng tôi, một cành cây gãy vụn. Mặt hoàng tử tối sầm lại như đám mây che lấp mặt trời.

- Có ai nhìn thấy em không? - Chàng hỏi.

- Không.

- Hoàng hậu có biết em đang ở đây không?

- Không.

Tôi không muốn chàng bỏ đi. Có chàng ở bên, tôi cảm thấy an toàn.

- Tại sao chàng lại thành hôn trong khi chàng không muốn?

- Ta không có lựa chọn nào khác. Nếu ta không chịu làm lễ cưới, Rosmore sẽ phù phép ta. Ta sẽ bị biến thành một con cáo, bị săn đuổi và giết chết.

Tôi thấy lo âu trước những lời của chàng. Chắc chắn không thể như vậy được.

- Mẹ em thường kể những câu chuyện cổ tích, nơi những bùa phép như vậy thường xảy ra, nhưng em nghĩ rằng...

- Bà đã kể cho em nghe câu chuyện của thế giới này. – Chàng cắt ngang. – Và ở đây có những bùa phép như vậy thật.

- Tại sao hoàng hậu lại độc ác đến vậy?

Hoàng tử lặng thinh. Trên đầu chúng tôi, bầu trời tối đen lại. Và xuyên qua những tán cây, con quạ đáng sợ với bộ lông đen sì của nó nhào xuống. Bạch mã lồng lên. Tôi lùi lại nép mình trong một bụi cây. Con chim khổng lồ đậu xuống một cành cây gần Tycho.

- Cái gì khiến ngươi chưa đến lâu đài? – Cronus hỏi.

- Không gì cả. Ta chỉ nghĩ đến điều gì sắp đến mà thôi.

- Tất cả những gì vận may có thể đem đến cho mi. – Con chim đáp, đôi mắt như hai hạt ngọc đen loé sáng. Nó dùng đầu cánh chỉ một toà tháp cao vượt lên trên những ngọn cây. – Hoàng hậu đang tìm ngươi. Người đã gửi các thợ săn đến hộ tống ngươi.

Tôi nhìn lên và thấy một toán kỵ sĩ khổng lồ đang tiến về bờ sông. Áo choàng của họ có màu máu tươi, đàn chó lúc sữa vang, lúc gầm gừ, để lộ hàm răng sắc lẹm như dao. Tôi thấy tội nghiệp cho đám ngựa. Chúng nhỏ bé, quá nhỏ bé để mang các kỵ sĩ trên lưng. Mắt chúng thất thần vì sợ hãi và tai dựng ngược lên trong khi bộ guốc cào vào đất.

Tycho bước đến bên con tuấn mã trắng của chàng. Nó cao lớn hơn nhiều so với những con vật hoảng hốt của đám thợ săn và trông thật đường bệ trong ánh nắng vàng rực. Tycho nhìn thẳng vào tôi. Trong một thoáng, tôi nghĩ hẳn mình đã hiện hình trở lại và đỏ mặt không hiểu chàng đang nghĩ gì về tôi khi thấy chiếc váy rách bươm cùng bộ tóc cắt lỏm chớm. Chàng khẽ chạm tay vào cánh tay tôi và thì thầm:

- Ta sẽ không quên em. Xin cũng đừng quên ta.

Tôi có thể thấy con quạ chĩa đôi mắt nanh ác về phía tôi và tôi biết mình phải làm điều gì đó. Tôi ghé sát Tycho và nói thật khẽ:

- Chàng đừng làm lễ thành hôn. Xin chàng hãy làm theo những gì trái tim chàng mách bảo.

Tycho nhìn tôi một lát rồi quay lại và đi theo Cronus.

Một nỗi buồn không sao chịu nổi dâng tràn trong tôi khi nhìn đám thợ săn và đàn chó áp giải Tycho và tuần mã về phía lâu đài. Tôi nghĩ trông chàng như sắp phải lên giá treo cổ ở Tyburn.

16. Những con mắt thêu

Tôi biết rằng mình không thể chỉ trốn ở đây. Tôi phải đi tìm Medlar. Có lẽ ông ấy sẽ ngăn được đám cưới và cứu Tycho thoát khỏi số mạng khủng khiếp này.

Khi tôi trở lại lâu đài thì trời đã tối. Bóng đêm như một con chó đen to lớn với cái bụng đầy sao đã chiếm chỗ của ban ngày.

Mọi người đang tụ tập ở tiền sảnh với vẻ phấn khích. Trong lúc chờ đợi để được dẫn vào căn phòng dài với vô số gương và những chiếc ghế mạ vàng, họ tha hồ rì rầm với nhau nghe như một bầy chim ríu rít lúc chiều hôm. Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng chúng tôi, tạo ra một âm thanh đầy mê lương. Nghe như tiếng chuông rung não nùng trong đám tang.

Tôi đứng cuối căn phòng, nhìn khắp xung quanh, hy vọng sẽ thấy Medlar. Nhưng ông không xuất hiện. Ông ấy có thể ở đâu được chứ? Tôi không biết phải làm gì. Tôi có nên quay lại chỗ chuồng ngựa?

Mọi người đều đã ổn định chỗ ngồi và lặng ngắt như tờ. Tiếng kèn đồng vang dội, cái cửa lớn lại mở ra. Hoàng hậu Rosmore đứng đó, cao lớn và kiêu ngạo trong y phục lộng lẫy, đuôi áo choàng kéo lê trên mặt đất. Trên cổ mũ là chiếc áo lông và trên tóc mũ cài vương miện màu đen làm bằng những chiếc lông vũ nặng nề, không bao giờ còn bay được nữa. Trên áo mũ thêu hàng trăm con mắt chuyển động được, chúng mở ra nhắm vào và xoi mói đám đông như đang tìm kiếm một vật hay một người nào đó.

Vua Nablus bước vào sau mũ. Trông người run rẩy và ốm yếu, phải tựa vào một cây gậy chống. Thân hình nhà vua vặn lại như một cây óc chó cổ thụ xưa, mái tóc dài bạc trắng xoã xuống vai. Người nổi bật giữa đám khách dự lễ cưới, gánh nặng thời gian trĩu nặng trên vai. Người gật đầu với đám đông và khi người bước tới, các ông cúi đầu còn các bà nhún chào.

Tôi men theo sát tường đi dọc tiền sảnh, hài lòng khi thấy ánh sáng của mình được phản chiếu và nhảy nhót cùng những ánh sáng khác trong phòng. Nhà vua và hoàng hậu đi tới một chiếc bục. Nhà vua được mấy người hầu đỡ lên ngai và ngồi đó bất động. Gương mặt người đỡ

ra như còn đang ngỡ ngàng.

Những chùm chuông bắt đầu ngân vang, cánh hoa hồng rơi lả tả xuống như bông tuyết và những tia sáng nhỏ bé lấp lánh chiếu ngang căn phòng. Đúng là khung cảnh hoàn hảo cho 1 đám cưới thần tiên. Nhưng tôi, cũng như khách khứa, đều biết mọi chuyện không hề ổn.

Con quạ bay vào và đậu lên cánh tay vừa chìa ra của hoàng hậu. Mụ cúi xuống nghe nó thì thầm điều gì đó vào tai.

- Có kẻ lạ mặt ở đây phải không? – Mụ đột ngột hỏi.

Căn phòng lặng ngắt, đến nỗi có thể nghe rõ tiếng những cánh hoa hồng rơi xuống.

Tôi chắc rằng mình đã bị phát hiện. Tôi đã cảm thấy một lời đáp dâng lên trong họng mình. Thật không lời nào tả hết nỗi nhẹ nhõm của tôi khi những người khách đều kêu lên:

- Không có người lạ nào ở đây cả!

- Vậy thì hãy bắt đầu lễ cưới! – Hoàng hậu ra lệnh.

Tiếng kèn đồng vang lên. Cả gian phòng ngập tràn tiếng nhạc khi cô dâu và chú rể tiến vào. Cô dâu già hơn hoàng tử nhiều, trông như một bà cô già đang áp tải cậu cháu ương ngạnh đến một buổi dạ hội hơn là cùng chú rể đến làm lễ cưới.

Tôi hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy trang phục của cô ta. Nó giống hệt chiếc váy mẹ tôi mặc trong tấm chân dung của bà. Tóc cô ta cũng cài hoa. Điều khác biệt là mẹ tôi trông rất đẹp và yêu cha tôi. Cô dâu này chẳng xinh đẹp chút nào và không yêu ai ngoài bản thân.

Âm nhạc ngừng và một người đàn ông run rẩy bước lên bục. Ông ta trông đầy vẻ sợ sệt, chẳng thốt nổi lấy một lời. Chỉ khi hoàng hậu đập mạnh bàn tay đi găng lên thành ghế và Cronus vỗ cánh ông ta mới mở miệng.

- Chúng ta có mặt ở đây ngày hôm nay... - Người đàn ông lắp bắp. – Là để dự lễ thành hôn của hoàng tử và công chúa. – Ông ta ngừng lại một lát. – Chúng ta có mặt ở đây để làm chứng rằng lễ cưới này diễn ra với tình yêu chân thành và tự nguyện...

- Đủ rồi! Hãy thành hôn cho chúng cho xong đi. – Hoàng hậu nói.

Chú rể bước tới trước và hướng về phía hoàng hậu.

- Tôi không thể làm việc này. – Tycho nói.

Đám đông há hốc miệng kinh ngạc.

- Xin hãy tha lỗi cho tôi. – Chàng nói tiếp, quay về phía những người khách. – Tôi không thể kết hôn mà không có tình yêu. Tôi không yêu công chúa, và cũng sẽ không bao giờ yêu.

- Hắn đang tỏ ra ngớ ngẩn đấy thôi. Hắn không biết mình đang nói gì đâu. Cứ tiếp tục đi! – Hoàng hậu quát.

- Tiếp tục đi! – Unwin rít lên, xô đẩy người đàn ông run rẩy nọ đến nỗi ông ta không nói nổi.
- Hãy đọc lời hôn thú và chàng sẽ thuộc về ta.

Tycho đi xuống bậc và bước về phía cuối căn phòng, rời xa cô ả.

- Đóng cửa lại! – Hoàng hậu ra lệnh và hai cánh cửa sập lại với một tiếng kêu vang rền.

Gương mặt mù trở lại bình thản, mù nói giọng dịu dàng:

- Đừng xử sự như trẻ con thế nữa. Tycho, hãy quay lại và tiếp tục lễ cưới thôi.

Vua Nablus đột nhiên đứng dậy và loạng choạng đi tới mép bậc.

- Lễ cưới ư? Có phải con gái thân thương của ta đó không? Có phải đứa con yêu dấu của ta đó không?

Đám người hầu chạy vội tới và đưa người trở lại ngay vàng.

- Hãy để nhà vua lên tiếng. – Tycho nói. – Nếu các người dám, hãy để cho nhà vua lên tiếng.

Hoàng hậu như phát điên lên vì giận dữ và các khách mời vội vã đứng dậy khỏi ghế.

- Không! – Cô dâu thét lên. Giọng ả chói tai đến nỗi những tấm gương thếp vàng vỡ tan. – Ta sẽ không để cho đám cưới của ta bị phá hỏng đâu!

Đúng lúc đó, một tia chớp xanh loé ra từ ngón tay của hoàng hậu và đánh trúng Tycho khiến chàng ngã xuống đất.

- Chính ta sẽ xử tội ngươi! – Mù hét lên. – Ai cần thợ săn hay chiếc bóng làm gì? Ta sẽ làm những gì ta muốn!

- Vậy thì làm đi. – Tycho nói và đứng dậy. – Nào, cho ta thấy hình phạt tồi tệ nhất của ngươi đi.

Hoàng hậu ném xuống một tia chớp xanh nữa và chàng lại ngã ra.

Những chiếc ghế đổ rầm rầm xuống sàn. Đàn ông, đàn bà và trẻ con co rúm lại vì sợ hãi. Không kịp suy nghĩ gì, tôi chạy lại bên Tycho.

- Chàng không sao chứ?

- Ta không sao. – Chàng thì thầm, cố đứng dậy. – Nhưng em phải rời khỏi đây ngay. Nơi này không an toàn đâu.

Hoàng hậu thấy Tycho lần thứ ba lại vững vàng đứng lên bèn nói với những người khách đang khiếp hãi:

- Các ngươi hãy quay lại ghế ngồi đi, lễ cưới sẽ được tiến hành như đã dự định.

- Sẽ không có lễ cưới nào hết. – Tycho đồng dạc. Giọng chàng vang lên to và rõ ràng.

Hai cánh cửa lộng lẫy bật tung. Con tuần mã trắng muốt đang đứng đó. Ngay cả hoàng hậu cũng phải lùi lại khi thấy tuần mã, những con mắt trên áo choàng của mụ nhắm lại.

Tycho hôn lên má tôi, nhảy lên lưng ngựa và biến mất. Cùng với chàng, những người khách cũng chạy ra khỏi căn phòng. Tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ như trời trồng.

Hoàng hậu đứng cạnh con gái. Cô ả đang nằm lăn ra đất, tay dấm thùm thụp xuống sàn nhà còn chân đá lung tung.

- Mẹ đã hứa cơ mà! – Unwin gào lên. – Mẹ đã hứa là mọi chuyện sẽ suôn sẻ cả! Mẹ đã nói mẹ sẽ là người có quyền lực nhất và ai cũng phải vâng lệnh mẹ cơ mà!

- Chuyện gì đang xảy ra vậy? – Nhà vua hỏi. Người đứng lên, trông run rẩy đến tội nghiệp, và lại cất tiếng gọi:

- Có phải là con gái thân thương của ta đó không? Có phải là đứa con yêu dấu của ta đó không?

Hoàng hậu nhìn về phía tôi. Tất cả các con mắt trên áo của mụ đều mở to.

- Ai đó? – Mụ quát.

Tôi quay mình bỏ chạy.

- Ta biết ngươi là ai rồi. Ta sẽ tìm được ngươi, ngươi không thể trốn được đâu. Ngươi sẽ phải trả giá cho chuyện này. – Mụ rít lên.

Tôi lao ra khỏi căn phòng. Tiền sảnh giờ không một bóng người, con đường rải sỏi trống trơn. Ngoái lại, tôi chỉ thấy ánh trăng phản chiếu lại trên vô số các ô cửa sổ của lâu đài.

Tôi chạy, cứ cắm đầu chạy. Tôi không biết mình đang chạy đi đâu nhưng tôi không dừng lại cho đến khi gặp một nhà kho. Kiệt sức, tôi chui vào đám rơm khô và ngủ thiếp đi.

17. Thế giới bị đánh mất

Thức giấc, tôi kinh ngạc thấy mái tóc của mình đã mọc lại dài và dày như cũ. Tôi đang nằm trên một chiếc giường gỗ mun chạm trổ. Ánh sáng ban ngày nhảy múa trên rèm treo cửa, xuyên qua bóng tối tĩnh mịch. Một tia nắng chiếu vào một chậu nước đang bốc hơi nghi ngút. Tôi ngồi bật dậy. Sao có thể thế được? Đêm qua tôi vào ngủ ở một nhà kho cơ mà. Ai, tôi tự hỏi, ai là người đã đưa tôi lên chiếc giường này? Tôi nghĩ hân là Medlar, và một cảm giác nhẹ nhõm vô cùng

bao trùm cả người tôi.

Tôi ra khỏi giường. Váy áo của tôi đặt sẵn ở đó. Chúng đã được giặt sạch và vá lại cẩn thận như thể có một người nào đó vừa mới vào phòng và lảng lảng đi ra sau khi chuẩn bị các thứ cho tôi.

Tôi mặc áo và mở cửa, nghĩ rằng sẽ thấy Medlar đang đợi tôi.

Tôi bước ra hành lang và nhận ra mình vẫn đang ở trong cung điện mùa hè.

Không, không thể như vậy được. Hoàng hậu có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào và nhìn thấy tôi. Tôi quay lại phòng ngủ và đóng cửa. Nhưng những gì đang đập vào mắt tôi hoàn toàn vô lý. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà tôi vừa mở và khép cửa, căn buồng đã thay đổi hoàn toàn, tựa như nó đã bị phù phép.

Mọi thứ trong căn phòng đều phủ một lớp bụi dày. Những tấm rèm mà ánh mặt trời đã xuyên qua giờ chỉ còn là mớ mạng nhện. Vải phủ giường đã rách nát, lông nhồi nệm tơi ra tung toé còn cái chậu rửa mặt thì nứt vỡ như thể bị bỏ quên từ lâu lắm rồi. Căn phòng chỉ còn toàn giẻ rách và lông vũ không hơn.

Đầu tôi nhức nhối như thể một cơn bão sắp tới. Tôi nhìn ra ngoài. Hành lang cũng đã thay đổi. Những tấm thảm Ba Tư tuyệt đẹp trải trên mặt sàn nhẵn bóng đã biến mất, thay vào đó là một lớp lá khô kêu xào xạc dưới chân tôi. Cả lâu đài rên rỉ, những thanh kèo của nó kêu kẻo kệt như xác một chiếc thuyền buồm bị bỏ mặc trên bờ biển.

Tôi ngược nhìn lên trần nhà đã từng được vẽ toàn chuyện thần tiên. Giờ tôi có thể thấy một bầu trời nặng nề lạnh lẽo đang nhòm xuống tôi qua lỗ thủng lớn ở xà nhà.

Tôi lắng tai nghe nhưng không nghe thấy một âm thanh nào của con người. Tôi quyết định sẽ phải can đảm hơn và đi xuống căn phòng nơi định tiến hành hôn lễ. Những mảnh vỡ của các tấm gương đã bị bụi phủ mờ cả. Sàn nhà đầm nước mưa thì vương vãi những cánh hoa hồng đã tàn phai và những chiếc ghế thếp vàng. Tôi giật thót mình khi nghe thấy một tiếng sột soạt và trong một thoáng, hy vọng lại dâng lên trong tôi. Có thể Medlar đang ở đây. Tôi chạy lên bậc. Hai chiếc ngai vẫn đặt nguyên ở đó, chỉ có điều giờ đã phủ đầy rêu. Hai cánh cửa lớn từng tự mở ra đóng vào theo lệnh giờ đang đu đưa trên những bản lề han gỉ.

Tôi quay lại tiền sảnh. Tôi không còn sợ hoàng hậu sẽ xuất hiện nữa. Tôi biết rằng nơi này đã bị bỏ hoang quá lâu. Như thể tôi đã ngủ cả trăm năm vậy.

Tôi đánh bạo bước vào một căn phòng khác. Phòng này tối om, các cánh cửa sổ đã bị bịt kín. Ở đây tôi tìm thấy một chiếc bàn gỗ sồi lớn. Đầu bàn phía gần tôi có phủ một tấm khăn bàn mới trắng sạch, được ủi thành hình vuông gọn ghẽ. Một bát cháo đang đợi sẵn trên đó. Bên cạnh là một bình sữa ấm còn nguyên kem, một ổ bánh mì mới cắt, bơ và mật ong. Giữa tấm khăn là một cây nến đã được tĩa bắc.

Bụng đói cồn cào, tôi ngồi xuống và ăn như thể đã hàng tháng nay tôi chưa được ăn. Cuối cùng, khi đã no nê, tôi tựa lưng vào ghế và ngắm một con bọ chậm chạp bò dọc cái bàn.

Tôi đứng dậy. Sự im lặng của căn phòng trống trải bỗng đầy vẻ hăm dọa và tôi chợt nhớ đến con cá sấu nhồi bông trong phòng làm việc của cha. Tôi đã sợ hãi xiết bao trong những ngày xưa ấy, ở cái thế giới kia của tôi.

Tim đập thành thịch, tôi chạy khỏi lâu đài càng nhanh càng tốt. Ngoài trời lạnh đến nỗi rằng tôi va vào nhau lập cập và khi nhìn thấy những cành cây trơ trụi thì tôi dần dần nhận ra rằng không chỉ toà lâu đài biến đổi, mà cả thời tiết nữa. Chỉ trong vòng một giấc ngủ, mùa đông đã cắm những cái vuốt băng giá của nó vào mặt đất.

Tuyết bắt đầu rơi khi tôi đi dọc theo con đường rải sỏi. Mặt đường vẫn còn hằn dấu bánh xe và vó ngựa. Tôi đi về khu chuồng ngựa. Nơi đây cũng trơ trọi, không có ai.

- Có ai ở đó không? Ông Medlar ời!

Tiếng tôi vang vọng quanh cái sân trống trơn, chỉ có gió và tuyết thì thầm đáp lại.

Tôi ngồi xuống một bậc thềm gần cái máng nước đã đóng băng và tự hỏi không biết phải làm gì. Những ngón tay tôi tê cứng, chân đau buốt vì lạnh, hơi thở tôi để lại những dấu vết như một bóng ma trong không khí.

- Vẻ đẹp tuyệt vời! – Medlar kêu lên. – Ta đi tìm cháu mãi.

Tôi ngược lên. Tôi lạnh quá đến nỗi không còn cảm thấy vui sướng hay buồn bã khi gặp ông nữa. Tất cả trong tôi đã đông cứng lại. Medlar choàng chiếc áo khoác của ông lên vai tôi và đưa tôi vào một căn buồng phía trên chuồng ngựa. Trong phòng có một lò sưởi đã nhóm sẵn. Ván sàn để mộc và toàn bộ đồ đạc chỉ là một chiếc bàn với hai chiếc ghế. Tôi ngồi xuống.

- Ông đã ở đâu vậy? Sao ông bỏ cháu lại? – Tôi hỏi.

Medlar không đáp. Ông đưa tôi ngồi gần ngọn lửa hơn và xoa hai tay tôi vào nhau cho ấm.

- Than ôi, ta phải đưa cháu trở lại thôi. – Ông nói.

- Đưa cháu trở lại ư? Trở lại đâu? – Tôi hỏi.

- Trở lại nhà cháu, trở lại London.

- Không! – Tôi kêu lên, giật tay ra. – Nếu ông làm vậy thì cháu chết mất.

- Ta đảm bảo với cháu rằng chuyện đó sẽ không xảy ra. – Medlar nhấc ra từ lò lửa một cái chảo rồi rót đầy hai cốc một thứ nước uống nóng hổi làm hơi ấm truyền thẳng đến tận các ngón tay và ngón chân tôi. Ông thấp cây đèn tròn của mình lên và nó đu đưa ở đó, như một vầng trăng tí hon trong căn phòng mù khơi.

- Ông là ai? – Tôi hỏi.

Medlar mỉm cười.

- Ta là ai? Ông tự nhắc lại với mình, khẽ vuốt râu. – Một câu hỏi rất hay, với một câu hỏi như thế thì chắc chắn phải có câu trả lời. Ta là rất nhiều thứ. Ta là người lữ hành. Ta là pháp sư của nhà vua. Ta là kẻ đi tìm những chiếc bóng. Ta là thầy học của mẹ cháu, và cách đây rất nhiều

tuần trăng, ta đã gặp cha cháu trên đường đi London. Ta chỉ có thể trả lời một phần câu hỏi của cháu, nhưng đành phải chấp nhận thế vậy.

- Vậy ra đó là ông. – Tôi kêu lên, nhớ lại câu chuyện cha kể về người đàn ông bị cướp sạch của cải.

- Ta rất thích cha cháu. – Medlar nói. – Ông ấy không cầu xin những thứ tốt đẹp hơn như bao kẻ. Ông ấy chấp nhận số phận của mình mà không than vãn, và vẫn biết quan tâm đến người khác. Chính ta đã đưa mẹ cháu đến con đường ấy. Ta nghĩ hãy để cho tình yêu và định mệnh hoàn thành nốt công việc, và ta đã đứng.

Hắn tôi đã há hốc mồm nhìn ông, bởi vì sau đó ông nói:

- Uống nốt đi và cháu sẽ thấy khá hơn.

Tôi nhấp một ngụm nữa và lại cảm thấy hơi ấm tràn ngập trong người.

- Tại sao ông lại không giúp Tycho?

- Nếu ta làm thế, Rosmore sẽ biết ngay ta ở đó và mọi thứ sẽ hỏng hết. Cháu có đủ sức mạnh để giúp chàng, và cháu đã làm vậy.

- Nhưng cháu chỉ là một tia sáng xanh. Cháu đâu có sức mạnh.

- Còn nhiều điều cháu chưa hiểu hết đâu. – Medlar nói. – Chính ta đã biến cháu thành tia sáng xanh để bảo vệ cháu. – Ông khẽ thở dài. – Mẹ cháu có kể cho cháu điều gì về thế giới này không?

- Mẹ cháu chỉ toàn kể những chuyện thần tiên.

- Chắc hẳn Eleanor phải kể cho cháu nghe chút gì về thời thơ ấu của cô ấy chứ.

- Không ạ. – Tôi lắc đầu.

Tôi có thể thấy câu trả lời của tôi không khỏi làm ông thất vọng.

- Phải, có một chuyện không vui. – Ông buồn bã nói, kéo kéo cái nút thắt ở bộ râu.

Tôi không thích cái ý nghĩ rằng mình không hay biết gì về quá khứ của mẹ nên tôi nói:

- Cháu đã nhìn thấy cái bóng của mẹ cháu.

- Thật ư? – Medlar reo lên. – Ôi, vẻ đẹp tuyệt vời! Khi nào vậy?

- Lâu lắm rồi, khi mẹ cháu mới mất. Nó được cất trong một cái hộp gỗ mun trong phòng làm việc của cha cháu.

- Trông nó thế nào? – Medlar hỏi và nhìn tôi rất đổi chăm chú.

- Nó ánh bạc, trông như làm bằng tơ. Cháu không bao giờ thấy lại nó nữa.

- Chiếc bóng phải được tìm thấy và trả lại. – Medlar nói.

- Cháu không hiểu. Sao ông lại muốn có nó?

- Chiếc bóng của mẹ cháu chính là lý do để nơi này ăn mừng, bởi vì một chiếc bóng chứa đựng mọi sự huy hoàng của ánh sáng vĩnh cửu như thế rất hiếm. Nó có quyền lực lớn lao đến nỗi có thể được dùng để tạo ra vô số điều tốt đẹp hoặc những tai họa khủng khiếp. Ta biết hoàng hậu đang tìm kiếm chiếc bóng ấy và nếu mà tìm thấy nó, mọi quyền năng sẽ rơi vào tay mẹ. Chiếc bóng giờ đây đang vô chủ và không được bảo vệ. Nó đã rơi vào tay người trần, những kẻ sử dụng nó cho mục đích riêng và như vậy, chúng đã tạo nên một kẻ hờ đem thời gian trần tục đến thế giới của chúng ta. Cháu đã thấy hậu quả của điều đó ở nhà vua yêu quý của chúng ta, và giờ là ở cung điện mùa hè của người.

Những ý nghĩ quay cuồng trong đầu tôi, và mặc dù có quá nhiều điều muốn biết, tôi lại chỉ nghĩ ra được một câu hỏi:

- Liệu cháu có bao giờ được gặp lại mẹ cháu không?

- Không. – Medlar rầu rầu đáp. Mẹ cháu đã lựa chọn cái chết ở thế giới của cháu. Chúng ta không có quyền lực gì chống lại cái chết ở đó cả.

Ông xích ghế lại gần tôi và nắm lấy tay tôi.

- Ta phải nhờ cháu đi tìm lại chiếc bóng.

- Cháu ư? Không! – Tôi sợ hãi kêu lên. – Cháu không liều lĩnh, cháu không dũng cảm, cháu không gan dạ.

- Ở đám cưới, ta đã cố tình bỏ mặc cháu lại, để cháu phải tự lo. – Medlar nói. – Ta muốn xem cháu giống mẹ cháu đến mức nào. Cháu có trái tim của một con sư tử, Coriander ạ. Cháu đã đủ liều lĩnh để vào phòng ngủ của hoàng hậu, đủ dũng cảm để vuốt ve con bạch mã, đủ gan dạ để cứu hoàng tử.

Tôi ngồi trên ghế, không biết nói gì, cố hiểu cho ra chuyện gì đã xảy đến với mình. Tôi vẫn thấy thật khó tin rằng mẹ tôi đến từ chính vùng đất lý lạ này. Tại sao mẹ không bao giờ kể cho tôi về nó? Tôi tự hỏi. Tại sao mẹ lại chọn cái chết, thay vì quay trở lại đây?

Medlar im lặng khi thấy nước mắt trào xuống má tôi. Ông cúi xuống, lấy một cái gói bọc bằng vải lanh ở dưới ghế và đưa nó cho tôi.

Nằm trong đó là đôi hài bằng bạc.

Quá nhiều điều lạ lùng đã xảy ra nhưng dường như đây mới là điều kỳ khôi nhất. Tôi trân trân nhìn đôi hài. Tôi quên mất trông chúng đẹp và xinh xắn như thế nào. Tôi đưa đôi hài soi trong ánh nến và chúng toả sáng lung linh như pha lê.

- Coriander, đôi hài này được làm cho cháu, chỉ cho cháu mà thôi. – Medlar nói. – Không thể có chuyện chúng không tìm ra cháu. Chúng đã được làm để có thể lớn lên cùng với cháu. Ta không biết là chúng đã bị phù phép. Mẹ cháu đã giải trừ được một phần, nhưng không phải là

toàn bộ lời bà chú đó. Giờ thì cháu có thể lấy lại chúng.

Tôi cảm đôi hài lên. Chúng mềm mại và nhẹ nhàng tựa lông thiên nga.

- Đi hài vào, - Medlar nói, - cháu sẽ trở lại trong chiếc rương.

Một tiếng tù và của người đi săn nổi lên. Nó chém toạc bầu im lặng bên ngoài như một nhát dao. Chúng tôi chạy tới bên cửa sổ và kéo cánh cửa chớp bằng gỗ ra. Ngoài trời tối đen, tuyết vẫn đang rơi và những cành bạch dương óng ánh bạc in bóng xanh trên nền trời đen thẫm. Giữa đám cây non là con tuần mã trắng muốt đang phi nước đại, một con cáo chạy bên nó. Tôi có thể nhìn thấy bóng của những người thợ săn và đàn chó.

Tôi biết rằng mẹ hoàng hậu Rosmore đã thực hiện lời đe dọa của mẹ. Con cáo ấy không ai khác ngoài Tycho.

Tôi thấy đau nhói ở đầu ngón tay giữa và nhận ra mình đã đâm ngón tay mình vào cánh cửa. Ba giọt máu đào rơi xuống lớp tuyết mới. Những viên hồng ngọc, tôi thầm nghĩ, trên nền nhung trắng.

Một tiếng hú dài vọng lên giữa rừng.

- Nếu cháu tìm được chiếc bóng, liệu có cứu được Tycho không? – Tôi hỏi.

Medlar gật đầu.

Tôi xỏ chân vào đôi hài.

- Hãy cho cháu biết điều cuối cùng, trước khi cháu đi. Con gái của vua Nablus tên là gì?

Và ông nói với tôi điều mà trái tim tôi đã biết từ trước.

- Eleanor.

Vậy là phần truyện thứ ba của tôi đã được kể lại và cùng với nó, một ngọn nến nữa lại vụt tắt.

Phần IV

18. Tiếng thét kinh hoàng

Tôi tỉnh lại trong bóng tối dày đặc, người co gập lại, không cựa quậy nổi. Tôi biết mình đã trở lại trong chiếc rương. Bên ngoài có tiếng nói lao xao, rồi tiếng sập mạnh khi cánh cửa phòng làm việc bật tung, đập vào tường.

- Không, ông không được vào đây! Xin ông tránh ra cho! Đây là một ngôi nhà danh giá của những người biết kính Chúa, ông không có quyền xông vào! – Đúng là giọng của Arise Fell, không lẫn vào đâu được.

- Nếu ông còn ngáng đường, ta sẽ gọi cảnh sát. Ta có lý do để tin rằng thi thể Coriander Hobie được giấu trong chiếc rương kia. - Đáp lại là một giọng cộc lốc tôi chưa từng nghe thấy.

- Thuyền trưởng Bailey, - tôi nhận ra giọng ông Thankless, - đây hẳn là cái rương cậu học việc của tôi nói đến.

Rồi tôi nghe thấy một giọng yếu ớt, nghe như giọng Hester:

- Chính là cái rương đó, thưa ngài. Cô ấy bị nhốt ở đó.

- Ngậm miệng lại, con bé đần độn kia! Giữ cái lưỡi của mày ở yên đó! – Giọng của Maud.

- Mở cái rương ra ngay! – Giọng nói cộc lốc ra lệnh.

- Không! Đây không phải rương của tôi, và một nhà truyền giáo không được đụng đến tài sản của người khác, trừ phi đó là thứ báng bổ Chúa.

- Ta đã nghe rằng rất nhiều tài sản của ông Hobie đã bị chính ông tiêu tán đi hết. Giờ mở cái rương ra!

Tôi lấy hết sức thúc vào rương. Tôi phải ra khỏi đây, đi tìm chiếc bóng và cứu Tycho. Không còn thời gian. Mọi chuyện để giải quyết sau.

- Tôi ở trong này! – Tôi kêu lên. – Cho tôi ra!

Maud thét lên một tiếng khủng khiếp.

- Trời đất quỷ thần ơi! Con bé còn sống! – Ông Thankless kêu.

- Chờ chút, chúng ta sẽ cho cháu ra ngay đây! – Giọng cọc lốc nói. – Ông Thankless, ta hãy đi tìm thứ gì đó để cây nắp rương. Sao các người có thể làm chuyện như thế này chứ? Vậy mà mi cũng dám tự gọi mình là nhà truyền giáo!

Tôi nghe tiếng cửa phòng làm việc đóng sầm lại.

Liền đó là tiếng Maud rên rỉ:

- Ôôôô, ông Arise, hồn ma của con bé quay lại ám chúng ta! Những khúc xương của nó đang than khóc, và chúng ta thế là xong đời.

- Im ngay, mụ kia, nói nhỏ thôi. Nghe ta đây. Chúng ta phải giữ nguyên câu chuyện ta đã bàn. Con bé đã chạy trốn. Chúng ta nghĩ nó đã chạy theo mụ Danes và bị chết đuối. Chúng ta không hay biết là bằng phép yêu và ma thuật, nó đã quay trở lại đây và trốn trong cái rương này.

- Thế thì tại sao cái rương lại bị khóa? – Maud hỏi.

- Vì Chúa Lòng lành muốn như vậy.

- Ông có nghĩ đó là xương của nó không, Arise, cái thứ đang cựa quậy trong rương đó?

- Không, ta không nghĩ vậy.

- Tôi đã bảo ông rồi, ông phải làm theo những gì bà phu nhân ấy nói ngay khi có cơ hội. – Maud nói. – Đáng lẽ ông nên ném xác nó xuống sông cho lũ chuột giải quyết. Nếu nó chết rồi thì chúng ta sẽ không gặp phải những chuyện rắc rối thế này.

- Câm đi, mụ kia! – Arise quát. – Mụ chẳng được tích sự gì. Để yên cho ta nghĩ. Chúng ta phải bình tĩnh mới được.

- Quỷ dữ đang đến tìm chúng ta đấy, ông Arise. Tôi có thể ngửi thấy mùi giá treo cổ ở Tyburn. Ông liệu mà biến những lời đẹp đẽ trong Kinh thánh thành có lợi cho chúng ta, vì chắc hẳn họ sẽ tìm thấy một cái xác đã thối rửa trong cái rương kia.

- Ngậm cái miệng ngu ngốc của mụ lại! Mọi chuyện để ta lo.

Tôi nghe thấy tiếng người ủa vào phòng và họ gấp rút cây chiếc khóa, nhấc nắp rương lên.

Thoạt đầu, ánh sáng bên ngoài chói mắt đến nỗi tôi không nhìn ra những người giải cứu mình. Cả phòng lặng ngắt như tờ. Tôi đứng dậy nhưng không bước ra khỏi rương. Tôi không dám chắc mình có thể đi vững được.

Rồi tôi nhìn thấy khuôn mặt thân thuộc của ông Thankless.

- Ôi ông Thankless, thấy ông cháu mừng quá! - Tôi kêu lên.

- Ta mừng là cháu còn sống. – Ông thợ may ân cần. – Và cũng hết sức bối rối không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Đúng là không thể giải thích được!

- Cô không biết tôi, tiểu thư. – Giọng nói cộc lốc vang lên. – Tôi là Bailey, thuyền trưởng một trong những chiếc thuyền buôn của cha cô. Tôi chưa từng gặp người nào tốt bụng và đáng kính hơn ông ấy.

Lời gợi nhắc ấy khiến tôi nhớ đến cha.

- Ông có biết cha tôi đang ở đâu không? – Tôi hỏi.

- Ông ấy vẫn còn sống, còn hiện giờ ông ấy ở đâu thì tôi không thể cho cô biết. – Thuyền trưởng Bailey đáp.

Mắt tôi giờ đã quen với ánh sáng và tôi nhận ra rằng căn phòng, bằng một phép lạ nào đó, đã thu nhỏ lại. Cả Maud cũng thế, bởi nếu tôi không nhìn nhầm thì tôi đã cao hơn bà ta. Tôi cao gần bằng lão Arise và chỉ thấp hơn ông thuyền trưởng một cái đầu. Sao lại như thế thì tôi không hay, nhưng rõ ràng vẻ ngoài của tôi khiến tất cả mọi người trong phòng hoàn toàn kinh ngạc. Nếu không có Hester, hẳn tôi đã chú ý hơn đến vẻ kinh ngạc của họ. Nhưng khi nhìn thấy thân hình mảnh dẻ, rúm ró của cô sụp xuống dựa vào tường, tôi hoảng hốt đến nỗi trong một thoáng, tôi không chắc đó có phải là Hester không. Cô quá gầy, mắt trũng xuống và da tái mét.

- Chị tưởng họ đã giết em rồi. – Hester nức nở. – Mà chị không làm gì được.

- Tao đã bảo mày thế nào, con bé ngu độn kia! Im ngay! – Maud quát và giơ tay lên định tát cô.

Tôi bước ra khỏi rương. Tôi nhìn Hester và cảm thấy bị thế giới này ràng buộc trở lại, trách nhiệm đè nặng lên vai. Tôi biết mình không thể để chị ấy như vậy.

Thấy tôi bước tới, Maud lùi lại, tìm cách nấp sau lưng Arise còn lão thì giơ tay ra. Giọng lão run run:

- Đây đúng là bằng chứng của phép yêu thuật. Mi đúng là mầm mống của quỷ dữ!

Tôi cúi xuống với Hester, cô quàng tay ôm cổ tôi và nói:

- Chị xin lỗi không giúp được em sớm hơn. Có Chúa chứng giám, chị đã cố hết sức.

Ông Thankless nhẹ nhàng đỡ Hester dậy. Tôi có thể thấy chỉ đứng lên thôi cũng khiến cô đau đớn.

- Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra trong cái nhà này. – Ông Thankless nói và quay sang lão Arise. – Nhưng tôi có thể nói với ông rằng con quỷ duy nhất ở đây chính là ông. Đi nào, tiểu thư Coriander! Cháu và Hester không thể ở lại đây thêm phút nào nữa.

- Cháu không thể, thưa ông. – Hester nói, yếu ớt rút tay lại. – Cháu rất tiếc, thưa ông. Cháu bị ốm. Tốt hơn hết là để cháu lại đây thôi. – Và cô trượt xuống dọc bức tường rồi ngã vật ra sàn, như con búp bê Beth của tôi ngày xưa.

- Hester! – Tôi kêu lên. – Chúng đã làm gì chị thế này?

Thuyền trưởng bồng cô lên nhẹ nhàng như thể cô chỉ là một bọc bông. Ông quay sang lão Arise:

- Sao mi dám tự gọi mình là người biết kính Chúa cơ chứ?

Tôi đi theo thuyền trưởng Bailey và ông Thankless ra ngoài phố. Một chiếc xe ngựa đang đợi sẵn ở đó.

Khi chúng tôi đã ngồi trên xe, ông Thankless quay sang tôi vẻ hoang mang:

- Trời đất quỷ thần ơi, ta không thể tin nổi mắt mình nữa, Coriander ạ.

- Làm sao ông tìm ra cháu?

- Cậu học việc Gabriel Appleby của ta để ý theo dõi ngôi nhà của cháu và Hester đã dũng cảm báo cho cậu ấy biết. Nhưng ta không đoán nổi chuyện gì xảy ra nữa. Theo lẽ tự nhiên thì cháu phải chết rồi mới phải.

Ông quần một chiếc chăn quanh Hester. Xe ngựa lóc cọc đi hết phố Thames và lên cầu.

Bên ngoài hiệu may, một chàng trai trẻ đang bồn chồn đi lại. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ là ông Thankless có thêm một cậu học việc và bản khoản không hiểu sao Gabriel không ra đón chúng tôi.

- Các vị không đến muộn quá chứ? Cô ấy chưa chết chứ? – Chàng trai hỏi với vẻ đặc biệt lo lắng trong khi giúp ông Thankless đỡ Hester xuống xe.

- Chưa đâu! – Thuyền trưởng Bailey đáp.

- Gabriel, đi mời bác sĩ ngay. – Ông Thankless nói. Nhanh lên!

Và Gabriel chạy vụt đi như thể cả mạng sống của anh phụ thuộc vào điều đó.

Tôi nhìn theo anh ta và bối rối. Lần cuối tôi gặp Gabriel, anh ta vẫn còn là một chú bé, tuy có lớn hơn Hester chút ít nhưng không phải là một chàng trai thế này. Mình giống như một thủy thủ vậy, tôi tự nhủ, trở về nhà sau một chuyến đi xa, không rõ mình đã đi bao lâu, không biết giờ đang là mùa nào, năm nào.

Hắn tôi trông có vẻ hoang mang, vì ông Thankless nắm lấy cánh tay tôi và thân mật nói:

- Lại đây, Coriander, giúp ta đưa Hester vào trong.

Chúng tôi đưa Hester lên gác. Chị hầu gái Nell giúp tôi cởi đồ cho cô. Cả hai đều choáng váng khi thấy những lằn roi trên người cô. Đến cả ông bác sĩ cũng vậy. Ông ta sợ rằng cô sẽ không qua được đêm đó, và giận dữ nói rằng ngay cả với con chó của mình ông ta cũng không đối xử như vậy, và rằng London giờ đây đầy rẫy bọn lãng bẫm, bọn bịp bợm nguy trang dưới lớp vỏ chính thức của các nhà truyền giáo hay các giáo đồ.

Sau khi bác sĩ đắp cao vào những vết thương trên người Hester và cho cô uống thuốc, chúng tôi tắm rửa cho cô rồi đặt cô lên giường. Tôi ngồi bên cạnh, nắm bàn tay cô và cố sắp xếp lại

trong đầu những gì đã xảy ra.

Chắc hẳn tôi đã ngủ thiếp đi vì tôi giật mình thức dậy như bị ai đó lay. Tôi nhìn quanh phòng và thoáng thấy một khuôn mặt phản chiếu lại trên ô cửa kính. Trong thoáng chốc, tôi ngỡ mẹ đang ở trong phòng và tìm tôi đập rộn lên. Tôi tin rằng mình nghe thấy lời mẹ dặn phải làm gì. Nhưng rồi tôi nhận ra rằng khuôn mặt đang chăm chú nhìn lại tôi chẳng phải ai khác ngoài hình ảnh phản chiếu của tôi, chính tôi chứ không phải ai khác.

Tôi gọi Gabriel lên ngồi với Hester trong khi tôi đi xuống dưới nhà. Ở đó, ông Thankless và thuyền trưởng Bailey đang ngồi trò chuyện.

- Tôi đã nhìn thấy nhiều điều kỳ lạ trong đời. – Thuyền trưởng nói. – Nhưng thánh thần ơi, đây đúng là điều kỳ lạ nhất. Nếu ông hỏi thì tôi xin phép nói là một phép thuật kỳ lạ nào đó đã xảy ra.

- A, Coriander! – Ông thợ may nói khi thấy tôi. – Ta giúp được gì cho cháu?

- Không biết ông có còn giữ các phương thuốc của mẹ cháu ở đây không?

- Có chứ. Chúng đang nằm an toàn ở dưới hầm.

- Cháu nghĩ rằng ở đó có thứ giúp được Hester.

- Vậy để ta đưa cháu đi xem. – Ông Thankless nói và dẫn tôi xuống hầm.

Những chiếc lọ nhỏ được đóng cẩn thận trong những chiếc giỏ rơm. Trông chúng giống hệt nhau.

- Rắc rối đây. – Ông Thankless nói. – Mấy cái lọ này không có nhãn. Chẳng biết cái lọ nào dùng để chữa bệnh gì, mà cô Danes thì không có ở đây.

- Cháu phải tìm một cái lọ có bông hoa màu tím bên trong, - Tôi nói. – Chỉ nó mới cứu được Hester.

- Ta sợ là ta đã cứu cô gái quá chậm. – Ông thợ may nói. – Lẽ ra ngay cái lần đầu tiên Gabriel kể cho ta Hester đang bị hành hạ thế nào, ta đã phải tìm đến nhà cháu. Thôi, giờ cháu tìm trong một giỏ còn ta tìm giỏ khác. Nếu quả có cái lọ như thế, chúng ta sẽ thấy nó.

Chúng tôi xem kỹ từng chiếc lọ một, nhưng chẳng ích gì. Chẳng lọ nào có bông hoa tím bên trong.

Tôi đứng đó, hoàn toàn bối rối. Thế rồi tôi nghĩ rằng điều tốt nhất có thể làm lúc này chỉ là tin tưởng. Tôi nhắm mắt, với lấy một cái lọ.

- Nếu cháu có nhầm đi chẳng nữa thì cũng có khác gì đâu! – Ông Thankless an ủi tôi.

- Ông chủ! Gabriel kêu lớn. – Ông đến đây ngay! Cháu nghĩ cô ấy đang hấp hối!

Tim tôi tưởng nhảy ra khỏi lồng ngực trong khi tôi lao lên gác. Ông Thankless chạy theo sau.

Hester đang trắng bệch ra và mỗi khi thở lại phát ra những tiếng khò khè đáng sợ. Thuyền trưởng Bailey nói ông từng nhiều lần nghe thấy âm thanh ấy từ những người sắp về châu Trời.

Không suy nghĩ thêm, tôi mở nắp lọ và nhẹ nhàng nhỏ từng giọt thuốc vào miệng Hester, cẩn thận không để rớt giọt nào như tôi từng thấy mẹ và chị Danes làm trước kia.

Rồi tôi ngồi xuống nắm lấy một bàn tay Hester. Gabriel đang âu yếm bàn tay kia.

Mặt trăng cũng đã đến trông chừng cho cô và tỏa xuống nhà một bể ánh sáng lung linh. Suốt đêm tất cả chúng tôi cứ ngồi như vậy bên Hester. Đến khoảng gần sáng, tôi ngủ thiếp đi rồi thức giấc bởi tiếng kêu của lũ móng biển.

Gabriel cũng đang ngủ, đầu gục xuống giường, còn ông Thankless thì thiu thiu trên chiếc ghế kê cạnh cửa. Thuyền trưởng Bailey không còn ở đó. Ông đã báo với chúng tôi rằng thuyền ông sẽ nhổ neo ngay khi thủy triều rút.

Hơi thở của Hester đã trở lại đều đặn. Khi tôi buông tay cô ra để đóng cửa chớp lại, cô yếu ớt gọi:

- Coriander?

- Ôi chị Hester! – Tôi đáp. Thấy cô mở mắt, tôi bật khóc. - Chị vẫn còn đây.

- Chị còn có thể ở đâu khác được? – Cô dịu dàng hỏi.

Nghe thấy tiếng Hester, Gabriel ngẩng đầu lên.

- Lạy Chúa Lòng Lành, đúng là một phép màu! – Và anh hôn bàn tay Hester, vừa cười vừa khóc.

Trong khi ngắm Gabriel và Hester, tôi nghĩ chắc hẳn mình đã xa nơi đây một thời gian rất dài bởi khi tôi đi thì Hester thậm chí còn chưa biết Gabriel Appleby.

Ông Thankless thức giấc. Ông bước đến bên bàn nơi tôi đã đặt cái lọ thuốc rỗng. Ông cầm nó lên và giơ về phía ánh sáng.

- Nhìn này, Coriander! Trong lọ có một bông hoa màu tím đây này.

19. Những nút thắt thời gian

Cho đến lúc này, tôi đã cố không để ý đến sự thật là có điều gì đó thay đổi ở bản thân. Nhưng rồi trong những ngày dài lê thê đợi Hester hồi phục, tôi dần nhận ra rằng tôi đã đi xa suốt ba năm trời. Và nếu vậy thì có nghĩa là bây giờ tôi đã mười lăm tuổi. Tuy nhiên, lý do vì sao bao sự lạ như vậy có thể xảy ra thì tôi không dám hỏi. Không chỉ mái tóc tôi đã dài hay tôi đã cao lên, không còn mặc vừa quần áo cũ nữa. Cơ thể tôi cũng đã đổi khác. Điều này giống như tôi vừa

chuyển vào một căn nhà mới nhưng còn quá sợ hãi, chưa dám khám phá những căn buồng của nó. Dù sao tôi cũng tìm thấy niềm an ủi lớn khi tính ra rằng mình chỉ ở trong thế giới của mẹ một thời gian rất ngắn. Và bởi vậy, có lẽ tôi có nhiều thời gian để giành lại chiếc bóng hơn tôi tưởng.

Ông Thankless nói rằng mọi lý lẽ đều không thể giải thích được cho sự việc này. Tuy vậy, ông vẫn đủ khôn ngoan để giấu các khách hàng những gì đã thực sự xảy ra. Thay vào đó, ông thêu dệt một câu chuyện về vụ mất tích của tôi để trả lời vô số câu hỏi của bất kỳ ai đặt chân đến cửa hiệu. Đây là những gì ông nói với họ: tôi đã chạy trốn khỏi nhà để đi tìm chị Danes. Khi thấy rằng việc đó là vô vọng, tôi bèn đi tới Hertfordshire và được một gia đình Thanh giáo tốt bụng cho ở nhờ. Tôi giúp việc cho họ trong ba năm trước khi quay trở về London để tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra với cha tôi. Hy vọng có thể tìm được ông, tôi lẻn vào trong nhà nhưng khi nghe thấy giọng lão Arise Fell tôi bèn trốn vào trong rương và mọi người đã tìm thấy tôi ở đó.

- Tôi nghe nói con bé đã bị nhốt trong rương suốt sáu tháng liền. – Một người nói.

- Không, lâu hơn kia. – Một người khác xen vào. – Tôi được kể là nó bị nhốt tới một năm cơ đấy.

Ông Thankless làm tất cả họ ngậm miệng bằng cách quả quyết:

- Tôi xin đoan chắc với các vị rằng cô bé chỉ ở trong rương vài giờ thôi, không hơn không kém.

Ông không nói thêm gì nữa, mặc cho bọn họ vặn vẹo. Tôi nghĩ chị Danes hẳn sẽ rất tự hào về ông bạn thợ may của chị.

Rõ ràng là Gabriel không chịu đựng nổi khi phải xa Hester, và về phần Hester, cô cũng tỏ ra buồn bã khi không có anh ở bên. Điều này có nghĩa là Gabriel không có nhiều thời giờ để làm việc.

- Cháu xin lỗi, thưa ông chủ. – Gabriel nói, vẻ ủ dột. – Vấn đề là cháu yêu thương Hester.

Ông Thankless bật cười:

- Ta không bao giờ để tâm đến chuyện đó, chàng trai ạ.

Gabriel hạ thấp giọng:

- Cháu còn sợ là hai kẻ bất lương kia sẽ quay lại tìm cô ấy.

- Tại sao họ làm thế chứ? – Tôi hỏi.

- Bởi vì Hester là người duy nhất có thể làm chứng cho những gì chúng đã làm. – Ông Thankless đáp.

- Không, không phải. – Tôi nói. – Còn chị Joan nấu bếp nữa mà. Chị ấy chắc chắn cũng đã thấy hết mọi việc.

Ông Thankless đặt bàn tay lên tay tôi:

- Coriander, chị Joan đã chết rồi.

- Như thế nào? Tại sao chị ấy lại chết? – Tôi hỏi.

- Chị ấy ngã xuống cầu thang. – Ông Thankless nói.

- Bị đẩy thì đúng hơn. – Gabriel nói. – Đó chính là điều lo ngại. Cháu nghĩ chúng sẽ tìm cách giết nốt Hester để thoát tội.

Thật khó khăn để hiểu được những gì Gabriel đang nói. Tôi vẫn còn bàng hoàng khi nghe về cái chết của chị Joan.

Sau cuộc trò chuyện ấy, Gabriel được phép lên ngồi trông Hester còn tôi làm thay việc của anh trong cửa hiệu. Hester đã bắt đầu ăn uống và má cô đã dần hồng lên.

Gabriel rất thích đem đến cho Hester đủ loại quà và các thứ linh tinh mà anh tìm được. Hester đặt chúng ở quanh giường và trân trọng ngay cả những thứ nhỏ nhất. Tôi nghĩ trước kia chị ấy chưa từng được tặng món quà nào.

- Có phải chị Hester đã kể cho ông biết chuyện gì xảy ra với cháu không? – Một tối, khi chúng tôi phải làm việc muộn để khâu cho xong y phục cho một người khách, tôi hỏi ông Thankless điều này.

- Đúng vậy. – Ông thợ may đáp. – Nhưng bắt đầu là chị Danes. Chị ấy đến thẳng chỗ ta ngay sau khi bị lão Arise đuổi đi. Chị ấy ở trong một tình trạng rất tồi tệ, ta không thể hiểu nổi lấy một lời chị ấy nói, chỉ biết rằng chị ấy đang rất lo cho cháu và có ý định đi tìm ông Hobie để báo cho ông ấy biết chuyện gì đã xảy ra. Ta đã cố thuyết phục chị ấy ở lại, và bảo chị ấy có thể ở trong nhà ta, nhưng chị ấy nói không thể được: không thể để mất thêm một phút nào nữa. Ta rất đau buồn phải nói là ta không bao giờ gặp lại chị ấy nữa.

Ông Thankless chỉ nói có vậy. Ông có vẻ không muốn nhắc đến những gì xảy ra trong thời gian tôi vắng mặt, như thể ông cũng không tin nổi là tôi đã đi xa lâu đến vậy. Tôi cũng không làm mọi chuyện tốt hơn chút nào, vì tôi không kể gì cho ông về cuộc phiêu lưu của mình. Tôi linh cảm rằng giữ im lặng chuyện đó sẽ tốt hơn. Vậy là chúng tôi cứ nói lảng từ chuyện này sang chuyện khác, cho tới khi rốt cuộc cũng hiểu được chuyện gì đã xảy ra trong những năm ấy. Tôi chấp vá những mẩu chuyện mà Gabriel và ông thợ may kể cho thành một bức tranh quá khứ.

Sau khi chị Danes ra đi, ông Thankless lo lắng vì những gì mình vừa nghe được đến nỗi quyết định tự mình đi xem xét mọi việc. Ông đến phố Thames để hỏi thăm về tôi để rồi bị đuổi ra cùng một bài thuyết giáo của lão Arise ong ong trong đầu. Ông thợ may tội nghiệp, ông hoàn toàn bất lực, không lấy được tin tức gì của tôi, nhưng ông có thể làm gì hơn? Ông không có chứng cứ gì về những chuyện sai trái đã xảy ra ngoài những lời ngời lẽ đôi mách của khách hàng, mà những chuyện ấy thì chẳng có ích gì.

Thế rồi chị Joan bị ngã và qua đời. Đến lúc đó thì đủ loại tin đồn khủng khiếp bắt đầu được truyền đi. Ông rất lo sợ vì người ta chỉ thấy có mình Hester đi chợ, còn tôi thì chẳng ai thấy dấu vết gì. Ông chuẩn bị tố cáo Maud với các nhà chức trách thì các bà được Arise truyền giáo ở Ludgate đồn rằng tôi vẫn còn sống và khỏe mạnh và đã được chính Arise Fell đưa trở lại con

đường chính đạo, bởi vì trong tôi có một con quỷ cần được chế ngự. Một thời gian sau, Arise Fell với vẻ mặt đã tuyên bố rằng than ôi, tất cả những cố gắng đó chẳng đem lại kết quả gì vì tôi đã chạy trốn để đi tìm chị Danes. Theo lời ông Fell thì chị Danes là một mục đàn bà xấu xa, một mục phù thủy, và tôi chính là kẻ học việc của chị. Ông Thankless cũng sẽ chỉ biết có vậy nếu không nhờ Gabriel. Theo như lời ông thợ may: “Cậu Appleby có thể làm rất nhiều thứ nhưng chắc chắn cậu ta sẽ không thể làm một anh thợ may được. Làm người đi do thám lại là chuyện khác. Cậu ta đúng là một tay can đảm, không lẩn vào đâu được. Chính cậu ta đã nhận nhiệm vụ theo dõi ngôi nhà trên phố Thames với một sự nhiệt tình mà cậu ta chưa bao giờ chịu dành cho công việc khau vá cả”.

Lúc đó là tháng tám. Ông Thankless kể lại lúc ấy trời rất nóng và dòng sông Thames bốc mùi chẳng lấy gì làm dễ chịu khi người ta vớt được hai xác người trôi trên sông gần Twickenham. Đám lau sậy đã níu xác dưới lòng sông hàng mấy tháng liền. Ai ai cũng bàn tán không hiểu hai người chết là ai cho đến khi Maud quả quyết rằng đó chính là tôi và chị Danes. Đó là một ngày ảm đạm, ông Thankless kể, trong thâm tâm ông không tin bất kỳ lời nói vớ vẩn nào của họ, và ông bảo Gabriel đi tìm hiểu xem sự thể ra sao.

Gabriel, trong chiếc áo khoác và mũ đi mượn, đến hội quán ở Ludgate. Ở đó anh ngạc nhiên khi thấy rất nhiều đồ đạc đẹp để hoàn toàn không phù hợp với nơi này. Anh chắc rằng đó là tài sản của cha tôi, nhưng tại sao chúng lại ở đây mà không được bán một cách tử tế thì anh không rõ.

Sau đó thì mọi sự trở lại im ắng cho đến cái ngày Maud và Arise có một người khách. Người này, theo như Gabriel tìm hiểu được, đi bằng xe khách từ Bristol tới. Ông ta là người duy nhất mà họ tiếp đón, và đó là một dịp long trọng đến nỗi họ để cho Hester đi chợ một mình. Đó là lần đầu tiên Gabriel được nói chuyện với cô, mặc dù cô run rẩy sợ hãi, xoay bên này bên nọ như sợ mỗi bức tường đều có tai mắt để nghe và theo dõi cô. Hester cho anh biết rằng người khách là một luật sư tên là Tarbett Purman. Cô kể cho anh nghe về những nỗi khiếp sợ sâu kín nhất của mình, về những tiếng động quái lạ cô đã nghe thấy trong nhà, những tiếng kéo kẹt và rên rỉ. Cô chắc rằng hai thi thể vớt được dưới sông không phải là của tôi hay chị Danes, rằng mồ chôn tôi nằm gần ngôi nhà hơn nhiều, ngay trong phòng làm việc của cha tôi.

Gabriel tin là Hester đang gặp nguy hiểm liền trèo vào nhà qua tường của khu vườn, hy vọng gặp được cô. Họ đã gặp và trò chuyện. Sau đó thì Hester biến mất. Gabriel phát điên lên vì tuyệt vọng, nói rằng anh dám chắc cả hai chúng tôi đều đang bị nhốt trong cái rương ấy. Một lần nữa, ông thợ may lại không có bằng chứng gì để hành động, cho tới khi nhận được lá thư của ông Bedwell. Ngày tháng được ghi trên đó rất lâu sau khi hai thi thể nọ được vớt lên. Nhờ đó mà ông biết chắc rằng chị Danes không bị chết đuối, bởi vì nhà Bedwell đã gặp chị và bản khoản không biết mọi chuyện có ổn không. Họ đang ở Pháp và cũng không thể làm gì hơn ngoài hỏi han tin tức.

Nghe những chuyện này, sao tôi ao ước mình là một chàng trai như Gabriel để có cơ hội tìm lại chiếc bóng và cứu Tycho. Tôi cảm thấy mình thật vô dụng và chỉ biết nói:

- Tất cả chúng cháu biết làm gì nếu không có ông, ông Thankless?

- Thật ra thì cháu phải cảm ơn Gabriel hơn là ta. – Ông Thankless nói. – Giờ thì cháu có cho phép ta hỏi cháu một câu không?

- Tất nhiên là được ạ.

- Làm sao mà cháu có thể sống sót trong cái rương ấy suốt ba năm trời mà không có thức ăn

hay nước uống?

- Chị Danes đã từng nói với cháu rằng thế giới này là một điều bí ẩn bao bọc bởi lời cầu nguyện. – Tôi đáp. – Xin đừng hỏi cháu đã ở đâu, bởi vì cháu không thể nói ra được.

- Điều đó chẳng cho ta biết gì hơn. Ta thấy là cháu đã quyết định sẽ giữ im lặng. Nhưng hãy để ta nói với cháu điều này. Ta đã biết, từ cái ngày cháu còn nhỏ xíu và bị lạc gần cửa hiệu của ta rằng có điều gì đó đặc biệt ở cháu. Đôi hài bạc ấy của cháu và các phương thuốc của mẹ cháu. Những phép màu như thế không thuộc về thế giới này, thế giới của cây Thập giá và vị Chúa bị đóng đinh câu rút.

Không lâu sau, Maud Leggs lạch bạch tìm đến hàng thợ may. Mụ đã trở nên to béo đến nỗi phải xoay nghiêng người mới đi lọt cửa. Với cái giọng giống một mụ hàng tôm hàng cá hơn là vợ một thương gia đáng kính, mụ cất giọng chửi rủa ông Thankless.

- Thưa bà, xin làm ơn. – Ông Thankless nói. – Xin hãy nhớ bà là ai.

Câu nói đó khiến mụ ngậm miệng trong giây lát, ít nhất cũng đủ lâu để tôi và Gabriel tiến chân những người khách đang hết sức sững sốt ra khỏi hiệu và đóng cửa.

- Tôi muốn gặp con gái tôi! – Maud nói. Giọng mụ to đến nỗi vang khắp nhà và ở giữa cầu cũng còn nghe thấy.

- Xin bà hãy nói nhỏ thôi. Con gái bà vẫn còn yếu lắm.

- Tôi không cần biết. Nó đang giả vờ để trốn việc ở nhà. Tôi muốn nó về nhà với tôi ngay lập tức.

- Không ai sẽ về nhà với bà hôm nay cả, thưa bà, cả ngày mai, cả ngày kia cũng vậy. – Ông Thankless nói.

- Tôi phải gặp con gái tôi bằng được! – Maud khẳng khái.

- Thưa bà, đây là cửa hiệu của tôi, và tôi không muốn bà ở đây. Xin đi ngay cho.

- Hester, con bé khốn nạn kia, mày xuống đây ngay, nếu không tao nện cho một trận bây giờ! – Maud gào lên, không thèm để ý gì đến ông Thankless.

- Nếu bà không đi ngay, tôi sẽ cho gọi ngài thanh tra. – Ông Thankless nói. Tôi chắc hẳn ông ấy sẽ vui lòng có một đôi lời với bà.

- Thế thì đi đi! – Maud thách thức. – Đi mà gọi lão thanh tra đến. Ta không thèm sợ một gã thợ may quèn như mi đâu!

- Tôi hy vọng là không. – Ông Thankless nhã nhặn. – Và xin bà cũng đừng sợ phải nói cho ngài thanh tra biết tất cả đồ đạc và rượu vang hảo hạng của ông Hobie đã biến đi đâu.

Maud ngậm cứng miệng.

- Gabriel! – Ông Thankless gọi. – Cậu đi mời ngài thanh tra đến đây ngay.

- Chờ đã. – Maud nói. – Đừng vội như vậy. Không cần phải mời ai cả. Như ông cũng biết, Chúa rất kỹ lưỡng khi lựa chọn đồ đạc. Người sẽ thấy bị xúc phạm vì những cái chân bàn vênh ra và các kiểu trang trí tương tự. Arise Fell nói rằng chúng chẳng khác nào đồ đạc ở Sodom và Gomorrah [12], và Chúa sẽ biết.

- Tôi dám chắc rằng ông ta biết. – Ông Thankless nói. – Và hẳn các chai rượu vang cũng làm trái ý ông ta?

- Ô không. – Maud nói. – Chúng tôi đã uống chỗ rượu ấy. Tôi muốn nói là...

- Và hẳn Chúa Lòng Lành cũng không phản đối chuyện bà đánh đập và bỏ đói con gái mình, nhốt con riêng của chồng mình trong rương chứ?

- Đồ quỷ dữ! – Maud hét. – Ông đã bóp méo lời tôi!

- Không, thưa bà. – Ông Thankless nói. – Chính bà mới là kẻ méo mó, chứ không phải là lời nói của tôi. Giờ tôi muốn bà đi ngay cho.

Maud thở phì phì rồi giậm chân thành thành lên sàn.

- Tôi sẽ còn quay lại, quỷ tha ma bắt ông đi, tôi sẽ quay lại. Ông không có quyền gì đối với tôi và những thứ của riêng tôi cả. – Mụ thét lên và đóng sập cửa lại. Chiếc chuông treo trên cửa rung rất lâu sau khi mụ đã đi rồi.

Ông Thankless và tôi lên gác thì thấy Hester đang ngồi dậy trên giường, tái mét và run rẩy.

- Cháu thà chết còn hơn là quay lại đó. – Cô nói.

- Ta sẽ không để chuyện đó xảy ra đâu. Đây là nhà cháu. – Ông Thankless ân cần. – Ai muốn hành hạ cháu như thế thì phải bước qua cái xác của ta.

- Tôi sẽ giết chết chúng nếu chúng còn đụng đến em. – Gabriel tuyên bố một cách giận dữ đến nỗi chúng tôi đều phá lên cười. Ngay cả Hester cũng mỉm cười, trong khi Gabriel đỏ bừng mặt.

Sau đó, khi tôi ngồi xuống cạnh cô, Hester nói:

- Chị đã nghĩ là chữ viết có những quyền lực thật to lớn, to lớn hơn lời nói nhiều.

- Em nghĩ là chị nói đúng. – Tôi trả lời.

- Lão Arise có thể thắng trong bất kỳ cuộc tranh cãi nào bằng những lời lấy ra từ Kinh thánh. Bởi vì những lời ấy thật khôn ngoan. Chúng có thể có nghĩa này khi nói theo cách này, nhưng người ta cũng có thể khiến cho chúng có những ý nghĩa hoàn toàn khác.

- Từ ngữ có thể bị xuyên tạc. – Tôi nói.

- Nhưng sẽ khó xuyên tạc hơn nếu chúng được viết ra.

- Đúng thế. – Tôi đồng tình. – Sẽ khó hơn nếu chúng được viết ra.

- Em có bằng lòng viết ra những lời chị sắp nói đây không, để chúng làm lá chắn cho những lời nói dối đã được thốt ra và những điều sai trái đã xảy ra? Em sẽ làm điều đó giúp chị nhé?

- Còn hơn thế ấy chứ! – Tôi đáp.

Hester gật đầu và nằm ngả xuống gối.

Và đây là những lời của Hester, câu chuyện của Hester.

20. Hester

Chị được nuôi lớn bằng đòn roi của mẹ và tình thương của cha. Ông là một người cao lớn, không bao giờ nổi nóng, khác hẳn với mẹ lúc nào cũng giận dữ.

Gia đình chị có một nông trại nhỏ ở bìa rừng Savernake, nuôi gà, bốn con cừu và một con bò sữa. Mẹ chị sinh nở còn nhiều hơn cả con bò sữa nhưng những con bê con luôn sống lâu hơn các anh chị em của chị. Họ lần lượt sớm trở lại lòng đất như những đóa hoa chưa kịp nở. Chỉ có anh Ned là sống sót. Anh ấy hơn chị sáu tuổi. Chỉ có Ned mới dám đương đầu với mẹ và ngăn không cho bà lên cơn thịnh nộ.

Cả nhà cứ sống trong cảnh hỗn loạn, bị điều khiển bởi tính khí của mẹ như vậy. Chị nghĩ cha chị rất mừng khi chiến tranh nổ ra và có thể thoát khỏi bà vợ.

Chị không muốn cha ra đi. Chị đã nài xin ông ở lại. Cha ôm chặt chị và nói rằng ông có bốn phận phải ra đi và chiến đấu để mọi người đều được tự do. Trong mắt Chúa, tất cả đều bình đẳng và chúng ta phải có được điều đó trên thế giới này.

Mẹ chị không hề cản cha, tuyên bố rằng bà cũng sung sướng thoát khỏi dáng điệu lè mề chậm chạp của ông. Vậy là cha chị gia nhập đội quân của Cromwell, và em cũng không thể trách ông vì đã làm thế. Ông nói giáp mặt với một ngàn quân Bảo hoàng chẳng thấm tháp gì so với việc phải chịu đựng mẹ chị khi bà nổi cơn tam bành.

Sau đó anh Ned và chị phải tự lo toan mọi việc ở trang trại. Mẹ chị vốn to béo đến nỗi khó lòng cúi xuống mà chạm vào ngón chân mình, cả ngày chỉ ngồi bên lò lửa. Nếu trong nồi không có gì thì bà dọa dẫm là sẽ giết chết cha chị khi ông quay về vì đã để lại cho bà quá ít đồ dự trữ. Anh Ned và chị làm việc cật lực để bà buông tha cho ông. Chẳng ích lợi gì. Chị không phải lo lắng xem mẹ sẽ làm gì với cha khi ông trở về, bởi vì cha chị bị mất tích sau trận Naseby và bị coi là đã hy sinh.

Mẹ chị đã quá quen với những mất mát kiểu đó nên chẳng để tâm đến cái chết của cha, chỉ nói rằng giờ bà đã được tự do và bà rất muốn được đi xem thành phố, ở đó dễ kiếm tiền hơn. Còn trái tim của chị cũng như của anh Ned vốn không cứng rắn đến thế thì tưởng chừng vỡ nát

vì đau khổ.

Hàng xóm của gia đình chị là Wort có một đứa con trai cũng được báo về là đã hy sinh như cha chị. Thế nhưng vài tháng sau, anh ta trở về lành lặn và mạnh khỏe, chỉ bị thương nhẹ ở đầu. Khi ấy Ned không chịu đi lên thành phố nữa, mặc cho mẹ đánh đập. Anh ấy kiên quyết ở lại và hai anh em lại cùng hết lòng làm việc trên đồng, chăm nom gia súc. Mọi sự giống như có một cơn gió lạnh buốt thổi qua những năm tháng đói kém ấy, sau khi cha chị ra đi.

Thế rồi lão gù mò vào cuộc sống của gia đình chị. Lão tự gọi mình là một nhà truyền giáo và giáo đồ. Những bài thuyết giảng của lão làm người ta sợ đến phát run lên. Mẹ chị đưa lão về nhà và cho lão những thức ăn ít ỏi có được. Anh Ned bảo với mẹ rằng anh ấy làm lụng vất vả như thế không phải để bà đem thức ăn đi cho.

Rồi có tin cha chị vẫn còn sống. Ông rất yếu và bị mất một chân. Hai anh em chị cảm thấy những lời cầu nguyện thiết tha của mình đã được đáp lại. Ned quyết định sẽ đi tìm cha và đưa ông về nhà ngay. Chị đã tưởng mọi sự khổ sở trong gia đình sẽ đi đến hồi kết, rằng cha chị sẽ đuổi lão gù ra khỏi nhà. Chuyện đó không thành. Mẹ chị không chịu cho anh Ned đi.

- Một lão già cụt chân thì chả được tích sự gì hết. – Bà nói. – Lão sẽ chết trước khi mày tìm thấy lão và như thế thì lại càng phí tiền.

Chị phải nói thật là chuyện này đã gây ra một cuộc tranh cãi khủng khiếp giữa mẹ và anh Ned. Mẹ chị ném vào anh Ned những lời cay độc và giận dữ đến nỗi chị sợ cả căn nhà tranh sẽ sụp xuống mất. Chị trốn vào cùng với đám gia súc và khi tất cả kết thúc thì anh Ned đã bỏ đi. Anh ấy đã nói sẽ quay về cùng với cha, nhưng anh ấy không về và chị không biết phải làm gì.

Mẹ chị hẳn đã tẩy sạch tên họ ra khỏi trái tim của bà rồi, bởi vì bà không bao giờ nhắc đến họ nữa. Bà chỉ nói về Arise mà thôi. Lão ta bảo bà rằng chẳng mấy chốc Chúa Jesus sẽ lên ngôi báu ở nước Anh, rằng chúng ta phải chuẩn bị để đón Người trở về, và tẩy rửa cho mảnh đất này sạch bóng phù thủy và pháp sư, những kẻ chẳng làm gì khác ngoài việc phục vụ quỷ dữ.

Lão Arise rất giỏi ăn nói và làm mẹ chị mê mẩn. Bà nói với chị rằng bà sẽ theo lão ta đi bất cứ đâu, và bởi vì lão kiếm sống bằng cách đi từ nơi này đến nơi khác, bà quyết định sẽ đi cùng lão ta. Chị van xin bà đừng đi. Bà bảo chị có thể ở lại trang trại và chết đói nếu muốn.

Vậy là gà, những con cừu và bò được bán đi, chẳng được là bao bởi những con vật tội nghiệp ấy đã quá già, ốm yếu và gầy trơ xương. Hai mẹ con lên đường tới Bristol và ở lại một vùng quê gần đó. Mẹ chị đổi lại cái họ thời con gái là Leggs, thay vì họ của cha chị là Jarret.

Lão Arise Fell cũng hay nổi cơn thịnh nộ không kém gì mẹ và điều đó khiến bà hết sức hài lòng. Bà cho rằng nếu những cơn thịnh nộ là vũ khí chiến đấu của Chúa thì bà sẵn sàng cầm gươm và chiến đấu.

Chính lão Arise đã nói với bà rằng những đứa con nhỏ của bà chết vì bị phù phép bởi một mụ phù thủy.

- Nhưng ở chỗ chúng tôi không có phù thủy. – Mẹ chị nói.

Lão Arise đứng dậy và nắm tay dấm xuống bàn mạnh đến nỗi chị giật thót mình.

- Bọn phù thủy và những mụ đàn bà biết làm phép vẫn thường làm như vậy. Chúng trốn

trong các làng mạc. Nhưng ta sẽ tìm ra chúng dù chúng ở đâu. Ta sẽ không bỏ qua ngay cả một hòn đá! – Lão gầm lên.

Mẹ chị không động cựa, nhưng một nụ cười nở ra trên mặt bà.

- Giờ thì tôi mới nhớ ra nhà Wort. Thằng con trai của họ quay về sau chiến tranh trong khi các ông đàn ông khác bị giết hết. – Bà nói. – Cái mũi của tôi đã luôn ngửi thấy điều gì mờ ám ở mộ đàn bà nhà ấy mà.

- Bà còn cần bằng chứng nào khác nữa? Chính là mộ phù thủy ấy rồi! – Arise nói.

Mẹ chị trông như con mèo vừa vớ được một miếng cá tươi[13].

- Thì ra đó là lý do những đứa con của tôi chết hết, không còn nhằm lẫn gì nữa, chính là vì phép ma của mộ phù thủy ấy.

Chị nghĩ rằng các anh chị em của chị chết vì cái cách mẹ chị đánh đập họ mỗi khi họ khóc thì đúng hơn, nhưng chị không dám mở miệng.

Dù sao thì đó cũng là sự mở đầu, cho mọi rắc rối.

Lão Arise bảo với mẹ chị rằng tất cả những gì bà cần làm là dùng cái mũi thính của bà để ngửi ra mùi của bọn phù thủy.

Mẹ chị vốn hay khụt khịt mũi. Bà luôn làm thế, nó đã thành tật. Bà còn hay quẹt mũi vào tay áo. Lão Arise bảo bà không được làm thế nữa và cho bà một chiếc khăn tay. Bà phải dùng nó lau mũi và có thể hỉ mũi vào đó bao nhiêu cũng được, chừng nào nó vẫn giữ màu trắng.

- Chỉ có bọn phù thủy mới bắn thiu. – Arise nói. – Người mộ đạo phải sạch sẽ.

Lão ta mua cho hai mẹ con chị những váy áo mới màu đen, khiến chúng tôi trông như những con quạ lang thang giữa vùng quê.

Từ đó trở đi, hai mẹ con đi theo Arise bất kỳ nơi nào Chúa Lòng Lạnh muốn cử lão đến. Người ta tưởng lão và mẹ chị là vợ chồng còn chị là con gái lão. Mẹ chị cũng không buồn đính chính lại.

Họ gây ra những nỗi kinh hoàng và run sợ tại bất kỳ nơi nào họ dừng chân. Ở mọi làng mạc và thôn xóm, lão Arise đều nhồi nhét lòng kính sợ Chúa vào đầu giáo dân. Các bài thuyết giảng của lão kinh khủng đến nỗi có nhiều bà đã ngất xỉu, mà mẹ chị, chỉ sau mấy cái khịt mũi, đã tuyên bố rằng đó là dấu hiệu đầu tiên của Quỷ Sa tăng đang hoành hành. Bởi vì có một điều mà quỷ dữ không bao giờ chịu đựng nổi, theo lời Arise, là tên Chúa được nói to lên.

Nhiều lời đồn đại được truyền đi về lão truyền giáo và tất cả mọi người đều sợ lão, rằng lão nhận bất kỳ món tiền nào của họ để Maud đừng kết tội vợ và con gái họ là phù thủy. Lão Arise kiếm được rất nhiều tiền vì có nhiều người cha, người chồng, người anh trai hay người chú sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền để bà mẹ của chị đừng khụt khịt mũi vào gia đình họ.

Chị rất hổ thẹn vì những điều này. Chị không muốn dính dáng gì đến chúng, và mọi sự giữa hai mẹ con chị trở nên rất tồi tệ.

Hè qua, đông tới. Đó thật là một thời kỳ khó khăn vì chiến tranh vẫn đang tiếp diễn và không còn nhiều nông dân ở lại làm lụng ở thôn quê, phần lớn bọn họ đã bỏ lên thành thị kiếm việc.

Vào ngày lễ Giáng Sinh, chúng tôi dừng lại ở một thôn nọ, nơi Arise sẽ thuyết giáo. Chỉ có một người duy nhất không đến nghe, một bà lão đang ốm. Cái mũi của mẹ chị tìm ra bà cụ và Arise tố giác bà là phù thủy. Bà cụ van lạy ta hãy để cho bà được yên, những điều đó lại càng khiến lão và mẹ chị đắc ý. Họ vào nhà và lôi bà cụ yếu ớt tội nghiệp ra khỏi giường bệnh. Với vô số lời thuyết giáo và hò hét rằng phải cảnh giác để chống lại quỷ dữ, họ kéo bà cụ ra sông, ở đó lão Arise giơ bàn tay thịnh nộ lên và đẩy mạnh bà xuống.

Chị cầu xin mẹ hãy để bà lão yên nhưng bà dấn vào mặt chị mạnh đến nỗi chị ngã xuống đất. Khi chị đứng dậy được thì lão Arise đang đánh lên đầu bà cụ bằng bàn tay thịnh nộ và một cây gậy cho đến khi bà quý xuống. Sau đó, trong cơn say máu mẹ chị liên tục đá bà. Thật là một cảnh tượng nhục nhã. Bà cụ bị ném xuống dòng nước băng giá và chìm xuống như một hòn đá. Nó chứng tỏ bà cụ vô tội, vì nếu bà nổi lên mặt nước thì chứng tỏ bà là phù thủy.

Chị nghĩ điều đó hẳn là đúng. Dù sao thì chị cũng tin rằng không ai có thể sống sót ra khỏi làn nước ấy.

Sau chuyện đó, những người dân làng bỏ vào nhà và chặn cửa lại. Không ai thêm để ý đến lão Arise đang hăm dọa rằng họ sẽ bị đẩy xuống địa ngục đời đời. Không ai mời chúng tôi vào nhà, và chúng tôi phải ra đi.

Đó là một đêm lạnh cóng với cơn gió giá buốt như thấu vào tận xương. Mẹ chị và lão Arise đều im lặng sau khi tốn hết sức để sát hại một bà lão yếu ớt.

Chị đi sau họ, nước mắt ràn rụa khi nghĩ tới người cha hiền từ tốt bụng và anh Ned thân yêu. Lúc đó chị ước gì mình là con trai để có thể chết trong danh dự ngoài trận mạc.

Chúng tôi cứ đi như vậy cho tới khi đến Bristol. Không ai còn hơi sức để đi xa hơn nữa nên hai mẹ con chị và lão Arise thuê buồng ở một nhà trọ gần đường cái.

21. Bà phu nhân lạ mặt

Chị thích các căn buồng ở nhà trọ ấy vì chúng rất sạch sẽ, nhưng than ôi, chúng lại không hợp với sở thích của mẹ chị hay của lão Arise, vì ở đó có quá nhiều khách đi đường trọ lại. Họ đem theo những câu chuyện về việc săn tìm bọn phù thủy. Thế rồi có tin về vụ sát hại một bà lão ốm yếu, không thể tự vệ, bà đã bị đá, đánh đập và bỏ mặc cho chết đuối vào ngày Giáng Sinh. Nghe được tin này, lão Arise bồn chồn như cái đuôi chồn bị rận bám đầy, lão tin rằng giá treo cổ đang đi tìm lão. Vậy là ba chúng tôi rời nhà trọ đó trước khi có ai nhớ ra là một lão truyền giáo ma mãnh có cặp mắt kính màu lục đã lôi bà lão ấy ra khỏi nhà. Chúng tôi đi xa hơn vào trong nội thành và thuê phòng phía trên một quán rượu. Đó là một nơi ồn ã, bẩn thỉu đầy chấy rận, và để giữ cho nó sạch sẽ là cả một cuộc đấu tranh.

Chẳng bao lâu sau, những món tiền lão Arise kiếm được nhờ việc đi săn phù thủy đã hết sạch, bởi vì mẹ chị rất háu ăn còn lão ta thì háu uống. Cả hai đã tiêu hết những đồng xu còn lại. Người nọ đổ lỗi cho người kia làm mình khổ sở, và mẹ chị gần như gào lên với lão Arise là lão phải nghĩ ra cách gì đó để kiếm tiền, phải động não lên, bởi vì bà đã không đi xa đến thế này để rồi chết đói.

Đêm nào Arise cũng bỏ đi, không phải để thuyết giáo mà để đi xuống quán rượu ở tầng dưới và quay trở lại nồng nặc mùi rượu mạnh, luôn mồm huênh hoang về việc Chúa Jesus Christ sẽ lên ngôi.

- Người đang đến. Mụ có nghe thấy không, mụ kia, Người đang đến!

Chỉ ít lâu sau, khi đồng tiền cuối cùng bị tiêu đi, Arise đưa Tarbett Purman tới.

Tarbett Purman làm chị nghĩ tới một con lợn, hay ít ra là một vật gì đó trơn nhớt đã sống một thời gian dài trong bóng tối.

- Đây là Hester. – Lão Arise nói như một nhà truyền giáo chính hiệu, chấp bàn tay cứu rỗi và bàn tay thịnh nộ lại với nhau tựa như một cái tháp chuông nhà thờ.

Purman bảo chị đến trước mặt ông ta, bắt chị xoay một vòng, và chị làm theo.

- Tôi thích bộ mông lớn hơn, cái bụng lớn hơn, bộ ngực lớn hơn, tóm lại là một ả đầy đà. – Ông ta nói, chộp ngang lưng mẹ chị. Tôi thích một người đàn bà đích thực.

Điều này khiến mẹ chị rất hài lòng và bà cười ngặt nghẽo. Arise cũng rất hài lòng vì ông Purman đặt một đồng tiền lên bàn.

Tarbett Purman trở thành một người khách thường xuyên. Khi ông ta đi xa có việc thì lão Arise lại đưa đến một quý ông mộ đạo nào đó khác, người thề lấy thề để là sẽ tổng sạch những kẻ tội đồ ra khỏi nước Anh rồi cũng đặt một đồng tiền lên bàn.

Phần lớn những buổi tối của mùa đông lạnh giá ấy, chị đều trốn ra ngồi ở bậc thang của nhà trọ.

Mẹ chị cả ngày chỉ nằm trên giường, ăn và ngủ, trong khi chị cố hết sức để giữ cho căn phòng sạch sẽ. Đó là khoảng thời gian duy nhất mà những cơn thịnh nộ lặng tiếng trong bà.

Chị thường xuyên hỏi bà xem khi nào hai mẹ con sẽ quay về nhà.

- Về nhà để làm gì? – Bà nói. – Một nơi dơ dáy, đất chôn đầy những đứa con của tao ư? Tao không nghĩ vậy đâu. Nhờ có ông Arise mà ở đây chúng ta có thức ăn và tiền.

Chị nghĩ rằng thế giới của chị đã được định đoạt như thế này, và chị không thể làm gì để thay đổi nó.

Thế rồi, một ngày kia, có một bà phu nhân đến gặp mẹ chị. Chị ngỡ đó là vợ của Tarbett Purman vì chị không nghi ngờ gì việc ông ta có một bà vợ. Bà ấy mặc chiếc áo choàng may bằng thứ vải len thượng hảo hạng, nổi bật lên giữa những tên ma cà bông và đám lang thang ở trọ tại nơi đó.

- Đi và bảo mẹ mi mặc đồ vào, cô bé. – Bà ta ra lệnh.

Chị quay đi, bắn khoăn tự hỏi không hiểu làm sao bà ta lại biết mẹ vẫn đang trên giường vì lúc đó đã giữa trưa rồi.

Chị lao lên gác và nói với mẹ là có lẽ vợ của Tarbett Purman muốn gặp bà. Mẹ nằng nề ra khỏi giường và tuyên bố sẽ nói toạc ra hết với mẹ đàn bà kia, chắc chắn là vậy. Phải khó khăn lắm chị mới giúp mẹ mặc xong quần áo, bà kêu cá là chị đã làm chiếc áo lót và chiếc váy co rút lại lúc giặt, vì bà đã gần như không ních nổi chúng vào nữa. Chị cố kéo thẳng vải trải giường, nhưng bà phu nhân đã vào phòng trước khi chị làm xong.

Bà ta có vẻ gì đó khiến chị sờ sợ, nhưng là cái gì thì chị không biết.

Chị xin phép cầm lấy chiếc áo khoác của bà ta và hong nó cho khô, nhưng bà ta từ chối và ngồi thẳng xuống trước lò sưởi. Hơi nước bốc lên từ áo váy bà. Lần đầu tiên mẹ chị không biết nói gì, vì không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một bà phu nhân rất quyền quý.

- Nhà người sắp kết hôn. – Bà ta bảo mẹ chị.

Mẹ chị chết lặng đi, không nói nổi một lời.

- Tôi ư? – Bà nói khi đã mở miệng ra được. – Tôi nghĩ tôi vẫn là đàn bà có chồng.

- Một chi tiết quan trọng. Nhưng nó chẳng khiến người bạn tâm thì sao ta lại phải lo về điều đó?

- Nhưng mà... nhưng mà... - Mẹ chị lúng búng.

- Im lặng, Maud Jarret. – Bà phu nhân nói. – Và nghe cho kỹ đây.

- Sao bà lại biết tên tôi? – Mẹ chị hỏi.

- Ta biết tên nhà người, ta cũng biết người là loại đàn bà gì. Nhà người và tên truyền giáo kia đã gây ra rất nhiều rắc rối. – Bà phu nhân nói và cười to.

- Lão ấy không liên quan gì đến tôi cả. – Mẹ chị nói, lùi lại khỏi bà phu nhân. – Tôi là một người mộ đạo...

- Người là một mẹ đàn bà hư hỏng. – Bà khách nói. – Một con điểm. Ta biết tất cả về người. Ta biết người và Arise Fell đã làm những chuyện gì. Ta hiểu quá rõ mọi chuyện giữa hai người ra sao.

Đến lúc này thì mẹ chị chỉ biết lắp bắp. Bà phu nhân không hề cao giọng một lần nữa. Bà ta bình thản nói như thể nói rằng hôm đó là thứ ba vậy:

- Người là một kẻ sát nhân.

- Không! Không phải tôi! – Mẹ chị van xin, quỳ sụp xuống. – Tôi đã bị dẫn đi làm đường lạc lối.

- Đứng dậy và thôi rên rỉ đi. – Bà khách nói cộc lốc. – Ta không quan tâm người đã giết ai. Chừng nào người làm theo những gì ta bảo, sẽ không có ai biết những điều người đã làm. Người có hiểu ta nói gì không, Maud Jarret?

Mẹ chị gật đầu:

- Tôi sẽ làm bất kỳ điều gì bà bảo.
- Nhà người phải tắm rửa và ăn mặc cho chỉnh tề.
- Không, thưa bà. Tôi không bao giờ tắm cả. Nước làm tôi khó ở.
- Nhà người phải làm như ta bảo, để bớt cái mùi cá ươn đi.
- Đó là mùi của bọn phù thủy. – Mẹ chị nói, bắt chéo tay trước ngực.

Bà phu nhân cười khẩy.

- Thế thì cái mũi của người chẳng ngửi thấy gì khác ngoài chính người.

Thay vì gào thét lên thì mẹ chị chỉ đứng đó vẻ sợ sệt.

- Ông ta là một thương gia giàu có, góa vợ, có một đứa con gái. – Bà phu nhân nói.

Mẹ chị bước tới gần hơn, hai chữ giàu có đã lôi kéo sự chú ý của bà.

- Tại sao ông ta lại quan tâm tới tôi cơ chứ? – Bà hỏi.

- Vào lúc khác thì không thứ gì trên đời này có thể làm ông ta quan tâm tới người, nhưng Oliver Cromwell đang tịch thu đất đai và tài sản của những người Bảo hoàng ủng hộ nhà vua, và người này có một dinh thự rất đáng mơ ước bên sông Thames. Để có thể giữ lại tòa nhà ấy, ông ta phải được coi là một người Cộng hòa. Nghĩa là ông ta phải lấy một người vợ tử tế theo Thanh giáo. Bà ta lại cười. – Nhà người chính là người mà ta tìm kiếm. Nhà người không đe dọa gì đến những ký ức về người vợ thân yêu của ông ta. Hãy làm đúng bốn phận của người và cầm miệng. Ta chỉ đòi hỏi người có thể thôi.

- Tôi rất thèm được thấy London. – Mẹ chị nói. - Nhưng tôi không thể bỏ lại ông Arise được.

- Ta cũng không muốn người bỏ lão ta lại. Bà phu nhân nói. – Arise sẽ đến gặp người sau.

Mẹ chị vẫn có vẻ băn khoăn, nhưng khi bà phu nhân lôi từ trong áo choàng ra một túi tiền vàng và ném xuống sàn thì bà sụp xuống như con lợn sục vào máng ăn.

- Hãy tắm rửa cho sạch sẽ. – Bà phu nhân nói và đứng dậy. Bà ta cao hơn mẹ chị. – May quần áo mới. Đi nhà thờ. Trong thời gian này, hãy ít gặp Arise và bạn bè của lão. Phần còn lại hãy để ta lo. Hãy nhớ rằng người là một quả phụ, một bà quả phụ trung thực chỉ có một đứa con gái duy nhất. Nhà người hiểu không?

Đường như có một làn khói xanh bốc lên từ chiếc áo choàng của bà ta, nhưng đó cũng có thể

chỉ do ánh sáng từ ngoài cửa chiếu lên nó. Mẹ chị thậm chí còn không buồn nhìn lên. Khi phu nhân kia bỏ đi, bà vẫn đang mài mê nhặt những đồng tiền vàng.

Đêm đó bà phu nhân trở lại và bảo chị ra ngoài trong khi bà ta nói chuyện với mẹ và lão Arise. Chị rất sung sướng vì không muốn nghe thêm những trò lừa bịp mà Arise nghĩ ra nữa. Chị ngồi trên bậc thang và ngắm một con quạ đen lớn nhảy quanh, để lại những vết chân trên tuyết.

Sáng hôm sau, một người hầu ăn mặc sang trọng đến đưa chúng tôi đến chỗ ở mới. Ôi, giá mà em có thể nhìn thấy nơi ấy. Chị chưa bao giờ ở một nơi nào long lầy đến thế, cho đến khi chị tới London. Có đến hai hầu gái và một người đầu bếp. Váy áo mới được đặt may, và mẹ chị, với vô số những tiếng la hét và giãy giụa, được tắm rửa và gội đầu cho sạch chấy rận. Chị cũng được tắm gội như thế nhưng chị lại rất thích, vì bây giờ da chị không ngứa ngáy nữa và những vết cắn trên người chị cuối cùng cũng bắt đầu lành.

Mẹ bị cảm lạnh và bắt phải đem thức ăn đến tận giường cho bà, cùng với đồ ngọt để giữ cho cơn bệnh tránh xa. Sau đó hai mẹ con lại đến nhà thờ và chị cầu nguyện rất nhiều rằng sẽ không bao giờ phải gặp lại lão Arise. Hai mẹ con cũng phải ăn chay nữa, vì bà phu nhân kia muốn mẹ chị phải thanh mảnh hơn khi gặp cha em.

Mẹ chị không thích thú gì chuyện ăn chay, đến nỗi những người hầu phải nhốt bà vào buồng, mặc cho bà kêu gào cho đến khi mất giọng. Những người hầu không hề để ý. Họ không để ý cả những cơn tam bành của bà. Họ chẳng nói một lời nào.

Hai mẹ con chị cứ sống như vậy, không gặp gỡ ai, cả thân thể lẫn tâm hồn đều được tẩy rửa. Rồi sau đó cha em đến gặp hai mẹ con. Chị nghĩ là ông khá ngạc nhiên khi nhìn thấy vóc người của mẹ chị và mái tóc mỏng dính của bà. Bà nói với ông tất cả là do nỗi đau mất đi ông chồng thân thương của mình. Cha em đáp lại rằng ông hiểu rất rõ sức tàn phá của đau khổ, vì người vợ yêu dấu của ông mới mất được có ba tháng. Nước mắt dâng đầy lên mắt ông khi ông nói vậy.

Chị không giỏi tính toán lắm, nhưng chị tin rằng hai mẹ con chị đã ở ngôi nhà đó trong vòng sáu tháng. Nếu đúng vậy thì điều đó có nghĩa là bà phu nhân nọ có thể biết trước tương lai, vì hẳn mẹ em vẫn còn sống vào cái ngày bà ta đến gặp mẹ chị ở nhà trọ.

Chị chỉ được gặp cha em có một lần trước lễ cưới. Ông có vẻ hài lòng khi thấy ngôi nhà sạch sẽ và mẹ chị không bốc mùi khó chịu mặc dù bộ răng của bà vẫn đen xỉn. Vậy là hai mẹ con chị đến London.

Chị chắc rằng em sẽ không ưa gì chị vì đã đến ở nhà em sau khi mẹ em mới mất được ít tháng. Chị tự bảo mình không cần lo lắng nếu chuyện đó xảy ra thật. Thế rồi khi thấy em thật tử tế và dịu dàng, chị không tin nổi là Chúa Lòng Lành lại gửi đến cho chị một cô em gái như em. Chị biết rằng chị sẽ luôn luôn yêu quý em.

Nếu chị có một điều ước vào cái ngày chúng mình gặp nhau lần đầu tiên, chị sẽ ước rằng mẹ chị chưa bao giờ bước chân vào nhà em. Chị biết rõ những cơn thịnh nộ của bà sẽ gây ra tai họa gì, và hằng đêm chị cầu nguyện Chúa hãy che chở cho chúng ta và đừng để lão Arise Fell đến đây. Chúa đã không đáp lại lời cầu nguyện của chị.

Em đã biết những chuyện gì xảy ra sau đó, cho tới cái ngày khủng khiếp khi em bị cắt hết tóc. Sau khi lão Arise lôi em lên gác vào phòng làm việc và những tiếng nện thình thình đã ngưng

lại, chị Joan và chị vợ vội dọn dẹp nhà bếp rồi xiên thịt nướng, cả hai đều lặng lẽ cầu cho lão Arise sẽ cho phép em xuống bếp ăn tối. Chuyện đó không xảy ra. Cả ngày hôm sau cũng vậy, và chị không biết phải làm sao nữa. Chị van xin cả lão Arise lẫn mẹ chị tha cho em trước khi có điều gì bất trắc xảy đến, nhưng chị bị đánh một trận nên thân và bị quát rằng đừng có xía vào việc của người khác.

Cứ mỗi ngày qua đi, chị lại vạch một vạch lên cái xà trên gác xép. Chị vạch bảy vạch liên tiếp và đến chủ nhật thì lại gạch chéo chúng. Chị chỉ biết rằng đã có quá nhiều ngày chủ nhật trôi qua, và có lẽ em đã chết mất rồi.

Chị Joan không bao giờ còn được như trước nữa sau chuyện của em. Chị ấy khóc lóc và than vãn cho số phận của mình, nói rằng không được trả lương, cho ăn hay cho ở một cách xứng đáng. Lão Arise lấy những thứ ít ỏi chị ấy có và ném chúng xuống sông. Lão bảo chị ấy gây nhiều phiền hà đến nỗi linh hồn chị ấy sẽ không bao giờ được cứu rồi.

Không lâu sau, chị Joan tội nghiệp sẩy chân trên cầu thang xuống tầng hầm và bị thương rất nặng. Lão Arise không chịu đi mời bác sĩ Turnbull. Thay vào đó, lão ta bảo chị ấy hãy cầu nguyện để Chúa Lòng Lành chữa khỏi cho mình. Chị đỡ chị ấy lên giường và chị ấy nằm đó rên rỉ trong đau đớn. Mẹ chị thở phì phò đi lên gác xép và quát tháo bảo chị ấy im miệng.

Chị Joan thấy đây là cơ hội duy nhất để thoát khỏi cảnh sống này, và chị ấy đã đón nhận nó. Chị ấy qua đời vào sáng hôm sau. Lão Arise và mẹ chị có vẻ rất sung sướng khi thi thể Joan được chôn đi. Chị nhìn theo chị ấy và tin chắc rằng tiếp theo sẽ đến lượt chị.

Sau đó, chỉ còn một mình chị chăm lo cho cả ngôi nhà lớn. Chị đã cố hết sức nhưng có quá nhiều buồng, quá nhiều lò sưởi, quá nhiều cầu thang, đến nỗi chị mất hết cả ý niệm về thời gian. Chị không bao giờ được nghỉ ngơi hay yên tĩnh trong ngôi nhà này nữa và chị khiếp sợ nghĩ đến chuyện sẽ xảy ra với chị.

Thế rồi mẹ chị và lão Arise thản nhiên bảo chị rằng người ta đã vớt được xác em và chôn Dannes trên sông, và rằng mọi chuyện đã kết thúc. Trong thâm tâm, chị không tin họ nhưng chị ngậm chặt miệng không nói một lời.

Cuộc sống cứ thế trôi đi. Đồ đạc bị bán dần ngôi nhà trở nên im lìm và lạnh lẽo. Lão Arise khóa kín các phòng và bỏ đến quán rượu, để lại mẹ chị căn nhắc về số phận của bà, rằng thật không công bằng khi bà đã phải làm quá nhiều việc để rồi bị bỏ lại như thế. Hằng đêm, hai mẹ con nghe những tiếng kéo kẹt và rên rỉ vang vọng trong nhà. Mẹ chị xưa nay chẳng bao giờ tưởng tượng cũng tỏ ra sợ hãi và hỏi chị xem đó là ai. Chị không biết trả lời ra sao, nhưng nỗi sợ của chị ngày một lớn hơn.

Mẹ chị vui vẻ hơn khi Tarbett Purmen đến London. Lần đầu tiên chị được cho đi chợ một mình để mua thức ăn mời khách. Lão Arise đánh chị trước khi chị đi, dọa là bàn tay thịnh nộ sẽ đợi chị ở nhà nếu chị dám lề mề.

Đó là lần đầu tiên chị gặp anh Gabriel Appleby. Chị cuống lên sợ có người nhìn thấy bọn chị nói chuyện với nhau. Sau đó, chị rất ngạc nhiên khi anh ấy trèo qua tường khu vườn để đến gặp lại chị. Chị gần như không nói nổi nên lời, nhưng chị thu hết can đảm kể cho anh ấy biết mọi chuyện, kể cả điều tồi tệ nhất là chị nghĩ em đã chết. Anh ấy rất tốt bụng, chị chỉ muốn ngả đầu lên vai anh ấy, nhưng chị biết đôi chân chị sẽ chẳng bao giờ đi nổi.

Thế rồi ông Thankless và viên thuyền trưởng xuất hiện trước cửa nhà.

22. Ngọn lửa xanh

- Đó là tất cả những gì chị muốn nói. – Hester kết thúc. – Chị hy vọng rằng những lời chị nói sẽ đủ sức mạnh để nói lên sự thật.

- Chị Hester, chúng còn làm được hơn thế nhiều. Chúng chứng tỏ rằng chị cũng dũng cảm và trung thực như cha chị vậy.

Mắt Hester đắm lệ.

- Chị rất hối hận là đã không nói cho cha em biết sự thật. Cô nước nỏ.

- Ông sẽ không nghe chị đâu, dù chị có nói đến ngàn năm cũng vậy. Tất cả những gì ông nghe thấy là âm thanh của nỗi đau trong ông.

Những lời của Hester nói lên nhiều điều hơn cả sự thật. Chúng như những mũi dao xuyên vào lòng tôi.

Mẹ tôi vẫn còn sống khi Rosmore ra lệnh cho Maud kết hôn với cha tôi. Mẹ ta có liên quan gì đến cái chết của mẹ? Tim tôi trĩu nặng, vì giờ thì tôi đã hiểu, rõ ràng như ánh sáng ban ngày, rằng khi đó mẹ ta đang tìm kiếm chiếc bóng. Tôi không biết giờ nó đang ở đâu, bởi vì lần cuối tôi nhìn thấy chiếc bóng, nó trong chiếc hộp gỗ mun, mà tôi biết phòng làm việc giờ thì trống trơn.

Tôi mong cho Hester sớm lành bệnh để tôi có thể quay lại phố Thames.

Mùa đông trôi qua và mùa xuân trở lại trong sự chào đón của mọi người. Dòng sông tan băng và dâng tràn bờ mạn Southwark. Những người chở phà lại có việc làm sau một mùa đông băng giá.

Không chỉ có dòng sông đã tan băng. Những khách hàng đến hiệu may cũng trở nên cởi mở hơn trong khi lựa vải vóc hay đợi quần áo được sửa xong. Thậm chí họ còn dám can đảm về việc cấm lễ Giáng Sinh và Cây Nêu tháng Năm [14]. Vào mùa xuân năm ngoái, những lời như thế bị coi là nguy hiểm. Tôi bắt đầu le lói niềm hy vọng là thời điểm này đã đủ an toàn để cha tôi trở về.

Ông Thankless trong một phút bốc đồng đã đem quyển Kinh thánh trên mặt quầy cất vào ngăn kéo và nói đến chuyện trưng tẩm biển hiệu cũ lên, tẩm biển có dòng chữ *Được Hoàng Đế Bổ Nhiệm*. Những quý ông nghiêm nghị hơn, khi đem những chiếc quần đen sì đến để sửa thì cãi lại rằng Cromwell là một con ngựa hùng mạnh, và rằng người ta đã nhầm nếu nghĩ rằng ông ta sẽ không lên ngôi vua.

- Tại sao chúng ta lại cần một ông vua khác trong khi chúng ta đã có một vị vua vẫn đang

còn mạnh khỏe và đang phải sống trong cảnh nghèo rớt mồng tơi [15] ở Hà Lan chứ? – Những người khác nói.

Tôi rất thích nghe những câu chuyện họ nói với nhau. Như ông Thankless vẫn nói, không có gì có thể gọi chuyện tốt hơn là việc cắt sửa quần áo. Những chuyện phiếm đáng nghe nhất là về Arise và Maud và tôi lấy làm sung sướng khi nghe được cái thể lực hùng mạnh ấy đã sụp đổ như thế nào.

- Ai mà có thể tin được là bà ta lại để cho ngôi nhà rơi vào tình trạng ấy?

- Tôi nghe nói tất cả đồ đạc đã bị bán đi hết.

- Tôi thì muốn biết là bà ta đã nghĩ gì mà lại cho lão truyền giáo gù ấy ở cùng nhà?

- Thật đau lòng khi nhớ tới bà Eleanor Hobie, thật là một phụ nữ tốt bụng và đáng mến biết bao! Chính bà ấy đã chữa khỏi bệnh sốt rét cho tôi.

- Và cô con gái thì nằm liệt giường, không biết rồi có còn đi lại được nữa không.

Rồi họ thì thảo:

- Thế còn chuyện về Coriander thì sao? Bà có giải thích được chuyện đó không, bà bạn thân mến?

Và cuối cùng, tất cả đều kết luận:

- Ông Hobie sẽ nói gì nếu ông ấy có mặt ở đây?

Một đêm rét cắt thịt, tôi bị Gabriel đánh thức dậy, nói là anh ta đã nhìn thấy một ngọn lửa xanh lục bốc ra từ nhà tôi. Tôi mặc đồ thật nhanh và đi xuống cửa hiệu ở tầng dưới. Từ cửa sổ sau nhà, tôi có thể nhìn thấy phố Thames rõ mồn một nhưng dường như không có gì lạ ở đó.

- Xin thứ lỗi cho tôi. – Gabriel nói. – Lẽ ra tôi không nên đánh thức cô, nhưng tôi xin lấy mạng mình ra mà thề là tôi đã nhìn thấy một ánh lửa xanh lục.

- Tôi tin anh. – Tôi nói, và sau khi khoác áo choàng, chúng tôi đi ra phố. Tất cả đều vắng lặng. Một lớp tuyết mỏng mịn như bột phủ lên những viên sỏi rải đường.

- Ai đó? – Chúng tôi nghe thấy tiếng người gọi. – Có phải là cậu đấy không hả Appleby?

- Vâng. – Gabbriel kêu to khi người canh đêm bước tới.

- Tôi cũng đoán thế mà. – Ông ta nói, giơ cao cây đèn lên. – Cậu đi với ai đấy?

- Coriander Hobie.

- Thế hai cô cậu ra đường làm gì vào một đêm như thế này?

- Tôi nhìn thấy lửa bốc lên ở phố Thames. – Gabriel nói.

- Tôi cũng vừa ở đó về. Tôi cũng thấy ánh lửa. – Người canh đêm nói. – Thật kỳ lạ hết sức. Nhưng theo như tôi biết thì không có đám cháy nào cả.

Tuyết bắt đầu rơi dày hơn khiến tôi run rẩy, răng va vào nhau lập cập.

- Hai cô cậu vào đi. – Người canh đêm tốt bụng đề nghị. - Ngoài trời lạnh quá, không đứng đây nói chuyện được.

Ông dẫn chúng tôi vào nhà mình và mời chúng tôi ngồi xuống trước một lò sưởi ấm áp.

- Tôi nói với các bạn, tôi sẽ rất sung sướng được thấy ánh sáng ban ngày. – Ông ta nói, đưa cho chúng tôi hai cốc rượu nóng pha đường, và nhìn quanh phố Cầu một lần nữa. – Tôi không nên nói ra điều này. - Ông tiếp tục. – Nhưng tôi rất mừng có hai cô cậu làm bạn, vì đêm nay làm tôi sợ cả gai ốc, thậm chí còn làm lông trên cổ con chó của tôi dựng ngược lên. Chưa bao giờ tôi thấy nó như thế.

Con chó nằm bên lò sưởi nhìn ra cửa, trong khi ông chủ của nó kể cho chúng tôi nghe những gì ông đã thấy.

Người canh đêm vừa mới báo nửa đêm xong thì nghe tiếng một chiếc xe ngựa đi lên cầu từ phía Southwark. Ông ta tới đó xem sao vì xe chạy vút qua rất nhanh mà đường thì lại rất trơn vì có tuyết.

- Đã lâu lắm rồi tôi chưa được thấy một cỗ xe lộng lẫy như thế. – Người canh đêm nhớ lại. – Nó được kéo bởi bốn con tuấn mã đen tuyền tuyệt đẹp, còn người đánh xe thì mặc áo đỏ.

- Nó đi về hướng nào ạ? – Tôi hỏi, thấy một luồng ớn lạnh chạy dọc sống lưng.

- Chính điều ấy đã khiến tôi nghĩ đó là cỗ xe của quý dữ. – Người canh đêm nói. – Nó biến mất, đúng vậy, khi đến phía bên kia cầu. Xin Chúa chứng giám, tôi không bịa đâu, nó không để lại một dấu vết nào trên tuyết, không có gì cho thấy nó vừa đi qua. Bà vợ tôi, bà ấy tin vào những chuyện thần tiên, nhưng tôi thì không. Tôi không có thời giờ tin vào những chuyện vớ vẩn ấy, nhưng tôi không thể hiểu nổi những gì tôi nhìn thấy đêm nay nữa.

Tim đập mạnh, tôi hỏi:

- Thế chiếc xe có xuất hiện trở lại không ạ?

- Không.

- Thế bác còn nhìn thấy gì nữa không? – Gabriel hỏi.

- Một con quạ. Tôi nhìn thấy một con quạ, đúng vậy. – Người canh đêm nói. – Một con quạ lớn đen sì bay theo sau chiếc xe. Cô cậu nghĩ thế nghĩa là sao?

Tôi nghĩ điều đó nghĩa là gì ư, tôi không thể nói với ông ấy được. Những điều ông ấy vừa kể khiến tôi vô cùng sợ hãi.

- Lạ thật! – Gabriel nói.

Chúng tôi đang chào tạm biệt nhau thì một người tuần tra xuất hiện ở cửa. Ông ta có vẻ lo lắng lắm.

- Ông có nhìn thấy ánh lửa xanh bốc lên từ phố Thames không? – Ông ta hỏi

- Có. – Người canh đêm trả lời. – Cả cậu Appleby trẻ tuổi này cũng thấy.

- Quả là kỳ lạ. Viên tuần tra nói. – Tôi vừa từ đó về, nhưng không thấy có đám cháy nào cả. Những người ở đó nói họ cũng nhìn thấy ánh lửa xanh, và cả một chiếc xe ngựa màu đen đổ bên ngoài ngôi nhà nữa.

- Ông có nhìn thấy cỗ xe không? – Gabriel hỏi.

- Không. – Viên tuần tra đáp. – Và tôi không cho là có chiếc xe ngựa nào cả, trên tuyết làm gì có vết bánh xe.

Chúng tôi để người canh đêm và viên tuần tra nói chuyện với nhau, quay lại hiệu may. Khi xoay nắm đấm cửa, tôi giật thót người vì nghe thấy một tiếng quàng quạc. Tôi quay lại và nhìn thấy con quạ đen đang bay qua sông. Chưa bao giờ tôi khiếp sợ đến thế, bởi tôi biết, tôi đã biết lúc nghe người canh đêm kể về cỗ xe ngựa, rằng đó không phải là ai khác ngoài hoàng hậu Rosmore đang đi tìm kiếm chiếc bóng.

- Cô có sao không? – Gabriel hỏi. – Trông cô tái lắm. Cô sợ à?

- Không. Chỉ là tôi hơi mệt thôi.

Tôi đáp và trở lại giường. Nhưng giấc ngủ không quay lại nữa. Tôi nằm đó suy nghĩ xem nên làm gì, và biết rằng chẳng còn thời gian nữa... Tôi phải quay lại nhà mình trên phố Thames, nhưng bằng cách nào?

Tôi nhớ cha tôi có lần đã nói rằng dòng sông không bao giờ đứng yên, rằng nó không ngừng thay đổi, mỗi đợt thủy triều lại đem đến một thứ gì mới và cuốn đi những thứ cũ, mặc dù trên bề mặt thì không có gì khác cả. Tôi cũng vậy. Đúng lúc tôi cảm thấy mình đang ở đợt thủy triều thấp nhất, đúng lúc tôi không biết phải làm gì, thì mọi chuyện lại thay đổi. Bởi vì có một người vừa bước vào cửa hàng của ông Thankless: chị Danes.

Vậy là phần truyện thứ tư của tôi đã được kể lại, và cùng với nó, một ngọn nến nữa đã tắt.

Phần V

23. Những lời thú nhận

Tối hôm chị Danes trở lại, ông Thankless bảo Nell đi mua một chiếc bánh nhân thịt hươu của bà Garnet.

- Nhớ mua cái nào ngon nhất ấy. – Ông dặn với theo.

- Ông không cần phải phiền như thế. – Chị Danes nói.

- Vớ vẩn. – Ông Thankless vui vẻ nói, khép các cánh cửa chớp lại và đóng cửa hàng. – Hôm nay phải ăn mừng mới được, vì chị đã quay về với chúng tôi.

Tôi không thể để chị Danes rời khỏi mắt, tôi sợ chị lại biến đi lần nữa. Ông Thankless thấy tôi nóng lòng được nói chuyện riêng với chị liền bảo:

- Coriander, cháu dẫn chị Danes lên phòng nhé?

Tôi đưa chị lên gác và chúng tôi ngồi bên cửa sổ nhìn ra sông.

- Em mới xinh đẹp làm sao! – Chị nói. – Trông em giống hệt như mẹ. Ôi, chim sẻ của chị, thật là một quãng thời gian dài và đau buồn. Trái tim chị như vỡ nát khi nghĩ rằng chị sẽ không bao giờ được gặp em nữa.

- Chị đã đi những đâu? – Tôi hỏi.

Chị Danes lắc lắc đầu:

- Chị sang Pháp, rồi Hà Lan để tìm cha em. Than ôi, chị không tìm được ông ấy, mà đâu phải là vì không cố gắng. Thế rồi chị tình cờ gặp ông bà Bedwell. Họ ngỏ ý muốn giúp chị, nhưng họ cũng chẳng làm được gì mấy, vì họ cũng sợ không dám quay lại London. Đến lúc đó thì chị mới thấy rằng chị đã bỏ phí quá nhiều thời giờ, và chị chỉ muốn quay về đây. Chuyện đi lại, em biết đấy, chẳng dễ dàng gì. Nhưng chị nói thế là đủ rồi. Đừng nhắc đến nữa. – Chị thở dài và đưa hai tay lên ôm lấy khuôn mặt tôi. – Điều đáng nói hơn là chim sẻ nhỏ của chị, em đã bay đi đâu vậy?

Sau khi biết chắc chúng tôi chỉ có một mình, tôi thì thầm với chị những điều tôi biết, và lần đầu tiên, ở thế giới này, tôi nói ra những cái tên vẫn giữ kín trong lòng. Tôi kể cho chị nghe về Medlar và Tycho, về hoàng hậu Rosmore và Cronus. Tôi kể cho chị nghe về vua Nablus và Unwin, về cung điện mùa hè và lễ cưới. Tôi kể cho chị nghe về tấm gương như bạc lỏng và về chiếc bóng.

Chị rùng mình.

- Chị không muốn nghĩ tới điều gì sẽ xảy ra với em nếu không có ông Medlar.

- Chị có biết điều gì về quá khứ của mẹ em không? – Tôi hỏi.

Danes quay đi và nhìn ra cửa sổ. Rồi chị nói thật khẽ, như thể những lời ấy không phát ra từ miệng chị mà là từ làn gió:

- Chị đã một lần nhìn thấy cái bóng của bà.

- Thật ư? – Tôi kêu lên. Tôi thấy mọi thứ trong tôi thay đổi, những đám mây trĩu nặng đã bay đi và hơi thở nhẹ nhõm lại tràn đầy người tôi.

Khi chị Danes kể cho tôi nghe chuyện gì xảy ra ba tháng trước khi mẹ tôi qua đời, nó giống như một cây nến thấp sáng lại căn phòng tối tăm, và tôi bàng hoàng nhận ra hẳn đó cũng là lúc Rosmore đến tìm gặp Maud.

Chị nói rằng lúc ấy mẹ tôi đang ngồi nhìn chăm chăm vào cái hộp gỗ mun như thể vật đựng trong đó đã bị đánh cắp.

- Chị rất lo. – Chị Danes nói. – Cuối cùng mẹ em cũng mở cái hộp ra, và chị thấy một ánh sáng chói lọi phát ra từ đó. Chị gần như mê mẩn đi, cho đến khi mẹ em nhấc từ trong hộp ra một thứ nhìn như một tấm tơ mỏng phát sáng, và nó bắt đầu chìm vào làn da của bà. Bà mờ dần đi, và chị hét gọi tên bà. Sau đó chị thấy bà nhấc tấm tơ ra khỏi người và đẩy nó lại trong hộp.

- Đó là cái bóng tiên của mẹ em. – Tôi nói.

- Mẹ em nói rằng cái bóng có phép thần có thể đưa mẹ em trở lại thế giới của bà, và bà không muốn đi chút nào. Bà bảo tiếng hét của chị đã cứu bà. Mẹ em trông như mới thức dậy từ một cơn mê, và nói bà đã nhìn thấy tương lai. Hình như bà đã đưa cái hộp đó cho cha em vào đêm tân hôn và bảo ông giữ nó thật cẩn thận, không bao giờ được trả lại, nếu không sẽ mất bà vĩnh viễn. Mẹ em bắt chị phải hứa sẽ giữ mồm giữ miệng, và chị đã giữ đúng lời hứa, cho đến ngày hôm nay.

- Em phải tìm lại chiếc bóng đó và đem đến cho ông Medlar. – Tôi nói. – Không có nó, Tycho sẽ chết mất. Chiếc bóng có quá nhiều quyền lực, không thể để nó rơi vào tay những kẻ như Arise và Maud được.

- Có một điều chị biết rõ, chim sẻ của chị ạ, đó là mẹ em rất yêu thương em và cha em, không bao giờ muốn rời bỏ hai cha con. Chị đã nghĩ rất nhiều về điều này, bởi vì nó giống như một bộ xếp hình khổng lồ với quá nhiều mảnh bị thất lạc. Chị đoán đôi hài bạc ấy được gửi đến từ thế giới kia. Mẹ em chỉ còn thiếu nước quẳng chúng xuống sông thôi vì bà không muốn cho em đi chúng, nhưng cũng như em, chị thấy chúng chẳng đem đến tai họa gì.

- Mẹ em đã đúng. – Tôi nói. – Em vẫn thường nghĩ rằng nếu em không đụng tới đôi hài thì có lẽ mẹ vẫn còn sống.

Nước mắt tôi trào ra ràn rụa, cổ họng nghẹn đắng.

Chị Danes quàng tay ôm lấy tôi và chúng tôi ngồi đó, cả hai đều im lặng, cả hai đều đắm chìm trong suy tư và lắng nghe những âm thanh vọng lên từ con phố bên dưới: tiếng rao hàng, tiếng gọi của những người chở phà, tiếng bánh xe nước quay, và tôi cảm thấy dòng thủy triều lại đang thay đổi.

Dưới nhà trong buồng khách, một bàn tiệc đã được bày ra trên tấm khăn trải bàn trắng tinh,

ngọn lửa reo vui trong lò và những cây nến tỏ sáng rực rỡ. Chúng tôi ngồi xuống ăn tiệc như những vị vua chúa ngày xưa. Sau bữa ăn, ông Thankless lấy cây đàn luyến ra chơi. Chúng tôi cùng ca hát và nhảy múa, vui vẻ như thể đó là ngày Giáng Sinh.

24. Cơn bão

Mùa hè tới và tiết trời mỗi lúc một nóng hơn cho tới khi London như bị bao phủ trong một làn hơi nóng dày đặc không chịu đựng nổi. Tất cả các cửa sổ phía trước và sau hiệu may đều mở toang hồng đón lấy chút hơi gió.

Dịch bệnh lại bùng phát như thường lệ mỗi khi tiết trời trở nên nóng nực, và ai nấy đều hoảng hốt sợ rằng lần dịch này cũng sẽ tồi tệ như lần trước. Chị Danes nói với tôi rằng lần dịch ấy thật khủng khiếp, cha mẹ chị đều chết cả, chỉ có chị là sống sót vì lúc đó chị đang làm việc ở một vùng hoang vắng.

Mỗi tuần một lần ông Thankless lại đi kiểm tra số những người nhiễm bệnh được in ra và yết lên ở mỗi khu giáo dân. Tuần nào con số này cũng tăng lên, và nỗi sợ hãi bắt đầu bóp nghẹt lấy London. Chính trong Kinh thánh cũng đã có lời tiên tri về một trận đại dịch sắp tới, mặc dù tôi biết rằng đợt dịch bệnh này không phải là trận đại dịch ấy. Dù sao thì những người giàu có và những người có bạn bè hay họ hàng ở nông thôn cũng không dám liều mạng. Họ khóa cửa những ngôi nhà và bằng xe hay bằng thuyền, chạy ra khỏi thành phố thật xa.

- Thế này mà gọi là sự tiến bộ sao? – Ông Thankless nói khi chúng tôi nhìn theo hàng đoàn xe kéo lũ lượt đi qua trước cửa hiệu của ông và qua cầu London. – Cháu có biết là vào thời của Nữ hoàng Bess vĩ đại, hầu như không có ai biết đến xe ngựa không?

Và ông thở dài khi hai người đánh xe ném vào mặt nhau những lời chửi rủa, cả hai đều quá quyết là mình đi đúng đường.

Số người nhiễm bệnh cứ tiếp tục tăng lên. Tôi có hai hy vọng, một cái tử tế hơn cái kia. Niềm hy vọng không được tốt lắm đã gần như biến thành một lời cầu nguyện, đó là Maud và Arise có thể bị căn bệnh chết người quật ngã. Còn niềm hy vọng tử tế hơn là họ cũng có ý định rời khỏi London, như vậy tôi có thể quay lại nhà.

Chuyện đó không xảy ra. Maud Leggs và Arise Fell ở lì trong nhà như hai con chồn trong hang.

Ông Thankless nói rằng cây cầu cũng không đến nỗi tệ, vì nó có được thứ xa xỉ là những cơn gió mát. Tất cả chúng tôi đều quyết định rằng tốt nhất là ở lại bên nhau, ít ra là đến khi số người mắc bệnh bắt đầu giảm xuống. Chính trong những ngày lạnh lẽo nổi sau đó, Hester đã kể cho chị Danes sự thật về Maud và Arise. Khi kể xong, cô có vẻ hết sức đau buồn.

- Chị có nghĩ là em sẽ thành một người như mẹ em không? – Cô hỏi.

Chị Danes bước tới gần và nhẹ nhàng ôm lấy cô như thể cô là một đứa bé.

- Thôi nào. – Chị nói. – Đừng phiền lòng. Em là bông hoa ngọt ngào nhất có thể mọc lên được từ một nơi thối tha đến thế.

Suốt thời gian đó tôi bị vương vís bởi đủ loại váy áo đặt hàng của các cô tiểu thư. Hàng tháng trời đã trôi qua mà tôi chưa làm được gì để tìm lại chiếc bóng. Hơn thế nữa, tôi còn không biết phải làm gì.

Tôi bảo với chị Danes rằng tôi không thể cứ ngồi yên một chỗ được nữa. Tôi phải nghĩ ra một cách gì đó.

- Em đã làm tất cả mọi người thất vọng. – Tôi nói.

- Đừng có ngốc nghếch thế. Em sẽ chẳng đi đến đâu nếu cứ tiếp tục cái kiểu suy nghĩ ấy. – Chị Danes nói, xắn tay áo lên. Hôm đó là thứ tư, ngày chị làm bánh, và chị bắt đầu nhào bột với cái cách như thể chỗ bột ấy là một "lũ cứng đầu cứng cổ" vậy.

Trong bếp nóng hầm hập thứ hơi nóng làm ta buồn ngủ. Mi mắt tôi trĩu xuống, và một ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu. Lỡ lão Arise biết được cái vật ánh bạc mỏng nhẹ như tờ trong chiếc hộp kia có quyền lực chống lại Rosmore, và với nó lão có thể mặc cả được bất cứ cái gì lão muốn thì sao? Nếu đúng vậy thì lão sẽ sử dụng nó để vòi vĩnh mẹ ta nhiều đến hết mức có thể.

Chị Danes phúi tay, làm một đám mây bột chậm chạp và uể oải bay lên trong ánh nắng. Chị bước đến chỗ một cái bình bằng gốm và rót ra hai cốc bia lạnh làm bằng hoa cây cơm cháy.

- Em đang ngái ngủ đấy. – Chị bảo tôi, mỉm cười. – Hãy đến đây ngồi đi.

- Trời nóng quá. – Gabriel bước vào bếp. – Đầu tôi như muốn nứt toác ra.

- Có vẻ như sắp có bão. – Chị Danes đứng lên rót một cốc bia nữa cho anh.

- Tôi ước gì có thể mượn được quần áo của anh, anh Gabriel ạ. – Tôi nói mà không kịp suy nghĩ. – Nếu giả trai, tôi có thể đi cùng anh đến do thám phố Thames. Thậm chí tôi còn có thể vào nhà từ phía sông, chui qua cửa cống.

Gabriel cười phá lên:

- Cô? Ăn mặc như con trai, với những lọn tóc kia ấy à?

Chị Danes nhìn tôi chằm chằm:

- Thật là một ý nghĩ điên rồ.

- Hẳn là cô đang đùa rồi. – Gabriel nói.

- Không, tôi không đùa đâu. – Tôi nói. Tim tôi đập dồn dập. Đây chính là phương kế, là sự

cứu rồi mà tôi tìm kiếm. Tại sao trước đây tôi không nghĩ đến nó nhỉ?

- Không thể được. – Gabriel nói. – Nguy hiểm lắm.

- Nếu thế thì tôi sẽ đi một mình.

- Tôi không để cô làm thế đâu. Chúng sẽ lại tống cô vào cái rương ấy, lần này kèm thêm một con dao xuyên qua tim cho chắc ăn.

- Thôi nào. – Chị Danes lên tiếng. – Chúng ta đang vội vã quá đấy.

- Tại sao cô lại muốn quay trở lại ngôi nhà đó chứ? – Gabriel hỏi, không để ý đến chị. – Tôi tưởng cô phải rất sung sướng đã thoát khỏi nó mới đúng.

- Đúng vậy. Tôi rất sung sướng được ở đây. Hẳn tôi đã chết nếu không có ông Thankless. Thế nhưng vẫn còn một vật tôi phải lấy lại, một vật của mẹ tôi, nó phải được trả về đúng chỗ.

- Cô đừng gọi lại những chuyện đó nữa. Gabriel nói. – Trong ngôi nhà ấy chẳng còn gì đâu. Tất cả đồ đạc đã bị bán đi hết rồi.

- Đó chỉ là một cái hộp nhỏ thôi. – Tôi nói.

Gabriel đứng dậy.

- Tôi rất tiếc vì những gì đã xảy ra với gia đình cô, nhưng cô quay lại đó thì chẳng lợi lộc gì đâu. – Anh nói thẳng thừng. – Hãy quên chuyện ấy đi.

Tôi nhớ những lời đó. Cách đây rất lâu mẹ cũng đã nói với tôi như thế về đôi hài bạc. Nhưng khi ấy mọi chuyện chưa kết thúc, và bây giờ cũng vậy.

Tôi đang suy tính làm sao để có thể thuyết phục được Gabriel thì căn phòng bỗng tối sầm lại như lúc nửa đêm. Trời âm u đến nỗi chị Danes phải thắp nến và đóng cửa sổ. Thế rồi có một tiếng sấm rền khủng khiếp. Cả ngôi nhà rung lên và chị hầu gái Nell lao xuống cầu thang, hai tay ôm đầu, rồi hốt hoảng trốn xuống dưới gầm bàn.

- Đó là cơn thịnh nộ Chúa giáng lên đầu chúng ta đấy. – Chị rên rỉ.

Tôi nhìn ra ngoài và thầm nghĩ, thiên nhiên, một khi đã muốn, có thể nổi giận kinh khủng hơn bất cứ cuộc cãi cọ nào của con người. Trong khi tôi đứng ngẩn nhìn, bầu trời đen sì như lưu huỳnh đang sôi bùng sáng lóa bởi những tia chớp lóe vàng rực trên mặt sông.

- Hester đâu rồi? – Gabriel đột nhiên lo lắng hỏi.

- Cô ấy đem mấy chiếc áo trẻ con đến cho bà Kent. – Chị Danes đáp. – Cô ấy sẽ quay lại ngay thôi. Tôi đã dặn là tôi đang nướng những cái bánh vòng mà cô ấy thích.

- Tôi sẽ đi tìm cô ấy. – Gabriel nói. – Cô ấy không nên ra ngoài trong thời tiết như thế này.

- Hãy đợi đã, vì Chúa. – Chị Danes nói. – Ít nhất thì cũng đợi đến khi bão ngớt đã.

- Tôi không ngại mưa đâu. – Gabriel nói.

- Đây đâu phải là mưa. – Nell lẩm bẩm. Lũ đang đến đấy. Tất cả chúng ta sẽ bị cuốn đi hết.

- Thật cứ như là chúng đã kết hôn vậy. – Chị Danes nói khi Gabriel rời khỏi phòng rồi chị lấy chiếc bánh vùng ra khỏi lò, vàng óng và nóng hổi.

Tôi lên gác giúp ông Thankless đóng các cánh cửa chớp lại. Ông thợ may đang đứng ở ngưỡng cửa. Sấm rền vang trong lúc mưa trút xuống, đập vào sỏi lát đường trước khi bắn tóe trở lại. Chúng tôi ngắm mưa rửa trôi những rác bẩn trong ống máng. Một chiếc xe ngựa đi qua, người đánh xe ướt như chuột lột. Mọi người nháo nhác tìm chỗ trú mưa và túm tụm dưới các mái hiên; những món đồ giặt treo giữa hai dãy nhà cũng sưng nước và không ai nghe thấy nhau nói gì vì tiếng mưa to quá. Con bão kéo đến đột ngột làm những món hàng của các cửa hiệu bị bỏ cả lại trên lòng đường. Sách vở của hiệu in phía bên kia đường bị cuốn bay tung tóe và trôi lềnh bềnh trên các vũng nước, mực nhòe đi và các dòng chữ mờ hết.

- Chúng ta sẽ chết đuối cả mất thôi. – Nell rên rỉ. Tôi nghĩ có thể chị ấy nói đúng, vì dòng nước trên phố và dòng nước trên sông nhìn như một vậy. Ông Thankless đóng cửa ra vào và nắm lấy cánh tay tôi, dẫn tôi xuống dưới nhà.

- Gabriel vẫn chưa về à? – Chị Danes hỏi khi chúng tôi vào bếp.

- Không, có lẽ cậu ta ở lại với Hester ở chỗ bà Kent cho đến khi bão ngớt. – Ông Thankless ngồi xuống và nói. – Cái thứ thời tiết này không thuận lợi cho công việc làm ăn, nhưng nó sẽ làm không khí trong lành hơn. Lại đây Nell. – Ông thân mật gọi. – Sẽ không có bánh vùng cho cô đâu, nếu cô cứ trốn ở dưới đó.

Nell rón rén bò ra và sợ hãi ngồi xuống bên bàn trong khi ông trời ra sức làm mưa và sấm chớp ầm ầm [16].

- Những cơn bão đột ngột như thế này thường báo trước một sự kiện vĩ đại. – Ông Thankless nói.

- Mẹ cháu thì lại bảo chúng được tạo ra khi các mục phù thủy đi lại trên mặt nước bằng những cái sàng. – Nell nói.

- Rõ vớ vẩn! – Chị Danes kêu lên.

Đúng lúc đó, chuông cửa reo lên và Gabriel đâm bổ vào, nhảy hai bậc một lúc xuống cầu thang.

- Cô ấy biến mất rồi. – Anh hét lên. – Cô ấy biến mất rồi!

- Nói từ từ thôi, chàng trai. – Ông Thankless ôn tồn. – Ai biến mất kia?

- Cô ấy không hề đến chỗ bà Kent.

- Cậu đang nói chuyện gì vậy? – Ông thợ may hỏi.

- Hester. – Gabriel nức nở. – Hester đã biến mất rồi.

25. Bộ quần áo mới

Tôi hiểu ngay chuyện gì xảy ra. Hester đã bị bắt cóc và đưa về phố Thames.

- Nhưng tại sao chứ? – Ông Thankless băn khoăn. – Giờ thì chúng còn muốn gì ở Hester nữa?

- Chúng muốn con bé im miệng. – Chị Danes nói, mặt tối sầm lại.

- Đây chính là điều mà bấy lâu tôi vẫn lo sợ. – Gabriel nói. – Tôi sẽ giết chúng!

- Bình tĩnh lại, Gabriel. – Chị Danes nói một cách cương quyết và lấy một cái lọ con từ trong túi tạp dề ra. – Hãy uống cái này đi.

Gabriel làm theo và ngồi phịch xuống, hai tay ôm đầu.

- Tôi yêu cô ấy. – Anh nói. – Tôi không thể sống thiếu cô ấy.

- Tôi biết. – Chị Danes nói. – Và chúng ta sẽ cứu được cô ấy, có điều trước hết phải vạch ra một kế hoạch đã. Không thể thắng trận nếu không có kế hoạch định sẵn.

Gabriel ngẩng lên.

- Tôi chẳng có một phương kế nào. – Anh rầu rĩ nói.

- Tôi có một cách. – Tôi lên tiếng. – Và để thực hiện được nó thì tôi cần một bộ quần áo con trai vừa vặn và một chiếc mũ để giấu tóc vào.

Nell bật cười, nhưng khi thấy vẻ mặt nghiêm nghị của mọi người, chị ta ngừng lại.

- Rồi sau đó thì sao? – Ông Thankless hỏi.

- Cháu sẽ đi thuyền đến cửa cống ở nhà cháu và xem xem có chui vào từ đường đó được không. Cháu biết rõ Hester bị nhốt trong buồng nào.

Ông Thankless bắt đầu đi đi lại lại, và trong một khoảnh khắc đáng sợ, tôi đã nghĩ ông sẽ từ chối.

- Nếu vậy, Gabriel phải đi cùng với cháu. Ta không chịu để cháu đi một mình đâu. Như thế quá nguy hiểm.

- Coriander, nếu cô nói đúng và chúng đã bắt được Hester thì cô nghĩ chúng sẽ làm gì nếu chúng bắt được cả cô nữa? – Gabriel nói. – Không, hãy cho tôi biết ngôi nhà được sắp đặt như thế nào, cô ấy sẽ bị nhốt ở đâu, và tôi sẽ tự đi lấy.

- Anh cần có tôi ở đó. – Tôi nói, cố gắng giữ cho giọng mình thật vững vàng, bởi đây là cơ hội mà tôi hằng mong đợi. Tôi không thể để nó tuột mất. Tôi phải quay lại đó để tìm chiếc bóng. Tôi phải làm vậy.

- Gabriel, hãy im lặng nghe xem kế hoạch của Coriander ra sao. – Ông Thankless nghiêm giọng nói. Bỗng nhiên tôi lại thấy hy vọng chớm lên.

- Ông có thể thuê một chiếc thuyền cho chúng cháu không? – Tôi hỏi.

Ông Thankless gật đầu.

- Ta có một ông bạn tên là Starling. Ông ấy có thể giúp được chúng ta. Cháu có chắc chắn về chuyện này không, Coriander?

Tôi những muốn hét lên "Có, có, có", nhưng rồi tôi cũng thốt ra được câu trả lời một cách bình tĩnh.

- Nếu vậy thì chúng ta nên bắt tay vào làm ngay thôi. - Ông thợ may nói.

Trong khi quần áo của tôi được chuẩn bị, tôi hết sức cẩn thận vẽ ra bản đồ ngôi nhà của mình để cho Gabriel ghi nhớ. Chúng tôi xem đi xem lại tấm bản đồ thật kỹ lưỡng.

- Đây là cầu thang dẫn lên gác xép. – Tôi giảng giải.

- Phải, và cánh cửa phía bên trái này là cửa buồng cũ của cô. – Gabriel nói, ngón tay dò trên tấm bản đồ.

- Và bậc thang ở chỗ cái chiếu nghỉ thứ hai thường kêu kéo kẹt. – Tôi nói thêm,

- Cả bậc thứ sáu nữa. – Anh nói.

- Đúng rồi!

- Tôi cảm thấy đã nắm rõ ngôi nhà như lòng bàn tay vậy. – Gabriel tự tin nói. Sự thật là tôi không dám chắc như thế, bởi vì tôi đã rời nhà quá lâu, nhưng tôi giữ kín ý nghĩ đó trong lòng.

Chị Danes cẩn thận mặc đồ cho tôi. Tóc tôi được giấu dưới một chiếc mũ và làn da trắng xanh của tôi được làm cho sẫm đi bằng dầu óc chó. Tôi chấm thêm chút dầu quanh cằm và má giả làm dấu vết của một bộ râu. Và khi nhìn vào gương, tôi thấy phản chiếu lại không phải là bản thân mình mà là một chàng trai trẻ.

Ngay cả Gabriel cũng phải nhìn kỹ lại khi tôi bước vào cửa hàng, cố bắt chước dáng đi của anh.

- Coriander đấy ư? – Anh ngập ngừng hỏi.

- Chính tôi đây, Gabriel. – Tôi nói.

- Chà, trông cô ra dáng một chàng trai lắm!

Còn Nell vốn ở trên gác suốt thời gian tôi chuẩn bị, khi bước vào cửa hiệu bèn bắt đầu ông ọ ọ làm duyên làm dáng. Chị ta đỏ bừng mặt khi nhận ra tôi là ai.

- Ôi trời ơi, ai mà biết được! – Chị kêu lên. – Cô đã biến thành một anh chàng thật điển trai, thừa tiểu thư, còn hơn cả cậu Appleby nữa kia!

Và lần đầu tiên trong cái ngày khủng khiếp ấy, Gabriel, mặc dù đang lo lắng, cũng phải mỉm cười.

Trời đã tối và mưa vẫn trút khi chúng tôi ra đi. Tôi rất hồi hộp. Ông Thankless và chị Danes lo lắng dõi theo chúng tôi cùng bước xuôi phố Cầu về phía nhà thờ Thánh Magnus.

- Cô cầm lấy cái này. – Gabriel nói khi chúng tôi đến đầu phố Thames. Anh trao cho tôi một con dao găm. Tôi sững sờ trước lưỡi dao sáng lóe đến nỗi suýt đánh rơi nó.

- Chỉ để đề phòng thôi. – Gabriel thì thầm.

Tôi đi theo anh, cố hết sức để sải bước thật dài. Cái cảm giác được tự do vận động, không vướng víu trong váy áo thật tuyệt, tuy nhiên, sức nặng của con dao găm và ý nghĩa của tất cả những việc này nhắc cho tôi nhớ rằng đây không phải là trò chơi.

Chúng tôi đi qua quán rượu, bước xuống những bậc thang dẫn ra sông, và bỗng nhiên tôi thầm ước rằng mình đang ngồi trong kia uống bia và lắng nghe những câu chuyện phiếm của người lái đò, thay vì phải đối mặt với nhiệm vụ trước mắt.

- Cô sẵn sàng chưa? – Gabriel hỏi.

Tôi gật đầu.

- Cô biết là cô vẫn còn có thể quay lại mà. – Anh nói. – Vẫn chưa muộn để thay đổi ý định đâu.

Tôi lắc đầu, không dám lên tiếng vì sợ giọng nói sẽ phản lại mình.

- Mọi thứ đều ổn cả chứ, ông Starling? – Gabriel hỏi.

Ông ta cúi kính đáp:

- Hai người nói xem, có ai muốn đi trên sông giữa tiết trời như thế này không? Xin thưa là không! Khi mà cũng với số tiền như vậy, không hơn không kém, người ta có thể thuê lấy một chiếc xe ngựa mà đi cho khô ráo.

Gabriel đưa cho ông Starling một túi tiền. Ông ta đổ những đồng tiền lên lòng bàn tay to tướng của mình.

- Ngài thật tử tế, thưa ngài. Tôi rất lấy làm cảm kích. – Ông ta nói và đưa cho Gabriel chiếc đèn.

- Chúng tôi sẽ quay lại trước khi người rung chuông điểm mười hai giờ. – Gabriel nói, trèo

vào thuyền.

- Chàng trai này là ai vậy? – Ông Starling hỏi và nhìn tôi chăm chú.

- Cậu học việc mới. – Gabriel đáp, và tôi trèo lên thuyền, lóng ngóng vì không được ai đỡ.

- Trông có vẻ miệng còn hôi sữa lắm.- Người chủ thuyền nói và cười to khi ông ta bước lên bờ, đi về phía quán rượu. – Đừng có đưa mái chèo cho hấn ta, không thì cậu không về nhà nổi đâu!

Sông Thames có một vẻ gì đó đáng sợ mà từ trên đất bằng an toàn, ta không thể thấy được. Nó là một dòng nước hoang dại và man rợ với ý muốn của riêng mình, không hề bị thuần phục bởi đôi dải bờ sông. Tôi bắt đầu hiểu ra điều này khi chúng tôi bị cuốn xuôi dòng bởi sức mạnh khủng khiếp của đợt thủy triều dữ dội.

Gabriel chèo, cố giữ cho con thuyền sát bờ, tránh khỏi tầm mắt từ những ngôi nhà ở hai bên sông. Mưa đã tạnh nên các cửa sổ đều được mở toang ra để đón hơi đêm mát rượi, tiếng trò chuyện lao xao vọng xuống cùng với ánh nến. Một con chó cất tiếng sủa, và có tiếng con khác đáp lại.

Nhà của tôi không có ánh đèn. Cửa cổng đứng đó, trơ trọi và ẩm ướt, các bậc thang bị phủ một lớp rêu xanh nhớp nháp.

- Có lẽ họ không có nhà. – Tôi nói.

- Có đấy. – Gabriel trả lời.

Chúng tôi buộc thuyền song song với cửa cổng. Gabriel đứng dậy và thử nhấc cánh cửa lên. Nó không động đậy. Anh lại ngồi xuống vẻ chán nản.

- Giờ thì sao đây? – Anh hỏi.

Bỗng nhiên một luồng ánh sáng màu xanh lục phát ra từ cửa sổ phòng làm việc và lóe lên trên mặt sông. Gabriel vội tắt đèn và chúng tôi kéo con thuyền ra xa cửa cổng để nhìn cho rõ hơn. Chúng tôi cùng ngược nhìn ngôi nhà, không dám tin vào những gì mình vừa thấy. Thế rồi tia sáng xanh lại xuất hiện, lóe sáng từ cửa sổ và cắt ngang mặt nước như một lưỡi dao.

Như thể đọc được ý nghĩ của tôi, Gabriel quay con thuyền trở lại cửa cổng và lần này chúng tôi ráng hết sức kéo như thể mạng sống của mình phụ thuộc vào đó vậy. Trong một thoáng, tôi sợ con thuyền sẽ bị lật, nhưng rồi chúng tôi cũng giữ vững được nó và phát hiện ra rằng cánh cửa có thể được nhấc lên đủ rộng cho chúng tôi bò qua. Chúng tôi chui vào, cố cúi đầu thật thấp. Bập bênh, bập bênh, sóng sông vỗ vào những bậc thang và những bức tường. Gabriel tắt đèn khi một vật gì trượt xuống các bậc thang và rơi tõm xuống nước.

- Cái quái gì vậy? – Gabriel kêu lên, quay lại phía sau và giơ ngọn đèn lên cao.

Một con chuột cống ngồi nhìn chúng tôi chằm chằm trước khi chạy vụt đi.

Thật khó tin rằng cái nơi tối tăm, ẩm thấp này, với những dấu vết thủy triều để lại bám vào nền đá trước kia trắng muốt, lại từng là nơi chứng kiến bao nỗi phấn khích, bao niềm hạnh

phúc. Giờ nó chỉ còn là một nơi bị ruồng bỏ, bị ma ám, với dòng nước đen thẫm cuộn xoáy dưới đáy thuyền của chúng tôi.

- Chúng ta tìm thấy Hester sớm chừng nào thì càng có thể ra khỏi đây sớm chừng ấy. – Gabriel thì thào nói, buộc thuyền vào một chiếc cọc.

Chúng tôi đi tới những bậc thang dẫn lên cửa vào nhà. Tôi ngạc nhiên thấy nó bị khóa. Trong một thoáng, tôi chỉ có thể nghĩ rằng kế hoạch của chúng tôi đã đổ bể ngay từ lúc mới bắt đầu. Rồi tôi nhớ ra nhà tôi vẫn luôn có một chiếc chìa khóa dự phòng. Tôi đưa tay lên gờ tường, nơi có một viên đá rỗng, và nhẹ cả người khi ngón tay tôi tìm thấy chiếc chìa khóa giấu ở đó.

Gabriel thận trọng cắm chiếc chìa khóa vào ổ và khẽ xoay. Nó phát ra một tiếng cách, vang lên trong tai chúng tôi tựa một tiếng sấm, và tôi dám chắc lão Arise sẽ xuất hiện trước mặt chúng tôi bất cứ lúc nào với thanh gươm tuốt trần trong tay. Chúng tôi chờ đợi, tim đập thình thịch. Không nghe thấy âm thanh gì khác lạ, chúng tôi mở cửa và bước vào tiền sảnh tối om.

Nếu như có một ngôi nhà biết than khóc cho bản thân thì hẳn là ngôi nhà này, mục nát vì bụi bẩn và quên lãng. Một mùi mốc meo bốc lên. Rõ ràng nó đã không được quét dọn từ khi Hester ra đi.

Mặc dù tôi biết rõ ngôi nhà suốt cả đời mình, mắt tôi vẫn phải mất một lúc mới quen được với bóng tối và nhận ra hình dáng quen thuộc của tiền sảnh. Đột nhiên, trước sự kinh hoàng của chúng tôi, cửa buồng làm việc bật mở và ánh sáng tràn ra. Tim tôi gần như ngừng đập, bởi vì tôi dám chắc đã có người nghe thấy tiếng chúng tôi và đang đi ra xem có chuyện gì. Chúng tôi đứng như trời trồng, thậm chí còn không dám thở, nhưng rồi không có gì xảy ra, không người nào xuất hiện. Gabriel thở phào nhẹ nhõm và xiết chặt tay tôi trước khi chạy lên gác, nhanh nhẹn và êm ru như một con mèo.

- Thừa bà, - tôi nghe thấy một giọng nói vang ra từ phòng làm việc, - những người bạn tốt của tôi đây có thể có thứ bà muốn, nhưng họ cảm thấy chưa được trả công xứng đáng với những rắc rối mà họ đã phải trải qua.

- Tarbett Purman, - một giọng nói vang lên, tôi nhận ra là giọng của Rosmore, - chẳng phải ta đã đưa con gái của Maud về cho cụ ta, để các người muốn làm gì thì làm đấy sao? Chẳng phải ta đã cho hai kẻ trần tục khốn khổ này tất cả những gì chúng muốn, thậm chí còn hơn thế nữa, suốt thời gian vừa qua đấy sao? Ta chỉ đòi lại một vật duy nhất là chiếc bóng. Nó đâu rồi?

Tôi chăm chú lắng nghe đến nỗi không nhận thấy những âm thanh phát ra từ cánh cửa phía sau tôi, nhưng khi sự im lặng bao trùm căn phòng thì tôi có thể nghe được một tiếng móng chân cào sột soạt trên những bậc đá. Tôi bắt đầu thấy nghi ngờ lòng can đảm của mình khi tiếng động đó trở nên lớn hơn và cánh cửa bị xô đẩy như thể một con quái vật khủng khiếp nào đó đang tìm cách xông vào.

Tôi sợ chết khiếp, một nỗi sợ khiến cho mọi thứ khác đều giống như một luồng sáng chói lòa. Tôi nhắm nghiền mắt, nắm chặt chuôi dao găm và cố gắng để không thét lên.

- Nó ở đó! – Tôi nghe Maud kêu lên.

- Cái gì ở đó? – Rosmore hỏi.

- Không, không có gì cả. – Lão Arise đáp lại, giọng gần như nghẹn ngào.

- Đừng có đánh lừa ta, con chồn đạo đức giả kia! Nhà ngươi biết rõ có cái gì ở đó.

Một tia chớp xanh nữa lóe lên và tôi thấy Arise Fell quỳ sụp xuống.

- Xin bà đừng làm thế nữa. – Lão van xin. – Không phải lỗi tại tôi. Bà hãy nhắm tia chớp xanh của bà về phía ông Purman ấy. Chính ông ta đã làm hỏng hết mọi việc.

- Đứng lên, đồ bị thịt thối tha, và cho ta biết nhà ngươi đã làm gì với chiếc bóng.

Giọng nói của Arise để lộ ra nỗi khiếp sợ của lão.

- Tôi đã sắp sẵn nó cho bà, nhưng rồi nó lại rơi vào miệng con cá sấu nhồi.

- Tôi cố lấy lại nó. Lão Tarbett Purman cắt ngang. – Nhưng than ôi, thưa bà, con cá sấu ấy dường như đã sống lại và cắn phập vào tay tôi. Đau quá, tôi chỉ biết giã cho nó rơi ra, nhưng đáng buồn là nó lại rơi ra ngoài cửa sổ.

- Thế bây giờ nó ở đâu? – Mụ ta rít lên.

- Ở dưới đó ạ. – Maud đáp, chỉ về nơi tôi đang trốn trong bóng tối của tiền sảnh. – Càng ngày nó càng lớn lên thêm. Và nó không chịu ngừng lại. Mỗi ngày nó lại xô vào cửa mạnh hơn.

Tôi gần như chắc rằng Rosmore sẽ bước ra tiền sảnh và tự mình đi tìm con cá sấu. Nếu như vậy thì tôi coi như xong đời.

- Chắc chắn bà sẽ bắt được nó. Bà có rất nhiều quyền lực mà. – Maud run rẩy nói.

- Không, mụ kia. – Rosmore nói. – Ta không thể, và ta sẽ không bắt nó lại, nhưng các ngươi thì phải làm.

Một ánh sáng xanh lục lóe lên qua sàn nhà và tôi thấy Arise, Maud và Tarbett co rúm lại khi đôi cánh và móng vuốt khổng lồ của một con quạ nhào xuống họ. Cronus!

Đúng lúc đó thì Hester và Gabriel bước xuống cầu thang.

- Nhanh lên! – Gabriel túm lấy tay tôi.

- Ai ở đó? – Rosmore quát. – Tarbett, hãy ra xem để biết chắc cô dâu của ngươi không trốn mất lần nữa.

Tôi định nhắc Gabriel đừng mở cửa dẫn xuống cửa cống, nhưng mọi việc xảy ra quá nhanh. Anh đẩy cánh cửa ra và ra hiệu cho chúng tôi bước xuống bậc thang. Tôi không thấy bóng con cá sấu đâu, chỉ thấy bóng trắng soi xuống mặt sông. Hester và tôi trèo vào thuyền, Gabriel cầm cái mái chèo trong khi tôi đẩy mạnh chiếc thuyền khỏi những bậc thang về phía cửa cống.

Quá muộn. Con quạ đã bay tới với tiếng kêu dữ tợn, bổ nhào xuống đầu chúng tôi. Gabriel nhắc một mái chèo lên, lấy hết sức khua thật mạnh, và chiếc thuyền bắt đầu xoay vòng vòng. Con quạ lập tức bay vọt lên phía trên chúng tôi, sẵn sàng tấn công. Bồng lặn nước tối đen chuyển động và tôi thấy một bộ hàm trắng ớn đầy răng sắc nhọn cắn vào sợi dây buộc thuyền

của chúng tôi.

- Ngồi xuống! – Tôi hét. May mà tôi hét lên kịp lúc. Bởi vì ngay sau đó con thuyền trôi vút đi như thể được đẩy bởi một cỗ máy kỳ diệu. Chúng tôi cúi thấp xuống và chui qua cửa cống ra dòng chảy chính của con sông bên ngoài. Con quạ lượn tròn và vỗ cánh liên hồi, nhưng nó nhanh chóng bị tụt lại phía sau.

Gabriel chớp lấy mái chèo. Khi anh làm vậy, tốc độ khủng khiếp của chúng tôi giảm dần, chẳng mấy chốc anh đã điều khiển được con thuyền. Tôi thấy mặt nước nhấp nhô và một vật sẫm tối bơi ngược dòng trở lại.

- Cái quái quỷ gì vừa mới xảy ra vậy? – Gabriel hỗn hển hỏi.

- Tôi không biết. – Tôi nói dối. – Cái chính là chúng ta đã tìm thấy Hester và chị ấy vẫn còn sống và mạnh khỏe.

Chúng tôi dừng lại bên cầu đúng lúc người rung chuông điểm mười hai giờ.

- Đây đúng là điều tôi muốn thấy, một chàng trai biết giữ lời! Cậu nói mười hai giờ là đúng mười hai giờ! – Ông Starling nói và vỗ mạnh lên lưng Gabriel. – Có vẻ cậu đã hoàn thành công việc một cách tốt đẹp đấy nhỉ. – Ông mỉm cười với Hester.

- Đúng vậy, thưa ông. – Gabriel nói, quàng tay ôm Hester và mỉm cười sung sướng.

Chúng tôi chào tạm biệt nhau trên những bậc thang và sắp đường ai nấy đi thì nghe thấy một tiếng kêu vang vọng trên mặt nước.

- Cái gì thế? – Tôi kêu lên, quay lại nhìn dòng sông.

Tất cả chúng tôi cùng đứng lại lắng tai nghe.

- Chắc là ai đó cãi cọ đấy thôi. – Gabriel nói.

Một tiếng thét khủng khiếp xuyên qua màn đêm tĩnh lặng, và tiếp sau đó là một sự im lìm quái gở.

26. Dấu răng

Lúc thủy triều lên cao, dòng sông có màu thủy ngân. Như hòn đá của một nhà giả kim thuật, ngày ngày nó biến những kiện hàng trên các tàu buôn thành những túi vàng và bạc, nó là sự giàu có và thịnh vượng của thành phố. Cùng với mỗi đợt thủy triều, nó cuốn trôi mọi tội lỗi của cư dân sống hai bên bờ, đồng thời đem đến niềm hy vọng và những lời cầu nguyện. Bởi vì vị

Cha già sông Thames không bao giờ phán xét những đứa con hư hỏng của mình, những kẻ đã phung phí sự màu mỡ của người và làm người vẫn đục với lòng tham của chúng.

Với mỗi đợt thủy triều rút xuống, dòng nước lại để lộ ra lòng sông dơ dáy, mọi bí mật của nó vốn bị giấu kín dưới những lớp bùn trên bờ. Đôi khi con sông từ chối chở những hành khách bị ném bỏ của nó ra biển, và họ quay trở lại, bập bênh như những mẩu gỗ mục trên mặt nước, không chịu chìm xuống. Chuyện đó đã xảy ra với thi thể của Tarbett Purman. Ông ta được tìm thấy trôi nổi như một chiếc nút bấc ngay dưới cầu tàu London, và những người lái đò đã kéo Purman từ dưới sông lên thấy mắt ông ta mở trừng trừng và trên người ông ta là hàng ngàn vết thương nhỏ do bộ hàm sắc nhọn nào đó phập vào.

Hôm đó tôi bị đánh thức sớm. Chị Danes với vẻ mặt nghiêm nghị bảo tôi mặc quần áo thật nhanh và xuống bếp. Tôi làm theo, cảm thấy nôn nao trong bụng, bởi vì tối qua khi chúng tôi lên giường thì đã muộn lắm rồi.

Ông Thankless cũng đã dậy và mặc quần áo, đang đi đi lại lại trong phòng. Gabriel và Hester đang đứng nắm tay nhau.

- Có chuyện gì vậy? – Tôi hỏi khi thấy mọi người đều có vẻ nghiêm trọng.

- Tarbett Purman chết rồi. – Gabriel nói.

- Còn tệ hơn thế nữa kia. Người ta đồn là lão ta đã bị sát hại. – Ông Thankless nói.

- Sát hại ư? Sao ông biết?

- Người ta tìm thấy lão trôi lềnh bềnh trên sông. Ông Starling vừa đến báo là ông thanh tra đã được mời đến. Gabriel đã bị kết tội sát hại lão ta vì ghen tuông và chạy trốn cùng vợ chưa cưới của lão.

- Không! – Tôi kêu lên. – Ai kết tội anh ấy?

- Còn ai vào đây nữa? Tất nhiên là Maud và Arise rồi. – Gabriel lầm bầm nói.

- Nhưng anh đâu có làm chuyện ấy! Tôi đã...

- Chẳng thay đổi được gì đâu. – Gabriel nói. – Không ai lại đi tin lời một tên thợ học việc hơn lời một nhà truyền giáo đâu. Tôi sẽ bị bắt và treo cổ trước khi các bạn có thể chứng tỏ rằng tôi vô tội.

Hester òa khóc. Tôi ước gì đầu óc mình không đặc lại vì buồn ngủ đến thế, tôi không thể suy nghĩ một cách rõ ràng được.

- Ta không để chuyện đó xảy ra đâu, ta cam đoan với cháu như thế. – Ông Thankless nói. – Ta sẽ không để chúng đụng tới cháu. Cháu chẳng khác nào con trai của ta. Khi cha mẹ cháu qua đời, ta đã hứa với họ là sẽ chăm lo cho cháu, ta đã làm thế và sẽ tiếp tục làm thế. Trời đất quý thần ạ, chúng sẽ không bắt được cháu đâu.

Nước mắt lăn dài xuống má ông thợ may khi ông ôm chặt Gabriel.

- Ông là ông chủ tốt nhất mà cháu có thể có được. – Gabriel nói. – Cháu xin lỗi vì đã gây ra nhiều phiền toái đến thế.

- Phiền toái ư? – Ông thợ may nói. – Cháu không gây ra chút phiền toái nào hết. Chúng ta sẽ làm gì nếu không có cháu? Coriander hẳn đã chết. Hester thì sẽ bị ép lấy lão Tarbett Purman...

- Thuyền trưởng Bailey! – Tôi kêu lên.

Tất cả đều quay lại nhìn tôi.

- Chúng ta phải đến tìm thuyền trưởng Bailey. Có lẽ ông ấy sẽ giúp Gabriel trốn khỏi thành phố được! – Tôi nói.

- Một ý kiến rất hay, nhưng quý thần ơi, sẽ mất nhiều thời gian để tìm được ông ấy, mà thời gian thì chúng ta lại không có đủ. – Ông Thankless nói.

- Ông Starling có thể giúp được. – Tôi nói, nhớ lại đêm hôm trước ông chủ thuyền đã tỏ ra có ích như thế nào. – Chắc chắn ông ấy sẽ tìm ra thuyền trưởng Bailey.

- Đúng vậy. – Ông Thankless nói. – Nhưng dù sao thì cũng không có cách nào biết được thuyền của thuyền trưởng đang ở Rotherhithe hay là đã ra khơi rồi. Ta sẽ phải đi hỏi xem.

- Không. - Chị Danes kiên quyết nói. – Ông hãy ở nhà và giúp Gabriel trốn tạm đi đâu đó. Tôi sẽ đi và đem Hester theo. Hai người phụ nữa, một già một trẻ, đi hỏi thăm một viên thuyền trưởng thì sẽ ít đáng nghi hơn nhiều.

- Cô ấy nói đúng đây. – Gabriel nói.

- Ôi chao, tôi cũng không biết nữa. – Ông thợ may nói, đáng điệu vô cùng lo lắng.

Hester đi lấy áo choàng cho mình với chị Danes.

- Đừng lo, ông Thankless. – Cô nói. – Chúng cháu sẽ tìm ra thuyền trưởng Bailey và ông ấy sẽ biết phải làm gì.

- Em hãy cẩn thận đấy. – Gabriel dặn và hôn cô ấy hết sức âu yếm.

- Đi nào, chúng ta không được để phí một chút nào nữa. – Chị Danes nói. – Phải ra bờ sông và tìm ông chủ thuyền ngay.

Dường như hai người mới chỉ đi được một chút thì đã có tiếng đấm mạnh lên cửa.

- Mở cửa ra! Chúng tôi có lệnh bắt Gabriel Appleby.

- Nhanh lên! – Ông thợ may nói, nhắc một ô cửa sập trên sàn bếp lên. Bên dưới đó là những bậc thang dẫn đến một cầu tàu nơi ông Thankless cất các loại vải vóc. Gabriel không để phí giây nào. Chúng tôi đóng cánh cửa lại bên trên đầu anh, sau đó che nó đi bằng chiếc bàn bếp, lại chất thêm một đồng rổ rá lên đó.

Chuông cửa vẫn tiếp tục réo, như thể chính quý sứ đang tìm cách xông vào.

- Mở cửa ra ngay, nếu không chúng ta sẽ xô đổ nó đấy!

- Không cần phải vậy đâu. – Ông Thankless nói, chạy lên tầng trên và mở khóa cửa ra.

Một viên thanh tra bước vào cửa hàng, theo sau là một anh lính, giày của cả hai đều bám đầy bùn.

- Tên học việc Gabriel Appleby của ông đâu? – Viên thanh tra hỏi.

- Cậu ta mang áo đi giao cho một thương gia. Sao ông lại hỏi cậu ta? Chuyện gì đã xảy ra?

Viên thanh tra giúi một tờ giấy vào tay ông Thankless.

- Y đã phạm phải điều răn thứ sáu. Tội sát nhân! – Ông ta nói, chạy lên tầng trên, vào mấy phòng ngủ của chúng tôi, để lại tên lính kiểm tra quanh cửa hiệu.

- Đây là áo của ai? – Tên lính hỏi, cầm lên một chiếc áo sắp may xong.

- Áo may cho một phu nhân mộ đạo và khiêm tốn. – Ông Thankless nói.

Tên lính xé rách chiếc tay áo.

- Thánh Paul nói chúng ta ăn mặc là vì Chúa, không phải là vì thế giới này. Đây không phải là một chiếc áo phù hợp cho một người phụ nữ sùng đạo. – Hắn nói, và xé toạc những đường viền tuyệt đẹp ra khỏi vạt áo.

- Xin hãy tha cho cái áo. – Ông thợ may van xin.

- Váy áo cho những mục đàn bà phóng đảng. – Tên lính nói, đâm thủng chiếc váy bằng con dao của hắn. – Một người phụ nữ phải ăn mặc giản dị để người đàn ông có thể chú tâm đến Chúa.

- Nhìn này. – Viên thanh tra nói, lôi Nell xuống cầu thang. – Con mục này đang trốn ở dưới gầm giường. Mục ta là ai vậy?

- Tôi là người giúp việc của ông Thankless. – Nell đáp.

- Gabriel Appleby đâu?

- Tôi xin thề danh dự là tôi không biết, thưa ngài.

- Mi biết điều gì sẽ xảy ra với những đứa con gái dối trá chứ? – Viên thanh tra nói, cầm lên một chiếc cốc không và ném vỡ nó trước mặt Nell. Chị vặn vẹo đôi tay và tỏ vẻ rất khó chịu vì phải nghe cái giọng như vậy.

- Nào, hãy vào tìm trong bếp xem sao. – Viên thanh tra nói, rồi ông ta và tên lính bước rầm rập xuống nhà dưới và bắt đầu thích thú phá tan tành căn bếp.

- Vẫn không biết tên học việc của ông ở đâu hả? – Viên thanh tra hỏi.

- Không. – Ông Thankless đáp.

Viên thanh tra đến bên bệ lò sưởi và cầm lên một chiếc cốc vại một khách hàng tặng cho ông Thankless từ trước cuộc Nội Chiến. Ông ta chậm rãi đọc dòng chữ khắc trên đó:

- *Một món quà của Huân tước Sellbury.* Sao ta lại thấy cái tên này quen nhỉ? Tất nhiên rồi, ta không bao giờ quên một vụ treo cổ ra trò cả. Nếu ta nhớ không nhầm thì đây là một tên Bảo hoàng đã biến thành cướp đường sau khi đất đai của hắn bị tịch thu bởi nhà lãnh đạo vĩ đại Oliver Cromwell của chúng ta. – Ông ta ném chiếc cốc vại xuống sàn và giơ cao ủng lên trên nó.

Viên thanh tra lại hỏi:

- Ông chắc ông không biết tên học việc của mình ở đâu chứ?

Ông Thankless, mồ hôi tươm ướt trán, trả lời:

- Không.

Chiếc ủng giậm mạnh xuống và chiếc cốc vại vỡ vụn. Viên thanh tra tiến sát đến bên ông Thankless và gần như nhổ từng tiếng vào mặt ông:

- Ông biết tội khai man thì sẽ bị xử thế nào rồi đấy. Ông sẽ cùng tên học việc lên giá treo cổ.

Ông Thankless chỉ im lặng.

- Cái gì đây? – Tên lính hỏi, đẩy chiếc bàn bếp sang một bên và đá tung những rổ rá đi, để lộ ra chiếc cửa sập.

- Căn hầm nơi tôi cất các thứ vải vóc. – Ông thợ may nói.

- Mở nó ra! – Viên thanh tra ra lệnh.

Ông Thankless chậm chạp nhấc cánh cửa nặng trĩu lên. Tên lính xô ông ra và trèo xuống bậc thang đầu tiên.

Đột nhiên một tiếng kêu vang trên cửa hiệu và một tên lính khác nhảy vào bếp.

- Nhanh lên! Có người đã thấy y trên phố Cầu, chạy về phía thành phố.

Ngay lập tức tên lính kia trèo lên thang và xô ông thợ may sang một bên để chạy lên nhà trên, theo sau là viên thanh tra. Ông ta đóng sầm cánh cửa mạnh đến nỗi chiếc chuông rung mạnh và suýt rơi xuống.

Thật là nhẹ cả người. Chúng tôi không dám mở miệng, cho đến khi những tiếng ồn ào ngoài phố đã lắng xuống. Ông Thankless, Nell và tôi đứng giữa căn bếp lộn tung phèo, nhìn vào ô cửa sập cho đến khi Gabriel chui lên. Anh nhìn thấy căn bếp bị phá tan hoang và chiếc cốc vại vỡ nát.

- Cháu đã gây ra chuyện gì thế này? – Anh kêu lên.

- Không có gì là không sửa chữa lại được. – Ông Thankless nói. – Nhưng không có ai trong thành phố đẹp đẽ này có thể chữa lại một người bị treo cổ. Nào, giờ hãy đưa cháu lên trốn ở gác xép.

- Đúng là một lũ lợn. Chúng còn đáng tởm hơn cả phân lợn. – Nell nói. – Nhìn xem chúng đã làm gì này! – Chị bắt đầu nhặt các miếng bát đĩa vỡ lên. – Đem bùn đất từ ngoài phố vào, bôi bẩn khắp nơi. Còn tệ hơn cả mấy con cóc thối tha!

- Suyt, chị Nell! – Tôi nói, cố nhin cười.

- Tôi căm ghét chúng. – Chị ta nói. – Tôi ước gì nhà vua trở lại. Ai cũng được, còn hơn là lão Noll [17] và tay sai của lão.

Cả ngày hôm đó chúng tôi bận rộn dọn dẹp, sợ lão thanh tra sẽ quay trở lại. Mãi đến tối, chuông cửa mới khê rung lên. Chị Danes, Hester cùng thuyền trưởng Bailey nhẹ nhàng lách vào cửa hiệu tối om để xuống bếp.

- Anh Gabriel đâu rồi? – Hester vừa cởi áo choàng vừa hỏi.

- Gabriel ổn. – Tôi nói. – Anh ấy đang trốn trên gác xép. Đi theo em.

Tôi chỉ đưa cô lên đến chân cầu thang dẫn lên gác xép vì Gabriel đã nghe thấy tiếng Hester và lao bổ xuống. Cô chạy tới bên anh. Tôi nghĩ tốt hơn hết nên để họ lại với nhau còn mình thì quay trở lại bếp.

- Chuyện gì đã xảy ra thế này? – Chị Danes hỏi, quay sang nhìn Nell. Chị này đang cầm một chiếc xô trong tay, tóc xõa xươi xuống mặt.

- Lão thanh tra và tên lính của lão, vậy đấy! – Nell đáp.

- Chúng muốn kéo sập cả cái nhà này hay sao ấy. Đập phá tất cả những gì chúng vớ được. Cái lũ Đầu Tròn ấy thật là kinh tởm!

- Ôi, tôi rất mừng được gặp ông, thuyền trưởng thân mến! – Ông thợ may nói. – Tôi cứ sợ hai gã kia sẽ quay trở lại.

- Nếu vậy thì may mà chúng tôi đã không trở lại sớm hơn. – Thuyền trưởng Bailey đáp.

Gabriel và Hester cùng bước vào phòng.

- Tôi không sát hại ai cả, thưa ngài. – Gabriel nói. Mới chỉ trong vòng có một ngày mà dường như anh đã già đi cả chục tuổi vì lo lắng.

- Và ta tin cậu, chàng trai ạ. – Thuyền trưởng Bailey đáp. – Chúng ta phải hành động ngay thôi. Lấy áo choàng và mũ của cậu đi. Ta sẽ lên đường sang Pháp ngay khi đợt thủy triều tới rút xuống. Cậu thấy thế nào?

- Tôi muốn đưa Hester theo cùng, thưa ngài. Gabriel đáp lại.

- Không được, chàng trai ạ. – Viên thuyền trưởng cười hờn hậu. – Ta chỉ có thể cho cậu theo thôi. Một mình cậu.

- Nếu vậy thì tôi sẽ không đi nữa. – Gabriel nói. – Tôi không thể xa Hester. Cô ấy là cả cuộc đời tôi.

Nụ cười biến khỏi khuôn mặt thuyền trưởng Bailey.

- Cô thì sao, Hester? – Ông hỏi.

- Tôi cũng không muốn phải rời xa Gabriel. Tôi yêu anh ấy bằng cả trái tim mình.

- Ồ, hai người quấn nhau như đôi sam ấy! – Viên thuyền trưởng nói và nhìn ông thợ may.

Nhưng chị Danes lại là người lên tiếng.

- Họ sẽ chỉ lòng kiếm một mình Gabriel mà thôi. Sẽ an toàn hơn nếu hai đứa cùng đi với nhau như một cặp vợ chồng. Vả lại, Hester cũng không thể xa Gabriel được. Con bé sẽ héo hon đi mà chết thôi.

- Tôi cũng đồng tình với chị Danes. – Ông Thankless thêm vào. – Tốt hơn là Hester cũng rời khỏi đây, vì chắc hẳn lão thanh tra sẽ đưa cô ấy trở lại phố Thames nếu bắt được cô ấy.

- Vậy thì không cần bàn bạc thêm nữa. – Ông thuyền trưởng quyết định. – Cả hai lại đây. Chúng ta sẽ cùng đi và tôi sẽ lo liệu cho hai người kết hôn.

Tôi chưa bao giờ thấy Hester hạnh phúc đến vậy, và cũng chưa bao giờ thấy một chàng trai nào có vẻ sung sướng hơn Gabriel. Cho dù tương lai của họ có ra sao đi chăng nữa thì ít ra họ cũng có nhau.

- Cầm lấy. – Ông Thankless trao cho Gabriel một túi tiền. – Cái này sẽ giúp được các cháu.

- Cháu không thể nhận tiền của ông được, ông chủ. – Gabriel nói.

- Cháu có thể, và cháu sẽ nhận nó. Và ta muốn hai cháu hãy quay về nhà khi mọi việc đã được giải quyết ổn thỏa. Hiểu không? Giờ thì cháu đã là một người thợ thạo việc có thể đi làm tự do được rồi.

Ông Thankless đi cùng họ với cây đèn trong tay để biết chắc rằng họ đến cuối cầu một cách an toàn vì một màn sương dày đã phủ xuống. Mọi người đều biết rằng sương là tấm màn che giấu tốt nhất cho cuộc chạy trốn này. Chúng tôi đứng nhìn theo và thở phào nhẹ nhõm khi ông Thankless trở về, báo rằng chiếc phà chở hai người giờ hẳn đã đi quá tháp London rồi.

Chúng tôi không còn bị lão thanh tra hay tên lính nào tới thăm viếng nữa. Có rất nhiều người thề sống chết rằng họ đã nhìn thấy Gabriel, hoặc trong thành phố hoặc ở khu phố cổ. Một thông cáo đã được yết lên, nói rằng Gabriel Appleby, một thợ học việc ở phố Cầu, đang bị truy nã.

Mọi chuyện không kết thúc ở đó. Ông Thankless nhất quyết muốn những lời buộc tội Gabriel phải bị hủy bỏ. Cả ông lẫn chị Danes phủ niềm hy vọng ấy cho cả cái cửa hàng trống

trái.

Ngài cảnh sát trưởng đã cho gọi đến một người khám nghiệm tử thi, một bà tên là Parfitt. Tôi luôn thấy rằng đó là một nghề nghiệp khốn khổ, phải ở bên xác mà tìm hiểu xem người này người nọ đã chết như thế nào. Nhưng bà Parfitt có tiếng là rất giỏi trong lĩnh vực ấy, và những kết luận của bà rất được coi trọng. Bà nói rằng, bà không nghĩ Tarbett Purman đã bị đâm chết bằng dao, mà là nạn nhân của một tai nạn khủng khiếp nào đó. Kết quả là thi thể của ông ta vẫn chưa được đem đi chôn, và chị Danes cùng ông Thankless coi đó là một dấu hiệu tốt.

Dịch bệnh đã thôi hoành hành ở thành phố. Những người đi sơ tán bắt đầu rục rịch từ nông thôn lên, hăm hở muốn nghe những chuyện ngồi lê đôi mách mới. Cái chết kỳ dị và bất ngờ của Tarbett Purman khiến nhiều người hết sức tò mò. Trong số đó có một thầy thuốc đã yêu cầu được xem tử thi, mặc dù tôi chắc rằng mùi của nó giờ không dễ chịu chút nào. Ông ta tuyên bố rằng những dấu vết trên người Tarbett Purman không phải là do bị đâm bằng dao găm hay đoản dao. Đó là những vết thương thuộc về thế giới loài vật hơn là vùng đất của con người. Ông ta còn nói thêm về ám muội rằng theo ý kiến cá nhân ông, đó chính là việc làm của quỷ dữ và đây là bằng chứng cho việc quỷ dữ đang săn đuổi thế giới này, nếu như quả thực người ta cần có bằng chứng.

Con cá sấu không phải là quỷ dữ. Nhưng tôi có biết một con quỷ, và hắn có tên là Arise Fell.

27. Sợi dây vô hình

Tôi thường suy nghĩ rất nhiều về những chiếc váy dài và về việc chúng làm cho thế giới của phụ nữ chật chội biết bao. Không bị cản trở bởi những chiếc váy lót, không bị vướng víu bởi những chiếc tạp dề nịt chặt người phụ nữ với công việc nội trợ, một người đàn ông có thể làm mọi việc trừ bay lên trời. Sự thực là tôi đang rất thất vọng, tôi đã mong có cơ hội tìm được chiếc bóng khi đã quay lại phố Thames cùng Gabriel. Tôi mong được cải trang thành con trai một lần nữa, bởi vì tôi không nghĩ ra cách gì khác để quay lại ngôi nhà cũ của mình.

Gabriel và Hester đã đi được tròn một tuần và đêm nào tôi cũng mơ thấy cùng một giấc mơ. Những con chó săn đuổi theo tôi và tôi phải chạy bán sống bán chết. Mặt đất trắng xóa, tuyết đang rơi dày và cánh rừng đen sì, trơ trụi. Con cáo chạy bên tôi, nhìn tôi bằng cặp mắt nâu của nó. Đàn chó và những tên thợ săn vẫn đang bám sát chúng tôi. Tôi chỉ nhìn thấy con bạch mã khi thân hình trắng muốt của nó nổi bật trên nền trời đen. Tôi cảm thấy hơi thở nóng hổi của đàn chó và nghĩ rằng cái chết đang cận kề.

Những con chó đã đuổi kịp và chồm lên người tôi. Răng chúng nhe ra, nước dãi lòng thòng rớt xuống từ những cái miệng đang gầm gừ. Nhưng rồi tôi nhận ra chúng không đuổi theo tôi. Chúng vây lấy con cáo, những cái lưỡi thè ra. Chúng đang sáp lại để hạ thủ con mồi. Tiếng tù và của những người đi săn vang lên, bay qua các cánh đồng, và tôi có thể nhìn thấy máu nhỏ xuống tuyết.

Tôi tỉnh dậy và hiểu rằng mình không thể tiếp tục lần nữa. Tôi phải tìm lại chiếc bóng và cứu Tycho.

Tôi không thể nói cho ông Thankless hay chị Danes biết kế hoạch của mình, họ đã có đủ chuyện để lo lắng về Gabriel và Hester rồi. Dù sao, tôi vẫn cảm thấy có lỗi khi nghĩ đến chuyện mình có thể làm mọi việc thêm tồi tệ bằng cách bỏ đi như vậy.

Suốt cả cái ngày dài buồn tẻ ấy, tôi nghiền ngẫm kế hoạch của mình thật kỹ.

- Em cứ bồn chồn như ngồi trên lửa vậy [18]! – Chị Danes nói khi hai chúng tôi cùng gấp vải trong cửa hiệu.

Tôi những muốn thổ lộ hết với chị như trước kia, nhưng tôi chỉ có thể đáp:

- Khi nhà vua quay trở lại, mọi việc sẽ ổn hết.

- Chị chắc rằng em nói đúng. – Chị Danes nói. – Nhưng khi nào việc ấy sẽ đến thì chị không biết, vì lão bạo chúa già kia vẫn còn khỏe mạnh lắm, và lão gần như đã lên ngôi vua rồi còn gì, chỉ chưa có tước hiệu rõ ràng thôi. Chị nghĩ lão sẽ còn kẹp chúng ta dưới vuốt sắt của lão lâu nữa.

Tôi không biết phải đáp lại thế nào, sợ rằng nếu nói nhiều sẽ lộ mất. Thú thực là tôi sợ rằng hôm nay có thể là ngày cuối cùng của tôi trên mặt đất này, là lần cuối cùng tôi còn được nhìn thấy chị Danes thân yêu và ông Thankless dễ mến. Tôi cố kìm nước mắt.

- Có điều gì khiến em buồn bực ư? – Chị Danes hỏi.

- Không. – Tôi đáp. – Không có gì mà một cái ôm chặt của chị không chữa lành được.

Người chị Danes toát ra mùi bánh mì mới ra lò và mùi hoa oải hương, thật quen thuộc đối với tôi và tôi muốn nhớ lấy nó, đem nó theo tôi như một bó hoa.

Lúc chúng tôi đang bày bàn ăn tối, ông Thankless lao vào bếp.

- Ông Starling đến đúng lúc tôi đang đóng cửa hàng và báo là Hester và Gabriel đã lên bờ an toàn ở La Rochelle. – Ông nói, nắm tay chị Danes và kéo chị nhảy múa quanh bếp. – Phải nâng cốc chúc mừng họ đến nơi an toàn mới được! – Rồi ông đi lấy chai rượu brandy hảo hạng nhất của mình ra.

Tôi cố tỏ ra vui vẻ, nhưng tay chân tôi cóng lạnh, và rượu brandy đắng chát như vị của tội lỗi trong miệng tôi. Tôi không muốn nghĩ đến những gì họ sẽ nói sáng mai, sau khi tôi đã đi rồi. Ý nghĩ này làm tôi lo lắng đến nỗi tôi phải viết mấy dòng để lại trên giường để ông Thankless có thể đọc cho chị Danes nghe. Tôi hy vọng nó sẽ giúp họ khuây khỏa phần nào.

Khi mọi người đã đi ngủ cả, tôi lại mặc bộ quần áo con trai và bọc đôi hài bạc giấu vào trong áo. Tôi đem chúng theo với hy vọng chúng sẽ giúp đưa tôi trở lại thế giới của mẹ.

Cuối cùng, khi người canh đêm báo mười hai giờ, tôi nhẹ nhàng đi xuống dưới nhà. Tất cả đều chìm trong im lặng, trĩu nặng mùi vị say nồng của giấc ngủ. Tôi nhìn quanh cửa hiệu một lần nữa trước khi bước ra ngoài, nghĩ rằng mọi thứ sẽ vẫn còn nguyên đây sau khi tôi ra đi. Ý nghĩ ấy khiến tôi thấy can đảm hơn.

Tôi mừng vì có ánh trăng soi đường bởi ngôi nhà của tôi hoàn toàn tối đen. Không có ngọn đèn nào thấp sáng bên ngoài. Tấm biển có hình cây dâu tằm từng được treo đầy hãnh diện bên

trên cánh cổng giờ đã phai màu, sơn tróc ra từng mảng.

Tôi quần chặt chiếc áo choàng quanh người và nhìn ngược nhìn xuôi để biết chắc không có ai xung quanh. Có một cách để mở cổng vườn mà không cần chìa khóa. Tôi đã nhìn chị Danes làm thế rất nhiều lần. Khi còn nhỏ tôi đã cố thử nhưng không đủ sức. Đêm nay thì việc ấy thật dễ dàng. Tôi lách ngón trỏ vào ổ khóa và kéo chiếc chốt cho cánh cổng mở ra. Dưới ánh trăng, khu vườn có vẻ khô héo và kiệt quệ, tàn tạ vì không được tưới nước và chăm bón.

Tất cả đều tĩnh lặng như trong mồ khi tôi bước vào nhà. Tiềm sảnh, cũng như khi tôi đến lần trước, không được thắp đèn. Trong bóng tối lơ mơ, tôi có thể thấy một đồng bàn ghế chất lộn xộn, chắn trước cánh cửa dẫn ra sông.

Tôi tự hỏi không biết cái Cây Nêu tháng Năm kỳ quặc này có phải là để giữ cho con cá sấu không xông vào không vì tôi không thể nghĩ ra lý do gì khác. Thế rồi tôi cảm thấy một bàn tay nhỏ béo mập túm lấy tôi từ phía sau.

- Tôi bắt được con bé rồi, ông Arise! – Maud hét với lên tầng trên. – Nó mặc giả trai, nhưng tôi vẫn ngửi ra mùi nó.

Không có tiếng trả lời.

- Ông Arise! – Mụ ré lên. – Ông có nghe tôi gọi không? Con bé đã đến, đúng như ông đoán.

Tôi giật tay mình ra.

- Không nhanh thế đâu. – Mụ nói. – Lần này mày sẽ không thoát được.

Maud trông có vẻ thật man rợ, cặp mắt mở trừng trừng. Mụ không đội mũ, mớ tóc mỏng dính xõa xuống như những cái đuôi chuột nhón mớ, có thể thấy rõ từng mảng da đầu trọc lóc. Hơi thở của mụ có mùi bơ thiêu còn váy áo có vẻ đã lâu không được giặt giũ.

Đột nhiên, một tia sáng chiếu xuống từ trên cầu thang. Lão Arise đứng đó, tay xách một cây đèn, ánh sáng của nó phản chiếu lại trên cặp mắt kính xanh của lão.

- Ann! – Lão nói. – Thế là mi đã quay lại với chúng ta.

Trong khoảng khắc, tôi lại cảm thấy nỗi sợ xưa cũ của mình, nhưng rồi tôi thu hết can đảm và nói:

- Ann ư? Đó không phải là tên tôi, và ông cũng biết rõ như vậy.

- Sao mày dám ăn nói như thế với một giáo sĩ! – Maud quát, đưa tay lên đánh tôi. Tôi nhìn thấy mụ làm vậy và suýt nữa lại trở thành một đứa trẻ như ngày trước. Rồi tôi nghe thấy một giọng nói bình tĩnh vang lên trong đầu: “Mi cao hơn bà ta, mi đã là một cô gái trưởng thành. Mi có thể bắt bà ta ngưng lại.”

Tôi đẩy mạnh mụ ra và nói:

- Bà còn đụng tới tôi, Maud Jarret, thì sẽ phải hối tiếc rất nhiều đấy. – Giọng tôi vang lên mạnh mẽ, mạnh mẽ hơn tôi nghĩ nhiều.

Tôi ngạc nhiên thấy Maud lùi lại.

- Ông Arise! – Mụ nói. – Hãy giết nó đi, như thế ít ra chúng ta cũng có gì đó để đưa cho...

- Im đi, mụ kia! – Arise nói và bước xuống cầu thang đi về phía tôi. Tôi vươn người lên thật cao. Mình thả chết còn hơn phải chịu khuất phục lão gù này, tôi thầm nhủ. Khi lão tới gần, tôi ngửi thấy mùi rượu, và tự an ủi mình rằng lão không cao như tôi vẫn nhớ.

- Mi đến đây làm gì? – Lão hỏi.

- Để tìm thứ mà ông cũng đang tìm. – Tôi đáp.

- Và đó là cái gì? – Lão cười khẩy hỏi.

- Bóng tiên. – Tôi đáp.

- Đừng nghe lời nó! - Maud nói. – Nó chính là Quỷ dữ đang tìm cách lừa chúng ta!

- Không phải. – Tôi nói, và nói thật rõ ràng. Tôi cất lời thay cho Hester, cho chị Joan và chị Danes. Tôi cất lời cho cha tôi và cho tôi, Coriander. – Chính các người mới nghe theo lời Quỷ dữ. Chính các người đã phạm tội sát nhân và lừa đảo, tất cả là vì lòng tham của các người.

Lão Arise cười, một tiếng cười trống rỗng không lấy gì làm vui vẻ, và giơ tay lên.

Tôi vẫn đứng vững. Tôi nói:

- Ông chính là con Quỷ duy nhất ở đây.

Đúng lúc đó, đồng bàn ghế lắc lư rồi đổ rầm xuống sàn. Cánh cửa dẫn ra sông bật mở. Bàn tay của lão Arise rơi thông xuống, lão lùi lại mấy bước và bám lấy cái lan can. Bởi vì kia, giữa đồng bàn ghế, là một con cá sấu khổng lồ, đáng sợ. Tôi đứng nguyên tại chỗ trong khi Maud chạy tới bên Arise, bám lấy lão và van xin lão làm một điều gì đó.

Lão dùng bàn tay thịnh nộ đập mạnh lên người mụ. Nhưng mụ vẫn không chịu buông ra.

- Xin hãy cứu tôi! – Mụ thét lên. Nhưng bàn tay cứu rồi vẫn nắm chặt cây đèn đang chao đảo, ánh sáng và bóng tối chiếu qua khuôn mặt khiếp hãi của hai người.

Tôi nhìn chúng đứng đó và cảm thấy sự căm ghét dâng lên. Tôi biết mình không có gì phải sợ con cá sấu. Nó đi vào tiền sảnh và dừng lại bên cạnh tôi, như thể nó đang đi tìm tôi vậy.

- Hãy làm đi! – Arise hét. – Giết nó đi, giết nó như mi đã giết Tarbett Purman ấy!

Con cá sấu chậm rãi quay đầu lại nhìn tôi. Tôi biết nó đang nghĩ gì và khẽ gật đầu. Con thú lao vùn vụt về phía cầu thang.

Maud đẩy Arise ra để trốn khỏi con thú và chạy thoát được lên cái chiếu nghỉ thứ nhất.

- Không! – Lão Arise thét lên. – Con bé kia!

Lão chỉ một ngón tay với cái móng dài ngoẵng về phía tôi. Con cá sấu vẫn tiến tới phía lão. Tôi đi theo sau nó.

Con cá sấu túm được cổ chân lão.

Arise buông ra một tiếng thét kinh khủng và cố kéo chân ra.

- Hãy đến giúp ta! – Lão gọi với lên cầu thang.

Con cá sấu buông lão ra. Chiếc tất của Arise ướt đầm máu. Lão tập tễnh đi lên cầu thang và đẩy Maud sang một bên để vào buồng cha tôi, cuống cuồng lục tìm chùm chìa khóa. Maud lạch bạch chạy theo lão, nhưng Arise đóng sập cánh cửa trước mũi mụ và khóa chặt nó lại.

- Cho tôi vào! – Maud gào thét và đấm mạnh cánh cửa.

- Không, mụ kia. – Arise đáp. – Ta không cần biết chuyện gì xảy ra với mụ.

Maud quay lại nhìn tôi và rên rỉ:

- Rosmore sắp đến đây rồi, lúc ấy thì cả hai chúng mày sẽ xong đời.

Con cá sấu trườn về phía Maud. Mụ đứng sững lại ở đầu cầu thang.

Con cá sấu chỉ cần dùng những móng vuốt đầy vảy của nó xô một cái là cánh cửa buồng ngủ đổ xuống.

Căn buồng trống rỗng, chỉ có chiếc đèn. Lão Arise đã trèo lên bệ cửa sổ, bàn tay thịnh nộ đưa ra phía trước, bàn tay cứu rồi bám chặt lấy chốt cửa.

- Hãy tránh xa ta ra, đưa con của yêu tinh kia! Tránh xa ra!

- Tên ta là gì? – Tôi hỏi.

- Ann. – Lão trả lời.

Con cá sấu há miệng ra. Những chiếc răng sắc nhọn như dao của nó lóe sáng trong ánh trăng.

- Tên ta là gì? – Tôi hỏi lại.

- Coriander! – Arise thét lên, để rơi chùm chìa khóa xuống sàn. Lão đẩy mạnh những tấm kính đã nứt vỡ dưới sức nặng của lão. Với một tiếng rắc, cánh cửa sổ bật ra và lão truyền giáo rơi thẳng xuống dòng sông bên dưới.

Tôi chạy tới bên cửa sổ và nhìn xuống. Tôi không thấy gì ngoài làn nước sông đen ngòm. Tôi hết sức hy vọng rằng lão truyền giáo thế là xong đời.

Tôi nhặt cây đèn cùng chùm chìa khóa lên và đi theo con cá sấu xuống dưới nhà và vào phòng làm việc. Tôi mở khóa. Căn phòng này cũng rỗng không y như buồng ngủ ở tầng trên.

Con cá sấu đứng trước cái tủ bằng gỗ mun và lại há cái miệng khổng lồ ra. Tôi nhìn bộ răng ấy, đôi hàm trắng lóa ấy, và nhớ lại rõ ràng cái lần tôi phải thò tay vào đó lấy chiếc chìa khóa của cái tủ gỗ mun để có thể được đi đôi hài bạc.

Tôi biết mình phải làm gì. Tôi quỳ xuống. Ánh sáng của cây đèn chập chờn rồi tắt ngấm, tôi cảm thấy làn gió lạnh buốt phả ra từ đôi cánh của con quạ lúc nó bay vào phòng, theo sau là Rosmore. Tôi đứng bật dậy. Hàm răng con cá sấu ngậm lại.

-Ồ, Coriander, vậy là chúng ta lại gặp nhau.

Rosmore khoác một chiếc áo choàng bụi bặm nom như được dệt bằng mạng nhện. Gương mặt mù thật độc ác và khắc nghiệt. Cronus đậu xuống cánh tay mù.

- Con chim xinh đẹp của ta, hãy xem chúng ta có gì ở đây nào?

- Một công chúa, không hơn không kém. – Con quạ đáp lại.

- Công chúa này giống ai nhỉ?

- Còn ai vào đây nữa. – Con quạ lại đáp. – Công chúa Eleanor, con ghẻ của lệnh bà.

- Ôi, đúng là con chim tinh khôn của ta. – Mụ thì thầm. – Hãy cho ta biết ta nghĩ gì về công chúa Eleanor nào.

- Công chúa đã trái lời lệnh bà và chạy theo một tên người trần.

- A! – Mụ nói. – Ta thật đau lòng khi phải nhớ lại chuyện ấy. Nhưng giờ những sai trái cô nàng gây ra có thể được sửa chữa lại nhờ cô con gái. Lại đây, nhóc con, trả lại ta vật thuộc về ta.

Trong khi mụ nói, nửa với tôi, nửa với con quạ, tôi nhìn thấy một bóng người sau lưng mụ. Như một con chuột cống khổng lồ bước vào từ cánh cửa dẫn ra sông, đó chính là Arise, người ướt lướt thướt, chiếc kính xanh đã rơi mất, để lộ ra đôi mắt nhợt nhạt có màu như vảy cá.

Con quạ kêu lên một tiếng to và Rosmore quay phắt lại, Arise quỳ sụp xuống khi một tia chớp xanh bắn ra từ bàn tay của mụ.

- Người đã không giữ đúng lời hứa. – Rosmore nói. – Lòng tham vô đáy đã khiến người mù mắt.

- Tôi không biết rằng bị nhốt trong rương mà con bé lại không chết.

- Đồ ngu! – Mụ cất tiếng cười. – Người đã dám liều lĩnh làm trái ý ta. Người tưởng người có đủ khôn ngoan để qua mặt hoàng hậu của các vị tiên. Ta đã cảnh cáo người là không được xía vào những việc mà người không hiểu rõ kia mà!

Một tia chớp xanh nữa giáng lên người lão, nhấc lão lên khỏi sàn nhà và quay lão vòng vòng trong không khí, nước sông nhỏ xuống từ cái áo khoác đen bóng của lão.

Maud định lên trốn lên gác xép. Nhìn thấy mụ, Rosmore lại cất tiếng cười.

- Xin đừng! – Maud rên rỉ. – Xin đừng làm gì tôi!

Đúng lúc ấy con cá sấu mở miệng ra. Tôi quỳ xuống và nhanh chóng lôi từ những chiếc răng của nó ra tấm tờ óng ánh bạc – cái bóng của mẹ tôi.

- Giỏi lắm, nhóc con. – Rosmore nói khi mẹ nhìn thấy vật tôi cầm trong tay.

- Xin hãy tha cho ông ấy! – Maud van vãn, tiến đến gần Rosmore và kéo chiếc áo choàng bằng tơ nhện của mẹ. – Chúng tôi không đáng bị như thế này. Xin tha cho ông ấy và chúng tôi sẽ đi khỏi đây.

- Im ngay! – Rosmore ra lệnh. – Ta không cho phép kẻ nào đùa giỡn với ta. Ta đã nói trước cho các người biết điều gì sẽ xảy ra nếu dám trái lời ta.

- Tôi chỉ dám ước là bà đừng bẻ gãy xương ông ấy. – Maud lại nói.

- Lại một điều ước nữa! Ồ, một ân huệ! Chẳng phải ta đã bảo người hãy cẩn thận với những điều ước hay sao? – Rosmore lại cười lớn. – Nó có thể trở thành sự thật đấy. Người muốn lão gù chứ gì? Được thôi, người sẽ có lão.

- Không! – Arise thét lên. – Mẹ ta không muốn thế đâu!

Những tia sáng màu xanh lục phát ra từ bàn tay của Rosmore, xoay vòng và cuộn quanh Arise đang bị treo lơ lửng trong không khí. Tay lão bám lấy những sợi ánh sáng và lão rơi xuống như đang ở trên giá treo cổ tại Tyburn vậy. Thân thể lão co giật và quằn quại hồi lâu. Cuối cùng lão nằm cứng đờ ra.

Tôi biết Arise Fell đã chết.

Maud cứ thét và thét mãi.

- Im đi, mẹ ngựa già! – Rosmore quát. – Im đi, nếu người không muốn đi gặp lão.

Maud đứng nhìn cái xác trên sàn nhà và đưa nắm tay béo mạp của bà ta lên miệng.

Rosmore quay sang tôi và thì thầm với Cronus:

- Hãy bảo con bé đi, con chim xinh đẹp của ta, hãy bảo nó đưa vật ấy cho ta. Hãy bảo nó đi.

Tôi nhìn chiếc bóng trong tay mình và ngắm ánh bạc đang ngấm vào da tôi và tan biến đi. Tôi thấy con quạ đang chậm rãi đập đôi cánh rộng của nó, và thấy một con cá sấu nhỏ bé xíu nằm trên sàn.

Tôi nói, giọng như từ xa xôi vọng lại.

- Đây là chiếc bóng của mẹ ta. Nó thuộc về ta.

Căn buồng bắt đầu mờ nhạt đi. Rosmore biến thành một tấm màn mỏng. Tôi chỉ còn nghe được tiếng mẹ đang rút lên:

- Ta sẽ giết ngươi! Ngươi không thể trốn thoát được đâu!

Giọng nhỏ dần đi và biến mất. Tôi cảm thấy như một con chim đang nhìn từ trên cao xuống thành phố bên dưới, đầu tiên là căn nhà ở phố Thames, sau đó là toàn bộ thành phố London cũng mờ dần rồi biến mất, và tôi biết giờ tôi đang ở đâu.

Vậy là phần truyện thứ năm của tôi đã được kể lại, và cùng với nó, một ngọn nến nữa đã tắt.

Phần cuối

28. Đêm của cáo

Tôi thấy mình đang đứng đơn độc giữa rừng, dưới làn mưa tuyết, một ánh sáng xanh kỳ lạ chiếu qua những thân cây đang tối sẫm lại. Tôi biết nơi này quá rõ. Tôi đã mơ thấy nó biết bao lần từ khi quay trở lại phố Cầu. Đây là nơi con cáo sẽ bị giết chết.

Tôi nghe thấy tiếng tù và của những người đi săn, và tôi bỏ chạy. Tôi lại rơi vào cơn ác mộng ấy, nhưng tôi biết lần này sẽ không có chuyện tỉnh dậy nữa.

Ôi, tôi đã chạy bao lâu không biết nữa! Tôi trượt, tôi vấp, tôi ngã lăn ra, đứng dậy và lại chạy tiếp cho đến khi kiệt sức, không thể đi xa hơn nữa. Hơi thở tôi như khói bốc lên từ một cái nồi đang sôi. Tôi đứng đó, tê liệt vì sợ hãi, mắt nhắm nghiền, hy vọng rằng tôi lại chỉ là một ánh sáng xanh như trước, nhưng trong thâm tâm tôi biết điều đó là không thể.

Tôi run bắn lên vì sợ khi cảm thấy hơi thở nóng hổi của một con ngựa phả lên cổ. Tôi kinh hãi mở mắt và thấy con bạch mã của Tycho đang đứng sau lưng. Cảm giác nhẹ nhõm tràn ngập người tôi, nhưng cảm giác đó kéo dài không lâu.

Đám thợ săn lại hú lên, âm thanh ấy lao tới, từ gốc cây này sang gốc cây khác, vang vọng giữa khu rừng buốt giá. Họ đang ở phía trước hay phía sau tôi? Không kịp suy nghĩ thêm, tôi túm lấy cổ bờm trắng lông lánh bạc của con ngựa và vất vả lắm mới trèo lên được lưng nó. Tôi chưa từng cưỡi ngựa bao giờ, chỉ sợ sẽ ngã nhào xuống. Như thế thấu hiểu nỗi lo sợ của tôi, con ngựa phi chậm lại cho đến khi tôi quen với nhịp bước của nó mới chuyển sang phóng nước đại. Tôi ráng hết sức bám chặt lấy tuấn mã.

Chúng tôi phóng qua cánh rừng và qua những đồng cỏ viền quanh bằng những hàng rào ô rô, nom như những món đồ khâu của chị Danes. Mũi tôi tuốt ra, tóc bay tung trong gió. Tôi tự cho phép mình quay lại phía sau chỉ một lần thôi để trông thấy hình bóng lơ mờ của đám thợ săn ở đằng xa.

Chúng tôi vẫn cứ phóng tiếp cho tới khi bạch mã dừng lại trên một đỉnh đồi. Từ chỗ này, tôi có thể nhìn xuống thung lũng phía dưới. Nổi bật trên những ngọn cây phủ tuyết là một tòa tháp. Gần đó có vài thôn xóm nhỏ, ôm lấy đường chân trời. Khói cuộn lên từ những ống khói. Sao mà tôi mong có thể được ngồi bên một bếp lửa an toàn và ấm áp đến thế!

Màn đêm bắt đầu buông xuống, mặt trăng hiện ra như một giọt lệ trên bầu trời. Cái lạnh thấm vào đến tận xương tôi. Những bông tuyết xoáy lộn đập vào mắt tôi, ngón tay tôi tê cứng. Tôi giật thót mình khi thấy một cỗ xe ngựa đen kéo bởi bốn con hắc mã, nhìn như một vết cắt xuyên qua bức tranh mùa đông trắng toát, đang hướng về phía tòa tháp. Cảnh tượng đó khiến tôi nôn nao trong dạ. Rosmore đang ở gần đây. Bạch mã như cảm nhận được nỗi kinh hoàng của tôi, nhanh chóng phi vào sau những gốc cây phủ tuyết trắng xóa như bạc dẫn đến một khu rừng rậm rạp, hoang vu. Tôi có thể nghe thấy tiếng sói hú, tiếng cú kêu, và tôi vùi mặt vào cổ bờm êm ái của con ngựa, tự an ủi mình bằng hơi ấm và cái mùi dễ chịu của nó.

Con ngựa dừng lại trước một túp lều xiêu vẹo. Nó cào cào đất vể giục già. Tôi tuốt xuống và đứng ngấm nơi ở tuềnh toàng, chẳng mấy chào đón này. Thấy tôi ngần ngừ, con ngựa khẽ đẩy tôi tới trước trong khi một đợt gió buốt giá cuốn tới một trận mưa tuyết nữa. Cái lạnh bây giờ cắt da cắt thịt đến nỗi rằng tôi va vào nhau lập cập và tay tôi như mất cảm giác khi tôi đẩy then

cửa. Tôi đứng ở ngưỡng cửa một lát, không nhìn thấy gì cả.

- Có ai ở đây không? – Tiếng gọi của tôi chìm vào bóng tối, và tôi gần như nhảy bật lên khi nghe thấy một tiếng rên khe khẽ đáp lại.

- Ai đó? – Tôi thì thào.

Ánh trăng rơi vào căn lều như thể cũng đang tò mò muốn tìm câu trả lời. Dưới ánh sáng bàng bạc ấy, tôi nhìn thấy con cáo bị thương đang nằm đó, một mũi tên cắm vào bên sườn, máu rỉ xuống sàn gỗ.

- Không! – Tôi kêu lên – Xin đừng để chuyện này xảy ra!

Tôi quỳ xuống bên con cáo và nắm lấy bàn chân nó. Tôi đã đến quá chậm. Con cáo đang hấp hối, cặp mắt nâu của nó đã mờ đục. Tôi vuốt ve bộ lông của nó, nước mắt ràn rụa trên mặt, và cảm thấy như mình đang bị nỗi đau khổ nhấn chìm. Tôi biết rồi cả tôi nữa, cũng như Tycho, sẽ bị Rosmose săn đuổi và giết chết.

Bởi vì cái gì? Một cái bóng với những quyền lực mà tôi không hiểu nổi. Liệu tôi có nên nằm xuống như một con cừu ngoan ngoãn và chết cùng với chàng hoàng tử cáo? Tôi cảm thấy tuyệt vọng. Tiếp tục chiến đấu mà làm gì? Tôi khóc nức nở, những giọt lệ lóng lánh bạc lặn trên má, thấm vào bộ lông đầm máu của con cáo. Tôi chìm trong nỗi đau đớn khôn tả vì những gì tôi đã mất, những thứ đáng lẽ ra tôi có thể giữ lại.

Tôi giật mình thức giấc, không rõ chuyện gì đã xảy ra. Tôi đang nằm cuộn tròn trên sàn, trên người phủ một tấm lông thú ấm áp. Ánh sáng mùa đông làn lạt chiếu vào qua những ô cửa chớp gãy nát và tuyết tạt vào căn lều trơ trọi. Tôi không nhìn thấy con cáo đâu, chỉ thấy mấy khúc xương nhỏ vương vãi. Nếu con cáo đã chết đêm qua, hẳn giờ nó phải ở đây chứ? Vậy mà lại không có gì cả.

Chẳng lẽ tất cả chỉ là một giấc mơ? Chuyện gì đã xảy ra vậy? Con cáo đâu? Bạch mã đâu? Tôi sợ hãi và cô đơn làm sao.

Người cứng đờ vì lạnh, tôi bật dậy đột ngột đến nỗi căn lều quay tít xung quanh tôi. Tôi đưa tay ra bám lấy một cái giá gỗ để đứng cho vững. Trong lò sưởi, một ngọn lửa nhỏ đang bập bùng cháy. Ai đã nhóm nó lên? Mũi tên mà tôi dám chắc là đêm qua đã cắm vào sườn của con cáo, giờ được dựng cạnh một đồng củi.

Tôi đứng sững lại khi nhìn vào chiếc giá bụi bặm. Tôi không hiểu mắt mình có nhìn nhầm không, bởi vì trên đó đặt một cái mặt dây chuyền hình trái tim bằng vàng nam kim cương rất đẹp và tinh xảo. Tại sao một vật lông lầy như vậy lại bị bỏ rơi ở đây thì tôi không rõ. Ai có thể bỏ lại một mặt dây chuyền như thế?

- Ta biết em sẽ đến. – Tôi nghe thấy một giọng dịu dàng cất lên sau lưng. – Ta biết rằng một ngày kia ta sẽ được gặp lại em, rằng em sẽ quay trở lại và cứu ta.

Tôi quay phắt lại và kia, đứng ở ngưỡng cửa là một chàng trai trông cũng hoang dại chẳng khác gì một con thú, mái tóc dài và bộ râu che kín gần hết khuôn mặt. Quần áo chàng rộng thùng thình trên thân hình gầy guộc như thể chúng là của người khác.

- Coriander, bộ quần áo cải trang của em không đánh lừa được ta, vậy mà em lại không nhận

ra ta sao? – Chàng hỏi.

Tôi chăm chú nhìn chàng. Giọng nói ấy tôi nhận ra, cặp mắt nâu ấy tôi biết rất rõ.

- Tycho? – Tôi lên tiếng, mặc dù không tin tưởng lắm vào lời nói của mình.

- Phải. – Chàng đáp và bước vào phòng. Chàng cử động tựa như thân thể này là của một người lạ chứ không phải của chàng vậy.

- Em không hiểu. – Tôi nói. – Đêm qua chàng còn là một con cáo bị thương với một mũi tên cắm vào sườn kia mà.

- Coriander, ta đã phải mang lột cáo kể từ khi ta từ chối không chịu kết hôn với Unwin. Đó là lời nguyện của Rosmore. Ta trốn ở đây, trong căn lều của ông Medlar.

- Medlar ư? Vậy là chàng quen ông ấy?

- Rất quen là đằng khác, Medlar đã đem hy vọng đến cho ta, bởi vì ông ấy luôn đoán chắc rằng em sẽ quay lại cùng chiếc bóng. Mỗi ngày qua, với niềm hy vọng ấy trong tim, ta lại cố gắng chiến đấu để sống sót, chờ đợi em đến.

- Em mong là có thể đến sớm hơn, nhưng không được.

- Ta đã ngăn em ngủ, và tự hỏi làm sao mà những giọt nước mắt óng ánh bạc của em lại có thể làm lành vết thương của ta được. Ta chỉ có thể nghĩ rằng em đã đem chiếc bóng trở lại. Có đúng vậy không?

Tôi gật đầu.

- Cảm ơn em. – Tycho nói, và chàng bước tới để chạm vào người tôi. Tôi lùi lại.

- Tha lỗi cho ta. – Chàng nói, đầu cúi gằm. – Hẳn bề ngoài của ta làm em ghê sợ.

- Không. – Tôi đáp. – Không phải vậy đâu. Em chỉ choáng váng vì thấy chàng như thế này. Em đã nghĩ là nếu em đem chiếc bóng trở lại thì tất cả ổn thỏa.

- Chỉ khi Rosmore chết đi thì lời thề mới hết tác dụng.

Tôi lấy làm hổ thẹn vì phản ứng của mình. Đúng là nhìn chàng không giống như xưa nữa, nhưng chàng vẫn là người như tôi nhớ, và tôi nghĩ đến tất cả những gì chàng đã phải trải qua. Hẳn chàng phải cảm thấy cô đơn và bị ruồng bỏ biết bao khi phải ẩn nấp ở đây, chỉ có con bạch mã làm bạn.

Chàng đến bên chiếc giá gỗ, nhặt chiếc mặt nạ dây chuyền hình trái tim bằng vàng và mở nó ra. Một tiếng nhạc du dương tràn ngập căn lều, êm ái như một bài hát ru. Thật lạ lùng khi nghe bản nhạc ấy ở một nơi trống trải và lạnh lẽo thế này, nó làm tôi nhớ tới mẹ và ngôi nhà của chúng tôi bên sông Thames, trước khi thế giới của tôi bị đập nát.

- Em nhìn xem. – Tycho nói, chỉ cho tôi thấy một bức tranh nhỏ xíu, nom như một dấu ngón tay cái, lồng trong trái tim bằng vàng. – Đây là chân dung của em. Nó chẳng xứng với em. Em

xinh đẹp hơn thế nhiều. Đôi mắt em trong xanh như nước suối nguồn vậy.

- Nhưng chàng lấy nó ở đâu? Tại sao lại có người biết được em trông như thế nào?

- Ông Medlar đã theo em về. Ông ấy biết cách.

Tôi đến bên chàng và nắm cả hai tay chàng.

- Em rất sung sướng được gặp lại chàng, với cả trái tim mình.

Chàng quay lại nhìn tôi.

- Từ khi chúng ta gặp nhau, ngày nào ta cũng nghĩ đến em.

- Em cũng vậy, và em vẫn thường ước mong sẽ được gặp lại chàng. – Tôi nói, mặt đỏ bừng.

- Nhưng không phải là với bộ dạng thế này chứ! – Chàng nói thêm và cười to.

- Rosmore đã quay lại. Tối qua em đã trông thấy cỗ xe của mẹ.

- Nếu vậy thì chúng ta phải đi khỏi đây ngay.

Chàng đi ra cửa lều và khẽ huýt lên một tiếng sáo dài.

Không thấy động tĩnh gì. Không có con bạch mã nào xuất hiện. Chàng lại gọi lần nữa. Bên kia những cánh đồng phủ tuyết, tất cả đều im lìm như cái chết. Cả cơn gió cũng đông cứng lại. Có chuyện gì đó không ổn.

- Coriander! - Tycho hét lên. Chàng sập cánh cửa lại và lao đến bên tôi, kéo tôi chúi xuống sàn. Cùng lúc ấy, con quạ bay vút tới ô cửa chớp làm nó gãy tan ra thành từng mảnh và bổ nhào xuống đầu chúng tôi, bộ vuốt góm ghiếc xò ra. Tycho lăn tới che chắn cho tôi trong khi Cronus lại sà xuống, móng vuốt của nó xé toạc chiếc áo của chàng. Tycho đánh vào con chim bằng hai bàn tay không. Thế rồi, chỉ với một cái đập cánh, con quạ đã biến đi.

- Chàng bị thương rồi. – Tôi nói, khẽ chạm vào cánh tay chàng. Một tia sáng ánh bạc mỏng manh như tơ phát ra từ ngón tay tôi, và vết thương biến mất. Tim tôi đập mạnh. Tôi sợ. Tôi thực sự sợ.

- Chuyện gì đang xảy ra vậy? – Tôi hỏi.

- Em không phải sợ gì hết, Coriander ạ. – Tycho nói. – Chiếc bóng là của em. Nó đang ở trong em và không ai có thể lấy nó đi được nếu em không cho phép.

Chàng nhặt một cây gậy lên và hé mở cánh cửa ra.

- Chàng định làm gì vậy?

- Chúng ta phải chạy trốn thôi.

- Không! – Tôi nói, kéo chàng trở lại. – Nhìn kìa!

Tôi nhìn vào lò sưởi và thấy những ngọn lửa đang đứng thẳng đuồn như trong một bức tranh. Tôi nhớ đã từng thấy chuyện này, khi tôi gặp Rosmore lần đầu trên cầu London. Tôi chắc chắn mục đang ở rất gần đây.

Tycho đóng cửa lại và thận trọng đến bên cửa sổ. Bên ngoài vọng vào tiếng thở phì phò và tiếng hí đến từ đám ngựa của toán thợ săn đông như kiến.

- Các người tưởng có thể chạy thoát được ư? Hãy nghĩ lại đi! – Con quạ quàng quạc nói, át cả tiếng đàn chó sủa ầm vang.

Chúng tôi ngồi dựa lưng vào vách lều, Tycho vẫn nắm chặt cây gậy trong tay.

- Ra ngay nếu không ta sẽ thả chó ra cho chúng xử các người đấy! – Cronus lại rít lên.

Tycho nhìn tôi, mắt chàng quắc lên vì giận giữ. Tôi bám chặt lấy chàng, sợ chàng sẽ làm điều gì liều lĩnh. Hai tên thợ săn khổng lồ bước tới ngưỡng cửa căn lều. Không còn đường thoát nữa. Tycho đứng dậy và lao về phía chúng, hòng bảo vệ tôi. Chúng đánh chàng và ném chàng bay ngang qua căn phòng.

Tôi chạy tới nơi chàng ngã và chạm vào mặt chàng. Một lần nữa, tôi lại thấy ánh sáng từ tôi truyền sang cho chàng. Chàng gượng đứng dậy.

- Các người làm gì ở đây? – Chàng hét, lao ra đứng chắn trước mặt tôi.

- Bọn ta không cần mi. – Một tên thợ săn lạnh lùng đáp! – Chúng ta muốn con bé kia. Giờ hãy tránh ra trước khi ta phải hạ thủ.

- Em xin chàng, Tycho! – Tôi kêu lên. – Xin chàng hãy làm theo lời chúng!

Tên thợ săn đẩy chàng ra, nhưng Tycho không chịu đầu hàng, cho đến khi tên thợ săn phải túm chặt lấy chàng trong vòng tay hộ pháp của hắn. Tên kia thì nhắc tôi lên như thể tôi chỉ là một con búp bê bằng vải vậy.

- Chúng ta làm gì với hắn đây? – Tên thợ săn hỏi và thụi vào sườn Tycho một cú.

- Đem hắn theo. – Tên thợ săn đang giữ tôi nói. – Khi hắn hóa lại thành cáo, chúng ta sẽ có thêm trò giải trí đấy.

29. Ánh sáng của chiếc bóng

Trời đã gần về trưa khi chúng tôi bị đem tới tòa tháp. Đó là một nơi tối tăm và đầy vẻ hăm dọa, một nơi mà mặt trời cũng không muốn rọi tới. Tôi nhận ra nó đã được vẽ trong bức chân dung của mẹ. Một cảm giác kinh hoàng ớn lạnh bao trùm lên tôi.

Tòa tháp cao, rất cao, được xây bằng đá đen và không có cửa sổ. Vùng đất quanh nó trống trơn. Ngay cả các loại cây cũng được giữ một khoảng cách thật xa, vì không thứ gì mọc được trên mảnh đất băng giá này.

Toán thợ săn và đàn chó vây quanh ngọn tháp. Chúng lôi Tycho ra một bên và trói chàng vào một cây cọc. Tôi thì bị kéo xềnh xệch tới cửa vào tháp.

- Không! – Tycho gào lên, giãy giụa như một con thú hoang, cố thoát ra. – Hãy để nàng yên! Hãy đem ta đi thay cho nàng! Hãy để nàng lại.

Tên thợ săn quát roi đen đét.

- Im đi, con cáo kia! – Hấn quát, đẩy tôi vào trong và sập cánh cửa sau lưng tôi lại.

Sự im ắng ở cái nơi tối tăm, ẩm thấp này thật quá sức chịu đựng, và tôi thấy như những bức đá kia đang hút hết hơi ẩm trong người tôi. Một ánh sáng xanh lục ma quái lơ lửng trong không khí, chiếu sáng một chiếc cầu thang đã bị mòn vẹt vì chân người. Tôi dám chắc rằng bất kỳ ai đã đi lên cái cầu thang ấy cũng đều đi như tôi, với một trái tim trĩu nặng, và bước chân còn trĩu nặng hơn.

Ở đầu cầu thang là một cánh cửa gỗ sồi tự kéo kết mở ra như đã đợi sẵn. Tôi bước vào một căn phòng hình tam giác, trần nhà vút lên thành một điểm nhọn. Nó được làm hoàn toàn bằng những tấm kính nhỏ màu xanh lục. Tôi cảm thấy như mình đang ở dưới đáy nước sâu.

Hoàng hậu Rosmore ngồi trên chiếc ghế trang trí công phu, hai bên được chạm trổ thành hình một đôi cánh gỗ khổng lồ. Trong chiếc áo dài màu tím và khăn quàng bằng lông quạ, nom mụ như một con chim kỳ quái không biết bay. Trong tay mụ là chiếc gương, còn đầu bên cạnh mụ là con quạ đang nhìn tôi chăm chú.

Tôi cố đứng vững và lấy lại hơi. Tôi đang run rẩy vì lạnh và sợ hãi, đôi cõn cào đến nỗi đôi mắt bắt đầu chơi khăm tôi bởi dường như tôi thấy vô vàn hoàng hậu Rosmore tiếp nối nhau, kéo dài tới vô tận.

- Ta phải đợi ngày này quá lâu rồi. – Mụ nói, vuốt ve đầu con quạ. – Phải vậy không, con chim xinh đẹp của ta? Quá lâu rồi.

- Quá lâu rồi. – Cronus nhắc lại.

- Tôi thì có liên quan gì đến những việc này? – Tôi hỏi, hai chân run lấy bầy.

Rosmore cười vang, gương mặt mụ, với những nét sắc nhọn như dao, trở nên rõ ràng khi mụ cúi sát về phía tôi.

- Có liên quan gì ư? Chẳng lẽ mẹ ngươi chưa bao giờ nói cho ngươi hay sao? Ta có nên nói cho ngươi biết không nhỉ?

- Ồ, xin hoàng hậu hãy nói đi! – Con quạ khàn khàn kêu lên.

- Là thế này, Coriander ạ. Cách đây đã lâu lắm rồi, rất lâu trước khi người ra đời, ta nghe nói rằng ông ngoại nhà người, vua Nablus, có một cô con gái được sinh ra với chiếc bóng làm bằng ánh sáng vĩnh cửu. Ôi chao, Cronus, Coriander đang không hiểu gì kìa! Người có biết một cái bóng như vậy hiếm có đến thế nào không? Đó là món quà quý nhất mà một vị tiên có thể có được, và ta biết nó phải được dành cho ta, chứ không phải là cho một con bé khốn nạn, thảm hại, sẽ không bao giờ hiểu được ý nghĩa của nó.

- Tôi vẫn không hiểu gì cả. – Tôi nói.

- Ta không lấy làm lạ. – Rosmore nói. – Đúng là mẹ nào con nấy. Chiếc bóng đó chứa đựng cái đẹp. Nó chứa đựng chính cuộc sống này. Nó chứa đựng quyền lực, một quyền lực to lớn không kể xiết. Nếu có nó, ta sẽ là bá chủ cả thế giới!

Đúng vậy. – Cronus quàng quác. – Và chúng ta đã có một kế sách. Hoàng hậu đem một món quà tới dâng cho vợ của vua Nablus. Than ôi, chỉ một tuần sau, bà ta đã là đời.

Rosmore đặt tay lên ngực trái.

- Thật đáng buồn! – Mụ nói.

Tôi lùi ra xa. Tôi bất chợt nhớ lại cái ngày mẹ tôi đổ bệnh, cái cách bà ngã xuống, những hạt ngọc trai nhảy nhót trên sàn nhà, đôi cánh quạ đập vỡ tấm gương. Chính là Cronus! Tôi hỗn hển như vừa bị một cú đánh mạnh. Rosmore đã gây ra cái chết không chỉ của mẹ tôi mà cả của bà ngoại tôi nữa.

- Ông ngoại đáng thương của người, chỉ còn lại một mình với đứa con mới chào đời, đã hết sức đau khổ. Không khó khăn gì để thuyết phục đức vua đang đau buồn kết hôn với ta và để cho ta bao bọc công chúa Eleanor, con gái của người. – Mụ cười. – Con bé mới dịu dàng và nhạy cảm làm sao! Ôi, sao mà ta thích thú đến thế khi biến cuộc sống của nó trở nên khốn khổ! Ta đã phù phép để nhà vua không nhìn thấy điều gì sai trái cả.

Rosmore nâng chiếc gương và quay nó về phía tôi. Khi mụ làm vậy, tôi khụy xuống, ôm chặt lấy bụng.

- Sao bà có thể độc ác đến vậy! – Tôi nói.

Như có một bàn tay vô hình đang kéo ruột gan tôi, và tôi kinh hoàng nhìn dải tơ bạc của chiếc bóng đang bị kéo ra khỏi người tôi vào trong bóng tối của chiếc gương. Nó lơ lửng trong không khí giữa tôi và Rosmore. Mụ đưa cái gương lại gần hơn.

- Con bé ngu ngốc! Ta đã chờ đợi một cơ hội tốt để dùng cái gương này bắt lấy chiếc bóng, đã chờ đợi cho đến khi Eleanor bằng tuổi người bây giờ. Nó tưởng rằng có thể đánh lừa được ta và chạy trốn, nhưng lần này thì cái bóng sẽ về tay ta. Người sẽ không trụ vững được đâu. Thậm chí chỉ thử thôi, người đã là con ngốc rồi. – Và mụ khễ gõ ngón tay lên ghế. – Nhưng nếu người muốn chịu đau đớn thì cũng được thôi. Ta đã đợi quá lâu rồi, đợi thêm chút nữa cũng chẳng sao.

- Bà đang làm gì vậy? – Tôi hỗn hển. Con đau cực độ choán lấy tôi khi chiếc bóng bị kéo ra.

- Lấy cái lẽ ra phải thuộc về ta.

Tôi nghĩ nên gọi chuyện cho mẹ tiếp tục nói, vì khi mẹ nói tôi cảm thấy cơn đau dịu đi.

- Cái bóng ở một đứa trẻ chỉ là một thứ hay thay đổi thất thường. Chiếc bóng phải được trưởng thành để có thể phát huy hết mọi quyền lực của nó. Ta đã định bắt mẹ người thành hôn và sẽ cướp lấy nó trong đêm tân hôn.

Tôi thấy mình đang yếu đi, nhưng tôi vẫn gắng gượng thốt lên:

- Cái gì đã làm hỏng kế hoạch của bà?

Rosmore ngừng gõ ngón tay và cúi về phía trước, gương mặt mẹ nhăn nhúm vì giận dữ.

- Eleanor, Eleanor. Ta phát ốm lên vì phải nghe cái tên ấy. Con bé tưởng đã qua mặt được ta. Lấy một tên người trần, chạy đến London, trồng vườn, chăm sóc người ốm! – Mẹ cười khẩy. – Và hãy xem điều đó đã đem đến cho nó những thứ tốt đẹp gì? Nó bị coi là một mẹ phù thủy, một mẹ đàn bà biết phù phép. Nó đã gặp cái kết cục xứng đáng.

- Chính bà đã giết mẹ tôi!- Tôi hét

- Nếu đúng thế thì sao? Mẹ người nghĩ có thể giữ lại chiếc bóng. Nó đã cất chiếc bóng trong một cái hộp bạc chì để ta không tìm thấy được. Kể ra cũng thông minh đấy, vì chúng ta không nhìn xuyên qua chì được.

- Hãy để cho tôi đi! – Tôi kêu lên.

- Không. Người sẽ chết, cũng như mẹ người, nhưng trước hết ta phải lấy được cái bóng đã. Người có muốn biết làm sao ta lại tìm ra người không?

- Không! – Tôi hét.

- Chính Medlar. Rosmore tiếp tục. – Medlar nói cho nhà vua biết ông ta có một đứa cháu gái và Cronus đã nghe được, phải vậy không, con chim xinh đẹp của ta?

- Đúng vậy. – Con quạ đáp.

- Nhà vua đã ra lệnh khâu một đôi hài bằng bạc cho cô công chúa nhỏ của ông ta.

- Cái gì? – Tôi kêu lên. – Chính là đức vua sao?

- Ông người đó. Người biết người là ai mà. Người nghĩ là ta lại phải bận lòng vì một kẻ trần tục hay sao? Ta đã phù phép cho chúng với một lời nguyện. Ta đến gặp người ở cầu London. Ta tò mò muốn biết con gái của Eleanor ra sao. Người giống hết mẹ người. Một kẻ yếu đuối, một cánh bướm dễ gãy.

Suốt lúc mẹ nói, tôi cố hết sức giữ chiếc bóng lại trong người mình. Tôi sợ mẹ sẽ kéo mạnh hơn, nếu vậy thì chắc tôi chết mất.

- Hãy đầu hàng đi! - Mẹ ra lệnh. – Đầu hàng đi! Sẽ dễ chịu hơn nếu người làm vậy.

Tôi nằm co rúm lại vì đau đớn, và rồi bỗng nghe thấy giọng mẹ tôi nói, nhẹ nhàng và bình thản, như một tia nước mát làm thỏa cơn khát cháy họng: “Coriander, con vẫn có chiếc bóng. Hãy giữ vững. Mẹ ta không thể lấy được nó nếu con không cho phép.”

Tôi ngẩng đầu lên nhìn Rosmore. Tôi nhìn thấy đôi môi mẹ mở ra như một vết thương đang há miệng, nhưng không có âm thanh nào bay ra. Tôi không biết mẹ là cái gì, nhưng tôi căm thù mẹ vì mẹ đã giết mẹ tôi, phá hoại hạnh phúc của chúng tôi, chỉ vì lòng tham đáng khinh của mẹ.

Tôi càng nghĩ như vậy thì cơn đau ngày càng dữ dội, và tôi đã có thể đứng dậy. Tôi đứng lên và thấy ánh sáng bạc đang ngấm trở lại vào người mình.

Rosmore tiến tới.

- Đừng có làm thế. – Mẹ nói, giơ tấm gương tối đen lên.

“Tấm gương, Coriander!” – Giọng mẹ tôi vang lên. – “Tấm gương.”

Cảm thấy can đảm hơn rất nhiều, tôi giơ tay ra cướp lấy nó. Những tia sáng bạc lóe ra từ ngón tay tôi và rồi, với một động tác mau lẹ, tôi giật tấm gương ra khỏi tay Rosmore và thấy chiếc bóng quay trở lại với tôi.

Giờ tôi đã có được quyền lực cần thiết, và tôi biết ngay mình phải làm gì. Tôi quay tấm gương về phía Rosmore. Mẹ giật mình nhưng nhanh chóng trấn tĩnh trở lại.

- Người nghĩ người có thể đánh bại được ta sao? Ta sẽ cho người thấy. Ánh sáng ban ngày, hãy tắt đi! – Mẹ ra lệnh. – Hãy để tên hoàng tử lại hóa cáo!

Mẹ giơ tay lên và lập tức bầu trời tối đen lại như ban đêm.

Con quạ rời chỗ đậu của nó và lượn vòng lên cao, cao hơn nữa, cho tới tận đỉnh tháp nhọn bằng kính. Rồi nó bổ nhào xuống tôi. Tôi đưa tay lên che mặt để tránh khỏi những móng vuốt của nó. Một lần nữa, tôi lại thấy tia sáng của chiếc bóng lóe lên. Nó đánh trúng con quạ và ném nó xuống sàn đá.

- Cronus xinh đẹp của ta! – Rosmore kêu lên. Mẹ quay sang tôi. – Con bé đáng nguyên rủa kia. Ta sẽ giết người vì việc này!

Thời gian dường như trôi chậm lại. Tôi nghe thấy tiếng rít của Rosmore, tôi nhìn thấy con quạ, một cánh xòe ra, đang đi tập tễnh trên sàn. Tôi để cho người mình tràn ngập mọi nỗi giận dữ, mọi nỗi khổ nhục, mọi nỗi đau đớn vì tất cả những gì đã xảy ra với tôi. Nó từ từ dâng lên như một quả cầu nhồi chặt và nó tràn lên bề mặt, xuyên qua tấm gương, rồi như một mũi tên rời khỏi cung, lao vút thẳng tới Rosmore.

Mẹ ta thét lên khi nó nhằm trúng mẹ, ném mạnh mẹ vào các bức tường bằng kính khiến chúng nứt rạn, để cho hàng đợt gió lạnh buốt ào vào.

- Không! – Mẹ gào lên và đưa tay ra, cố sức chống lại quả cầu đầy tia sáng bạc chói lọi. Tôi vẫn đứng vững. Tôi tin vào sức mạnh của mình. Tôi vẩy ngón tay và ánh sáng lại bùng lên.

Tiếng thét của Rosmore như đâm xuyên qua không khí khi mẹ văng qua những tấm kính vỡ

nát, tha hồ tìm kiếm trong tuyệt vọng một đôi cánh, chẳng có đôi cánh nào ở đó cho mục cả. Tôi chạy đến bức tường đã tan tành và thấy mục rơi thẳng xuống đất, rồi nổ tung như một cây pháo hoa khổng lồ, làm bắn lên những tia lửa xoáy tròn hồi lâu trước khi tan biến đi.

Đàn ngựa chồm lên kinh hoàng khi lời bùa chú của Rosmore cuối cùng cũng biến mất, và trước mắt tôi, những tên thợ săn cùng đàn chó biến thành những con quạ bay thẳng lên bầu trời, đuổi theo cái đuôi đen sì của màn đêm. Tôi buông cho tấm gương rơi xuống và thấy chất lỏng chứa trong nó chảy tràn ra sàn nhà.

Trong khi tôi chạy xuống cầu thang, Cronus đập đập cánh như không bay nổi, rồi với dáng vẻ tập tễnh, nó cất cánh và bay qua bức tường kính vỡ nát.

30. Ngọt ngào và cay đắng

Tôi nghe thấy tiếng Tycho gọi tên tôi. Tôi lao xuống cầu thang hai bậc một lúc, nóng lòng được nhìn thấy chàng. Tôi gần như nghẹt thở khi thấy chàng đã trở lại như trước, tuần tú biết bao!

- Coriander, em nhìn này, lời nguyền đã thực sự bị phá bỏ. – Chàng hân hoan nói. – Ta lại là ta. Mọi việc sẽ trở lại như cũ. Rosmore đã chết. Em nhìn xem, mùa xuân không cần đợi ở cánh gà để được xuất hiện nữa. Nó đang ở chính giữa sân khấu rồi. Đây mới chỉ là bắt đầu. Đây chính là sự hồi phục!

Chàng nhắc tôi lên và chúng tôi cùng xoay tròn.

Con bạch mã đi đến và giụi mõm vào cổ Tycho. Chàng cười lớn, vuốt ve cổ bờm của nó rồi nói:

- Cả hai chúng tôi đều biết em rất can đảm.

- Nhưng vẫn còn nhiều điều em chưa hiểu. – Tôi nói. – Tại sao mẹ em lại không biết về quyền lực của chiếc bóng? Nó đã có thể cứu được bà.

Tycho thở dài.

- Ông Medlar kể với ta rằng bà đã bị Rosmore vùi dập đến độ bà coi nó như một gánh nặng kinh khủng. Bà không muốn giữ nó, nhưng cũng không muốn để Rosmore có nó vì đã biết quá rõ bản chất của mục. Mẹ em chỉ muốn hoàn toàn thoát khỏi cái bóng.

- Nó đã ngấm vào dưới da em. – Tôi nói.

Tycho quàng tay ôm lấy tôi.

- Nó được dành cho em, ta chắc chắn như vậy.

Tôi ngả đầu vào chàng.

- Giờ thì sao đây? Tôi hỏi.

- Hãy về nhà với ta. Ta sẽ cho em thấy thành phố của ta. Nó có một con sông xanh như ngọc chảy qua.

- Và, - tôi thì thầm, - có các nhân ngư đẩy thuyền từ bờ bên này sang bờ bên kia. Có một cây cầu bắc qua sông, trên cầu là những ngôi nhà được sơn sặc sỡ.

- Sao em biết?

- Cha em có một bức chân dung, phía sau ông là một thành phố như thế.

- Gia đình ta sống trong một cung điện bên sông. Ôi, Coriander, còn bao nhiêu điều kỳ diệu về thế giới này hơn là những gì em thấy trong bức chân dung nhỏ ấy. Giờ Rosmore đã chết, nơi này trở lại thời hoàng kim trước kia. Ta muốn chỉ cho em những ngôi nhà rực rỡ, tươi sáng và những thương gia buôn các loại vải vóc mà mắt trần chưa từng thấy. Ta muốn đưa em tới chợ của yêu tinh, dạo chơi xuôi dòng sông trên con thuyền do nhân ngư kéo, thả hồn theo những bài hát du dương và câu chuyện của các nàng tiên cá. Ta hứa với em cùng tất cả trái tim mình rằng ta sẽ yêu thương và chăm lo cho em mãi mãi. Đừng đi. Hãy ở lại đây. Em thuộc về nơi này.

Tôi muốn đi cùng chàng. Tôi khao khát điều đó hơn bất cứ thứ gì, và trong một khoảnh khắc, một khoảnh khắc ngông cuồng, tôi đã nghĩ rằng mình có thể đi cùng chàng. Nhưng rồi tôi nhớ tới những gì tôi đã bỏ lại phía sau. Không lạ lùng sao? Tôi đang ở đây. Tôi đã mong được gặp lại Tycho. Giờ đây mọi ước mong bỗng như trái đắng trong miệng tôi, và tôi nói:

- Em không thể đi được. Em phải quay lại xem chuyện gì đã xảy ra với cha em.

- Ta ước gì em không phải làm thế. - Tycho nói. Rồi chàng nâng khuôn mặt tôi và hôn lên môi tôi. Tôi đứng đó, như trong một giấc mơ, không thể nào cử động nổi.

- Vậy hãy đi với em. Để em chỉ cho chàng thấy thành phố của em. - Tôi nói. - Và ngôi nhà bên sông của gia đình em.

Tôi cảm thấy niềm hạnh phúc trào dâng trong lòng nhưng nó sớm rút xuống như một đợt thủy triều khi chàng đáp lại:

- Ta ước gì điều đó có thể xảy ra. Cũng như em, ta phải xem xem chuyện gì đã xảy ra trong thời gian ta vắng mặt. Đó là bốn phận của ta.

Tôi nhìn vào đôi mắt sẫm màu của chàng và thấy trong đó các hành tinh và những chòm sao.

- Thời gian là thứ duy nhất chống lại chúng ta. - Chàng nói. - Bởi vì thế giới của hai ta chạy theo những chiếc đồng hồ khác nhau. Có thể ta đã có một bộ râu dài như của ông Medlar khi chúng ta gặp lại còn em thì đã là một phụ nữ có chồng. Khi đó thì sao? - Chàng lại hôn tôi. - Hãy trở về nhà. - Chàng nói. - Trở về cùng với ta lúc này.

Tôi thấy như mình đang đứng nơi ngã rẽ giữa hai thế giới. Tôi phải chọn vùng đất của những ước mơ và hứa hẹn này hoặc là chọn cuộc đời tôi, cuộc đời thực của tôi ở London. Quyết định càng khó khăn hơn bởi sự ngọt ngào của Tycho và khao khát của trái tim tôi mong được ở bên chàng. Tôi biết rằng cho dù chọn con đường nào, tôi cũng không bao giờ trở lại thời điểm này được nữa, và tôi sẽ phải sống trọn đời trong hối tiếc. Tôi cảm thấy đôi hài bạc áp vào người, nghe thấy giọng nói ngọt ngào của mẹ cất tiếng gọi, và hiểu rằng tôi phải về nhà và tìm cha tôi. Tôi phải vì mẹ mà trở thành một phụ nữ trưởng thành và chấp nhận số phận của mình.

- Chàng không nghĩ rằng chúng ta gặp nhau và yêu nhau đã là đủ rồi sao?

- Không. – Tycho đáp. – Ta biết rằng chỉ khi có em ở bên ta mới có thể là một con người toàn vẹn. Không có em, cậu bé trong ta sẽ vĩnh viễn biến mất.

- Em phải về nhà. – Tôi nói.

- Ta biết. – Chàng nói và hôn tôi. Rồi chàng nhảy lên lưng ngựa và phóng về phía khu rừng.

Tôi không sao chịu nổi khi nhìn Tycho ra đi, và tôi tự bắt mình không được nhìn theo chàng nữa. Tôi tự khiến mình bận bịu bằng cách lấy đôi hài bạc trong áo ra và cẩn thận mở lớp vải bọc. Tôi đặt chúng xuống đất. Nước mắt, những giọt nước mắt đáng nguyên rửa, làm mắt tôi mờ đi. Chỉ khi đã xỏ một chiếc hài vào chân, tôi mới cho phép mình quay lại và thấy Tycho đang đứng bên bờ rừng nhìn về phía tôi. Tôi muốn chạy tới bên chàng, và tôi cảm thấy trái tim mình vỡ tan khi chàng một lần nữa quay đầu và chậm chậm đi mất hút. Một phần trong tôi đã đi theo cùng chàng và khi xỏ chân vào nốt chiếc hài còn lại, tôi tự hỏi liệu có bao giờ tôi còn cảm thấy toàn vẹn nữa không.

Vậy là phần truyện thứ sáu của tôi đã được kể lại, và cùng với nó, một ngọn nến nữa tắt lịm.

31. Trở về

Vậy là chiếc bánh xe đã quay đủ một vòng và tôi thấy mình trong phòng làm việc của cha. Bằng một cách bí hiểm nào đó, những đồ đạc cũ đã được đặt trở lại chỗ của chúng. Con cá sấu nhồi lại là vị chúa tể của chiếc tủ mun, và chiếc rương của mẹ tôi lại được đặt bên dưới ô cửa sổ mắt cáo. Thật lạ biết bao khi nhìn thấy cảnh ấy! Tôi tự hỏi không biết cái chết của Rosmore có liên quan gì đến sự thay đổi này không.

Tôi nhìn quanh căn phòng, cảm thấy như mình đang đứng bên ngoài thời gian, không rõ chiếc kim đồng hồ đã đi tới hay quay ngược lại. Một ngọn lửa đang bập bùng trong lò, và tôi nghĩ hẳn bây giờ mới là đầu năm, nếu như vẫn còn cần đến củi và than để sưởi ấm.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân bên ngoài cửa phòng làm việc và vội trốn vào đằng sau chiếc tủ mun, bắn khoăn không biết ai sẽ mở cửa. Tôi hoàn toàn kinh ngạc khi thấy người bước vào

là cha tôi. Ông mặc đồ làm việc như thường ngày và cầm trong tay một chồng thư, ông đang đọc một lá thư trong số đó. Ông trông già hơn tôi nhớ, mái tóc ngả bạc và gương mặt cũng có vẻ dài dàu hơn.

- Cha! – Tôi thì thầm và ông quay phắt lại, cũng kinh ngạc khi thấy tôi chẳng kém gì tôi khi thấy ông ban nãy. Các thứ giấy tờ tuột khỏi tay ông và bay lên không trung. Chúng tôi đứng đó như hai người xa lạ, nhìn nhau trân trối. Tôi nghe thấy tiếng đồng hồ ngoài tiền sảnh điểm giờ, và biết rằng tôi đã thực sự trở lại với thế giới này.

Ông khẽ hỏi, như nói với một bóng ma:

- Coriander đấy ư? – Ông bối rối nhìn tôi với vẻ vẫn chưa dám tin vào những gì mình thấy. – Cha đang mơ chẳng, hay thực sự là con đấy, mà lại ăn mặc kỳ lạ như vậy?

- Là con đây cha. – Tôi đáp. – Con đã về đây.

Một cách thận trọng, bằng những bước ngập ngừng, ông tiến về phía tôi và ôm tôi vào lòng. Chỉ khi thấy tôi là người thật bằng xương bằng thịt, ông mới khóc òa lên.

- Cha tưởng cha đã mất con. – Ông nức nở. – Cha tưởng cha đã mất con.

Có tiếng gõ cửa. Cha tôi quay nhanh đi, lục tìm một chiếc khăn tay và hỉ mũi.

- Ai đó?

- Là Danes đây, thưa ông chủ.

Cha tôi đi ra cửa. Đứng chắn trước mặt tôi, ông mở cửa ra vừa đủ rộng cho chị bước vào rồi đóng sập nó lại.

- Có chuyện gì vậy, thưa ông? Ông không sao chứ ạ? Mấy lá thư của ông sao vậy?

Ông tránh sang một bên và chỉ vào chỗ tôi đang đứng.

- Ối trời ơi! – Chị Danes kêu lên, lao tới bên tôi. – Chẳng phải tôi vẫn nói với ông là cô bé sẽ quay lại với chúng ta đấy sao? Ôi, chim sẻ nhỏ của chị, chị biết em sẽ không bay mất đi vĩnh viễn đâu mà. Nhưng sao em lại vẫn ăn mặc như con trai thế?

- Không có thời gian để giải thích đâu. Chúng ta phải lấy quần áo khác cho con bé thay ngay. – Cha tôi giục giã.

Đã quá muộn. Một tiếng gõ nữa vang lên ngoài cửa.

Cha tôi chạy tới để ngăn không cho người kia vào phòng, nhưng chẳng ích gì. Bà Bedwell đã đứng đó, bên cạnh là cô bé tay cầm một chiếc giỏ.

- Tôi chỉ đến để chào tạm biệt thôi, anh Thomas. – Bà Bedwell nói.

- Chị Patience. – Cha tôi lên tiếng, cố tìm cách ngăn không cho bà ấy bước hẳn vào phòng. – Chị đã tìm thấy đứa bé chưa?

- Tôi thấy rồi, thật là một chú bé khỏe mạnh xinh xắn. Trông nó giống hệt... - Bà ngừng lại, nhìn thấy những lá thư vương vãi trên sàn. - Anh không sao chứ, Thomas?

- Bà hỏi về lo âu. - Trông mắt anh hơi đỏ đấy. Tôi hy vọng là không có tin xấu gì chứ?

- Không, không, mọi chuyện đều ổn cả, cảm ơn chị. Để tôi tiễn chị ra cổng.

- Anh kia là ai thế? Sao anh ấy lại phải trốn? - Cô bé hỏi, chỉ vào tôi.

Bà Patience Bedwell nhìn sang tôi và miệng bà trễ xuống vì kinh ngạc.

- Chị hẳn còn nhớ Coriander? - Cha tôi nói.

- Chắc chắn rồi. - Bà bối rối đáp lại. - Được gặp lại cháu thật là tuyệt. - Bà ngừng lại, nhìn kỹ hơn bộ dạng của tôi. - Nhưng trời ạ, sao cháu lại ăn mặc kỳ lạ thế kia?

Cha tôi vội xem vào:

- Coriander vừa từ nông thôn lên. Chúng tôi nghĩ sẽ an toàn hơn nếu cho cháu ăn mặc như thế này khi đi đường, để tránh gặp nguy hiểm.

- Ôi, lay Chúa, chính thế! - Chị Danes nói. - Tôi đã nghe không biết bao nhiêu câu chuyện khủng khiếp về những tên lang thang, cướp đường và tệ hơn thế nữa. Không thể không cẩn thận trong thời buổi loạn lạc này.

- Đúng là như vậy. Thế có tin tức gì về họ hàng của gia đình ta không?

Tôi cố tỏ ra là mình có biết bà ấy đang nói về chuyện gì.

- Ông ấy bình phục được thật là kỳ diệu! - Chị Danes nói.

- Đúng thế. - Cha tôi nói. - Nhờ ơn Chúa Lòng Lành, ông ấy đã qua khỏi ngay trên chiếc giường lâm chung của mình!

Bà Bedwell tỏ ra còn bối rối hơn khi cha tôi và chị Danes cùng thêu dệt nên một câu chuyện, vừa dài vừa lủng củng. Nghe họ nói cũng giống như ngắm hai con cá quẫy trên bờ, cố tạo ra một dòng sông từ một vũng nước vậy.

Hai mắt bà Patience Bedwell mở lớn tựa hai cái đĩa.

- Một câu chuyện mới kỳ lạ làm sao! Hai người làm tôi nghẹt thở đấy! - Bà nói. - Dù sao thì cũng thật mừng được gặp lại cháu Coriander. Edmund thân yêu vẫn thường hỏi thăm cháu đấy. Nó sẽ rất vui biết cháu đã trở lại. Nói cho ta biết, - bà nói tiếp, - cháu nghĩ gì về em bé?

Một lần nữa tôi lại không biết phải nói gì. Có chết tôi cũng không thể biết được bà ấy đang nói về em bé nào.

- Rất đáng yêu ạ. - Tôi nói, hy vọng rằng đây là câu trả lời đúng. Thường trẻ con đều đáng yêu cả mà.

- Giờ thì ngài Hobie, anh phải đưa Coriander tới nhà chúng tôi ăn cơm mới được, nhưng có lẽ không phải với bộ quần áo này. – Bà cười. – Thứ tư được không? Có rất nhiều chuyện để nói đấy. Edmund sẽ rất mong được gặp cháu và nghe về những chuyến du lịch của cháu.

- Chúng tôi rất vui lòng. – Cha tôi đáp.

- Đi nào, Sarah. – Bà Bedwell nói với cô bé từ nãy đến giờ vẫn đứng nguyên tại chỗ, miệng há hốc ra nhìn tôi.

- Chị lấy đâu ra đôi hài bằng bạc ấy thế? – Cô bé hỏi.

Tôi đáp lại rằng chúng được làm riêng cho tôi.

- Đi nào! Chị Danes sốt ruột nói. – Để tôi tiễn hai mẹ con.

Rồi chị gấp rút dẫn họ ra khỏi phòng.

Cha tôi đóng sầm cửa sau lưng họ và tựa lưng vào đó. Ông nói:

- Cha nghĩ là bà ấy tin chúng ta!

Hai cha con tôi cười phá lên.

- Em bé. – Tôi nói. – Cha, cho con biết ai vừa sinh em bé vậy?

- Trước hết, - cha tôi đáp, - con nói cho cha biết làm sao con lại tìm được đôi hài bạc của con đã.

32. Những ngón tay xinh xẻo nhất đời

Tôi mở cửa phòng Hester và được đón chào bởi một cảnh tượng thật đáng yêu. Hester rạng rỡ với đôi má hồng hào đang ngồi trên một chiếc ghế thấp. Đứa bé đang áp bàn tay nhỏ xíu vào ngực mẹ, vui vẻ bú, tạo nên những tiếng chùn chụt như một chú chim non.

Cô ưỡn oải rồi mắt nhìn đứa bé và nói:

- Ôi, Coriander thân yêu, chị biết em sẽ trở về mà. Chị đã nói với cha em như thế không biết bao nhiêu lần.

- Hester, nhìn chị kìa! Làm mẹ thật hợp với chị. – Tôi nói.

Hester mỉm cười.

- Bây giờ chị tròn như một ổ bánh mì vậy, không còn da bọc xương nữa.

Thằng bé đã ngừng bú và Hester trao cho nó cho tôi, thận trọng như đang nâng một cành hoa.

- Tên cháu là gì? – Tôi hỏi.

- Joseph Appleby. Anh chị đặt tên cho cháu theo tên của cha chị.

Một đứa trẻ sơ sinh thật là một điều kỳ diệu. Nó như một điều mới mẻ đang chờ đợi được khám phá. Bàn tay nhỏ xíu của Joseph thật hoàn hảo, gương mặt bé mơ màng như đang buồn ngủ. Mùi sữa thơm tỏa ra khi thằng bé nép vào người tôi, và khi tìm được nắm tay mình, nó mãi mê mút ngón tay cho đến lúc ngủ thiếp đi trên tay tôi.

- Sao, nhìn quần áo của em kìa! Em vẫn mặc nguyên bộ đồ em đã mặc vào cái đêm khủng khiếp khi lão Tarbett Purman bị giết.

- Em biết. Em mới chỉ đi một thời gian ngắn, nhưng bao nhiêu chuyện đã xảy ra.

- Coriander, em mơ sao? Em đã đi tới hơn một năm rưỡi kia đấy!

- Một năm! Không thể thế được! Vậy thì hôm nay là ngày bao nhiêu?

- Chị có thể cho em biết ngày đích xác, vì chị đã đếm từng ngày kể từ khi em đi. Hôm nay là ngày mồng hai tháng tư, năm 1660.

- Hãy cho em biết, làm sao mà anh chị về nhà an toàn được? – Tôi hỏi.

- Các cận thần của đức vua đã hủy bỏ mọi lời buộc tội anh Gabriel. Cha em đã lo liệu việc ấy.

- Đợi đã! – Tôi kêu lên. – Chị đợi đã! Đừng nói nhanh như vậy. Đức vua ư?

- Đúng vậy, vua Charles đệ nhị. Cha em chưa kể cho em là suốt thời gian qua ông đã ở bên nhà vua khi người bị lưu đày ư? Ông đã dùng chiếc thuyền duy nhất còn lại của mình để phục vụ cho đức vua. Em phải nghe Sam kể lại về những chuyển phiếu lưu của họ mới được!

- Hester, chị nói em không hiểu gì cả. Bây giờ Oliver Cromwell lại chịu bàn bạc việc nước với đức vua hay sao? Em không nghĩ là có chuyện đó!

- Không, Chúa phù hộ em! Lão Noll già đã chết rồi.

- Chết ư? – Tôi nhắc lại.

- Chính vì vậy nên bọn chị mới quay về nhà. Giờ hãy kể cho chị nghe những chuyện gì đã xảy ra với em.

- Không. Việc ấy để sau đã. Em muốn biết làm sao mà chị lại gặp được cha em.

- Là thế này. Khi hai anh chị lên bờ ở La Rochelle, bọn chị không biết phải làm gì. Bọn chị cần tiền và việc làm ngay, nhưng lại không biết phải tin ai. Có rất nhiều người Anh tị nạn ở thành phố đó và đủ loại tin đồn đáng sợ lan truyền khắp nơi, mà trong tình cảnh ấy thì chẳng đem đến điều gì hay hóm cả. Đúng lúc sắp hết tiền thì bọn chị đụng phải ai chứ? – Cô ngừng lại, ngắm đứa bé và chạm nhẹ vào bàn tay nó. – Chẳng phải đây là những ngón tay xinh xắn nhất đời mà em từng thấy sao, bé nhỏ và đáng yêu đến thế?

- Vàng, vàng. Chị Hester, đó là những ngón tay xinh đẹp nhất mà một đứa bé có thể có được. Nhưng vì lòng kính Chúa, xin chị hãy kể nốt cho em nghe, anh chị đã đụng phải ai?

- Chính Sam, người học việc của cha em!

- Anh ta đang làm gì ở đó? – Tôi hỏi.

- Thật là may mắn, thuyền của cha em vừa mới cập cảng và anh ấy đến để đón nó. Anh ấy cho bọn chị biết rằng cha em hết sức nóng lòng muốn biết tin tức của em.

Hester lại ngừng chuyện và nói:

- Có đúng là trông cháu giống hệt anh Gabriel không?

- Chị Hester, xin chị! – Tôi van vãn. - Chị hãy kể nốt câu chuyện đi, đừng ngừng lại giữa chừng như thế, chị làm em chóng cả mặt.

- Chị xin lỗi. – Hester nói. – Chị không biết có phải cứ có con là như thế không, nhưng chị hầu như không thể nghĩ về cái gì khác được.

- Xin chị hãy cố, vì em! – Tôi nói.

- Chị kể cho cha em tất cả mọi chuyện về mẹ chị và lão Arise Fell. Chị không bỏ qua điều gì. Chị kể cho ông nghe em đã bị nhốt trong cái cái rương như thế nào, và trái với mọi quy luật tự nhiên, em đã thoát ra khỏi đó ra sao, mặc dù em đã bị nhốt suốt ba năm trời. Rồi anh Gabriel kể với ông về cái đêm Tarbett Purman bị giết và sao anh ấy lại bị buộc tội sát hại hai lão. Thế rồi khi cha em nhổ neo, ông ấy đã đưa anh chị theo. Khi có thể trở về Anh một cách an toàn rồi, ông khẳng khẳng bắt anh chị phải sống ở đây, ở phố Thames. Chị đã đưa những gì em đã chép lại giúp chị cho ông xem. Ông để Gabriel làm việc cho mình và chị hỏi ông xem ông có chịu thuê cả chị không. Em có biết ông nói gì không?

Tôi lắc đầu.

- Ông nói không có cô con gái nào của ông phải làm thuê cả. Ông không chịu để chuyện đó xảy ra. Em có thể tin được không? Sau tất cả những gì chị đã kể với ông, ông lại gọi chị là con gái! Ông nói ông không bao giờ nghĩ khác về chị cả.

Và cô òa khóc.

- Ôi chị Hester, hãy lau nước mắt đi! Chị làm cháu bé khóc theo bây giờ!

- Em có nghĩ ông làm thế là sai không?

- Em không chờ đợi điều gì hơn ở ông. Chị là chị của em, chị Hester thân yêu, bất kể điều gì xảy ra.

- Sao người ta lại có thể làm hại một đứa bé sơ sinh được nhỉ? – Hester hỏi.

- Em không biết. – Tôi nói, ngắm mớ tóc sẫm màu của bé Joseph.

- Mẹ chị đã làm thế.

- Chị Hester, chị không phải là bà ấy.

- Chị biết, nhưng khi nghĩ lại chuyện ấy chị vẫn thấy đau lòng. Có chết chị cũng không hiểu được. Em có mỗi không. Coriander? Em có thể đặt cháu vào nôi nếu muốn.

- Không, em thích bế cháu.

Cô bật cười:

- Chị cũng thế. Chị thích để nó ngủ ngay bên cạnh mình. Chị Danes bảo như thế thì tốt hơn là để nó trong nôi, ở đó nó có thể bị lạnh quá hoặc nóng quá. Bà Bedwell thì lại không nghĩ thế. Bà ấy bảo chị nên thuê vú nuôi và không nên ôm cháu quá nhiều, như thế là làm hư nó.

Tôi cười phá lên:

- Thật rõ vớ vẩn!

Hester có vẻ vui lòng khi nghe tôi nói vậy.

- Cháu phải ở bên chị thì chị mới thấy có lý.

- Hester, chị hãy làm cái mà chị nghĩ là tốt nhất. Đừng để ý đến Patience Bedwell.

Có tiếng ủng bước lên cầu thang.

- Coriander! – Gabriel kêu lên, bước vào phòng. Anh có vẻ tự hào hơn bao giờ hết, và đã ra dáng là một người đàn ông trưởng thành. – Thật mừng được gặp cô. Tôi gần như không tin nổi khi chị Danes bảo cô đã quay lại.

Tôi đứng dậy và anh đỡ lấy bé Joseph từ tay tôi.

- Tôi có một cậu con trai thật khỏe mạnh và xinh xắn phải không? – Anh nói, ngồi xuống bên cạnh vợ.

- Tôi đang hỏi chị Hester xem hai anh chị đã quay về được bao lâu rồi. – Tôi nói.

- Mới bốn tháng thôi, chúng tôi về từ tháng giêng. Chúng tôi nghe nói rằng đất nước này không còn muốn đi theo nền cộng hòa nữa, và ai ai cũng muốn nhà vua trở về. Cha cô đã rất đau buồn khi trở về mà không thấy cô ở đây.

- Chị cứ nói đi nói lại với ông là em sẽ không sao đâu. – Hester nói. – Chị nói trước kia em đã trở về, và lần này em cũng sẽ trở về.

- Kể cũng thật rầy rà. – Gabriel nói. – Hàng xóm láng giềng hỏi han nhiều đến nỗi chúng tôi trả lời không xuể.

- Em phải nhìn thấy phố Cầu mới được. – Hester nói, chuyển sang đề tài khác. – Đúng vậy không, anh Gabriel? Nó đã được sơn lại, treo cờ, và hầu như cửa hàng nào cũng trưng lên tấm biển *Được Hoàng Đế Bổ Nhiệm*. Nơi ấy giờ đẹp tuyệt, Coriander ạ.

Gabriel quàng tay ôm lấy Hester.

- Đúng vậy. – Anh nói, và ngắm gia đình nhỏ bé của mình với vẻ hãnh diện.

Tôi để họ lại với nhau và bước xuống cầu thang. Cha đang đợi tôi ở sảnh bên dưới.

- Cha vẫn không thể tin được là con đã trở về. – Ông nói.

33. Đức vua vạn tuế

Tối hôm đó, sau khi đã tắm rửa và thay quần áo sạch, tôi đến ngồi với cha trong phòng làm việc của ông, bên ngọn lửa ấm áp. Tôi thầm nghĩ chúng tôi cũng giống như hai người lữ khách vừa trở về từ những nơi xa xôi và kể cho nhau nghe về những chuyến đi của mình để rồi phát hiện ra rằng hai tấm bản đồ của chúng tôi lại trùng nhau.

- Con có tha thứ cho cha không? – Ông hỏi.

- Tha thứ chuyện gì ạ?

- Chuyện cha đã bỏ con lại với Maud và lão truyền giáo ấy.

- Cha đâu biết bọn họ sẽ gây ra những chuyện gì.

- Đúng là cha không biết. – Ông nói, đứng dậy cời lửa làm những tia lửa nhỏ bốc lên ống khói tựa như hơi thở của một con rồng. – Nhưng đáng lẽ cha không nên chỉ biết đến nỗi đau khổ của mình như thế. Lẽ ra cha phải chăm sóc cho con và lo tới tương lai của cha con ta.

- Cha đã cố hết sức mình rồi.

- Sự thực là cha đã bị giày vò bởi ý nghĩ về cái bóng của mẹ con. Cha cất cái hộp ở đây chỉ để cho an toàn...

- Con biết. Con đã nhìn thấy nó. Một buổi tối không ngủ được, con xuống nhà và vào đây, thấy cha đang ngồi bên bàn với chiếc hộp. Nấp hộp mở ra và cha hỏi con liệu cha có nên trả nó lại cho mẹ con không.

- Thế ư? – Ông quay sang nhìn tôi. – Cha cũng chẳng nhớ gì nữa. Cha đã bị nỗi đau đón nuốt chửng.

- Cha! – Tôi cố an ủi ông. – Cha đã đủ can đảm để làm điều mẹ yêu cầu cha.

- Con gọi đó là can đảm sao? Không, không phải là can đảm, điên rồ thì đúng hơn. – Ông nói. – Mẹ con đã đưa chiếc bóng cho cha vào đêm tân hôn. Mẹ bắt cha hứa phải luôn giữ nó thật cẩn thận. Cha không hiểu ý mẹ. Cha tìm cách trả nó lại cho mẹ khi mẹ bị ốm, nhưng mẹ không chịu. Lẽ ra cha phải lấy nó ra khỏi hộp và ép mẹ lấy lại. Ôi, cha mới ngu ngốc làm sao! – Ông đâm lên khoảng tường bên trên lò sưởi.

- Cha đã làm đúng điều mẹ muốn. – Tôi nói.

- Phải, và mẹ đã qua đời. Nếu cha bắt mẹ lấy lại chiếc bóng, chẳng phải là mẹ sẽ vẫn còn sống hay sao?

- Mẹ sẽ sống sót một thời gian trong thế giới của mẹ, nhưng rồi mẹ sẽ bị mẹ kế độc ác là hoàng hậu Rosmore giết chết để cướp lấy chiếc bóng. Cha hãy tin con đi, cha đã làm một điều đúng đắn. Chính Rosmore đã giết mẹ. Đó là vì không phương thuốc nào của mẹ hiệu nghiệm cả. Nhưng mẹ muốn chết trong thế giới này, bên cha con mình. Mẹ không muốn quay lại thế giới của mẹ.

Cha tôi tới ngồi bên tôi và nắm lấy tay tôi.

- Mẹ biết nếu điều đó xảy ra, cha mẹ sẽ vĩnh viễn bị chia lìa. – Tôi nói tiếp. – Mẹ đã chọn cái chết ở thế giới này, hy vọng rằng một ngày kia, Chúa sẽ gia ơn cho cha mẹ được gặp lại nhau. Sẽ không có chuyện đó nếu cha trả chiếc bóng lại cho mẹ.

- Coriander, làm sao con biết được những điều ấy? Nếu những gì con vừa nói là đúng thì con đã giúp cha trút được một gánh nặng lớn.

- Đúng như thế mà cha. Con thề với cha đấy.

Ông lại nhìn về phía lò sưởi và lát sau lên tiếng hỏi:

- Thế chuyện gì đã xảy ra với cái bóng?

- Giờ con là người trông coi nó, và nó đã được đặt về đúng chỗ rồi.

- Thế còn đôi hài bạc? – Cha tôi hỏi tiếp. – Cha không sao hiểu nổi tại sao mẹ con lại khẳng không cho con đi chúng. Khi mẹ nói với cha rằng mẹ sợ bà mẹ kế nọ đã bỏ bùa cho đôi hài, cha không hiểu gì cả. Nói thực với con là cha thấy dễ dàng hơn nhiều khi không tin vào điều đó.

- Mẹ đã nói gì với cha? – Tôi nói.

- Rằng đôi hài ấy đã được gửi đến cho con để dụ dỗ con đến với thế giới của mẹ. Mẹ đã kể cho cha nghe về bà mẹ kế, và chắc chắn rằng bà ta sẽ tìm cách cướp lại chiếc bóng, và nếu bà ta làm được thì một ngày kia chúng ta sẽ mất con.

- Tại sao mẹ lại nghĩ thế? – Tôi hỏi.

- Bởi vì con đến từ cả thế giới của mẹ lẫn thế giới này.

- Chắc chắn cha cũng đã từng đến nơi ấy. – Tôi nói. - Bởi vì con đã nhìn thấy một bức chân dung của cha có các mỹ nhân ngư trên một dòng sông.

- Những bức tranh ấy được gửi đến cho cha mẹ sau ngày cưới. Eleanor nói rằng đó là quà cưới của ông ngoại con. Cha chưa bao giờ được gặp ông ấy; cha chưa bao giờ đến vùng đất ấy. Cha vẫn thường tự hỏi làm sao mà họ lại vẽ cha giống được đến thế. Ôi, Coriander, lẽ ra cha không nên bỏ con lại. Lẽ ra cha phải đưa con theo, như con đã xin với cha. Cha không thể nào quên được gương mặt xinh xắn của con ngược lên nhìn cha và đôi cánh tay nhỏ nhắn gầy guộc của con quấn lấy cổ cha. Giá mà cha có thể quay ngược thời gian! Thay vào đó, như một kẻ đần độn, cha đã bỏ đi, tự nhủ với mình đó là để cho những điều tốt đẹp nhất.

- Có lẽ đúng thế đấy, cha ạ. – Tôi nói.

Chị Danes bước vào với một vại bia và một đĩa bánh vùng. Chị đặt chúng xuống bàn và nói:

- Ông đã kể cho con bé nghe về Maud chưa ạ?

- Chưa. – Tôi nói. – Cha kể đi. Chuyện gì đã xảy ra với bà ta?

Cha tôi cất tiếng cười khan.

- Người ta tìm thấy mộ ta đang làm nhảm ở đây, trong căn nhà này, - ông nói, - bên cạnh là một đồng xương mà mộ thề sống thề chết là những gì còn lại của Arise Fell. Ngài thanh tra đã cho bắt mộ, và vì không ai hiểu nổi lấy một chữ những gì mộ nói, mộ ta bị tống vào ngục Newgate và bị buộc tội sát nhân.

- Đó đúng là xương của Arise Fell. – Tôi nói.

- Nếu đúng thế thì cha rất lấy làm sung sướng. Người ta cũng bàn tán nhiều về lão truyền giáo, vì không ai nhìn thấy lão ta nữa. Khi trở lại London, cha đã về thẳng đây. Cha không thể tin khi nhìn thấy ngôi nhà mục nát, hôi thối, đồ đạc biến hết, chỉ còn lũ chuột là những kẻ cư trú duy nhất. Cha tức tối đến nỗi đã tới nhà ngục tìm gặp Maud. Trông mộ ta không lấy gì làm dễ chịu, da đầy mụn nhọt lở loét. Chúa ơi, cha tức giận đến độ chỉ muốn mộ bị treo cổ. Mộ van xin và khóc lóc, nói rằng mộ đã lầm đường lạc lối, rằng đó là do bàn tay của Quỷ sứ gây ra. Cha không thèm nghe. Điều đó làm mộ tỉnh táo trở lại. Mộ thú nhận là mộ và Arise đã được một mộ phù thủy già nào đó cho rất nhiều tiền vàng. Tất cả những gì chúng phải làm là giết con và tìm ra chiếc bóng cho bà ta, nhưng chúng đã tìm cách lừa mộ phù thủy và phải trả giá vì việc đó. Lúc đó Maud cũng nói là “chúng tôi”, như thế lão Arise vẫn còn ở bên mộ vậy.

- Thế Maud ra sao rồi? Bà ta bị treo cổ ư?

- Mộ van vì cha xin cho mộ được thả ra và hứa nếu cha làm thế mộ sẽ cho biết các đồ đạc cũ của cha giờ ở đâu.

- Có phải là Hội quán Ludgate không ạ? – Tôi mỉm cười hỏi.

- Phải. – Cha tôi nói. – Đám đạo hữu thăm hại ở đó giữ tất cả đồ đạc của cha. Arise và Maud đã tiêu tán hết mọi thứ, chỉ trừ con cá sấu nhồi. Cha bèn trình bày với các nhà chức trách, và Maud cùng toàn bộ giáo đoàn đó bị tổng sang Tân Thế Giới.

- Tôi nghĩ là mụ mang ơn ông rất nhiều. – Chị Danes khẽ nói.

- Vì Hester, cha không thể để mụ bị treo cổ được. Con bé tội nghiệp đã phải chịu nhiều đau khổ quá rồi. Cha chỉ tiếc là chị Danes đã không tìm thấy cha ở Pháp.

- Tôi cũng vậy, thưa ông chủ, thật tiếc là hai con đường chúng ta đi lại không gặp nhau. – Chị Danes nói. – Tôi cứ sợ rằng ông đã chết rồi.

Khi những đóa hoa tháng năm nở rộ. Charles đệ nhị được phong lên làm Hoàng đế Anh. Toàn bộ London quay cuồng vì tin đó, như một bà quả phụ đang chuẩn choáng điện lại những bộ đồ đẹp nhất sau hàng năm trời để tang. Tinh thần của mọi người bỗng trở lại phần chấn. Hy vọng về tương lai trở nên tươi sáng và ở góc phố nào đó cũng nghe thấy tiếng kêu “Đức vua vạn tuế!”

Sau khi tôi trở về được một ngày, chị Danes đưa tôi đến gặp ông Thankless. Hester nói đúng: gần như không còn nhận ra được phố Cầu nữa. Nó đang náo nức trải qua một cuộc thay da đổi thịt. Các ngôi nhà được quét vôi lại, cửa sổ được sửa chữa, cờ được treo lên để đón nhà vua. Người sẽ vào London qua cây cầu vĩ đại này. Một Cây Nêu tháng năm với lá cờ của nhà vua trên đó đã được dựng lên gần phố Cầu, và mặc dù có vài người lính tìm cách hạ nó xuống, nó vẫn đứng vững ở đó.

Phố phường tràn ngập sắc màu. Trong đời tôi chưa bao giờ thấy nhiều người ăn mặc rực rỡ như trên phố Thames sáng đó. Đã biến mất rồi những màu đen và màu xám ảm đạm. Giờ đây đập vào mắt là những sắc đỏ thắm, hồng, vàng và tím.

Mọi chuyện đã chính thức. Bọn Thanh giáo đã phải cuốn gói ra đi và thật khó tin rằng trước kia từng có người ủng hộ Cromwell.

Trên đường đi, chúng tôi gặp bà Jones, bà ta hết lời kêu ca về chuyện phí phạm tiền bạc và làm ngạo xị lên với việc nhà vua trở về.

- Nếu chúng ta không thể ăn mừng vì nhà vua trở về thì chúng ta có gì để ăn mừng chứ? Chị Danes hỏi.

- Hừm! – Bà Jones nói. – Tôi cho rằng chúng ta rồi sẽ phải hối tiếc cái ngày chúng ta đã mời ông ta trở về. Theo ý tôi thì lẽ ra chúng ta phải giữ nguyên một nền Cộng hòa biết kính Chúa như trước.

Chị Danes vươn thẳng người lên.

- Sao bà có thể nói như vậy được nhỉ? Oliver Cromwell chỉ là một kẻ tiếm quyền, không hơn không kém!

- Đi thôi nào, chị Danes. – Tôi nói và vội nắm lấy cánh tay chị. – Chúng ta sẽ chẳng làm được việc gì hết nếu đứng đây tranh cãi cả ngày.

- Thiên hạ có nhiều kẻ thật là... - Chị vẫn lau bầu khi chúng tôi đến gần hiệu may.

Tôi không kìm nổi một nụ cười.

- Ít ra thì bà Jones cũng không che giấu chuyện bà ta ủng hộ Cromwell. Em nghĩ rằng nếu chúng ta hỏi những người kia thì hiếm có ai trong số họ sẽ nhận ra là đã từng theo Thanh giáo đấy.

Chiếc chuông treo trên cửa vui vẻ reo lên và Nell ra mở cửa. Bàn tay chị vội ôm lấy mặt khi chị trông thấy tôi.

- Ôi, thánh thần ơi! Cô đã quay lại an toàn! – Chị nói. – Và cô đã trở thành một tiểu thư xinh đẹp làm sao! Hẳn nhà vua cũng phải ngóai lại nếu người thấy cô!

Ông Thankless ngẩng lên khỏi cái bàn nơi ông đang cắt quần áo.

- Coriander! – Ông kêu lên, bước tới và hôn lên má tôi. – Mary, tôi vẫn bảo với mình là cô bé sẽ quay trở lại, xinh đẹp hơn bao giờ hết mà.

- Mọi việc đều ổn chứ ạ? - Tôi hỏi.

- Ta thấy như chính mình là Chúa trời vậy! – Ông thợ may nói. – Nếu công việc cứ tiến triển thế này thì chẳng mấy chốc ta sẽ giàu hơn cả nhà vua. Ai cũng muốn có quần áo mới. Họ muốn mình trông phải sáng sủa như chim công và rực rỡ như vẹt ấy!

Ông đưa chúng tôi xuống bếp, mở một chai rượu vang vùng sông Ranh. Tom, cậu học việc mới, đem đến hàng súc vải cho chúng tôi chọn.

- Ta đã được biết là cháu muốn may váy theo mốt mới nhất của Pháp. - Ông Thankless nói.

- Đúng thế ạ. – Tôi nói, cảm thấy rất vui vẻ. Thật dễ chịu và thích thú khi được may váy áo mới.

Ông Thankless không ngại phiền hà, lấy cho tôi xem những mẫu vải đẹp nhất, nháy mắt và nói rằng ông đã giữ riêng chúng cho những khách hàng quý nhất. Cuối cùng tôi quyết định may một chiếc váy bằng satin in hoa màu xanh lục nhạt, đi kèm là một chiếc váy lót bằng lụa kẻ sọc. Sau đó tôi chọn thân áo bằng chất vải bóng dệt hoa chìm, tay áo bông, viền bằng kim tuyến và ngọc trai. Cuối cùng, phủ ra ngoài là một chiếc áo dài xẻ tà có thể buộc lên được, để lộ ra chiếc váy lót.

- Được rồi. – Ông Thankless nói khi đã đo đạc và chọn mẫu vải xong. – Ta hứa là cháu sẽ trông như một nàng công chúa. Cô Danes đã thông báo tin mừng cho cháu chưa?

- Chưa ạ. – Tôi nói, không biết ông ấy nói đến tin mừng nào. Chị Danes đỏ mặt, thật không giống chị thường ngày chút nào, và nói:

- Tất nhiên là chưa rồi. Chúng ta đã quyết định sẽ đợi đến khi tất cả sum họp mà.

- Tin mừng gì thế ạ? – Tôi hỏi.

Ông Thankless nắm tay chị Danes và nói với một nụ cười rộng ngoác:

- Cô Danes – ý tôi là Mary – đã bằng lòng lấy tôi.

- Thật sao! – Tôi nói, nhảy cẫng lên. – Thật là một tin tuyệt vời! Chúc mừng cho cả hai người!

Và tôi ôm hôn họ thật kêu.

- Ai mà có thể nghĩ đến chuyện đó chứ? – Chị Danes nói, vẻ thẹn thùng. – Tôi đã nghĩ rằng mình quá già cho chuyện yêu đương rồi.

- Không bao giờ! Ông Thankless trêu. – Tuổi tác chỉ làm mình duyên dáng thêm mà thôi!

34. Người vợ hoàn hảo

Mặc dù được vây quanh bởi cảnh hạnh phúc, nỗi buồn vẫn thường xâm chiếm lòng tôi. Tôi ngẩng nhìn cha, nhìn chị Danes, nhìn Hester và đứa con nhỏ, và rồi đột nhiên, như một tia sáng mặt trời rơi vào một căn buồng đóng kín, tôi vụt nhớ tới cái thế giới kia, nơi có Tychô và tất cả những gì tôi bỏ lại.

Tôi hiểu rằng tôi đã quyết định đúng khi quay trở về. Đây là điều mà mẹ tôi hằng mong, tương lai của tôi nằm ở đây. Nhưng những điều ấy cũng không thể khiến cảm giác tiếc nuối trong tôi nguôi ngoai.

Nhà Bedwell lại làm mọi việc thêm tồi tệ. Họ kết luận rằng tôi sẽ là một người vợ hoàn hảo cho Edmund. Trên thực tế, dường như tất cả đều coi đó là chuyện đương nhiên trừ tôi. Rõ ràng là đối với các ông bố, không có một gia tài nào quý hơn một cô con gái chưa chồng, miễn là cô con gái chưa chồng ấy đừng có mất quá nhiều thời giờ tìm lấy cho mình một vị hôn phu thích hợp.

- Con không thể lấy một người mà con chưa hề gặp lại từ khi còn bé. – Tôi nói với cha. Tôi đang ngồi trong phòng mình, chị Danes đang chải tóc cho tôi và cài lên đó mấy bông hoa.

- Tất nhiên là không rồi, bé cưng ạ. – Cha tôi nói. – Nhưng cha chắc con sẽ rất có cảm tình với Edmund. Cha nghe nói rằng cậu ta là một chàng trai rất thông minh, dễ ưa với một tương lai xán lạn. Cậu ta đang muốn vào được Nghị viện đây.

Tôi có thể đáp lại thế nào đây? Rằng tôi không phải là một gói hàng để đem mua bán, trao đổi hay sao? Chị Danes thắt chặt dây áo cho tôi trong khi cha tôi tiếp tục:

- Cậu ấy là một chàng trai có nhiều tham vọng và niềm hạnh phúc của cha sẽ toàn vẹn nếu được thấy không chỉ nhà vua lên ngôi mà cả con cũng có nơi có chốn nữa.

- Con mới chỉ quay về, thế mà cha đã lại muốn con ra đi rồi. – Tôi nói.

Gương mặt cha tôi xịu xuống.

- Cha đâu có nói thế. Cha chỉ muốn điều tốt đẹp nhất cho con thôi. Cha không muốn lại mất con một lần nữa.

Ôi, ước gì tôi có thể nói với cha về Tycho! Tôi liếc nhìn chị Danes, nhưng vẻ mặt của chị bảo tôi rằng tốt hơn hết là nên giữ im lặng.

Đến thứ tư, như đã hứa trước, chúng tôi được mời tới ăn trưa tại nhà Bedwell. Chị Danes mặc cho tôi chiếc váy mới may. Tôi chưa bao giờ là một cô nàng hay soi gương ngắm vuốt, nhưng chính bản thân tôi cũng phải ngạc nhiên và hài lòng với khi nhìn thấy bóng mình phản chiếu trong gương. Tôi đã thực sự trở thành một tiểu thư xinh đẹp. Chị Danes đứng bên nói rằng tôi khiến cho mặt trời cũng phải hổ thẹn. Cha tôi cũng đồng ý với chị và nói ông chưa bao giờ thấy tôi xinh hơn. Ông mang một bộ tóc giả mới với vô số búp tóc nhỏ rủ xuống, một chiếc cổ áo đăngten rộng và một bộ quần áo bằng nhung màu mận chín với chiếc áo khoác thêu. Trông hai cha con tôi thật quý phái, chị Danes nói. Và mặc dù nhà Bedwell cách không xa lắm, cha vẫn cho thuê một chiếc kiệu.

Bữa ăn trưa đó là một sự kiện trang trọng, và chúng tôi chỉ trao đổi với nhau về những thứ chẳng liên quan tí gì đến những người có mặt, thành ra câu chuyện cứ nông choèn như một chiếc đĩa bạc vậy.

Thực lòng mà nói thì tôi cũng tò mò muốn gặp lại Edmund. Chúng tôi được xếp ngồi cạnh nhau và anh ta ngang nhiên hôn tay tôi, trong lúc vẫn không ngừng nhìn về phía các vị khách khác. Tôi lập tức hiểu rằng anh ta không hợp với tôi. Anh ta khoe khoang về những ưu điểm của mình, giống như một vài phụ nữ thường khoe khoang về phẩm hạnh của họ vậy. Suốt bữa ăn, anh ta toàn nói về những gì anh ta đã đạt được sau khi rời đại học Cambrigde. Nghe anh ta nói, hẳn ta sẽ tưởng anh ta đã một tay phục hồi lại ngôi vua. Tóm lại, con người này chỉ là một tên hề đẹp mã, vênh váo và chán ngắt.

Bữa trưa kết thúc, chúng tôi đi lên phía thượng nguồn sông trên con thuyền của nhà Bedwell.

- Một cặp xứng đôi vừa lứa, cứ như là chúng nó sinh ra để cho nhau vậy. – Tôi nghe thấy bà Bedwell thì thầm với cha tôi.

Tôi ngồi bên Edmund, cảm thấy gò bó, lúng túng và nghĩ rằng chị Danes đã nịt áo lót của tôi quá chặt. Tôi chỉ thốt ra ít lời, chúng cũng chẳng có ý nghĩa gì với Edmund, bởi vì chỉ cần nghe được giọng nói của chính mình là anh ta đã lấy làm hài lòng rồi. Tôi quay ra ngắm những con thuyền nhỏ xinh xắn và cảm thấy sự háo hức của thành phố đang bên bờ của sự thay đổi. Hai bờ sông đã xanh tươi trở lại và những ngôi nhà bị bỏ quên trước kia giờ được sơn mới. Các quán rượu lại đầy người và khi đi qua, chúng tôi nghe thấy những tiếng tung hô hoàng đế vang ra, lướt trên mặt nước như những viên sỏi.

- Các nhà hát sẽ lại được mở cửa. Đức vua rất ủng hộ sân khấu. – Edmund nói. – Chúng ta phải tổ chức một buổi khai trương mới được.

Tôi không cần phải đáp lại. Tôi chỉ cần mỉm cười và tỏ ra chăm chú lắng nghe, tóm lại là

không hơn gì một con búp bê, một con rối biết chiều lòng người khác.

Chúng tôi đi qua Whitehall, cũng đã được chuẩn bị sẵn sàng để đón nhà vua, và nhìn thấy đường hầm bằng đá dài dằng dặc. Tôi nghĩ hẳn vua cha của đức thánh thượng hiện nay đã phải đi qua đây khi người bước lên đoạn đầu đài. Dòng chảy lịch sử đã thay đổi kỳ lạ biết bao!

Trong tòa lâu đài đầy người và Edmund tỏ ra rất khó chịu khi thấy cả đám hạ lưu, như anh ta gọi, cũng được phép vào đó. Một chàng trai nhắc chiếc mũ trang trí bằng lông vũ ra và cúi chào tôi với điệu bộ hết sức hoa mỹ.

- Đúng là một gã công tử bột ăn diện. – Edmund chỉ vào chàng trai và nói. – Hắn có nhiều dải băng đến nỗi nom như vừa đi cướp ở nửa tá cửa hàng về ấy. Chỗ dải băng đó phải đủ cho tới hai mươi người bán hàng rong là ít!

Bà Bedwell nói Edmund thật là một chàng trai hóm hỉnh. Tôi thầm nghĩ óc hài hước của bà ta cũng chỉ được đến thế thôi.

Chúng tôi đi dạo ở vườn Privy trước khi trở về nhà Bedwell, ở đó chúng tôi từ biệt nhau. Tôi rất thích thú lại được đi thuyền trên sông, được thấy Whitehall và ngắm bao người qua lại. Điều ấy khiến má tôi ửng hồng, nhưng Edmund lại tưởng đó là dấu hiệu cho thấy tôi có cảm tình với anh ta. Không nghi ngờ gì nữa, anh ta nghĩ việc hôn nhân của chúng tôi thế là đã được định đoạt.

- Coriander! – Hester gọi khi chúng tôi về đến nhà. – Đến đây nhanh lên! Chị có tin mừng muốn báo cho em biết!

Tôi lên phòng cô và thấy Joseph đang ngủ say trong nôi, còn Hester thì ngồi bên mép giường.

- Hester, chị đang làm gì vậy? Chị phải nghỉ đi chứ? – Tôi nói.

- Chị đã nghỉ rồi, nhưng em không thể đoán được ai đang ở đây đâu. – Cô nói vẻ phẫn khích.

- Ai vậy?

- Anh Ned của chị. Anh ấy vừa mới đến. Anh ấy đã đi khắp cả nước Anh để tìm chị. Em có tin được không?

Có tiếng gõ cửa và chị Danes bước vào cùng một chiếc váy mới đã được giặt sạch của Hester.

- Coriander, cha em bảo em xuống nhà gặp khách đấy. – Chị nói.

Tôi chỉnh lại váy áo và chạy xuống phòng làm việc.

Ned Jarret là một chàng trai cao lớn có khuôn mặt đỏ phừng phừng và đôi tay cũng đỏ. Anh giống Maud đến nỗi mới đầu tôi thấy sợ. Chỉ đến khi anh cất tiếng nói thì anh mới không còn giống Maud nữa, bởi vì tôi chưa từng gặp một ai tốt bụng và hiền lành như thế. Câu chuyện của anh thật đáng buồn và cảm động.

Thì ra anh đã bị mắc kẹt trong chiến trận và gia nhập Đội Tân Binh của Cromwell. Phải mấy năm sau anh mới gặp được người cha, đang sống trong cảnh nghèo khổ ở Birmingham.

Ned cũng bị thương ở đầu. Anh bị ám ảnh bởi những cảnh khủng khiếp mình đã phải chứng kiến đến nỗi hầu như không còn thiết sống nữa. Anh đã cố gắng hết sức mình chăm sóc cha. Sau đó họ rất mừng vì tìm được việc làm ở miền Bắc. Hai cha con làm thuê cho một nông dân đã mất hết các con trai trong chiến trận và cần có người giúp công việc đồng áng, người tàn tật cũng được. Họ sống với nhau ở đó một cách thanh thản.

Anh mới kể đến đây thì Hester bước vào. Cha con tôi để họ lại với nhau vì rõ ràng Hester muốn nói chuyện riêng với anh trai.

Bữa tối hôm đó thật đông đúc: chị Danes, ông Thankless, Hester và Gabriel, Sam, Ned, cha tôi và tôi. Những cây nến đã cháy hết trước khi chúng tôi kịp kể xong một nửa những gì cần kể.

- Anh Ned, anh mất bao lâu mới tìm được Hester? – Gabriel hỏi.

Ned hạ giọng khẽ nói:

- Giá mà tôi đi tìm con bé sớm hơn, nhưng đầu óc tôi đã bị mù đi vì những cảnh đầu rơi máu chảy đến nỗi tôi không sao suy nghĩ rõ ràng được. Khi trở lại làng cũ, người ta kể cho tôi đủ thứ chuyện, và thật tình tôi không biết phải tin ai nữa.

- Cha cậu có còn không? – Cha tôi hỏi.

- Thừa không, cha tôi đã mất vào ngày lễ thánh Michel năm ngoái. Cầu chúa cho linh hồn ông được an nghỉ.

- Tôi rất tiếc, và tôi cũng lấy làm buồn là cậu đã không tìm ra Hester sớm hơn.

- Em cũng vậy, bởi vì em rất muốn được gặp lại cha và chăm sóc cả hai người. – Hester nói, nước mắt trào ra.

Ned nắm lấy tay cô.

- Anh và cha luôn cầu nguyện cho em.

Hester thốn thức và một lát sau cha tôi nói:

- Tôi phải nói rằng cậu đã giải thoát cho tôi khỏi một nỗi phiền muộn lớn, chàng trai thân mến ạ. Thật sung sướng khi biết rằng cuộc hôn nhân của tôi với Maud Leggs là không hợp pháp.

- Ông không thể lấy bà ấy được. Không có điều luật nào cho phép một người phụ nữ có hai chồng cùng một lúc.

- Ned. – Cha tôi nói. – Tôi xin đảm bảo rằng tôi đã kết hôn với mẹ cậu chỉ vì nghĩ rằng bà ta là một quả phụ đã mất chồng trong chiến tranh.

- Tôi tin là như thế. – Ned nói. – Bà ấy là một phụ nữ đáng sợ, không tốt bụng cũng chẳng dịu

dàng. Khi còn nhỏ, tôi vẫn nghĩ bà ấy là một cơn bão hóa thành người. Bà có một cuộc sống khó khăn, nó khiến bà càng thêm khắc nghiệt.

Hester ngả đầu lên vai anh trai.

- Anh không biết phải làm sao nữa khi nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ gặp lại em. – Ned nói.
- Anh không quan tâm chuyện gì đã xảy ra với mẹ, nhưng anh rất thương em, Hester ạ. Em là một cô bé dũng cảm và đã bị lợi dụng một cách bỉ ổi. Anh đã thức trắng hàng đêm vì lo lắng không biết số phận em ra sao. Anh chỉ sợ sẽ thấy em trong cảnh tệ hại, sau khi phải nghe những chuyện về mẹ và lão truyền giáo đó. Anh rất sung sướng khi thấy em đã lập gia đình và có cuộc sống hạnh phúc.

Đó là một buổi tối vui vẻ mà đã lâu rồi tôi mới được trải qua. Tôi nghĩ chúng tôi thực là nhóm người kỳ dị, một lính Tóc Ngắn đã chiến đấu trong quân đội của Cromwell và những người Bảo hoàng đã ủng hộ nhà vua, người nào cũng sẵn sàng chết cho sự nghiệp mà mình tin tưởng, vậy mà giờ chúng tôi lại cùng sum họp ở đây, với nhiều điều để đoàn kết hơn là chia rẽ chúng tôi.

- Đất nước này đã bị chia rẽ. – Ned nói. – Anh chống lại em, cha chống lại con. Không thể có điều gì tốt đẹp khi người trong một nhà lại đánh lẫn nhau.

- Đúng thế. – Cha tôi tiếp lời. – Giờ đã là một thập kỷ mới. Hy vọng rằng đức vua mới sẽ hàn gắn được những vết thương cũ. Hãy để các vòi nước chảy tràn rượu vang chứ không phải máu.

Hester khẽ nói:

- Cha Thomas, nếu mẹ con không kết hôn với cha...

- Điều tuyệt vời nhất mà mẹ con đã đem đến chính là con. – Cha tôi ôn tồn. – Hãy xem ta đã có một gia đình đông đúc nhường nào. Đúng là một điều đáng tự hào đấy.

- Em cũng đồng ý với cha. – Tôi thêm vào. – Bởi vì em sẽ không bao giờ có một người chị gái dũng cảm và đáng yêu nếu Maud không bước vào cuộc đời của cha con em.

Từ sau bữa trưa ở nhà Bedwell, ngày nào Edmund cũng đến thăm tôi, cho dù anh ta có được đón chào hay không. Quả thực tôi bắt đầu sợ những cuộc thăm viếng của anh ta. Tôi ước gì mình có chút tình cảm gì đó với Edmund, nhưng tôi không thể.

- Anh chàng đẹp trai đấy chứ. – Hester nói.

- Chắc chắn là vậy rồi. – Tôi đáp.

Và thông minh nữa. Gabriel bảo, nếu muốn, anh ta có thể biến ngày thường thành ngày hội được.

- Em không nghi ngờ gì chuyện đó. Nhưng chị Hester, em không có tình cảm gì với anh ta cả, không một chút nào!

- Rồi tình cảm sẽ đến. Có rất nhiều người ban đầu chẳng nghĩ gì đến nhau, nhưng sau khi kết hôn họ đều yêu nhau cả.

- Hester, thế chị có chạy trốn với Gabriel và lấy anh ấy nếu chị không yêu anh ấy hay không?

- Không. – Hester nói. – Nhưng đó lại là chuyện khác. Chị muốn nói là...

- Không, không khác đâu. – Tôi cắt ngang. – Em thà không lấy chồng còn hơn là lấy một người em chẳng có tình cảm gì cả.

- Ôi trời ơi! – Hester kêu lên. – Em đang yêu một ai khác rồi. Chị thấy rõ là như thế.

Tôi chỉ có thể gật đầu, bởi vì những tiếng thốn thức đang khiến tôi trở nên lố bịch.

Edmund càng theo đuổi tôi, tôi lại càng nhớ Tycho nhiều hơn. Tại sao người ta không thể để cho tôi yên để tôi có thể trấn tĩnh trở lại? Có khi đến lúc đó tôi có thể có tình cảm gì với Edmund cũng nên, mặc dù trong thâm tâm tôi nghi ngờ điều đó.

Đêm đêm, khi chỉ có một mình trong phòng, tôi lại ngắm đôi hài bạc và cầu mong cho câu chuyện của mình có một kết cục khác. Tôi không ngủ được, tôi không thiết ăn uống, tóm lại, tất cả mọi tình cảm trong tôi đều bị đảo lộn. Tôi hầu như thấy hối hận vì đã quyết định quay về. Tôi chỉ biết nuốt nước mắt và tự bảo mình không được trẻ con như thế nữa.

Cách xử sự của tôi khiến ai cũng tưởng rằng tôi đã phải lòng Edmund, mà anh ta thì nghĩ rằng Chúa đã cho anh ta cái quyền được làm chồng tôi. Tại sao mọi chuyện lại xoay ra như vậy, quá nhanh chóng và không cần có sự ưng thuận của tôi, tất cả khiến tôi không sao hiểu nổi, và khiến tôi cảm thấy có lỗi nữa. Tôi không có tình cảm gì dành cho Edmund Bedwell, và tôi chỉ mong anh ta biến đi cho khuất mắt. Tất cả những gì tôi có thể hiểu là trong cuộc đời này, người ta thích mọi thứ được thu xếp gọn ghẽ và tôi đoán mọi người đều nghĩ rằng hôn nhân là một mối ràng buộc cần thiết.

Đã gần hết tháng năm. Ngôi nhà của chúng tôi, cũng như tất cả những ngôi nhà khác ở London, đều bận rộn chuẩn bị đón nhà vua trở lại. Ai ai cũng mong cho ngày ấy diễn ra vui vẻ, và mọi gia đình có kế hoạch ăn mừng riêng. Những người may mắn có nhà nhìn ra con đường đức vua sẽ đi qua bỗng dưng thấy họ có vô số bạn bè mới.

Hiệu may là một trong những nơi có tầm nhìn tốt nhất. Chúng tôi định sẽ đến nhà ông Thankless thật sớm, trước khi phố xá chật cứng người. Cả London sẽ đổ ra đường.

Cả nhà đều náo nức vì cha tôi đã được mời tháp tùng nhà vua trong cuộc diễu hành trở lại lâu đài Whitehall. Còn có tin ông sẽ được phong tước hiệp sĩ vì những gì ông đã làm cho đức vua. Khi chị Danes nghe tin này, trông chị như đang bay bổng trên mây vì tự hào.

- Ôi ông chủ! – Chị nói, đưa khăn lên lau mắt. – Bà Eleanor vẫn bảo tôi rằng một ngày kia ông sẽ trở thành một người cao quý mà!

Tối hôm trước, Edmund đến nhà tôi và xin phép được nói chuyện riêng với cha tôi. Tôi đứng ở đầu cầu thang nhìn anh ta. Nước Anh đã thoát khỏi tên độc tài, ấy vậy mà trong khi thời khắc trôi qua, tôi lại cảm thấy tự do của chính mình đang dần dần tuột mất như những hạt cát của thời gian.

Edmund quay về mà không đòi gặp tôi, và tôi nhẹ cả người khi cánh cửa khép lại sau lưng anh ta. Rồi cha tôi gọi tôi vào buồng làm việc. Ông vận quần áo đi đường, chiếc túi yên của ông

đã đợi sẵn ở trước cửa, sẵn sàng để nhập vào đội ngũ tháp tùng đức vua và cưới ngựa theo sau người khi diễu hành qua thành phố.

- Con có biết Edmund muốn gì không? – Ông hỏi.

Một cảm giác nôn nao trĩu nặng trong lòng tôi. Tôi biết ông sắp nói gì.

- Edmund đã xin hỏi cưới con. Cậu ta đã ăn nói rất đúng mực. – Cha tôi nói. – Cậu ta có đủ mọi lý do tại sao con nên làm vợ cậu ta. “Cây si” của con đã định sẵn mọi việc.

- Con chỉ muốn anh ta để cho con được yên. – Tôi cúi kính đáp.

- Có vẻ cậu ta quyết lấy được con, và con có thể vớ phải những đám tệ hơn nhiều.

- Nhưng cha, con không yêu anh ta. Và sẽ không bao giờ yêu. – Rồi sau đó tôi thốt ra một điều mà ngay cả chính tôi cũng lấy làm kinh ngạc. – Con yêu một người khác.

Vậy đó! Tôi đã nói ra.

Cha tôi đứng bên cửa sổ nhìn ra sông. Những chiếc chuông đã bắt đầu rung lên.

- Cha vẫn sợ là như thế. – Ông nói và quay lại nhìn tôi. – Chỉ nhìn con là đủ thấy. Người đó là ai? Anh ta ở đâu?

- Chàng ở thế giới của mẹ. Chàng là một hoàng tử. Tên chàng là Tycho. Con đã rời bỏ chàng để về nhà với cha. Cha yên tâm. Con sẽ không gặp lại chàng nữa đâu. – Tôi buồn rầu đáp.

- Ngày ấy khi cha gặp mẹ con dưới bóng cây sồi bên đường, cha đã lập tức phải lòng mẹ. – Cha tôi nói. – Cha sẵn sàng đi theo mẹ tới cùng trời cuối đất. Điều may mắn nhất đời cha là mẹ con cũng cảm thấy như vậy. Cha không thể ép con lấy một người mà con không yêu. Thực là điên rồ. Con phải sống thật với trái tim mình, Coriander ạ.

- Rắc rối chính là ở đó, cha! Trái tim của con không ở đây, không ở thế giới này, và người con như bị xé làm đôi.

- Coriander tội nghiệp của cha! – Cha tôi nói. – Cha phải thú nhận là cha mong cho con lấy Edmund, như thế con sẽ ở lại đây. Cha không thể chịu đựng được nếu lại mất con. Nếu mẹ con còn sống, mẹ sẽ bảo con hãy can đảm làm theo những gì tình cảm của con mách bảo. Chính mẹ đã làm như vậy. Cha có thể thấy rằng Edmund không bao giờ làm cho con hạnh phúc, mà chỉ sống hòa thuận thôi thì cha đoán chắc với con là không đủ. Cha chỉ yêu cầu con hãy đợi cho đến khi đức vua trở về đã. Sau đó nếu con có muốn xỏ chân vào đôi hài bạc thì cha cũng sẽ hiểu.

- Quá muộn rồi cha ạ. – Tôi nói.

- Cha hy vọng là chưa. – Ông hôn tôi rồi ra khỏi phòng. Tôi đứng trong phòng, ngắm sông Thames chảy qua và bật khóc vì bị giằng xé giữa hai thế giới, chẳng khác gì dòng chảy kia.

35. Tên hề và bộ tóc giả

London thức giấc trong bản đồng ca của những chùm chuông đã phải câm lặng suốt một thời gian dài. Chúng reo vang đón chào một ngày mới. Ngay cả không khí dường như cũng đổi khác vì sự náo nức của mọi người.

Sáng sớm hôm đó Edmund đến cầu hôn tôi. Anh ta chọn lúc ít thích hợp nhất, lúc mọi người trong nhà đang nháo nhác cả lên. Anh ta đứng đó, giữa tiền sảnh, trong một bộ quần áo mới bảnh chọe với chiếc áo khoác dài tới tận đầu gối, tất lụa và giày đính nơ. Anh ta mang một bộ tóc giả to tướng không hợp chút nào, nó làm khuôn mặt anh ta choắt lại, nom thật ti tiện.

- Coriander, tôi muốn được nói chuyện riêng với cô. – Anh ta nói khi Hester chạy xuống nhà với đứa bé, nó vừa trớ ra chiếc váy mới của cô. Tôi nghe thấy tiếng nôi niêu rơi loảng xoảng xuống nền đá trong bếp. Ned chạy ngang qua chúng tôi, mới chỉ mặc sơmi, tay còn bung một chấu nước.

- Chúng ta sẽ không thể chuẩn bị kịp đâu. – Tôi nghe chị Danes nói.

Edmund không để ý và mở cửa phòng làm việc như thể anh ta đã làm chủ nó vậy.

- Xin anh có thể để sau được không? – Tôi van vãn. – Bây giờ không phải lúc.

- Trong một ngày đầy những dấu hiệu tốt như thế này ư? Tôi không thể tìm được lúc nào thích hợp hơn. – Anh ta nói, kéo tôi vào phòng làm việc và khép cửa, ngăn lại mọi tiếng ồn ào quen thuộc trong nhà.

- Tôi muốn cô làm vợ tôi.

Tôi không biết trả lời thế nào khác ngoài một tiếng “không” cụt ngủn. Sự im lặng của tôi không làm Edmund bối rối chút nào.

- Cuộc hôn nhân của chúng ta xứng đôi vừa lứa, tôi chắc cô cũng sẽ đồng ý với tôi như thế. Cả hai bên gia đình sẽ cùng thu được rất nhiều lợi ích từ cuộc hôn nhân này. Tôi đã thừa chuyện với cha cô. Tất nhiên, để đổi lại việc được mang tên họ danh giá của tôi, tôi mong cô sẽ trông nom nhà cửa một cách tử tế, nuôi dạy con cái theo đúng cung cách của những người biết kính Chúa, và luôn luôn nghe lời. – Anh ta điểm một nụ cười nhạt. – Đúng ra là tôn kính tôi, với cương vị là người chồng.

Tôi chỉ muốn cười phá lên, phải bặm môi để ngăn mình lại. Nhưng Edmund không hề hay biết. Anh ta cứ thao thao bất tuyệt như thể tôi đã chấp nhận lời cầu hôn rồi vậy.

- Như cô đã biết, tôi có ý định vào Nghị viện và tôi yêu cầu vợ mình phải ủng hộ tôi trong mọi việc. – Anh ta quay đi, phô ra nét sắc gọn và khắc nghiệt, lấy ra một chiếc khăn tay là phẳng và hỉ mũi thật to.

Ồi, nhanh lên và biến đi cho tôi nhờ, tôi nghĩ thầm, mong có ai đó đến kiếm tôi, làm anh ta

sao nhãng đi.

Edmund hắng giọng:

- Coriander ạ, tôi đã hỏi ý kiến một số người bạn rất xuất chúng và chúng tôi nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu từ giờ cô lấy một cái tên giản dị hơn là Ann Bedwell. Cái tên ấy hợp hơn với vợ của một thành viên Nghị viện.

Tôi cố trả lời thật dịu dàng rằng có lẽ anh ta đã hỏi nhầm người, vì tên tôi là Coriander và sẽ không bao giờ tôi thay đổi nó cả.

- Tôi chỉ muốn nói rằng... - Anh ta có vẻ lúng túng vì câu trả lời của tôi.

- Tôi biết rất rõ anh muốn nói gì. - Tôi đáp. - Anh muốn tôi vẫn có bề ngoài như thế này nhưng thực chất lại là một người khác. Tôi không thể làm như thế được. Tôi đã từng bị cướp đi cái tên này. Tôi đã phải đấu tranh để giành lại nó. Tên tôi là Coriander. Tôi không phải là cô Ann mà anh tìm kiếm.

- Tôi mong cô hãy suy nghĩ kỹ về lời đề nghị của tôi trước khi có một quyết định vội vã, có thể khiến cô hối tiếc sau này. - Edmund nói.

- Thưa ngài, câu trả lời của tôi là không.

Chị Danes đã cứu tôi. Chị chạy vào phòng làm việc mà không nhìn thấy Edmund.

- Chúng ta lên đường thôi, chim sẻ của chị. Thuyền đang đợi để chở chúng ta đến cầu rồi. Chúng ta không được bỏ lỡ một phút nào trong ngày tuyệt vời này.

- Thưa bà, - Edmund lên tiếng, - đáng lẽ bà phải biết gõ cửa trước khi vào chứ? Đây đâu phải là cái nhà kho!

Chị Danes tỏ vẻ ngạc nhiên khi bị nói với giọng như vậy. Tôi nghĩ chị sắp cho anh ta một bài học thì Gabriel bước vào.

- Đi thôi nào, các bà các cô. Mọi người đang đợi đấy. Ông có cần gọi xe không, thưa ông? - Anh hỏi thêm khi nhìn thấy Edmund.

- Lạy Chúa, trong cái nhà này không có sự riêng tư hay sao? - Edmund kêu lên, lờ Gabriel đi.

Tôi nắm cánh tay chị Danes và ra khỏi phòng, cảm thấy như một con chim én mới được sổ lồng. Chúng tôi bước xuống những bậc thang dẫn đến bờ sông, ở đó tất cả mọi người, kể cả Hester và bé Joseph đang đợi sẵn.

Tôi không thể không nhớ cái ngày tôi và Gabriel đã tới đây để gặp mặt Maud và Arise. Gabriel nhìn tôi như đang có cùng một ý nghĩ, rồi anh mỉm cười và siết chặt bàn tay tôi.

Khi chúng tôi rời cửa cổng và đi ra khoảng sông lấp lánh ánh mặt trời rực rỡ, dòng Thames chưa bao giờ lại có vẻ từng bừng đến thế. Thuyền bè, phà và xà lan đều được trang hoàng bằng hoa và những dải băng. Mọi người ca hát, vẫy chào nhau như thể cả London đều quen nhau, và tôi thấy lòng rạo rực. Tôi biết một điều gì đó rất đặc biệt sắp xảy ra.

Chúng tôi cập bến ở những bậc thang dẫn lên cầu và hòa vào dòng người, ai nấy đều cố tìm một vị trí đẹp nhất để ngắm đám rước hoàng gia. Chúng tôi chen lấn mãi mới tới được cửa hiệu của ông Thankless. Nell đang đợi chúng tôi.

- Thật mừng khi thấy mọi người. – Chị nói. – Các bạn không thể tin được là có bao nhiêu người đã xin trả cả đồng tiền để được đến đây với chúng ta đâu, đây là chỗ có tầm nhìn đẹp mà!

- Tôi hy vọng là chị đã từ chối hết bọn họ. – Chị Danes lo ngại nói.

- Tất nhiên là vậy rồi. – Nell cười, đứng bên ô cửa như một con chó giữ nhà. – Hãy nhìn ngoài đường xem, chỗ nào cũng toàn hoa là hoa! Thật không thể tin nổi là chúng ta sẽ được tận mắt nhìn thấy hoàng đế! Tôi chỉ sợ lúc người đi qua thì tôi ngất xỉu mất.

Cửa hiệu trông khác hẳn ngày thường. Những súc vải đã được cất đi và trên mặt quầy bày la liệt nào là thịt lợn quay, thịt bò, thịt gà, bánh, kẹo, cam và những trái dâu tây đầu mùa.

- Các bạn thấy thế nào? – Nell tự hào hỏi.

- Tôi nghĩ đây quả là một bữa tiệc xứng đáng với hoàng đế! – Gabriel đáp.

Ông Thankless bước ra đón chúng tôi với những ly sâm banh. Chúng tôi họp thành một nhóm vui vẻ. Tầm nhìn từ cửa sổ tầng trên xuống phố Cầu không thể nào đẹp hơn nữa. Chúng tôi thấy mọi thứ. Bên dưới, đám đông chen chúc nhau. Người ta trèo ra cả ngoài cửa sổ và ngồi lên mái nhà hòng có thể thấy được đám rước. Cây cầu được phủ toàn vải óng ánh vàng và các cửa sổ được che thảm thêu màu bạc. Tất cả đều sáng rực lên dưới ánh mặt trời buổi sáng.

- Khi Olive Cromwell vào thành phố, chẳng có ai rắc hoa dọc đường ông ta đi cả. – Chị Danes nói, cẩn thận không gọi ông ta là lão Noll, để anh Ned khỏi phật lòng.

- Tôi nhớ rõ ngày ấy. – Ông Thankless nói. – Chúng tôi sợ quân đội sẽ giết bất cứ người London nào chúng gặp trên đường. Giờ hãy nhìn xem mọi thứ đã thay đổi ra sao!

Chúng tôi còn phải đợi một lúc lâu nữa mới thấy đức vua nhưng khi người tới Cổng Phán Trắc, đám đông lớn tiếng reo hò nên mặc dù chưa được thấy người, chúng tôi vẫn biết người đang đi tới.

Tôi có thể kể gì cho các bạn nghe về khoảnh khắc đức vua xuất hiện? Chúng tôi ngả ra bên ngoài cửa sổ để vẫy chào và tung hô. Tôi nghĩ người trông thật kì diệu, mặc toàn đồ trắng và vàng lấp lánh, với mái tóc dài sẫm màu và gương mặt đẹp đẽ, người mỉm cười quay sang hai bên đường đáp lại tiếng tung hô của các thần dân. Hester bế cao đứa bé lên, chị Danes thốn thức, và Nell thì phải giữ chặt lại kéo chị ta ngã lộn nhào ra ngoài cửa sổ vì muốn với về phía đức vua. Niềm hân hoan lớn đến nỗi ngay cả Ned, một người Thanh giáo chính cống từ đầu đến chân, cũng có vẻ vui sướng.

Bỗng nhiên một cảm giác kỳ lạ bao trùm tôi. Mọi vật như nhòa đi. Tất cả những gì tôi thấy là đức vua và con tuấn mã cao lớn, trắng muốt của người. Tôi nhìn chăm chăm vào bạch mã như hóa đá. Cổ bờm và bộ lông của nó tỏa sáng như có ánh trăng chiếu rọi từ bên trong, và khi tôi nhìn tuấn mã, nó khẽ lúc lắc đầu, nhìn thẳng vào tôi. Tim tôi đập mạnh. Có thể thế được chăng? Điều đó có thể xảy ra chăng? Tôi thậm chí còn không dám thì thầm ý nghĩ ấy với chính mình.

Thế rồi, cũng đột ngột như vậy, mọi thứ trở lại như cũ: tiếng chuông, tiếng ồn ào, tiếng tung hô, đám rước, còn đức vua và con ngựa của người đã đi qua.

- Em có sao không, Coriander? – Chị Danes hỏi. – Trông em như vừa nhìn thấy ma vậy.

- Em cần chút không khí. – Tôi nói.

- Cô đến gần cửa sổ hơn đi. – Nell nói, bước sang một bên nhường chỗ cho tôi.

- Thôi, cảm ơn chị. Tôi sẽ xuống dưới nhà.

Tôi rời căn phòng thật nhanh. Tôi biết tôi phải quay về nhà.

Tôi mở cánh cửa hiệu may thì thấy Edmund đang đứng đó, chắn đường tôi. Anh ta nắm lấy cánh tay tôi, đẩy tôi trở lại vào trong, rồi đóng chặt cửa lại.

- Như cô đã biết, tôi đã thừa chuyện với cha cô. Gia đình tôi đang ở cùng với ông Alderman Harcourt và họ muốn tôi dẫn cô tới chỗ họ để chúng ta có thể thông báo tin đính hôn.

- Tôi cần không khí. – Tôi nói, cố đẩy anh ta ra.

Anh ta tóm được tôi.

- Tôi có thể thấy rằng lời cầu hôn của tôi khiến cô bị bất ngờ.

Tôi kinh ngạc nhìn anh ta.

- Thừa ngài, chẳng lẽ ngài không hiểu rằng tôi không yêu ngài ư? Tôi sẽ không bao giờ lấy ngài. Không bao giờ.

- Tôi nghĩ rồi cô sẽ hối tiếc vì đã quyết định như vậy đấy. – Edmund lạnh lùng nói, càng nắm chặt cánh tay tôi hơn.

Tôi giật tay ra.

- Hãy để tôi yên. Anh là một tên gốc, Edmund Bedwell ạ. – Tôi nói rồi lấy tay khẽ vén váy lên, tôi lao vào dòng người. Tôi nghe thấy Edmund đuổi theo sau, trong khi tôi tránh bên này bên nọ, rồi cuộc cũng “bỏ rơi” được anh ta. Đám đông dồn ép tôi từ mọi phía như một đàn cá, họ ồn ào đến đỉnh tai nhức óc. Tôi vượt qua những Cây Nêu tháng Năm và những người đi dự hội, ai nấy đều diện đồ đẹp và đang hết sức phấn chấn. Tôi dám chắc đã thấy cả Medlar, cây đèn tròn của ông nhấp nhô đây đó. Rồi ông biến mất khi có ai đó hô lên “Rượu vang đang tuôn chảy ở các vòi phun!”, tiếng hô tràn vào đám đông như một cơn gió và bọn họ dồn tới để đáp lại.

Tôi chạy và chạy, chen qua đám người mà chạy. Cuối cùng tôi dừng lại ở cổng vườn, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Tôi vượt chiếc váy cho phẳng lại và kéo vạt áo xuống. Mái tóc tôi đã tuột ra, tôi phải với tay ra sau đầu để găm lại những lọn tóc dài.

- Xin đừng để con nhìn lầm! – Tôi buột ra thành tiếng – Xin đừng!

Run rẩy, tôi nhấc chiếc then cài ra.

Trong một thoáng, tôi nghĩ hẳn đây chỉ là trò chơi khăm của ánh sáng hay của một giọt nước mắt trong khóe mắt tôi, bởi khu vườn của mẹ đang bùng lên muôn màu, rực rỡ hơn bao giờ hết. Những cây hương thảo, xạ hương, rau mùi, bạc hà, những bông hồng, cúc vạn thọ và oải hương đều lấp lánh như châu ngọc. Tôi lướt bàn tay qua những đóa hoa, và một đàn bướm vụt lên, đôi cánh chớp chớp bay về phía mặt trời như cùng hòa nhịp đập với trái tim tôi.

Trong vườn không có ai, tôi ngoảnh đầu nhìn về phía cửa ra vào. Chàng đang đứng đó trên bậc cửa, soi sáng lung linh như một làn hơi nóng. Chỉ sợ đôi mắt đang đánh lừa mình, tôi chậm chậm bước về phía chàng.

Chàng hiện ra rõ ràng hơn. Là Tycho! Đúng là Tycho rồi!

- Chàng đã đến!

Chàng ôm lấy khuôn mặt tôi.

- Coriander, sao ta có thể để mất em được? Em là chiếc bóng của ta. Em là ánh sáng của ta. Em sẽ là của ta chứ, Coriander?

Tôi quàng tay ôm lấy chàng và trong giây phút đó, tôi biết rằng thế giới này và thế giới bên kia mặt gương tráng bạc đã hòa làm một, tất cả đều tốt đẹp và tương lai thuộc về hai chúng tôi.

Bình minh đã rạng và người canh đêm đang báo một ngày mới bắt đầu. Câu chuyện của tôi đã được kể lại. Nó không được ghi lại theo thời khắc của thế giới này. Và cùng với nó, tôi thổi tắt ngọn nến cuối cùng.

Bối cảnh lịch sử

Nếu chúng tôi - những cái bóng - khiến bạn bận lòng

Hãy nghĩ thế này và tất cả sẽ lại thành hư không:

Rằng bạn chỉ vừa thiu thiu say trong giấc nồng

Và bao cảnh vừa qua cũng chỉ là giấc mộng...

(Giấc mộng đêm hè – William Shakespear)

Câu chuyện lấy bối cảnh của nước Anh Cộng hòa thời kì Cromwel sau khi phe Bảo hoàng bị đánh bại trong cuộc Nội chiến và vua Charles I bị xử tử ở Whitehall vào tháng Giêng năm 1649. Đó là thời kỳ của một “cuộc thử nghiệm vĩ đại” – khi mà nước Anh cố rũ bỏ chế độ quân chủ để trở thành một nước Cộng hòa. Những gì xảy ra trong những năm 1640 và 1650 đã tạo nên Nghị viện và nền quân chủ như hiện giờ.

Thời nay chúng ta khó mà hiểu được người dân đã bàng hoàng ra sao khi nhà vua bị xử tử. Từ trước cho tới lúc đó, tất cả đều tin rằng quốc vương có một quyền lực thiêng liêng, được Chúa lựa chọn để cai trị nhân dân và đứng đầu Giáo hội Anh. Charles I cũng tin tưởng hoàn toàn vào quyền lực thiêng liêng của các quốc vương. Ông đã kết hôn với một hoàng hậu của nhà thờ La Mã, và điều này khiến người không được lòng dân. Charles I không phải là một chính trị gia giỏi hay một nhà lãnh đạo khôn ngoan. Ông ta đưa ra nhiều quyết định sai lầm để rồi cuối cùng dẫn đến sự bùng nổ của cuộc Nội chiến.

Cuộc Nội chiến kéo theo những trận chiến đẫm máu, cốt nhục tương tàn, chia rẽ trong nội tộc và bằng hữu, phá hủy đất đai khiến dân chúng vô cùng khổ cực, nạn đói hoành hành. Có hai phái, phái bảo hoàng, ủng hộ nhà vua, và Thanh giáo (còn gọi là bọn Tóc ngắn vì mái tóc cắt ngắn của họ). Phái Thanh giáo gồm những người Tin lành sùng đạo muốn cải cách Giáo hội Anh và ngăn không cho nó rơi lại vào tay Giáo hội Thiên Chúa La Mã. Họ tin rằng chỉ có Kinh thánh mới là biểu tượng cho quyền lực của Chúa, và rằng ngày Chủ Nhật thì phải được dành riêng cho việc cầu nguyện, hát tụng thánh thi. Những hoạt động như khiêu vũ, diễn kịch, ca hát, và biểu diễn âm nhạc đều bị coi là phù phiếm. Oliver Cromwell là người chiến sĩ vĩ đại của họ và là vị tướng chỉ huy quân đội của họ, Đội Tân Binh.

Nội chiến kết thúc cùng với việc vua Charles I bị chém đầu. Tiếp theo đó là mười năm của nền Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Oliver Cromwell. Cromwell ra lệnh đóng cửa tất cả các nhà hát, cấm tổ chức lễ Giáng Sinh cũng như bánh Giáng Sinh. Những Cây Nêu tháng Năm không được phép dựng lên nữa và ai không đi lễ nhà thờ đều bị trừng phạt. Rất nhiều nhà thờ cổ đã bị phá hủy, những ô cửa sổ kính màu bị đập nát và những thánh tích bị đốt sạch, bởi vì Chúa phải được thờ phụng một cách giản dị và thanh sạch.

Vô số giáo phái Tin lành cực đoan bỗng nảy sinh: phái Leveller, phái Ranter, phái Quaker, phái Digger, và rất nhiều giáo phái khác nữa, một số có biểu hiện đặc biệt cực đoan và quá khích. Trong số này có giáo phái Fifth Monarchists. Họ là những người theo trào lưu tôn giáo chính thống, và tin rằng mọi kẻ có tội phải được dọn sạch khỏi nước Anh. Chỉ đến khi đó thì Vương triều Thứ năm mới được thiết lập, vương triều của Chúa Jesus Christ, người sẽ tới trị vì nước Anh. Trong một thời gian họ đã gây ảnh hưởng rất lớn đến nền chính trị, nhưng rồi rốt cuộc ngay cả Oliver Cromwell cũng phải thấy rằng những đòi hỏi của họ là quá đáng và không thêm tiếp đãi họ nữa.

Nói chung London không bị ảnh hưởng bởi cuộc Nội chiến lắm, chủ yếu bởi nhà vua đã bỏ rời kinh đô của mình để chạy đến Oxford. Sau đó, khi Cromwell có vẻ sắp thắng thế, người ta đã ra một quyết định sáng suốt là không đóng cổng thành London mà để cho ông ta tự do tiến vào thành phố.

Các con trai của Charles I và vợ là hoàng hậu Henrietta Maria trước đó đã tị nạn ra nước ngoài, nhưng đến năm 1653 con trai cả của nhà vua, hoàng tử Charles, quay trở lại Scotland. Ở đây hoàng tử được tôn lên làm vua và tập hợp một đội quân để đánh lại Cromwell trong trận

Worcester. Mặc dù nhà vua trẻ đã chiến đấu rất kiên cường, đội quân của người vẫn không thể địch lại quân của Cromwell. Bại trận, Charles II khi ấy mới mười chín tuổi đã phải trốn chạy với một giải thưởng treo trên đầu. Ông ta suýt bị bắt nhiều lần, thậm chí từng phải trốn trên một cây sồi trong khi quân lính dẫn chó đi đánh hơi tìm kiếm. Cuối cùng, sau sáu tuần, Charles II chạy thoát được sang Pháp.

Cromwell nhận ra rằng cai trị trong hòa bình khó khăn hơn là chỉ huy trong chiến trận nhiều. Ông ta trả thù tất cả những ai đã từng ủng hộ phái Bảo hoàng, tịch thu đất đai và tài sản của họ. Vào thời đó, người khôn ngoan là người tỏ ra mình là một tín đồ Thanh giáo ngoan đạo. Thật ra, Cromwell cũng gặp phải nhiều rắc rối với Nghị viện không kém gì Charles I. Cuối cùng, ông ta gần như đã trở thành một kẻ độc tài. Người ta đã dâng lên ông chiến lợi phẩm vĩ đại nhất, ngai vàng, nhưng ông ta từ chối, vì muốn giữ nguyên cái danh hiệu đã được phong cho vào năm 1653, danh hiệu Hộ Quốc Công.

Cromwell qua đời vào tháng 9 năm 1658. Richard, con trai ông ta, biệt hiệu là Dick Đồ Nhào lên kế vị. Nhưng Richard không được thừa hưởng khả năng lãnh đạo của cha mình. Chính tướng Monck, một trong những cận thần tin cậy nhất của Cromwell, đã thấy được rằng nước Anh lại sắp sửa rơi vào một cuộc nội chiến mới và đưa ra quyết định dũng cảm, bất chấp ý kiến của quân đội: mời Charles II trở về và lên ngôi trị vì nước Anh. Và vậy là thời kỳ khôi phục chế độ quân chủ bắt đầu.

HẾT

[1] Coriander có nghĩa là cây rau mùi

[2] Nguyên văn “Round head”: những người thuộc Thanh giáo chống lại phái Bảo hoàng trong cuộc nội chiến tại Anh thế kỷ 17

[3] Hình đầu người hoặc đầu thú trang trí theo phong cách kiến trúc gôtic

[4] Thankless có nghĩa là vô ơn, bạc bẽo

[5] Thần khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp, phải vác cả bầu trời trên vai

[6] Vị thần cai quản đại dương trong thần thoại Hy Lạp

[7] Arise có nghĩa là đứng dậy, sống dậy, hồi sinh. Fell là động từ quá khứ của Fall, có nghĩa là ngã xuống, rơi xuống

[8] Vị tiên tri vĩ đại dẫn đường cho dân tộc Do Thái thoát khỏi ách thống trị của Ai Cập

[9] Joan Arc (6/1/1412 - 30/5/1430) còn gọi là Jeane d’Arc, nữ anh hùng người Pháp trong Cuộc chiến Trăm năm giữa Pháp và Anh, được Giáo hoàng Benedict XV phong thánh vào ngày 16 tháng 5 năm 1920

[10] Loại hoa nhỏ có ngũ bông, in trong quốc huy của Tô-cách-lan

[11] Walter Raleigh (1554 - 1618): nhà văn, nhà thơ, nhà thám hiểm người Anh.

[12] Tên hai thành phố nổi tiếng trụ lạc trong Kinh thánh

[13] Nguyên văn như con mèo được một đĩa váng sữa

[14] Cây cột cao bằng gỗ, được trang trí bằng dải lụa hoa, dây bo... theo truyền thống của hầu hết các nước châu Âu

[15] Nguyên văn nghèo như một con chuột trong nhà thờ

[16] Nguyên văn: trong khi các vị thần trên trời vẫn tiếp tục tranh cãi

[17] Old Noll - là biệt danh những người thuộc phái Bảo hoàng đặt cho Oliver Cromwell

[18] Nguyên văn: bồn chồn như một tấm chăn đầy rận ấy

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>